



Sách ấn tống. Không bán.

3 • 2014

ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN

NXB TÔN GIÁO



HUỆ KHẢI CHỦ BIÊN

ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN

TẬP LỢI - GIÁP NGỌ 2014 • 11

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỐNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO



TÔN GIÁO NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Thánh thất Nhơn Ái
Phong Điền, Cần Thơ
Ảnh: Bùi Thụcy Đào Nguyên



Thánh thất Dallas, Texas,
Hoa Kỳ. *Ảnh: Thanh Phong*



Thánh thất New Orleans, Louisiana, Hoa Kỳ. *Ảnh: Thanh Phong*

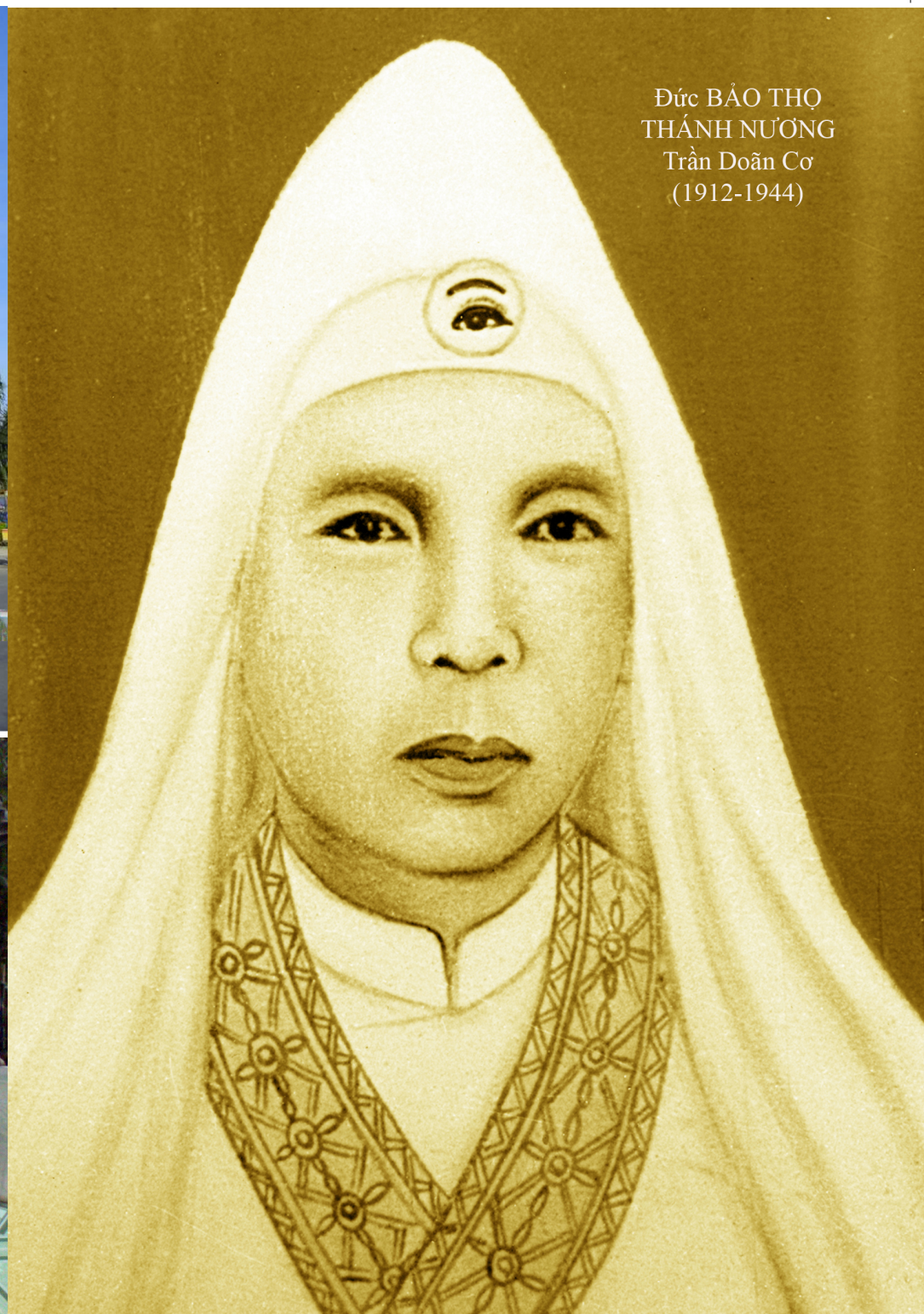




Thánh thất Nhựt Chánh (Bến Lức, Long An)
Hội Thánh Cao Đài Ban Chinh Đạo. *Ảnh tài liệu.*



Tủ sách Chương Trình Chung Tay Ân Tổng Kinh Sách
Đại Đạo tại thánh thất Nhựt Chánh. *Ảnh: H.Kh.*



Đức BẢO THỌ
THÁNH NƯƠNG
Trần Doãn Cơ
(1912-1944)

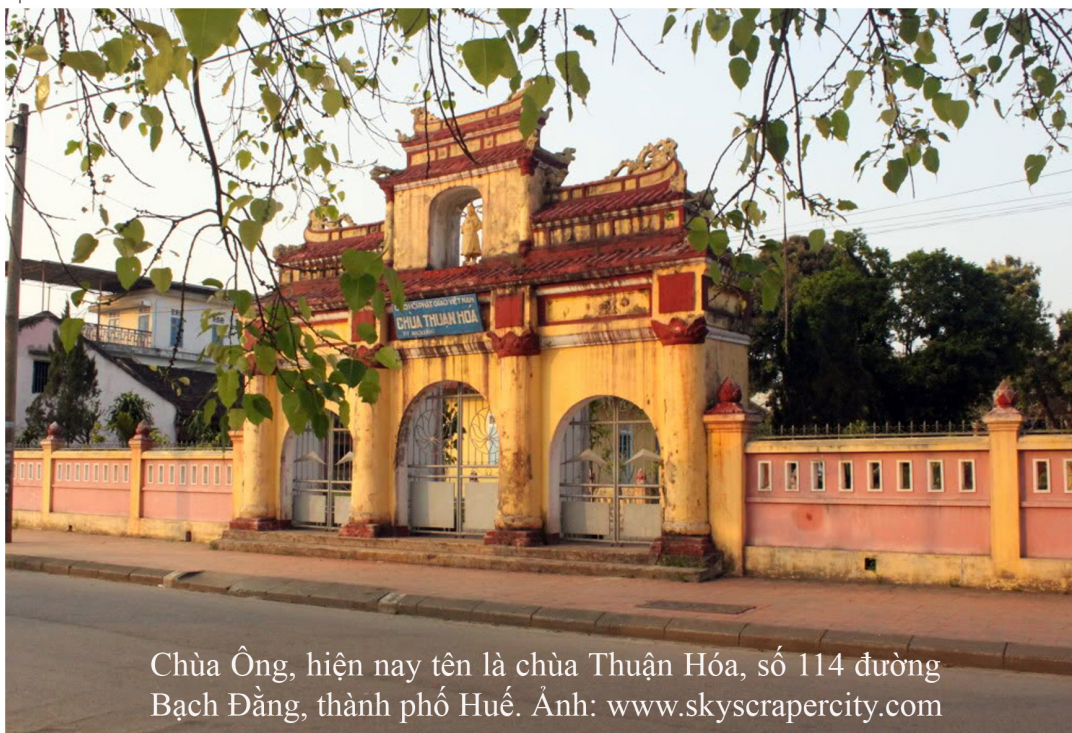


Ảnh: Trương Công Tuấn Phiệt

Lễ Sanh Thái Tân Thanh (1938-2014) quy thiên. Xem trang 240.



Thứ Tư 27-8-2014 (03-7 Giáp Ngọ), nhân kỷ niệm ngày quy thiên của hiền huynh Phạm Văn Kỳ (1934-2010), Phó Hội Trưởng thánh thất Phước Đông, Cần Đức, Long An, Ban Ấn Tổng đã đến thắp hương tại tư thất Phạm gia (thị trấn Bến Lức, Long An). Sau đó, Ban Ấn Tổng được mời đến viếng thánh thất Nhựt Chánh, là nơi đang đặt tủ sách **Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo** để kính biểu đạo hữu địa phương và vùng phụ cận. *Từ phải sang*: Đạt Truyền, Trần Văn Quang, Lễ Sanh Thượng Đồi Thanh (TT Nhựt Chánh), Huệ Khải, Giáo Sư Thượng Liêm Thanh (HT Truyền Giáo Cao Đài), Giáo Hữu Thái Cheo Thanh (Đầu Họ TT Nhựt Chánh), Phó Hội Trưởng Hương Sỏ (TT Nhựt Chánh), Diệu Nguyên. Ảnh: Phạm Văn Tron.



Chùa Ông, hiện nay tên là chùa Thuận Hóa, số 114 đường Bạch Đằng, thành phố Huế. Ảnh: www.skyscrapercity.com



Bức hoành *Trung nghĩa chi tắc* do Minh Vương viết (1714).
Xem bài trang 109. Ảnh: Nguyễn Anh Huy



◀ **Chu Dịch Cứu Nguyên** (1916) của Lê Văn Ngữ (1859-?), nhà Nho đời Nguyễn, 304 trang (21x15cm). *Quốc Lập Đài Loan Đại Học Xuất Bản Trung Tâm* 國立臺灣大學出版中心 (tủ sách *Đông Á Nho Học Tư Liệu Tàng Thư* 東亞儒學資料叢書) xuất bản tại Đài Loan (tháng 5-2011).

GS Ngô Vĩ Minh (Chinese University of Hong Kong), tác giả *Dịch Học Việt Nam Cuối Đời Nguyễn: Tìm Hiểu Chu Dịch Cứu Nguyên* (1916) Của Lê Văn Ngữ. Xem bản dịch của Lê Anh Minh, trang 85. ▼





Thánh thất và điện thờ Phật Mẫu Tân Long (Campuchia)
 Ảnh: Đạt Truyền (tháng 01-2013). Xem bài trang 107.



Trên: Bài thơ ngự chế của vua Tự Đức.
 Dưới: Bức hoành Càn khôn chính khí. Ảnh: Nguyễn Anh Huy
 Xem bài trang 109.



ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo
HUỆ KHẢI *chủ biên*

ĐẠI ĐẠO
VĂN UYỂN
大道文苑

Hiệp tuyển thơ văn đạo lý
Tập LỢI (11) - năm Giáp Ngọ (quý Ba 2014)

Nhà xuất bản TÔN GIÁO
Hà Nội 2014

MỤC LỤC

Giao Cảm – Văn Uyên 4

THÁNH GIÁO

Nữ Phái Trên Đường Tu Thân... – Đức Bảo Thọ Thánh Nương 5
Nữ Phái Dọn Minh... – Đức Bảo Thọ Thánh Nương 13
Nữ Phái Thương Nhau... – Đức Vô Cực Từ Tôn 20
Trung Thu Đức Mẹ Dạy Con – Đức Điều Trì Kim Mẫu 29

KHẢO CỨU / SÁNG TÁC / TRAO ĐỔI

Định Hướng Phát Triển... – Đại diện HTCĐ Tiên Thiên 31
Dòng Đời Xuôi Ngược – Truyền Trạng Thanh Căn 45
Tiền Dừng Ở Cõi Âm – Giáo Sĩ Huệ Ý 67
Ý Nghĩa Hai Chữ Tu Hành – Trần Văn Quang 69
Dịch Học Việt Nam Cuối Đời Nguyễn – Ngô Vĩ Minh, Lê Anh Minh 85
Thánh Thất Tân Long Ở Campuchia – Đạt Truyền 107
Về Địa Danh “Chùa Ông” Ở Huế – Bác Sĩ Nguyễn Anh Huy 109
Học Giả Trần Trọng Kim – Trần Văn Chánh 126
Hôn Lễ Và Đạo Hiếu Theo Nho Giáo – Phùng Hữu Lan, Lê Anh Minh 141
Đạo Hiếu Trong *Hoàng Việt Luật Lệ* – Mai Thị Diệu Thúy 157
Cha Tôi – Nguyễn Duy Chính 163
Tản Mạn Người Mẹ Trong Văn Học – Trần Văn Chánh 175
Chuyện Người Mẹ “Hủi” – Lê Đức Dục, Đức Bình 197
Chín Người Con Ở Khoa Cấp Cứu – Tử La Lan 207
Ý Nghĩa “Cộng Đồng” Và “Công Đồng” – Ngô Bái Thiên 233

THƠ, NHẠC ÁO TRẮNG

Như Là / Đêm Đọc “Mưa Nguồn” / Viếng Chùa 44, 227
– Võ Văn Pho (họ đạo Trung Minh, TpHCM)

Lòng Quê / Gửi Bạn / Mai Sau – Trần Dã Sơn	81, 239,
(họ đạo Trung Phước An, Daklak)	242
Xin Thơ / Thương Ai	82, 83
– Huyền Chơn (Hội Thánh Tiên Thiên)	
Biển Gội / Luân Hồi / Theo Dòng / Rối / Cát Trắng	84, 123, 140
– Huỳnh Văn Mười (họ đạo Nam Trung Hòa)	196, 206
Trước Tượng Gỗ Lũa / Hoa Đồng Tiền Trước Sân	122, 221
– Nguyễn Quốc Huân (họ đạo Trung Nam)	
Nối Tay Chèo – Chim Quyên Phạm Văn Liêm	223
Vào Mùa Đại Hội – Nhương Thị Phan Thương	224
Khúc Mùa – Nguyễn Văn Sanh	226
Mẹ Về – Nguyễn Thị Cúc (họ đạo Trung Sơn, Đà Nẵng)	232
Ước Hẹn / Về Nguyên – Thiện Quang (nhạc)	124, 228
Thắm Tình Xứ Đạo Cao Nguyên – Phạm Văn Liêm	236
Nguồn – Đổng Nguyên (họ đạo Trung Dương)	237

ĐẾN VỚI NHAU

Lá Thư Calgary – Trần Ngọc Hương (Canada)	211
Lá Thư Đồng Nai – Nguyễn Phước Thiện (Định Quán)	213
Lá Thư San Martin – Thiên Ân (California, Hoa Kỳ)	217
Niềm Vui “Bán Bánh Mì” – Dư Thị Bảo Hòa (Tây Ninh)	219
Tìm Nhau – C.T. (họ đạo Trung Thành, Đà Nẵng)	230
Lễ Sanh Thái Tân Thanh (1938-2014) Quy Thiên	240
Gió Bốn Phương – Ban Ấn Tống	243
Kinh Sách Mới In	253
Phương Danh Ấn Tống	257

ĐẠI ĐẠO VĂN UYÊN bản điện tử đã có kể từ tháng 9-2014.
<http://www.tamgiaodongnguyen.com/IE/DaiDaoVanUyen.htm>

ĐẠI ĐẠO VĂN UYÊN tập LỢI (quý Ba 2014) phát hành rộng khắp trong nhà Đạo gồm các bài liên quan mùa Báo Hiếu (rằm tháng Bảy), và mùa Trăng tháng Tám mà con cái Đấng Từ Tôn đều kính thành hướng trọn tâm lòng về Đức Điều Trì Kim Mẫu.

GAO CẨM

Bởi lẽ đó, ngoài những bài nghiên cứu, khảo luận, trao đổi tâm tình với bạn đạo như thông lệ, chúng ta cùng chia sẻ các bài viết về đạo hiếu, tình cha mẹ, tình con cái...

Phần thánh giáo mùa Trăng tháng Tám, kỳ này chúng ta hãy cùng nhau “*học lóm*”. Nói học lóm, vì chúng ta tìm học lời Ôn Trên dạy phái nữ Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài hơn nửa thế kỷ trước. Nhưng xin đừng nghĩ cạn rằng Ôn Trên dạy riêng đối tượng đó vào thời gian đó, nên chẳng “dính lú” tới chúng ta hôm nay, và vì thế mà *bỏ qua* lời vàng tiếng ngọc các Đấng thương yêu huấn dụ, bảo ban.

Thật vậy, khi đã chí thành dốc tâm tu học, dù nam dù nữ, dù ở bất kỳ Hội Thánh, thánh sở nào, ai ai cũng thấy những gì Ôn Trên dạy khuyên đều áp dụng được cho mọi người, mọi lúc, mọi nơi. Biết đặt bản thân mình vào đó mà sửa đổi, trì tu thì thân mình được thánh hóa; bằng bỏ qua thì...

Trên đường dài cùng nương núp nhau tu học và hành đạo, xin cầu nguyện cho nhau được bằng an và thanh tịnh, để tiến hóa tâm linh, để sáng danh Thầy và rạng danh Đạo.

VĂN UYÊN

NỮ PHÁI TRÊN ĐƯỜNG TU THÂN HÀNH ĐẠO

Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 15-8 Đinh Dậu
(Chủ Nhật 08-9-1957)

THI

BẢO pháp độ mình, độ chúng sanh

THỌ quyền lãnh lệnh sớm thi hành

THÁNH tâm giữ vẹn đừng lem ó

NƯỞNG Đạo lánh thân hưởng phước lành.

Bản Nương chào chư Thiên ân chức vụ, chư chức sắc, chức việc, đạo tâm nữ phái.

Bản Nương vâng lệnh Điều Cung đến báo đàn. Lúc còn chờ đợi, Bản Nương xin nói một vài câu chuyện cùng quý hiền tử, hiền muội. Vậy xin mời an vị.

Hôm nay chư hiền muội về đây để dâng lễ Đức Từ Tôn, điều ấy rất mừng. Chúng ta ngay bây giờ cần dọn mình đón lấy hồng ân ngày Trung Thu, kỷ niệm biết bao nhiêu năm trên đường tu thân hành đạo của chúng ta gọi rất nhiều ân phước thiêng liêng.

Hôm nay nữ phái sắp thành hình một Hội Thánh,⁽¹⁾ điều ấy nửa mừng nửa lo. Lo cho bước tiền đồ⁽²⁾ hiểm trở, sức yếu tài hèn, đường xa gánh nặng, không biết chị em chúng mình có đủ nhẫn nại trì thủ⁽³⁾ cái trách nhiệm lớn lao ở ngày mai không.

Bản Nương đòi phen⁽⁴⁾ quỳ lạy Từ Tôn giảm chế tội tình, và trong lúc chị em còn thiếu đức kém tài, không đủ đương vi⁽⁵⁾ sứ mạng, cần được hoãn chậm một thời gian, chờ cho đủ cánh đủ lông⁽⁶⁾ thì mới khởi điều trở ngại. Nhưng cơ Trời đã định, pháp Đạo ban truyền trễ một ngày là hại cho nhơn sanh không ít.⁽⁷⁾ Vì vậy chị em cố gắng phận mình để tròn câu phở độ.

Chị em ôi! Hội Thánh Trung Tông⁽⁸⁾ đây bước vào cảnh

HUỆ KHẢI chú thích (17-8-2014):

⁽¹⁾ Thật ra, về sau Đức Từ Tôn hoãn lại; đến nay Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài chỉ mới lập thành *Cơ Quan Nữ Phái*.

⁽²⁾ **Tiền đồ** 前途: Con đường phía trước; tương lai.

⁽³⁾ **Trì thủ** 持守: Nắm giữ chặt, không buông bỏ, không bỏ cuộc.

⁽⁴⁾ **Đòi phen**: Nhiều phen, lắm lần.

⁽⁵⁾ **Đương vi** 當爲: Nhận lãnh, gánh vác.

⁽⁶⁾ **Đủ cánh đủ lông**: Đủ sức lực, tài năng và trí tuệ để tự lo liệu.

⁽⁷⁾ Đức Chí Tôn dạy: “*Đạo phát trễ một ngày là một ngày hại nhơn sanh.*” *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I, đàn 22 rạng 23-4-1926 (11 rạng 12-3 Bính Dần).

⁽⁸⁾ **Hội Thánh Trung Tông**: Nên hiểu là Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài ở miền Trung.

cùng lối tận. Cùng tận đây không phải là hết đường, mà là cơ thử vượt một đề thi để Hội Thánh thi. Như người đi tàu lúc ban mai bị sa mù không biết đâu phương hướng nên tài công⁽⁹⁾ cho mũi quày lại đường sau, vì tài công quên coi địa bàn, cũng như Hội Thánh quên coi thánh ý. Nhưng không bao lâu sẽ được ánh mặt trời bắn ra thì sa mù tan rã.

Chư Thiên ân tâm đức đều lấy làm lo cơ khảo thí lan rộng, chúc quý ma đương tung hoành gài chông đặt bẫy.

Than ôi! [...] máy Tạo mầu vi làm sao biết được. Chúng ta lấy đời mà xét, mượn việc mà so.

Đã cấp sách vào trường, người học sinh học các môn theo chương trình giáo dục, thầy lúc nào cũng chuyên cần tận tụy chỉ bày. Trò muốn hỏi lời chi, thầy không giấu giếm. Trò còn tò mò hiểu biết, thầy lại vui sướng ngợi khen, chỉ vẽ đủ điều, dạy khuyên hết mức, giữa thầy trò thân mật vui tươi. Nhưng đến lúc sát hạch thầy rất nghiêm minh, chẳng chỉ một lời. Trò muốn hỏi, bị la rầy là khác. Tại sao vậy? Lúc học, lúc thi không phải một, nên đề tự học trò tìm lấy. Nhưng không một đề tài nào đưa ra sát hạch mà không dạy trước.

Cũng như kẻ giấu [món vật], bắt mọi người đi tìm. Đã nói giấu thì không phải để trước mặt, trên đất, mà chôn dưới hang, vùi trong rác, để nơi xó bụi kẹt bờ. Người nào kiếm được thì được ban khen, để cũng biết cái tài lanh lẹ. Chớ lẽ nào kẻ kiếm mà đi hỏi người giấu để đâu. Vì vậy

⁽⁹⁾ **Tài công:** Người cầm lái tàu, thuyền.

bước Đạo lúc khảo thí cũng như lúc thi ở nhà trường, sự thiệt hư là cơ mầu nhiệm, ai biết thấu lẽ huyền vi!

Bản Nương muốn nói, người tìm Đạo nên nhắm ngay vào đích mà đi tới, đừng nên dòm hành, trông ngó những gì chung quanh trước mắt mà lạc lối hoa tiêu.⁽¹⁰⁾ Vì nhiều người không ngó đích mà ngó cái gì đó, thấy không phải rồi thối lui; hoặc chướng ngại cản ngăn, trông vào lòng ghê sợ gớm nhồm, không vượt qua để đạt đích.

Cái vật quý nào muốn đem ra cho người, mà người lấy được là người phải có chí. Vật quý không ở chỗ dễ tìm mà ở vào chốn bụi rậm, thác sâu hay có khi ở trong đồng bần, nếu sợ bần thì không lấy được của quý.

Về phận sự, chị em còn nhớ lời lý giải của Quan Âm lối vắn quốc ngữ không? Người cho ta biết rằng kẻ hành đạo không vì thân vì danh mà vì quyền pháp. Đôi khi phụ âm⁽¹¹⁾ đứng trước cũng đôi lúc đứng sau, có khi cả trước cả

⁽¹⁰⁾ **Hoa tiêu:** Người đi trước dẫn đường cho tàu thủy hay máy bay đi sau theo đúng lộ trình an toàn.

Ở đây *hoa tiêu* ám chỉ thánh ngôn chơn truyền dẫn đường dắt nẻo cho người tìm Đạo. Nếu không căn cứ theo chơn truyền thánh giáo mà lại tò mò ngó quanh ngó quắt, người tìm Đạo sẽ mất dấu hoa tiêu, lạc nẻo lầm đường, ắt phải rơi vào cạm bẫy.

⁽¹¹⁾ **Phụ âm** (tiếng Anh: *consonant*; tiếng Pháp: *consonne*): Phụ âm được ghi bằng các chữ cái như: B, C, D, F, G, H, J, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, V, W, X, Y, Z.

Để tạo ra một chữ, phụ âm đứng trước, hoặc đứng sau, hoặc vừa đứng trước vừa đứng sau một nguyên âm. Thí dụ: AN, NA, NAN / EM, ME, MÉM / IM, MI, MÍM / ƠN, NỎ, NỎN / ỤT,

sau để thành sự việc. Như *T*, *A*, là *TA*, thì chữ *T* đứng trước. Mà *AT* thì chữ *T* đứng sau. Có khi cả trước cả sau như *TÁT*. Tùy theo lời, theo tiếng, theo câu mà sắp. Ý nghĩa ra sao, các hiền muội hiểu không? Ví như kẻ tu lâu mà vẫn tìn đồ, người mới vào đạo mà ân phong quyền tước, vì là để cho được việc [...].

Nên kẻ vào đạo đừng nên nề hà câu chấp mà hồng công phu. Có tiếng cả sáu, bảy chữ; có tiếng một vài chữ, cũng như phần hành đạo có ngành đông, hay có ngành một vài chị em cũng đủ.⁽¹²⁾ Đôi lúc chị phải nhường cho em, đôi lúc

TU, TỤT... Năm chữ cái *A, E, I, O, U* dùng ghi năm nguyên âm [a, e, i, o, u].

Thánh giáo trên đây mượn vị trí phụ âm kết hợp nguyên âm để tạo thành một chữ nhằm giải thích mối quan hệ người với người trong một tổ chức.

Trong tổ chức nào cũng có người tốt, người giỏi (ví như *nguyên âm*) và cũng có người xấu, người dở (ví như *phụ âm*) kèm theo. Do đó không tránh khỏi trường hợp người xấu, người dở lại chiếm vị trí phía trên, phía trước (hoặc bao vây luôn cả phía trước và phía sau) người tốt, người giỏi.

Nếu đòi loại bỏ hết người xấu, người dở ra khỏi một tổ chức thì không thể được; cũng như không thể tạo được những chữ có đủ ý nghĩa mà chỉ muốn dùng rất rộng năm nguyên âm, loại bỏ tất cả các phụ âm kèm theo.

Tương tự, trên bàn tay vừa có cả ngón dài lẫn ngón ngắn; trong rừng thì có cả cây cao, cây thấp và cây lớn, cây nhỏ.

⁽¹²⁾ Thí dụ, chữ *MỆ* ngắn (hai chữ cái); chữ *THIỆNG* dài (sáu chữ cái). Cũng vậy, một tổ chức có thể có rất ít nhân sự hoặc rất nhiều nhân sự.

em không nên cao vọng. Vì sao? Vì cần cho nên việc, nên lời [...]. Đôi lúc cần phải đem người không làm được việc mà ngồi ngang nhau cũng như tiếng Tây có nhiều chữ cam mà phải có.⁽¹³⁾

Vì vậy chị em lúc đương xây dựng Hội Thánh đừng nên chấp nứt gây điều rối loạn. Ví như em nào đó phạm phải giới luật mà biết nâng đỡ thì nó vui sướng ăn năn, lập công hành đạo chuộc lấy tội xưa. Nếu không biết nâng đỡ thì mất người, uổng công dạy dỗ.

Vậy nhớ những lời của Bản Nương dưới đây.

Người ta ai cũng thọ bẩm tánh Trời. Tánh ấy ví như nước. Nước rất thẳng bằng thanh tịnh. Nước đã tách khỏi nguồn có dòng đục dòng trong. Nước sao người ta trông thấy muốn uống muốn gọi, quý trọng cần thiết. Còn nước sao trông thấy đã nhèm, tẩm vào thêm ngứa xót, sanh phong⁽¹⁴⁾ hóa ghê, có thứ chẳng dám sờ chơn.⁽¹⁵⁾

Người ta cũng vậy. Người sao mà kính vì,⁽¹⁶⁾ gần rất yêu

⁽¹³⁾ Thí dụ, tiếng Pháp, chữ *hôtel* (khách sạn) có *h* là chữ câm (không phát ra âm thanh), nên đọc là [ô-tel]. Nhưng không thể vì thấy *h* câm mà có thể bỏ nó đi. Bởi nếu bỏ đi, thì *otel* không còn ý nghĩa nữa. Ở đây, Đức Thánh Nương ví người “*không làm được việc*” trong một tổ chức với một chữ câm trong một chữ (một từ).

⁽¹⁴⁾ **Phong:** Phung, cùi, hủi. Ở đây có nghĩa là các bệnh ngoài da.

⁽¹⁵⁾ **Sờ chơn:** Lấy ngón chân chạm vào.

⁽¹⁶⁾ **Kính vì:** Kính trọng, nể nang.

xa rất nhớ. Người sao không muốn ngó, chẳng dám kè.⁽¹⁷⁾

Nước đục muốn cho nó trong thì nên gạn lọc. Người xấu muốn nên người tốt không phải mủi mắt nhét tai,⁽¹⁸⁾ mà chủ yếu lấy tai lấy mắt chế ngự ý tình. Người không nên nóng nảy, nóng nảy thì khô cạn tâm linh. Cũng như nước đun sôi, hơi bốc lên toàn là phần tinh túy, dưới nồi còn cạn bã.

Chị em nên biết rằng sống giữa buổi đời mạt pháp may gặp chơn truyền ráng mà tu, tránh tai tránh họa. Ta xét coi người ở thế này có khác chi gà ở trong giỏ, bị treo cánh cột chân đem ra giữa chợ, vào chảo nước sôi chưa biết giờ nào, mà chúng thấy gì đâu! Hễ thấy lúa bỏ vào, thì đua giành nhau, thóc đầy điều mà cắn xé hơn thua từ hột. Khổ thay! Chắc chị em mình không như thế được. Ta phải ngó xa xa tí nữa để lánh côi điều tàn, một kiếp không tu muôn đời đọa lạc.

Hôm nay Hội Thánh đã giúp đỡ chị em đi đến ngày thành lập, ráng chung lo với nhau, đừng nói chỗ này chỗ nọ, người dở người hay, vị thân vị kỷ,⁽¹⁹⁾ mà phải đi trên mục đích của pháp quyền thành lập mà thôi.

Lẽ thiệt hư khó biết. Hư hóa thiệt, thiệt lại hư, là then

⁽¹⁷⁾ **Kè:** Gần kè.

⁽¹⁸⁾ **Mủi mắt nhét tai:** Móc mắt để khỏi nhìn thấy, bít tai để khỏi nghe thấy.

⁽¹⁹⁾ **Vị thân** 爲親: Vì người thân thích, bà con. **Vị kỷ** 爲己: Ích kỷ, vì bản thân mình.

chốt âm dương biến hóa để lọc lừa thánh đức, ngăn che phạm phư. Ta nhớ đừng cao ngôn phạm thượng.

[...]

Bản Nương chào chư Thiên ân. Thắng.

(Nguồn: *Thánh Truyền Trung Hưng*)

THÁNH THI

Một năm rồi lại một năm cùng
Giác mộng chưa tàn miếng đỉnh chung
Tráo chác nghĩ thương đời loạn lạc
Mưu mô càng xốt đạo lao lung
Bình thơ khéo gọi chàng Ngô khật
Đồ trận giao chi chú Ngụy khùng
Hãy đến non Tiên tìm Lão Hủ,
Mới tường đầy nước ản giao long.

Đức **NHƯ Ý ĐẠO THOÀN CHƠN NHƠN**

Vĩnh Nguyên Tự

(xã Long An, quận Cần Giuộc, tỉnh Long An)

Ngọ thời, 03-12 Quý Mão (Thứ Sáu 17-01-1964)

NỮ PHÁI DỌN MÌNH TRÊN ĐƯỜNG TU HÀNH GIẢI THOÁT

Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 14-8 Mậu Tuất
(Thứ Sáu 26-9-1958)

THI

***BẢO** nhau giữ lấy mối thân hòa*

***THỌ** nhiệm pháp quyền phải thiết tha*

***THÁNH** Mẫu từng phen khuyên dạy bạn*

***NƯỞNG** thuyền bát nhã thoát mê hà.⁽¹⁾*

Bản Nương chào chư Thiên ân. Chào chư chức sắc và chư đạo muội.

Giờ này nơi Tây Cung, Từ Mẫu tiếp được lời cầu của quý hiền muội liên cho Bản Nương truyền lệnh. Ngày Trung Thu đến đây là ngày tươi đẹp hân hoan mà toàn thể nhơn loại đều thọ lấy hồng từ⁽²⁾ nhuận lòng⁽³⁾ thanh tịnh, ngày mà chư quý muội đón mừng quyền pháp, đón lấy tình

HUỆ KHẢI chú thích (17-8-2014):

⁽¹⁾ **Mê hà** 迷河: Sông mê; cõi trần gian.

⁽²⁾ **Hồng từ** 洪慈: Tình thương bao la.

⁽³⁾ **Nhuận lòng**: Tầm nhuận cho lòng mát mẻ, trau sửa cõi lòng.

yêu thương nồng hậu của bà Mẹ hiền từ hằng yêu mến tận độ chúng sanh.

Chúng ta gấp rút dọn mình, đem lòng thanh sạch làm của lễ chúc mừng, cầu lấy từ bi tha thứ dần con vì nghiệp duyên từ lâu phạm tội bất hiếu bất tuân đối với quyền uy cao cả.

Với lòng nhân từ cứu độ, Đức Từ Tôn không nề khó nhọc dịu dặt dần con đến ngày giác ngộ. Ngày quý chị em được sáng suốt rồi, chị em càng áy náy sợ sệt vô cùng trước quyền pháp Thiên điều, ăn năn đau đớn từng giờ, nhớ lại những ngày này làm phiền nhọc đến Thiêng Liêng cao cả. Bây giờ các Đấng trên xanh kia hằng lấy lòng từ bi chịu theo ý muốn chị em, lần hồi khai thị⁽⁴⁾ trên đường thánh đức.

Chị em muốn gì, ung gì, Thầy Mẹ cũng chịu theo, miễn chị em biết tu là lòng từ bi sung sướng. Việc đời mỗi lúc mỗi đổi thay, bước đạo mỗi thời mỗi tỉnh minh⁽⁵⁾ giác ngộ. Ta phải khắc phục tất cả các tội lỗi để đẹp lòng Thầy, để tròn thiên chức và bổn phận, đừng khư khư ôm chặt thói quấy nơi mình, thấy Thầy Mẹ thương yêu mà có bề nững nịu.

Khi đã giác ngộ quyền pháp chị em càng e dè không sợ. Một ý niệm, một cử động theo ý mình cũng không hề dám

⁽⁴⁾ **Khai thị** 啓示: Dạy cho người hết vô minh; hé lộ, dạy cho con người biết lẽ bí ẩn, nhiệm mầu.

⁽⁵⁾ **Tỉnh minh** 精明: Sắc sảo, sáng suốt.

dễ duôi. Mà ngày ấy thì Thầy Mẹ càng la rầy, không phải như lúc [chị em] còn mê vọng.

Hôm nay chị em ta đã bước lên giai đoạn quyền pháp chính tu, nhất thiết phải tôn trọng ơn dày, không theo ý mình hay ý bạn, mà phải vâng nghe lời dạy của các bậc hướng đạo Thiên ân, các Đấng quyền năng sai khiến.

Vậy từ nay đã để chơn ⁽⁶⁾ trên đường giải thoát tìm về sự sống tự do, chị em ta phải nhận chân giá trị con người, sớm diệt lòng ham muốn thế gian.

Sở dĩ chịu lấy thống khổ mãi trong kiếp luân hồi, thế giới đao binh, cuộc đời đói rét, xã hội bất bình, loài người thù ghét rẽ chia, con người sống không yên ổn, pháp phòng lo sợ từng giờ từng phút cho tai họa của hoàn cảnh, thời gian đưa lại, trời đất nổi cơn phong vũ lôi đình, ⁽⁷⁾ thân phận ma đau lù đến, ⁽⁸⁾ đó toàn là tai họa của đời do các cảnh tượng và trạng huống sinh tồn, trái mặt đôi đường ⁽⁹⁾ của thế sự.

Trạng huống hay cảnh tượng của đời có ra sao là ở lòng người ham muốn. Bởi ham muốn mà đời mới phân ra đen trắng nhục vinh. Bởi ham muốn mà tạo cho cảnh đời nay chìm mai nổi, kẻ khóc người cười. Bởi ham muốn mà nhơn

⁽⁶⁾ **Để chơn**: Đặt chân.

⁽⁷⁾ **Phong vũ (vũ) lôi đình** 風雨雷霆: Gió mưa sấm sét.

⁽⁸⁾ **Ma đau lù đến**: Con ma bệnh tật lù lù tìm đến.

⁽⁹⁾ **Trái mặt đôi đường**: Hai nẻo trái phải, sai đúng; tức là lẽ nhị nguyên.

tình mới gây nên đậm lợt ghét thương. Thời gian di dịch, ⁽¹⁰⁾ lòng người cũng thiên sai vạn biệt, ⁽¹¹⁾ nhờ râu ông nọ, cắm cằm bà kia!

Ôi! Lỗi bởi ham muốn mà xáo trộn cả một cuộc trật tự thiên nhiên, cả một hệ thống an toàn cho nhơn loại. Ham muốn gây nhiều tai hại cho thời gian, không gian đời trước, đời nay, mãi cho đến đời sau. Tam thế nhơn quả ⁽¹²⁾ nín kéo, con người muốn thôi không được, muốn dứt không rồi, cứ luẩn quẩn loanh quanh trong trường ảo hóa.

Chị em cũng từng trong cảnh khổ đó rồi. Cảnh khổ đó bởi mình vun đắp nó thêm kiên cố, đào xén nó thêm sâu thẳm, hiểm nghèo. Lòng ham muốn đã gieo trồng khắp đất. Rễ đã sâu, cây đã lớn, muốn nhổ cũng không lên, mượn người nhổ không được, mượn nhiều người nhổ cũng không được, vì rễ thâm gốc lớn, nó được vun đắp lâu ngày, bây giờ đã choán đất lấp đường làm một vật chướng ngại. Muốn phá đi phải dùng đến rìu búa. Nhờ rìu búa mới hạ được, cuộc xuống mới đào được.

Vậy phải công phu bằng quyền pháp, ân đức bằng điển quang, sức mạnh ở lòng giác ngộ. Lòng đã tạo nên điều không đẹp lòng Thầy thì lòng bây giờ cũng phải ăn năn dọn bao tội lỗi.

⁽¹⁰⁾ **Di dịch** 移易: Thay đổi, đổi dời.

⁽¹¹⁾ **Thiên sai vạn biệt** 千差萬別: Vô vàn sai biệt; khác nhau rất nhiều.

⁽¹²⁾ **Tam thế nhơn quả** 三世因果: Nhân quả ba đời (quá khứ, hiện tại, vị lai).

Chị em hãy dừng bước nơi đây, quay đầu trở lại, đừng còn mơ mộng chuyện đời, chấm dứt lòng dạ ham muốn thì vạn sự thành công. Làm được việc lớn lao giải thoát, tìm đến tự do là chỉ chấm dứt lòng ham muốn. Chấm dứt được là hòa bình tự do. Không chấm dứt được chẳng khác nào biển trần còn sóng gió.

*Bởi mình ham muốn, bởi mình tham
Muốn bởi mình tham, phải lộn phàm
Tham phải lộn phàm cam thống khổ
Phàm cam thống khổ bởi mình ham.*

Bây giờ đây Bản Nương xin mừng chúc quý chị em mạnh khỏe để tu, để làm tròn thiên chức sứ mạng, để lo phương cứu chuộc loài người để đẹp lòng Thầy Mẹ.

Thế gian người ta chúc nhau bằng mạnh khỏe. Bản Nương cũng mừng chị em hằng mạnh khỏe, nhưng chữ mạnh khỏe người ta biết dùng mà không biết ý nghĩa của nó. Mạnh là hơn người, khỏe là hơn mình. Hơn người là hơn cái gì? Hơn mình là hơn làm sao?

Hơn mình là làm chủ được mình, điều khiển được thất tình lục dục, khiến sai ý chí theo lẽ phải điều lành. Chị em có khỏe được mới sai sử, ngự chế lòng dục nơi mình. Lòng dục đã yên lặng rồi, thì con người mới khỏe. Người được khỏe thì sáng suốt làm những điều thiên nhiên, mà sai sử tự nhiên.

Người của ta muốn khỏe là trước hết dừng bước ham muốn đi, làm chủ lấy tình ý mắt tai đi, khép buộc thân mình

vào khuôn đạo đức đi, không đón tiếp cảnh sắc bên ngoài nữa làm bận rộn lòng không thanh tịnh. Được vậy thì lòng mình yên lặng. Yên lặng được thì khỏe khoắn. Khỏe khoắn rồi mới gánh vác được trọng nhiệm quyền pháp mà thay Trời làm đạo.

Mạnh là hơn người, nghĩa là không chịu nô lệ cho thói đời, mặc cho người cám dỗ, thắng được hoàn cảnh khổ đau, trước bao nhiêu ngăn trở mà không thối bước.

Vậy chị em ráng cầu nguyện đón lấy ngày Trung Thu mà dâng lễ tiếp hồng ân Mẹ sẽ về dạy.

Bây giờ nói đến Đoàn Giải Thoát,⁽¹³⁾ Bản Nương có ý làm sao xây đắp cho được tâm nguyện. Tâm nguyện mà vững thì chí hướng được tròn. Bây giờ chị em muốn gì, ưng gì mà lòng giác ngộ chưa có thì cái ưng cái muốn của mình cũng là ưng muốn cho tình dục. Mà tình dục gốc [ở] vô minh. Vô minh rồi, có muốn có ham cũng kết quả bằng phiền não. [...]

Vì vậy sự giải thoát đòi hỏi ở lòng giác ngộ của chị em một con đường rõ rệt. Con đường ấy cuối cùng là trọn được tự do. Nên bây giờ chị em còn thời gian soát xét. Nếu quyết đi, phải dẹp bỏ gánh đời trên vai, đi tay không cho khỏe. Đừng dùm dề mang xách theo làm gì mà nặng nề mệt xác rồi một quãng xa cũng hất bỏ bên lề. Vì đời là âm nên đời

⁽¹³⁾ Nữ phái Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài có Đoàn Giải Thoát Bảo Thọ (cho các chị chưa từng lập gia đình) và Đoàn Giải Thoát Chơn Giác (cho các chị đã lập gia đình).

phải nặng, mà Trời là dương chứa chất nhẹ nhàng, nặng thì làm sao đến đó? Ta phải bỏ hết mà đi, bỏ sợ đối sợ nghèo.

Chị em thành kính đón lời giáo hóa của Đức Từ Tôn trong ngày Trung Thu xán lạn.

Thôi, Bản Nương chào.

(Nguồn: *Thánh Truyền Trung Hưng*)

THÁNH THI

Bàn cờ thế giới sắp chưa xong
Nẻo tắt đường quanh nặng gánh gồng
Hạc nội mây ngàn trời rọi nước
Lân châu gió phẩy đất liền sông
Căn lành mau bước về ngôi vị
Quả nặng e khi vướng bụi hồng
Ai trí, ai tài, ai biết đạo
Trường thi khá lập được nên công.

Đức **NHƯ Ý ĐẠO THOÀN CHƠN NHƠN**
Huần Cung Đàn (Tam Giáo Điện Minh Tâm)
14 rạng 15-01 Tân Sửu
(Thứ Ba 28-02 rạng Thứ Tư 01-3-1961)

Thánh giáo

NỮ PHÁI THƯƠNG NHAU TRÊN ĐƯỜNG TU GIẢI THOÁT

Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 15-8 Mậu Tuất
(Thứ Bảy 27-9-1958)

THI

BẢO ⁽¹⁾ lấy lòng thành lập quả công
THỌ kỳ ⁽²⁾ thánh đức gọi ân hồng
THÁNH tâm mới được gần Tiên Phật
NƯỞNG tựa cùng nhau được mận nồng.

Bản Nương chào chư Thiên ân. Chào chư hiền muội.
Thành tâm chính đàn đón tiếp Từ Tôn giá ngự. Bản Nương
xin xuất cơ hộ đàn.

TIẾP ĐIỀN

THI

VÔ lượng từ bi độ chúng sanh
CỰC lòng vì trẻ bỏ không đành
TỪ nay Mẹ dạy con tuân giữ
TÔN trọng pháp quyền chớ ghét ganh.

HUỆ KHẢI chú thích (18-8-2014):

⁽¹⁾ **Bảo** 保安: Giữ gìn.

⁽²⁾ **Thọ** (thụ) 受: Nhận lãnh. **Kỳ** 奇: Tốt đẹp khác thường.

Mẹ mừng các con.

Hôm nay ngày vui mừng được trông thấy lòng yêu mến của đám con hồi hướng theo về với Đạo. Nơi đây cũng như mọi nơi khắp trong nền Đạo. Các con giờ này được sung sướng dâng lễ chúc tụng công đức của Mẹ. Mẹ vui mừng đón lấy lòng thành và ban ơn cho mỗi đứa.

Nơi đây năm này cũng như mọi năm về trước đều thiết lễ cầu nguyện, đặc biệt hơn là các con đủ mặt với lòng ưu tư hối hận lỗi lầm. Mẹ từ bi ban phước cho mỗi con khắp trong các cấp, các tỉnh gọi ơn thanh tịnh.

Mẹ cho phép các con ngồi nghe dạy.

Nơi Hội Thánh Truyền Giáo này, đối với hồng ân các con đã tiếp được nhiều ơn phước. Nhưng gần đây các con lâm vào cơn khảo đảo, lòng không yên, trí không vững, lại thêm mưu chước tà quyền đã dẫn dắt các con đi trên đường chông gai hiểm trở.

Thầy Mẹ động lòng thương, không nỡ để các con lầm lỗi không ngày trở lại, nên Mẹ đã cho Cửu Nương, chư Thánh đến cùng nơi đây điều độ, ngăn bước tà quyền, khảo thị⁽³⁾ lòng con biết lo âu và khắc phục các lỗi lầm trở về cùng Mẹ.

Cũng vì cơ khảo đảo làm cho lòng con đôi lúc phân vân, thiếu phần tin tưởng, nên hồng ân thành lập Hội Thánh nữ

⁽³⁾ **Khảo thị** 啓示: Dạy cho người hết vô minh; hé lộ, dạy cho con người biết lẽ bí mật nhiệm mầu.

phái đình đãi,⁽⁴⁾ chờ lúc nào các con nhận thấu giá trị quyền pháp sứ mạng thì Mẹ sẽ giao cho mà điều đình nội bộ.

Các con hôm nay đã mang nơi mình một trọng trách, phải làm thế nào cho xứng đáng người Thiên ân, để được quyền pháp sáng tỏ, danh Đạo thêm rực rỡ, thế lực con được mọi người kiêng nể.

Con đã giác ngộ lập tâm hồi hướng về Thầy, đã thấy con đường thế gian khúc khuỷu hiểm nghèo đưa con vào nơi khốn nạn. Con đã dừng chơn quày đầu tìm lại nguồn sống an lành, chỗ tự do thật sự, thì con phải luôn luôn dũng mãnh. Dù ma quỷ có trêu nhử cũng đừng vì mùi ngon thơm của chúng, trong có lưỡi câu ngạnh bén, tấp vào khó bề vũng vầy thoát ra.

Mẹ dặn từ nay muốn tránh sự lừa phỉnh cám dỗ của yêu ma thì lòng giữ cho thanh tịnh. Lòng được thanh tịnh thì sự liên lạc cùng Mẹ rất dễ dàng. Lòng ấy mãi yên lặng thì trí tuệ phát hiện, Quyền pháp sáng rõ, người con được nhẹ nhàng khỏe khoắn, lo gì quả vị Thần Tiên không đạt.

Hôm nay các con sắp bước vào đoạn đường khó khăn. Đoạn đường từ khi Thầy Mẹ đã trao cho các con một gánh nặng, con cần gắng lấy cho đến nơi, thì phần thưởng được xứng đáng, bù lại những ngày khó nhọc.

Nếu con nào bỏ gánh giữa đường, không hết lòng giữ lấy thì đừng trách Mẹ không thương và chỉ bảo. Con phải lên

⁽⁴⁾ **Đình** 停: Ngừng lại. **Đãi** 待: Chờ đợi.

đường với bao nhiêu nhiệm vụ mà sứ mạng đã gán vào mình. Đó cũng là một dịp lập công. Con cố gắng thì ơn phước được nhiều, vì trong giai đoạn khó khăn mà Mẹ biết con làm được. Con làm sao cho chị em con mãi sống trong lòng Mẹ.

BÀI

*Hồng ân Mẹ đã ban cho
Đường tu Mẹ đã dẫn dò từ đây.*

*Các con ôi! Đừng gây đừng gổ
Ráng thương nhau điều độ lẫn nhau
Chị em kẻ trước người sau
Núi nương mà bước mau mau về Thầy.*

*Từ nay con vui vậy tu học
Dù phải con mệt nhọc đừng than
Chị em phải trái luận bàn
Xa gần thân ái liên đoàn lại đi.*

*Đoàn Giải Thoát⁽⁵⁾ kịp kỳ xây dựng
Lo làm sao đứng vững không nghiêng
Làm sao trọn giữ pháp quyền
Có tay lèo lái con thuyền tới nơi.*

⁽⁵⁾ Nữ phái Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài có Đoàn Giải Thoát Bảo Thọ (cho các chị chưa từng lập gia đình) và Đoàn Giải Thoát Chơn Giác (cho các chị đã lập gia đình).

*Giải thoát được cửa Trời chờ đón
Giải thoát rồi thân gọn nhẹ nhàng
Đường tu vững chắc bình an
Tự do hưởng trọn Niết Bàn yên ngôi.*

*Nếu lập chí tu rồi đâu khó
Lòng nhẹ không sáng tỏ như như
Nghiep duyên phải sạch bấy chừ
Dem thân gánh đạo độ người trăm luân.*

*Giải thoát được là Thần là Thánh
Giải thoát rồi nhẹ gánh trần ai
Bốn tường⁽⁶⁾ đã được đứng ngoài
Sống trong cảnh tục mắt tai được thuần.*

*Người làm chủ lấy thân⁽⁷⁾ là quý
Lánh bụi đời vong kỷ duy tha⁽⁸⁾
Coi trong bốn biển một nhà
Lòng thương sanh chúng thiết tha cứu đời.*

Trong Giáo Hội có người cáng đáng⁽⁹⁾

⁽⁶⁾ **Bốn tường:** Sắc (sex), tài (tiền bạc), tửu (rượu, nhậu nhẹt), khí (hút sách, ma túy) là bốn thứ trói buộc, làm con người mất tự chủ, giống như nhốt người trong bốn vách nhà tù, mất tự do.

⁽⁷⁾ Làm chủ lấy thân mình, không để cho ngoại cảnh và lục dục thất tình sai khiến, tác động.

⁽⁸⁾ **Vong kỷ duy tha** 忘己惟他: Quên lợi ích riêng mình mà nghĩ tới lợi ích của người khác.

*Xứng vai tuồng Thiên mạng hồng ân
Công lao quyền pháp lãnh phần
Giúp đời mở Đạo quên thân mới thành.*

*Các con gắng tu hành đến đó
Muốn thành Tiên chịu khó đi con
Mê đời trí tuệ hao mòn
Biết tu công hạnh được tròn phước duyên.*

*Đừng dụ dục, lợi quyền dẫn dắt
Đừng đắm mê bị chệch khó về
Luôn luôn nhớ lấy lời thề
Giới quy giữ vẹn chớ hề đổi thay.*

*Này con ôi! Từ nay cố gắng
Một lòng tu cho đặn về ngôi
Bấy lâu con khổ lắm rồi
Điều Cung lòng Mẹ đứng ngồi không yên.*

*Hôm nay con pháp quyền được gấn
Sớm chiều lo chiến thắng nội tâm
Ý tình dẫn dắt sai lầm
Ngự kèm tham dục chăm chăm nhớ Thầy.*

*Mang tràng hạt nơi tay trì niệm
Tối sớm thường kiểm điểm thân tâm*

*Lỡ ra phạm phải lỗi lầm
Mau mau cải hối để tâm nhẹ nhàng.*

*Đừng hơi đâu luận bàn thế sự
Chuyện thị phi lành dữ ngoài tai
Để lòng thanh tịnh hôm mai
Đón chờ ơn phước Cao Đài Thầy ban.*

Này các con! Bước đạo nữ phái năm nay, về quyền pháp mỗi con ráng lo tròn lấy thân phận mà lo gánh lấy nhiệm vụ nhơn sanh. Bước đường còn khó khăn thì lòng mình phải quyết chí.

Công việc còn nhiều nữa mới đi đến ngày hoàn thành lập pháp. Các con thiếu vai gánh vác, nhưng chuyện đó không lo, mà con lo làm sao cho mỗi con công được đầy, hạnh được xứng, giữa nhau thân mật cậy tin. Các chức vụ mỗi nơi hết lòng, bổn phận tròn xong thì lo gì ngày vinh quang không đến.

[...]

Mẹ hôm nay muốn nói cùng các con về ý nghĩa chữ *Thầy* và *Mẹ*. Các con biết gọi mà không tìm được nguyên lý của nó. Mà các con phần lớn trong Đạo đã biết gì ⁽¹⁰⁾ hai chữ đó!

Nói đến tiếng *Mẹ* thì phần nhiều đưa cho *Mẹ* là *Mẹ* của nữ phái mà không tìm hiểu trời đất vạn vật chỉ có khí này là

⁽⁹⁾ **Cáng đáng:** Gánh vác công việc.

⁽¹⁰⁾ **Đã biết gì:** (Nào) đã biết gì.

Mẹ, khí này mà các con gọi là *Vô Cực Từ Tôn*, vạn hình nương đó. Chỉ có Mẹ mới có đầy đủ lòng yêu thương, nói lòng yêu thương thì không ai hơn là Mẹ. Vì vậy mà từ lâu Mẹ hằng phân thân hóa độ khắp các nước mà độ dẫn các con.

Hôm nay Tam Kỳ Phổ Độ thiết lập, chuyển nguơn tiêu diệt trở lại nguơn bảo tồn tái tạo. Các con hườn sinh là ngôi Mẹ. Mẹ là lòng yêu thương. Các con phải trở về sống trong lòng Mẹ thì được bình an vĩnh cửu. Mà muốn trở về sống trong lòng Mẹ thì phải nương lấy Pháp là *Thầy*.

Không *Thầy*, làm sao thoát được mê đồ ra ngoài khổ hải! Nên người đời nói không thầy đồ mầy làm nên. Vì vậy mà có quyền pháp, có quyền pháp nên tượng hình Vô Cực, Thái Cực để chỉ cho con thấy cơ mầu nhiệm ở đó là ẩn, ở đó là hiện. Ẩn hiện là đóng mở then chốt huyền vi. Nên nói ẩn nói hiện cũng là cơ tận độ. Con nên hiểu mà tìm lấy Đạo.

Thầy là gì, Mẹ là gì, mà hôm nay các con tu được có Thầy dạy dỗ, có Mẹ nâng nuôi? Thầy lại cầm cả quyền Chủ Tể Chí Tôn mà cũng là Cha chung vạn loại, thì ân phước đến cho các con đầy đầy, phải gắng tu hành!

Có dịp Mẹ sẽ cho Bảo Thọ lý giải.

Các con lớn nhỏ gắng lòng lo

Lo giữ mà tu, Mẹ dặn dò

Dò bước lần qua truông hiểm trở

Trở về cùng Mẹ mới vui cho.

Cho con lớn nhỏ một niềm thương
Thương mến nhau thẳng một đường
Đường Đạo mở mang kẻ tục
Tục tình ráng sửa để làm gương.

Gương trong chớ để bụi lem mờ
Miệng sạch con đừng học nói dơ
Ý Thánh chớ nên pha ý tục
Thân là cốt cách chớ làm nhơ.

Nhờ bản lòng con gội rửa đi
Rửa cho trong sạch để làm chi
Chi con biết được là nguy hiểm
Thì sớm từ xa chớ tiếc gì.

Các con nơi Hội Thánh và trong mấy tỉnh sống cùng một tổ chức, cùng theo một thể thống gọi nhau là con một Cha, giữa tình linh sơn cốt nhục⁽¹¹⁾ đều có tương quan. Các con nên chung tay gỡ khổ cho nhau bất cứ một nơi nào, miễn các con có lòng thương, mà lòng thương là lòng của Mẹ. Con có lòng ấy thì đã được liền cùng Mẹ, nên lo liệu giúp đỡ lẫn nhau nghe!

Sự hành đạo nữ phái năm nay rút gọn thu hẹp về phần tổ chức, nặng về phần giáo hóa sát tận cơ sở nhơn sanh, xây

⁽¹¹⁾ **Tình linh sơn cốt nhục:** Tình thương yêu như ruột thịt giữa anh chị em cùng tu học với nhau trong một đạo, cùng thờ chung một Thầy, có Thầy là Cha linh hồn.

dựng người đủ đạo đức, nhà có đạo đức.

Mỗi con biết chánh pháp của Thầy là cơ cứu chuộc vạn linh, tạo thế gian thành bình lai an quốc. Phải gắn bó nhau mà lo xây đắp nền tảng Phước Thiện, làm lụng cho Phước Thiện, nói lên cho Phước Thiện, tất cả cho Phước Thiện. Phước Thiện thành hình được thì Thế Đạo lập mà Thiên Đạo cũng thành. Các con xúm nhau mà xây dựng nền móng Phước Thiện.

Việc nữ phái cần hơn là bòn chất công quả, gần gũi nhơn sanh, học hỏi thêm cho già dặn. Học hỏi đây có bài rất lý thú, mà cũng có bài chưa chất lòng mình. Nhưng bài càng mắc thì điểm càng cao, các con ráng lấy!

Mẹ ban ơn mỗi con.

(Nguồn: *Thánh Truyền Trung Hưng*)

TRUNG THU ĐỨC MẸ DẠY CON

Hằng năm mỗi độ thu về
Mẹ nương linh điển gần kề bên con.

Cảnh trần tục hời [hãy] còn ly loạn
Kiếp con người khổ nạn chưa yên
Trung Thu Mẹ dụng lý huyền
Dặn dò các trẻ hiếu hiền lo tu.

Tạm trong cõi phù du tiến hóa
Mượn áo đời mà trả trái oan
Có chi bền vững mà màng
Con lo vện phận lên đàng về quê.

Giác mộng đời nôi kê chưa chín
Hỏi tuổi đời con tính bao nhiêu
Lo mơ rồi lại lo chiều
Sống ăn, mặc ở trăm điều khổ tâm.

Đó phương tiện con làm sự sống
Thì thôi đừng tham vọng con ơi
No cơm ấm áo đủ rồi
Công phu, công quả trau dồi hồn linh.

Mẹ thương xót hiện tình nhơn thế
Còn bao người khổ bể trầm luân
Tiền căn hậu quả khó dừng
Thiệt thòi đau khổ biết chừng nào yên.

Mẹ gửi gắm ân Thiên cho trẻ
Hãy thương người nặng nhẹ ráng lo
Biển trần chống bát nhả đồ
Ngược xuôi rước khách lần dò quê xưa.

Đức **ĐIỀU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC TỪ TÔN**
Vĩnh Nguyên Tự, 15-8 Quý Sửu (11-9-1973)

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TINH THẦN ĐOÀN KẾT TRONG TỔ CHỨC LIÊN GIAO

Trích tham luận của đại diện Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên trong Hội Nghị Liên Giao lần thứ VII (tại Hội Thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo, Cà Mau, 17-3-2014)

Trải qua sáu lần Hội Nghị Liên Giao (trước đây là Giao Lưu) các Hội Thánh và Tổ Chức Cao Đài, cũng là sáu lần lặp đi lặp lại những định hướng hành đạo chung được thể hiện qua Bản Ghi Nhớ của từng niên trình do Hội Nghị đồng thuận thông qua. Nhìn chung, trong sáu năm hoạt động Tổ Chức Liên Giao đã đạt được một số thành quả nhất định, dù không toàn mãn nhưng cũng đủ nói lên sự chuyển mình để vươn cao tinh thần đoàn kết, hòa hợp của hàng lãnh đạo các Hội Thánh trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Thành quả đó là sự ra đời của tạp chí Cao Đài; là sự hình thành Ban Soạn Thảo những giáo trình Hạnh Đường sơ cấp, Hạnh Đường trung cấp và các khóa Hạnh Đường chung; là sự hợp tác trong hoạt động từ thiện xã hội và ngoại giao đối với các ban ngành Nhà Nước cũng như các đoàn thể, tôn giáo bạn. Tuy nhiên, một số mặt còn lại vẫn còn giậm chân tại chỗ, như chưa “*kiện toàn tổ chức nhân sự đủ sức điều hành Tạp Chí*”; chưa có buổi thảo luận

chuyên đề nào về “*kế hoạch xây dựng trường đào tạo chức sắc kế thừa*” hay “*lập chương trình sinh hoạt tuổi trẻ, thanh niên con em nhà đạo*”.⁽¹⁾ Khoảng trống này cho thấy sức đoàn kết chung tay, chung lòng của chúng ta chưa đủ mạnh để phát triển theo hướng đã định sẵn. Cho nên, để có một định hướng chuẩn xác về lộ trình liên giao giữa các Hội Thánh và các Tổ Chức Cao Đài, cần có những bước tích cực và vững chắc hơn như sau:

I. PHÁT HUY TINH THẦN LIÊN GIAO ĐOÀN KẾT

Phát huy tinh thần liên giao là đem cái thật nghĩa sâu kín về liên giao trong lòng mà biểu hiện tỏ rộng ra, biến thành hành động đoàn kết một cách có hiệu quả dựa trên quan điểm liên giao không phải là xã giao và tính liên tục của sự đoàn kết.

1. Liên giao không phải là xã giao

Liên giao là sự kết nối giữa những sự vật hay giữa những con người lại với nhau; liên giao không phải là xã giao, xã giao chỉ mang tính hình thức nhất thời trong việc giao tiếp bình thường ở xã hội bên ngoài. Cho nên chúng ta không thể ngộ nhận sự xã giao bên ngoài qua những hình thức lễ nghi, qua những giao tiếp ân cần, lịch sự trong những cuộc gặp gỡ với nhau mà cho rằng đó là đã hoàn thành công vụ liên giao. Xã giao chỉ là bề nổi của liên giao, là sứ giả của liên giao; xã giao có là sứ giả thật sự của liên giao hay không còn phải xem nó xuất phát từ tấm chân

⁽¹⁾ *Bản Ghi Nhớ*, Hội Nghị lần thứ VI.

tình, từ lòng thành tín hay không.

Muốn phát triển tinh thần đoàn kết, trước hết phải xây cho được nền tảng liên giao; lấy liên giao làm thể, đoàn kết làm dụng, thể dụng tương tề,⁽²⁾ và cái sở dụng đoàn kết luôn có tính liên tục mới có thể duy trì tổ chức liên giao bền vững, đồng thời ứng dụng tinh thần liên giao có nghĩa là giao tiếp để xây dựng hoặc tăng cường kết nối và sự hiểu biết giữa con người với con người.

2. Tính liên tục của sự đoàn kết

Đoàn kết là liên kết, thắt chặt lại với nhau thành một khối; hợp làm một, nối làm một; là sự gắn kết xã hội dựa trên sự phụ thuộc giữa cá nhân với nhau trong các xã hội tiên tiến. Trong xã hội tôn giáo, khi đề cập tới sự đoàn kết, thường được hiểu theo lối đoàn kết cơ học. Đoàn kết cơ học là kết nối các cá nhân với xã hội, với tổ chức mà không bị khống chế bởi bất kỳ trung gian nào; có nghĩa là mỗi cá nhân sau khi giác ngộ, tự nguyện nhập môn, tham gia vào guồng máy hành chánh đạo theo tam thừa cửu phẩm như *Pháp Chánh Truyền*, *Tân Luật* quy định, và mỗi thành viên tín hữu được chia sẻ cùng một niềm tin vào tổ chức tôn giáo mình. Các cá nhân gắn bó với nhau do sự kèm chế mạnh mẽ từ phía tập thể xã hội và vì lòng trung thành của cá nhân đối với truyền thống đạo đức, luân lý và quan hệ gia đình. Sức mạnh của ý thức tập thể có khả năng chi phối

⁽²⁾ **Tương tề** 相齊: Đầy đủ, đồng đều, ngang bằng với nhau; không so le, không chênh lệch giữa hai bên. [Văn Uyên chú]

và điều chỉnh suy nghĩ, tình cảm và hành động của các cá nhân quy hướng vào cảnh giới của chân, thiện, mỹ. Sự khác biệt và tính độc đáo của cá nhân là thứ yếu, nên ý thức vị tha xả kỷ, vị đạo, vị nhơn sanh được xem là trọng yếu.

Vì đoàn kết mang ý nghĩa là sợi dây thắt chặt nối dài đến đích điểm, nên tính liên tục rất cần thiết để tránh bị đứt quãng giữa chừng; như đường sắt xe lửa trên tuyến Bắc Nam, người ta thường xuyên kiểm tra để kịp thời sửa chữa chỗ hư hỏng, bảo đảm an toàn cho đoàn xe đi tới nơi, về tới chốn đúng thời gian ấn định cuộc hành trình.

Cũng như thế, đầu tàu Liên Giao các Hội Thánh và Tổ Chức trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ kết nối những toa chuyên chở biết bao con cái của Đức Chí Tôn trên lộ trình hoàn nguyên phản bản, tất nhiên không thể phó mặc cho đường ray đoàn kết bị gián đoạn bởi những chướng ngại lý trí hay hồng học sự thương yêu. Cho nên từng thành viên trong Tổ Chức Liên Giao luôn bảo đảm rằng mỗi thành viên vừa là mỗi mắt xích của bánh xe lịch sử Đại Đạo, vừa là mỗi đoạn đường ray kiên cố an toàn giúp con tàu Đại Đạo tiến nhanh, kịp về bến đỗ quy nguyên một trăm năm Cao Đài Giáo. Đường ray kiên cố là ý chí sắt thép bảo vệ lập trường *thuần chơn vô ngã*.

a. Thuần chơn vô ngã

Thuần chơn vô ngã có thể nói là bốn chữ vàng cần khắc tạc thành tám biển son cần trọng treo ở những vị trí tôn nghiêm, với chủ ý nhắc chúng ta ghi nhớ mà tu tâm sửa tánh. *Thuần chơn* là rất ròng một tính chất chơn thật, không

xen lẫn chút giả dối nào. *Vô ngã* là không có cái *ta* tà vọng, cái *ta* huyền ảo; cái *ngã* này là *giả ngã* phản nghĩa với *chơn ngã*. Vậy thuần chơn vô ngã có tác dụng gì trong quan hệ liên giao?

Thành thật, ngay thẳng khi cùng nhau đối thoại. Không hành xử theo cảm tính do tà vọng điều khiển là “*trước mặt sau lưng cũng đồng một mực*”; không “*kính trước rồi lại khi sau*”; thật lòng tôn trọng nhau như tình thân thủ túc.

Nếu đã coi trọng nhau về ưu điểm thì cũng không coi khinh nhau về nhược điểm. Không gián tiếp tham gia vào dư luận thị phi khen chê mà chỉ có trực tiếp biểu dương và nâng đỡ. Nếu đã không buồn lòng vì ý kiến của mình không được tập thể quan tâm thì mình cũng vui vẻ tiếp thu ý kiến của mọi người. Nếu đã xem cái *ta* là nhỏ nhoi và ảo hóa, thì cũng không chấp nê những lời chỉ trích đầy ác ý nhắm vào mình.

Tâm linh có được thuần chơn vô ngã, sẽ phát sinh *niềm cảm thông và cởi mở*.

b. Cảm thông và cởi mở

Nhờ vào sự gần gũi, hiểu biết nhau nên mới có cảm xúc giống nhau về một tình trạng, một hoàn cảnh nào đó, thì tâm tình, tư tưởng sẽ dễ dàng được cởi mở hơn, và không còn mang nặng trĩu bằng mặt không bằng lòng nữa.

Khái niệm về cởi mở của mỗi thành viên trong Tổ Chức Liên Giao có thể hiểu là chúng ta mở toang cánh cửa Tòa Thánh, thánh thất, thánh tịnh để nhìn ra ngoài bầu trời

quang đấng và ân cần tiếp đón lữ khách hành hương, đồng thời để công chúng nhìn vào thấy được vẻ đẹp của tinh thần nhân ái. Có cởi mở mới có cảm thông, hay có cảm thông mới có cởi mở.

Cảm thông (*sympathy*) sinh ra đồng cảm (*empathy*), đồng cảm có nghĩa là thể hiện sự quan tâm và lắng nghe để đạt được sự hiểu biết của những người khác ý tưởng và cảm xúc. Lắng nghe những gì người khác đang nói là một đặc điểm quan trọng giữa các cá nhân đồng cảm. Đồng cảm thực sự có thể hiểu được nhu cầu của người khác; nhận thức được cảm xúc của mình và làm thế nào tác động đến nhận thức của người khác một cách hài hòa, và có khả năng đánh giá cao những gì người khác đang trải qua; tôn trọng thành quả, học hỏi những kinh nghiệm quý giá của người khác cho đạo sự của mình. Bằng cách hiểu biết lẫn nhau, chúng ta có thể phát triển các mối quan hệ gần gũi với nhau hơn qua sự hỗ trợ, đáp ứng được những nhu cầu thiết thực của nhau. Hỗ trợ hoặc hợp tác lẫn nhau là một nhân tố quan trọng trong sự phát triển của các tổ chức Đại Đạo. Những hoạt động hỗ trợ đối với người khác không phát sinh từ sự mong đợi của phần thưởng, của sự tán dương, mà là từ cảm xúc bản năng của tình đoàn kết.

Đức Chí Tôn dạy:

Hễ chữ đạo đại đồng hòa hiệp

Mới nên công tay tiếp vai nâng

Một cây đứng ở giữa chùng

Đồng to khó nổi đàng ung xoay chiều.

*Câu tục ngữ Thầy kêu đuốc tuệ
Vỗ nhiều tay mới xuể tiếng vang
Một tay nghe lẩm lờ lờ
Nhờ khi đoàn tụ hoàn toàn mới yên.*⁽³⁾

Như thế, đoàn kết là một hành động hiệp nhất giữa những người đang tu thân hành đạo trên các lãnh vực khác nhau, các chi phái hay tôn giáo khác nhau nhưng cùng một mục tiêu giải thoát cho mình và cho sanh chúng. Cũng ý nghĩa đó, con ong cần mẫn làm việc không ngừng, vai trò nào nhiệm vụ nấy, và không phải chỉ trông cậy vào sức của một vài con ong, mà cả một đàn ong. Chúng được ca tụng không phải vì chúng làm việc cho chính mình, mà cho tất cả. Cho nên, nếu không có sự đoàn kết rộng rãi thì các cá nhân riêng lẻ, các tổ chức biệt lập không thể tạo thành một khối tinh thần thống nhất với tư cách là một thánh thể hoàn chỉnh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

II. SỨ MẠNG HÒA HỢP

Thấm nhuần thánh ngôn của Đức Chí Tôn từ ngày mới khai Đạo, sứ mạng hòa bình, hòa hợp luôn phải được tôn trọng và đề cao. Sứ mạng này không chỉ thuộc về đôi tay hay khối óc, mà còn thuộc về tâm linh, thực hành tâm linh như một cái gì đó đưa chúng ta ra khỏi thế giới, nhưng chúng ta cũng nhận thức được rằng thế giới là trời, khi chúng ta được nói đất tốt, chúng ta có thể làm việc với thiên đường ngay trên mặt đất. Đất trời trong chúng ta là sứ

mạng hòa bình thông qua sự hợp nhứt tinh thần, hoằng khai Đại Đạo; đoàn kết và gặp gỡ nhau với tình yêu và lòng tốt để chúng ta tìm thấy sự bình an của mình trong ngôi nhà chung của Đức Thượng Đế. Tất cả con cái Đức Chí Tôn đều có quyền bình đẳng cho tình yêu và di sản của Ngài. Ngài không phải là Tây Ninh, Ban Chỉnh, Tiên Thiên hay Minh Chơn Lý... Không có bức tường hoặc hàng rào nào ở trên trời, vì bản thể của Ngài không phải là tông phái hay giáo điều, mà là tình yêu sanh bác ái: “*Thầy lại trao cho các con một triết lý bác ái để xướng ra mưu cuộc hòa bình.*”⁽⁴⁾ Trước hết là hòa bình, hòa hợp trong nội bộ Cao Đài Giáo được trải qua từ giai đoạn đối thoại, vượt qua thách thức và gieo mầm hòa hợp.

1. Đối thoại

Khi đã nhận lãnh sứ mạng hòa hợp, thì vấn đề quan trọng đầu tiên là đối thoại, và đối thoại như là một phương pháp để hiểu biết qua từng bản sắc của nhau. Về phương tiện đối thoại, ngoài những cuộc họp, những hội nghị giao lưu, chúng ta còn có một tạp chí Cao Đài, có những khóa Hạnh Đường chung, chỉ cần chúng ta phát huy hơn nữa về thể mạnh của phương tiện truyền thông và giáo dục thì lộ trình tiến tới sự hình thành một Hội Đồng Lãnh Đạo Tinh Thần cho một Giáo Hội Cao Đài Trung Ương có đủ tư cách đại diện trước cộng đồng quốc tế nhất định sẽ hình thành. Xin đơn cử vài điểm đáng lưu ý trong đối thoại liên chi:

⁽³⁾ *Đại Đạo Quy Nguyên Luận*, số 1, năm 1938, tr. 24.

⁽⁴⁾ *Đại Đạo Quy Nguyên Luận*, số 9, năm 1938, tr. 19.

Thứ nhất: Người tham gia đối thoại liên chi không thể sử dụng các cuộc gặp gỡ để làm cơ hội bảo vệ truyền thống và truyền bá chi phái mình; nhưng với tinh thần trao đổi, học hỏi chung, tạp chí Cao Đài sẽ là nơi quy tụ các sắc hoa trong khu vườn Đại Đạo, tức là khu vườn hòa bình giữa các chi phái và tôn giáo khác nhau. Cho nên từ hình thức tới nội dung của tạp chí phải được kiện toàn sau khi kiện toàn được nhân sự trong Ban Biên Tập và Ban Phát Hành.

Thứ hai: Chúng ta không phải quan ngại rằng sự đánh giá cao về các chi phái bạn và tham gia lễ kỷ niệm hay sinh hoạt của họ có thể pha loãng hoặc phản bội đức tin vào chi phái mình; trái lại nó sẽ làm tăng trưởng sự hiểu biết và kính trọng của người ở chi phái khác đối với chi phái mình.

Thứ ba: Một yếu tố cần thiết cho sự tiến bộ của đối thoại là chúng ta nhận ra ưu điểm các chi phái khác. Nếu chúng ta cứ nhận mình là vượt trội so với đường lối, những pháp môn khác về sự giải thoát, cho chi phái của mình là chơn pháp duy nhất và những chi phái khác là sai, điều này sẽ gây nguy hiểm cho tinh thần liên giao giữa các chi phái, đồng thời đi ngược lại tôn chỉ mục đích của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Đối thoại liên chi phái là một biểu hiện cuộc sống đức tin và nhận thức về tầm quan trọng của tinh thần đại đồng nơi thành viên tham gia, hơn nữa nó là dấu hiệu cho thấy các chi phái Cao Đài đang trở nên ý thức hơn về trách nhiệm chung của mình đối với hòa bình, hạnh phúc trong gia đình Đại Đạo và gia đình nhân loại. Có lẽ ai trong

chúng ta cũng đều ý thức rằng thế giới ngày nay càng trở nên phụ thuộc lẫn nhau như một hệ quả của toàn cầu hóa, để từ đó tìm thấy những giá trị chung mà kết hợp chúng lại ngõ hầu phát huy sự đa dạng của nền văn hóa và văn minh Cao Đài. Mặc dù có một số khác biệt tiểu tiết trong các chi tiết thờ phượng và hành chánh đạo, tất cả các chi phái đều chia sẻ nhau một giáo lý chung: hòa bình, hiệp nhất trong Thương Yêu.

2. Vượt qua thách thức

Cuộc hành trình nào cũng có chướng ngại, công việc nào cũng có thách thức. Nếu chúng ta xem Tổ Chức Liên Giao là một lộ trình, lộ trình dẫn tới quy nguyên Đại Đạo, thì những thách thức xảy ra trước mắt là điều chúng ta cần tiên liệu để chuẩn bị đủ ý chí vượt qua.

* *Thách thức đầu tiên* là thiếu tập trung. Để thành công đối với bất kỳ cuộc hội họp liên giao nào, tất cả các bên phải rõ ràng về mục tiêu cuộc thảo luận. Chúng ta không để thành viên nào né tránh các cuộc thảo luận vì nghĩ rằng những vấn đề không liên quan tới mình.

Thí dụ: Khi bàn bàn về phương thức soạn thảo giáo trình Hạnh Đường chung, thì quý vị đại diện Cao Đài Chơn Lý, hay Cao Đài Việt Nam bảo rằng do tổ chức hành chánh đạo của quý vị ấy không theo Pháp Chánh Truyền nên xin miễn tham dự vào việc soạn thảo hay hội thảo, chỉ tham gia vào công tác từ thiện thôi. Tuy nhiên, dù bất cứ Hội Thánh hay Tổ Chức nào trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cũng cùng chung một giáo lý, một tôn chỉ *Tam Giáo quy nguyên, Ngũ*

Chi phục nhứt, đủ nói lên lý do tại sao trong bàn tròn Liên Giao phải có nhiều loại hình (vấn đề) khác nhau để thích nghi cho mỗi thành viên tham dự không cảm thấy bị ngăn cách bởi sự khác biệt về tiểu tiết.

* *Thách thức thứ hai* là khi một thành viên nào đó cảm thấy mình bị xúc phạm đến lòng tự tôn, rằng mình phải *xuống nước* (water down) hay thỏa hiệp giao ước có tính đồng nhất để phù hợp với tinh thần Liên Giao. Để giải quyết vấn đề này, mỗi thành viên chúng ta phải chấp nhận sự tồn tại của những mặt khác biệt và tìm cách hiểu nhau mà không ảnh hưởng đến niềm tin, điểm đặc thù và lòng tôn kính của toàn Đạo. Chúng ta nhất tề bảo đảm với nhau rằng Tổ Chức Liên Giao các Hội Thánh và Tổ Chức Cao Đài dựa trên quan điểm bình đẳng trước Đức Chí Tôn mà hành sự, không lấy hình thức lớn nhỏ, cao thấp làm cơ sở để đưa ra phán quyết, chỉ lấy tinh thần thuần chơn vô ngã, vì lợi lạc nhơn sanh, vì tiền đồ Đại Đạo làm cơ sở để xúc tiến công cuộc liên giao.

* *Thách thức thứ ba* là ý thức hệ khác biệt. Trong thế kỷ 20, đất nước Việt Nam trải qua ba thời kỳ chiến tranh, người dân chúng ta ít nhiều đã bị chi phối do hai dòng ý thức hệ đối kháng, cho đến nay vẫn chưa hoàn toàn hòa nhập chung dòng ý hệ, đây là một thực tế không tránh khỏi, và cũng là một phần trở ngại cho tiến trình hiệp nhứt tinh thần Đại Đạo. Tuy nhiên chúng ta tin tưởng trở ngại này sẽ được giải tỏa khi mỗi người nhận ra được mối nguy hại do chưa xóa đi ý thức hệ đối kháng, lúc bấy giờ chúng ta mới

thật sự đứng vững trên lập trường thuần túy tôn giáo, cùng chung tay *gieo mầm hòa hợp* cho thế hệ tương lai Đại Đạo.

3. Gieo mầm hòa hợp

Trong thế giới ngày nay giáo dục cực kỳ quan trọng. Đó là một con đường chắc chắn đến một thế giới thống nhất, một thế giới mà tất cả mọi người được chấp nhận và yêu thương. Nó cũng là con đường hướng tới sự vắng mặt của chiến tranh và thù hận. Ngoài ra, giáo dục còn là chìa khóa mở cửa tâm hồn thống nhất Đại Đạo, đưa con người gần gũi với nhau hơn. Ở đây, điều quan trọng là chúng ta phải nhận ra vai trò quan trọng của giáo dục trong việc góp phần xây dựng một nền tôn giáo hòa bình, một nền văn hóa hòa bình và lên án những trường hợp lợi dụng tôn giáo làm lũng đoạn khối đại đoàn kết dân tộc, lũng đoạn tôn giáo, chia rẽ phái chi.

Chúng ta đang sống trên hành tinh nhơn loại, đều liên quan đến nhau, thông qua kiến thức và sự hiểu biết sâu sắc hơn, chúng ta có thể hiểu được nhau và đạt được một thế giới hòa bình hơn. Đây là lý do tại sao học tập về ý nghĩa liên giao, về lý tưởng hòa bình là rất quan trọng, không chỉ dừng lại ở những nhà lãnh đạo các chi phái hay những thành viên trong Tổ Chức Liên Giao, mà còn phải phổ biến trong toàn Đạo, nhất là thế hệ kế thừa, mầm non Đại Đạo.

* *Gieo mầm hòa hợp trong toàn Đạo*: Đối với toàn thể chức sắc, chức việc và tín đồ trong mỗi chi phái, cần thiết phải nhận được thông tin thường xuyên về sinh hoạt của Tổ Chức Liên Giao các Hội Thánh; hiểu biết tầm quan trọng

của ý nghĩa Liên Giao trước tình hình mới của cơ Đạo đang tiến tới ngưỡng cửa một trăm năm tuổi thông qua các lần hội nhóm thường lệ tại Tòa Thánh và các kỳ đàn sóc vọng tại thánh thất, thánh tịnh. Mặt khác, tạo điều kiện tốt nhất để tạp chí Cao Đài đến tay bốn đạo để họ tiếp nhận thêm về thông tin hành đạo và bổ sung kiến thức về giáo lý.

* *Gieo mầm hòa hợp trong tư duy tuổi trẻ*: Đối với con em nhà đạo trong mỗi chi phái, thông qua các lớp Lễ Nghi và Phổ Huấn dành cho thiếu nhi và thanh thiếu niên, chúng ta lồng vào chương trình hướng dẫn có tiết mục về sứ mạng hòa hợp, thánh ngôn về sự thương yêu, về chủ nghĩa hòa bình của đạo Cao Đài. Hướng tư tưởng các em về chỗ đại đồng; tôn kính chư vị tiên khai Đại Đạo không phân biệt chi phái nào; chỉ cho các em có cái nhìn bao dung, khách quan về lịch sử Đạo. Làm thế nào để các em hiểu rằng chúng ta ngồi lại với nhau không phải để phán xét lịch sử Đạo, không phê phán ai đúng ai sai; ai bàng môn ai chánh đạo, vì điều đó chỉ làm đau lòng Đức Chí Tôn và Đấng Từ Mẫu mà thôi.

Mọi người chúng ta dù ở vào thế hệ nào, vị trí nào cũng đều có phần trách nhiệm hàn gắn những rạn nứt về tinh thần đoàn kết; xóa đi những hận thù và ngờ vực lẫn nhau; xoa dịu những vết thương lòng mà lịch sử còn lưu lại, để cùng nhau nhìn chung một hướng, hướng về phía trước là ánh hào quang rực rỡ của đoàn kết, tiến bộ và an lạc trong thế đạo nhân hòa.

*

Nền đạo Cao Đài hiện đang đứng trước một thực tế không thể phủ nhận là chưa quy tụ lại thành một bó đũa, thậm chí những bó đũa nhỏ đã bị xé lẻ vẫn còn chưa gom lại! Vấn nạn này phần nào làm trở ngại cho con đường Liên Giao. Tuy nhiên, với hùng tâm tráng chí, chúng ta nguyện tiếp bước tiên nhân đã từng bốn ba xuôi ngược vận động cơ quy nhứt và trung thành theo định hướng phát triển tinh thần đoàn kết trong Tổ Chức Liên Giao.

NHU LÀ ...

hoa cười nở,
thanh thảo tàn.
lá xanh như thể
đỏ vàng
nhẹ rơi.
gió vô tư lự
rong chơi
bốn mùa con nước
đầy vơi
chẳng màng.
bên trời mây hát
lang thang

hợp tan
mặc chuyện thế gian
cơ cầu.
người hoài khát vọng
về đâu?
ta hoài một kiếp
mái đầu điểm sương.
cảm ơn dâu bể
vô thường
cho tâm hiển ngộ
mười phương như là...

VÕ VĂN PHO
Họ đạo Trung Minh

DÒNG ĐỜI XUÔI NGƯỢC

Truyền Trạng THANH CĂN

Con người từ khi sanh ra đã bắt đầu bị chi phối theo chu trình sanh lão bệnh tử tương ứng với quy luật thành trụ hoại không của vũ trụ. Chu trình này gọi là *vòng đời*, vì nó diễn tiến theo vòng tròn có hạn định, trải qua các giai đoạn phát triển sinh lý, phát triển tri thức và phát triển tâm lý xã hội.

Thời kỳ anh nhi, ấu nhi từ mới sanh đến ba tuổi, tiền nhi đồng từ ba đến sáu tuổi, nhi đồng từ sáu đến mười hai tuổi.

Thời kỳ thiếu niên, thanh niên từ mười hai đến hai mươi tuổi.

Thời kỳ thành niên từ hai mươi đến bốn mươi tuổi.

Thời kỳ trung niên từ bốn mươi đến sáu mươi tuổi.

Thời kỳ lão niên từ sáu mươi đổ lên tám mươi tuổi.

Từng chặng trên vòng tròn sanh lão bệnh tử ấy nằm trên chiều ngang của không gian; khi các yếu tố sanh lão bệnh tử bắt đầu diễn tiến theo chiều dọc của thời gian thì gọi chung là *dòng đời*. Dòng nước cuộc đời cứ trôi xuôi từ thượng nguồn của quá khứ đến hạ nguồn của vị lai rồi đổ ra trùng dương của hư không luân chuyển.

Vòng luân chuyển ấy là vòng tái sinh của con người sau một kiếp đã trải qua, tùy theo nghiệp lực của mỗi người mà

đi xuống hay đi lên kiếp đời tái sinh. Đi xuống là vào vai một người cùng khổ tới loài kim thạch. Đi lên là một người giàu sang, quyền quý, đến hàng chân nhân thoát tục.

Nói về vòng đời, có chuyện kể lúc Đức Thích Ca đang trú ở giữa dân chúng Vajji, tại làng Bhanda. Ngài gọi các tỳ kheo lại dạy:

Này các tỳ kheo, có bốn hạng người hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Hạng người đi thuận dòng, hạng người đi nghịch dòng, hạng người tự đứng lại, hạng người đã vượt qua bờ bên kia, đứng trên đất liền.

*Này các tỳ kheo, thế nào là hạng người đi **thuận dòng**? Hạng người thọ hưởng các dục (ham muốn) và làm các ác nghiệp gọi là đi thuận dòng.*

*Thế nào là hạng người đi **ngược dòng**? Này các tỳ kheo, có hạng người không thọ hưởng các dục, không làm ác nghiệp, sống phạm hạnh⁽¹⁾ viên mãn gọi là đi ngược dòng.*

*Này các tỳ kheo, thế nào là hạng người **tự đứng lại**? Hạng người do diệt tận năm kiết sử,⁽²⁾ được hóa sinh, không còn trở lại đời này nữa gọi là tự đứng lại.*

*Thế nào là hạng người đã **vượt qua bờ bên kia, đứng***

⁽¹⁾ Theo Kinh Hoa Nghiêm, quyền mười bảy, phẩm mười sáu, thì *phạm hạnh* tức là hạnh thanh tịnh.

⁽²⁾ *Năm kiết (kết) sử* 五结使: Năm thứ ràng buộc: *Tham kết* (lòng tham muốn trói buộc), *sân kết* (lòng sân hận trói buộc), *mạn kết* (lòng kiêu căng trói buộc), *tật kết* (lòng ganh ghét trói buộc), *khan kết* (lòng keo kiệt trói buộc).

trên đất liền? Đây các tỳ kheo, có hạng người do diệt các lậu hoặc,⁽³⁾ chứng ngộ và an trú vô lậu⁽⁴⁾ tâm giải thoát, tuệ giải thoát là đã vượt qua đến bờ bên kia, đứng trên đất liền.

Này các tỳ kheo, có bốn hạng người như vậy có mặt ở đời.⁽⁵⁾

Đức Phật chỉ ra bốn hạng người đang có mặt trên dòng đời, ở đây chúng ta chỉ đề cập đến hai hạng người đi thuận dòng và ngược dòng, vì giai đoạn đứng lại hay vượt qua bến bờ bên kia là để tỏ rõ chỗ rốt ráo của hành vi ngược dòng đời của người chơn tu.

Mỗi người trong chúng ta, ai cũng đã từng trôi xuôi trên dòng sông của cuộc đời; cũng đều va phải biết bao khúc quanh, biết bao sóng dồi gió đập; cũng đều trải nghiệm buồn khổ thì nhiều sướng vui thì ít, và cũng đã gậm nhấm biết bao cay đắng của tình đời thay trắng đổi đen.

Tuy nhiên, nếu cứ để con thuyền đời của chúng ta trôi xuôi thì dễ hơn là bơi ngược dòng, vì thuyền trôi xuôi

⁽³⁾ *Lậu hoặc*: Lậu hoặc hay ô nhiễm gồm ba loại: *dục lậu* (trói buộc con người vào khoái lạc giác quan), *hữu lậu* (trói buộc con người vào tư tưởng quan niệm), và *vô minh lậu* (trói buộc con người vào sinh tử luân hồi).

⁽⁴⁾ *Vô lậu*: Không còn khổ đau, phiền não, lo lắng, sợ hãi, tức giận, sầu bi, v.v..

⁽⁵⁾ Đại Tạng Kinh Việt Nam, *Tăng Chi Bộ I*, chương 4, phẩm Bhandagàma, phần Thuận Dòng. Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam ấn hành 1996, tr. 557.

không cần dùng sức bơi, chỉ cần cầm lái, nhưng khi qua những ghềnh thác tay lái khó mà kèm nổi để tránh va đập mạn thuyền.

Ngày nay chúng ta may mắn gặp Đạo, Đức Chí Tôn và các Đấng đã dạy cho chúng ta phương thức bơi ngược dòng đời để kịp về bến bờ quê xưa vị cũ.

Trong những đoạn thánh giáo sau đây Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy về ý nghĩa của người đi ngược dòng đời.

*Cánh báo hiệu có đông to đến
Thì con lo lia bến mê tân
Qua con, giác ngộ⁽⁶⁾ yên thân
Thuyền khơi mặt bể sóng tràn lao xao.*

*Khi khởi hành con rao cho lớn
Ai qua sông, khá xuống thuyền đây!
Bao nhiêu thì cũng không đầy
Bơi thuyền không đáy, cứ đầy đức tin.⁽⁷⁾*

Thầy dạy lia bến mê tân cũng có nghĩa là đi ngược dòng đời, và *sóng to gió lớn* nói ở đây là những thiên tai địa ách, những biến động của nhơn tình. Thuyền đạo mặc dù không đáy nhưng chở bao nhiêu người cũng không khẳm, điều cần yếu là phải có đức tin vững mạnh để tạo thêm nghị lực chèo chống khi bước xuống thuyền bơi ngược về bến giác.

⁽⁶⁾ *Giác ngộ*: Bờ giác.

⁽⁷⁾ Huỳnh Long Phủ Tự, 09-3 Đinh Dậu (08-4-1957).

Thầy bảo chúng ta: *Khi khởi hành phải rao cho lớn*. Nhưng *rao cho lớn* là thế nào? Câu này ám chỉ người “rao” là người đã thực sự có đầy đủ đức tin và sáng suốt, quyết tâm lột xác đi ngược dòng đời, đứng ngoài vòng những tranh chấp hơn thua bởi thế quyền địa vị; trải rộng cõi lòng thực hành *từ bi, hỷ xả* theo Thánh hạnh, làm gương tốt cho người khác cùng hăng hái bước lên thuyền ngược về bến đạo.

I. LÊN THUYỀN NGƯỢC NƯỚC

Vậy thuyền này kêu gọi và rước những ai qua sông? Thầy dạy tiếp:

Rước những con hy sinh vì Đạo
Rước những trẻ hiếu thảo tâm thành
Rước người hiền đức trọn lành
Rước người chẳng mến lợi danh tục đời.
Rước những khách ưu thời mẫn thế
Rước những con lời thệ gìn tròn
Rước người căn vị giữ còn
Rước người đầy đủ công bòn từ lâu.⁽⁸⁾

Chúng ta thử tìm hiểu từng câu của hai vế thi bài trên:

1. Thế nào là *hy sinh vì Đạo*?

Người hy sinh vì đạo là quên mình, không nghĩ tới tự do

⁽⁸⁾ Huỳnh Long Phủ Tự, 09-3 Đinh Dậu (08-4-1957).

cá nhân, quyền lợi, danh vọng hay sinh mạng riêng mình để lo hành đạo, làm lợi ích cho Nhơn sanh. Đức Mẹ dạy:

Hy sinh con mới được tồn sinh
Muôn một tâm tơ kén dệt thành
Nếu chẳng đem thân vì đại nghĩa
Thì đừng chôn lấp dưới hư vinh.⁽⁹⁾

2. Thế nào là *hiếu thảo tâm thành*?

Là thật lòng hiếu thảo. Người có lòng thành hiếu thảo với cha mẹ hữu hình thì cũng có lòng hiếu thảo với Cha Mẹ thiêng liêng là Đấng Cha Trời Thượng Đế và Đức Mẹ Diêu Trì. Lòng hiếu thảo được thể hiện qua sự vâng hành thánh ý, không làm điều chi trái đạo, trái với thánh ngôn về sự thương yêu, thánh huấn về tu thân luyện kỷ.

3. Thế nào là *hiền đức trọn lành*?

Là người sống đạo theo gương bậc hiền nhân quân tử, tu nhân tích đức, mong cầu tiến bộ đến chỗ chí thiện tức trọn lành, như lời Phật dạy trong Kinh Pháp Cú: *Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý*,⁽¹⁰⁾ nghĩa là mọi điều xấu điều ác dù lớn dù nhỏ cũng đừng làm; mọi điều lành dù nhỏ dù lớn đều phải trân trọng làm theo, thường sống trong các pháp thiện thì tâm ý của mình tự nhiên thanh tịnh.

⁽⁹⁾ Thánh thất Bình Hòa, 15 rạng 16-8 Canh Tuất (15-9-1970).

⁽¹⁰⁾ 諸惡莫作, 眾善奉行, 自淨其意.

4. Thế nào là *chẳng mền lợi danh tục đời*?

Đối với phần đông người đời thì ai cũng mền chuộng lợi danh, nhưng người chơn tu thì luôn giữ lòng không cho ham danh mền lợi. Đã đành lợi cũng cần phải có để nuôi sống thân mệnh và làm phương tiện thực thi công đức bằng khả năng lao động của mình, nhưng không vì quá cầu lợi mà trở thành tham muốn vượt ngoài đạo nghĩa. Danh thì không cầu cũng sẽ có, bởi lẽ một khi tam công (công quả, công trình, công phu) dồi dào ắt hữu xạ tự nhiên hương, đâu cần phải bon chen tạo lấy danh vọng hão huyền.

5. Thế nào là *ưu thời miễn thế*?

Là biết thương cảm cho thể nhân còn đang triền miên chìm đắm trong khổ đau bởi tham vọng tương tranh; biết lo lắng cho thời buổi thế đạo suy vi, nhen tâm lý tán mà đem chút sức mình làm hạt nhân gieo mầm thánh đức.

6. Thế nào là *lời thệ gìn tròn*?

Lúc mới nhập môn, chúng ta ai ai cũng quỳ trước Thiên Bàn lập minh thệ: *Từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng đổi dạ đổi lòng, hiệp đồng chư môn đệ, gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì thiên tru địa lục*. Trong lời minh thệ có ba lời hứa nguyện quan trọng:

① *Biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế*: Là trọn lòng trung tín với đạo Cao Đài của Đức Chí Tôn, không đảng phân tâm cải đạo, hoặc chia phe lập đảng, tác động tâm lý gây mất đoàn kết, mất đức tin trong đồng đạo.

② *Hiệp đồng chư môn đệ gìn luật lệ Cao Đài*: Chung tâm hợp sức cùng đồng đạo từ trên xuống dưới gìn giữ và thực thi Tân Luật, Pháp Chánh Truyền và thi hành các quy điều giáo huấn của Hội Thánh để làm tròn vai trò và quyền hạn nhiệm vụ người đạo của mình.

③ *Như sau có lòng hai thì thiên tru địa lục*: Ăn ở hai lòng là bất trung bất chính, dối Thầy lừa bạn, đầu cơ tôn giáo, mượn đạo tạo đời và làm những việc trái với quy điều giới luật, bội nghịch cùng Hội Thánh, sẽ chịu luật hình trời tru đất diệt.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư khuyên dạy:

Dù tu Phật, tu Trời, tu Thánh

Hoặc tu Tiên, Khổng Mạnh, Gia Tô

Chung quy một nẻo thù đồ⁽¹¹⁾

Thủy chung vẹn giữ đạo cơ⁽¹²⁾ *mà thành*.⁽¹³⁾

7. Thế nào là *cẩn vị giữ còn*?

Cẩn vị chính là bốn linh chơn tánh, là giọt ngọc Kim Bàn mà Phật gọi là bốn lai diện mục. Nếu giọt ngọc Kim Bàn còn thì tám món báu (Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Si) không bị mất. Làm sao chúng ta biết tám báu này còn hay mất?

⁽¹¹⁾ *Chung quy một nẻo thù đồ*: Do câu *Đồng quy nhi thù đồ* 同歸而殊途 (Đường tuy khác nẻo nhưng cùng về một chỗ.)

⁽¹²⁾ *Đạo cơ* 道基: Nền tảng đạo đức.

⁽¹³⁾ Minh Lý Thánh Hội, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).

Tôn kính bậc trưởng thượng; không làm điều gì sai trái với thánh ý của Thầy Mẹ là *Hiếu* còn.

Trên hòa dưới thuận; cư xử có tình có nghĩa với anh chị em trong họ hàng, với đồng đạo và với xã hội nhân quần là *Đễ* còn.

Giữ lòng một mực chí thành vì đạo, vì nhơn sanh, không tư tâm thiên lệch mà làm mất lẽ công bình là *Trung* còn.

Tin Thầy, tin Đạo, thành thật tin tưởng lẫn nhau là *Tín* còn.

Khiêm cung, độ lượng, phận nào theo phận nấy là *Lễ* còn.

Hy sinh, vị tha, cứu khó trợ nguy, giúp người cô quả là *Nghĩa* còn.

Nghèo cho sạch, rách cho thơm là *Liêm* còn.

Biết hổ thẹn mà sửa sai chữa lỗi là *Sĩ* còn.

Thế mới hay:

*Còn trời, còn nước, còn non
Ai còn tám báu là còn nguyên căn.*

Nguyên căn còn thì không sợ lạc lối về quê xưa vị cũ:

*Đừng e sợ lạc đường cựu vị
Lo là không khắc kỷ vô minh
Miệng thì tụng đọc câu kinh
Mà lòng lại có ẩn tình đâu đâu.⁽¹⁴⁾*

⁽¹⁴⁾ Đức Vạn Hạnh Thiền Sư. Minh Lý Thánh Hội, 08-4 Canh

8. Thế nào là *đẩy đủ công bòn*?

Ngọc Lịch Minh Kinh viết:

*Ba ngàn công quả đặng viên thành,
Đơn thơ chiếu hiển danh Thiên tước.*

Ôn Trên thường khuyên chúng ta *mót bòn* công quả, có ý dạy cho ta thấy rằng tòa nhà cao tầng kia được kết cấu bằng hằng vạn viên gạch nhỏ bé, thì cái tòa nhà công đức của người tu cũng thế, liên tục làm nhiều công quả nhỏ lâu năm chầy tháng sẽ thành một tòa công quả tức là tòa thiên nhiên như bài kinh Đệ Lục Cửu mô tả:

*Vào Cung Vạn Pháp xem qua
Cho tường cựu nghiệp mấy tòa thiên nhiên.*

Và trong Kinh Sám Hối cũng xác định điều này:

*Năng làm phải, nhứt nhu ngoạt nhiễm⁽¹⁵⁾
Lâu ngày đồn, tính đếm có dư
Phước nhiều, tội quá⁽¹⁶⁾ tiêu trừ
Phép Trời thưởng phạt, không tư chẳng vì.⁽¹⁷⁾*

Tuất (Thứ Ba 12-5-1970).

⁽¹⁵⁾ *Nhứt (nhật) nhu ngoạt (nguyệt) nhiễm* 日濡月染: ① Ngày ngày thấm ướt thì tới tháng sẽ nhuốm sâu vào; ② Lâu ngày chầy tháng sẽ ngấm sâu vào. Ý tương tự như mưa lâu thấm đất.

⁽¹⁶⁾ *Tội quá* 罪過: Tội lỗi.

⁽¹⁷⁾ *Không tư chẳng vì*: Không tư vị 私爲, không thiên lệch,

II. XUÔI NGƯỢC DÒNG ĐỜI

Trên là nói về điều kiện cần có của người được rước lên thuyền bát nhã, sau đây là sự phân biệt lẽ ngược xuôi của dòng đời bằng cách nêu lên tính cách của hai mặt đạo và đời theo lời Đức Lý Đại Tiên dạy:

Đời thì lo kinh dinh sự nghiệp

Đạo thì lo hội hiệp cất chùa

Đời thì vật chất tranh đua

Đạo thì tương trợ giúp vùa⁽¹⁸⁾ lẫn nhau.

Đời chia rẽ đồng bào huynh đệ

Đạo kết đoàn bốn bể năm châu

Đời tạo oan nghiệp khổ sầu

Đạo dạy thoát khổ tránh câu tứ tường.⁽¹⁹⁾

Khách trần tục nhiều đường tội ác

Bực tu hiền tạo tác phước lành

Thần Tiên tại thế đắc thành

Là chư hiền đệ hiện hành đạo đây.⁽²⁰⁾

Thiết tưởng chúng ta cũng nên tìm hiểu ý nghĩa đoạn thánh giáo trên:

chẳng vì tình riêng, vô tư và công bình.

⁽¹⁸⁾ *Vùa*: (Tiếng Việt cổ) giúp đỡ.

⁽¹⁹⁾ *Tứ tường*: Bốn vách, là từ khí sắc tài giam hãm con người.

⁽²⁰⁾ *Cử Khúc Tòà*, 01-3 Đinh Dậu (31-3-1957).

1. Đời thì lo kinh dinh(doanh) sự nghiệp

Đời sống con người xuôi thuận dòng đời, sau khi rời mái nhà trường, bước vào đời là bước vào vòng xoáy của chợ đời với “bá nghệ hảo tùy thân”, và không ít người đã chọn nghề thương mại vì quan niệm rằng “phi thương bất phú”, dù làm nghề gì nếu không kèm theo kinh doanh mua bán thì không thể giàu có được. Bởi vì, như Đức Chơn Thường Đạo Sĩ dạy:

Ở đời ai cũng muốn cho thân

Phú túc vinh hoa tại cõi trần

Để lại vợ con bao sự nghiệp

Đời này đời kế hưởng muôn phần.

Nhưng xét cho cùng việc thế gian

Dẫu cho sự nghiệp có muôn vàn

Thì nhiều ảm thực cùng y phục

Vẫn có chừng ni thật phũ phàng.⁽²¹⁾

2. Đạo thì lo hội hiệp cất chùa

Người đạo ngoài việc tu thân hành đạo theo nhiệm vụ của mình, còn phải chung tay góp sức cùng nhau xây cất hay tu bổ chùa chiền, tịnh thất để làm cơ sở tín ngưỡng cho bốn đạo và bá tánh thập phương chiêm bái, công phu, công quả và học tập giáo lý, đáp ứng nhu cầu thăng tiến tâm linh. Ấy là đi ngược dòng đời.

⁽²¹⁾ Minh Lý Thánh Hội, 22-7 Tân Hợi (11-9-1971).

3. Đời thì vật chất tranh đua

Một khi đã thuận dòng nhập cuộc với thị trường danh lợi, tất nhiên phải đua tài đua trí cạnh tranh. Cạnh tranh dù lành mạnh hay không lành mạnh cũng đều lao tâm khổ tứ tìm chước kiếm mưu để mong giành thắng lợi về mình. Đôi khi vì sự cạnh tranh đó, người ta dùng tới dã tâm để quật đổ đối thủ cho mình vươn lên đỉnh cao của tham vọng. Nhưng, Đức Chơn Thường Đạo Sĩ dạy:

*Trong sự đua tranh kiếp sống còn
Ai ai cũng tính việc thua hơn
Gây điều oan trái vì danh lợi
Nhiều kiếp chất chồng nợ núi non.*⁽²²⁾

4. Đạo thì tương trợ giúp vùa lẫn nhau

Đạo đây không chỉ là người có tôn giáo mà cả những người có lương tri, có đạo đức trong xã hội, nhận thức được mối tương quan giữa đồng bào đồng chủng, cùng chia sẻ cho nhau về bao nỗi đau thương, bù đắp và bổ khuyết cho nhau bao điều mất mát. Đối với người đạo hữu chúng ta, ngoài việc giúp đỡ lẫn nhau trong đời sống vật chất, còn phải tương trợ nhau về tinh thần, an ủi động viên nhau trong cơn kháo thí, cùng vượt qua chướng ngại tâm tình để củng cố đức tin, và để mong cho không một ai trong chúng ta bị rơi lại phía sau dòng đời đầy bão táp.

⁽²²⁾ Minh Lý Thánh Hội, 22-7 Tân Hợi (11-9-1971).

Đức Mẹ từng thiết tha nhắn nhủ:

*Trước hết phải ngọt ngon lời nói
Hành động đừng xoi bói một ai
Tình thương ban rải đó đây
Khoan dung phá chấp ngày ngày nghe con!*

*Tình đạo hữu giữ tròn chữ tín
Cộng tình thương chí kính chí thành
Thay vì hơn thiệt đua tranh
Kết đoàn hội hợp bạn lành dìu nhau.*

*Mẹ không quy đũa nào phải quấy
Phải quấy đều cả thấy như nhau
Khéo khôn là đũa cầm đầu
Dây dùn khó đứt, ngổ hầu mới nên.*

*Con hồi con, tiến lên hành đạo
Con hồi con, dạy bảo thương yêu
Có thương mới có dắt dìu
Có thương mới có tìm điều dạy khuyên.*⁽²³⁾

Đức Mẹ cũng khuyên chúng ta giữ lòng một mực, không chỉ những lúc gió lặng trời êm mới tỏ niềm tương thân tương ái, mà cả những khi gió dạt sóng đùa cũng nắm chặt tay chèo mà thương yêu khoan thứ lẫn nhau, chớ không nên:

⁽²³⁾ Thánh thất Tân Định, 15-8 Canh Tuất (15-9-1970).

Vui thì nói những câu non nỉ
Rằng đó đây chị chị em em
Những khi gió tạt ướt rèm
Chở che không quản, ngày đêm chẳng sồn.

Nhưng đến lúc giận hờn thì chấp
Rằng đó đây tu thấp tu cao
Rằng là kẻ trước người sau
Buông lời chua chát tao tao mày mày.

Trong cửa đạo sớm rầy chiều trách
Giữa thánh đường hạc sách nặng ngôn
Quên rằng trước mặt Chí Tôn
Quên rằng Diêu Điện Từ Tôn trên đầu.

Hỏi có tốt gì đâu hồi trẻ?
Đụng chạm nhau chia rẽ đó đây
Tưởng là đi Bắc đi Tây
Nhưng rồi cũng ở Đạo Thầy mà thôi! ⁽²⁴⁾

5. Đời chia rẽ đồng bào huynh đệ

Tâm địa người đời thường hay chực chờ những thời khắc “traị cò tranh nhau, ngư ông đắc lợi”, hoặc chủ động gieo rắc tư tưởng hoài nghi, thù dật điểm xấu giữa nhau để chia bè kết cánh, thỏa mãn lòng tự tôn tự thị, mưu cầu danh

⁽²⁴⁾ Thánh thất Tân Định, 15-8 Canh Tuất (15-9-1970).

lợi cho mình. Bởi thói đời như vậy, Đức Di Lạc Thiên Tôn có lần giảng cơ than thở:

*Dân một nước không hòa dân tộc
Người một nhà không dốc làm nên
Chia nhau vì tuổi vì tên
Xa nhau vì nặng cái nền tảng riêng.*

Ôi!

*Nhìn công cuộc đảo huyền thiên hạ
Nghĩ xót thương chí cả tài cao
Lỡ giam vào bức tường rào
Khó đem đạo lý nêu cao hòa đồng.* ⁽²⁵⁾

6. Đạo kết đoàn bốn bể năm châu

Nói đến sự đoàn kết bốn bể năm châu thì bao la quá đối với thường dân như chúng ta vì việc giao tiếp với các cộng đồng dân tộc trên thế giới, thường dành cho các nhà lãnh đạo của một đất nước.

Ở đây, Đức Lý gọi nhắc chúng ta điều này nhằm ngụ ý rằng, muốn kết đoàn cùng các sắc dân trên năm châu bốn bể thì trước hết phải kết đoàn cùng đồng bào dân tộc mình và trước nữa phải kết đoàn trong tổ chức tôn giáo và láng giềng, gia tộc mình.

⁽²⁵⁾ Trúc Lâm Thiền Điện, 17 rạng 18-7 Canh Tuất (18-8-1970).

7. Đời tạo oan nghiệp khổ sâu

Người đời thì hay xuôi theo dòng trái oan, thù hận từ trước, trả vay vay trả để phải gây thêm ác nghiệp sâu khổ triền miên. Người xưa vì thế cảnh tỉnh:

*Sanh sự sự sanh hà nhật liễu,
Hại nhân nhân hại kỷ thời hưu.*⁽²⁶⁾

(Gây việc này sanh việc khác ngày nào dứt,
Hại người thì người hại lúc nào thôi?)

8. Đạo dạy thoát khổ tránh câu tứ tường

Sách *Minh Tâm Bửu Giám*, thiên *Tĩnh Tâm* có bài thi về tứ đồ tường:

*Tửu sắc tài khí, tứ đồ tường
Đa thiếu hiền ngu tại nội srong
Nhược hữu thể nhân khiêu đắc xuất
Tiện thị Thần Tiên bất tử phương,*⁽²⁷⁾

Có người dịch:

Tửu sắc khí tài, bốn vách tường
Nhiều ít hiền ngu nhốt bụng rương
Nếu có thể nhân tung thoát khỏi
Chính bởi Thần Tiên bí diệu phương.

⁽²⁶⁾ 生事事生何日了, 害人人害幾時休.

⁽²⁷⁾ 酒色財氣四堵牆, / 多少賢愚在內廂. / 若有世人跳得出, / 便是神仙不死方.

Thuận theo dòng đời sẽ đẩy người ta vào vòng xoáy của bốn vách tường tửu, sắc, tài, khí – là nơi mà người hiền kẻ ngu cũng đều bị nhốt ở trong đó, như nằm chung trong cái rương chật chội.

Chỉ có bước lên thuyền đạo bơi ngược dòng mới nhảy qua khỏi bốn vách giam hãm đó, và đó cũng là phương thuốc Thần Tiên giúp người trường sinh bất tử (nghĩa bóng là không còn trở vào vòng luân hồi sanh tử nữa).

9. Khách trần tục nhiều đường tội ác

Do mãi mê đắm mình trôi lăn theo dòng chảy cuộc đời nên con người dễ sa vào nhiều đường tội ác chung quanh bốn vách vừa nêu trên, như:

* Hành hung, thóa mạ, chém giết lẫn nhau cũng từ việc “tửu nhập tâm như hổ nhập lâm” (rượu vào lòng cũng [tung hoành] như cọp vào rừng).

* Gia đình đổ vỡ, hạnh phúc ly tan, bơ vơ con cái, thậm chí sát hại nhau vì ghen tuông, tranh giành sắc đẹp mà quên câu: *Sắc bất ba đào dị nịch nhân* (sắc đẹp không phải là sóng nhưng dễ nhận chìm người), hay *đa tình đa cảm đa oan trái* (càng nhiều tình cảm lãng nhãng càng nhiều oan trái).

* Con bất hiếu, anh em bất nghĩa, đồng sự bất hòa đến nổi ra tay tàn độc hãm hại lẫn nhau vì tranh quyền đoạt lợi. Người đời không nghĩ đến những bản án chung thân hay tử hình, chỉ vì ham nhanh chóng làm giàu nên đi buôn ma túy,

buôn lậu, cướp của giết người, v.v... Vì vậy người xưa khuyên bảo:

*Người vì tham của chết oan
Chim vì tham thực vạ mang vào mình.*⁽²⁸⁾

Quả như lời Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy:

*Đời đấu tranh giết giành non nước
Chữ lợi quyền, quyền tước sang giàu
Hại nhau mà chẳng biết đau
Khác nào trẻ dại cầm dao dút mình.*⁽²⁹⁾

Tóm lại, hầu như không thể kể hết những nẻo đường tội ác xuất phát từ bốn vách tường tửu, sắc, tài, khí.

10. Bực tu hiền tạo tác phước lành

Người trần tục hay làm nhiều điều tội ác, còn người tu hiền hay làm nhiều việc phước lành. Đã mang tiếng là người tu, tất nhiên là hiền lương nhân hậu, chứ không phải dữ dằn như người trần tục chưa tu. Tu hiền ở đây là gồm cả tu thân để *thân hiền* (không có hành vi tội lỗi), tu khẩu để *khẩu hiền* (không có lời nói tội lỗi) và tu ý để *ý hiền* (không có tư tưởng tội lỗi). Thí dụ:

Thân hiền: Không sát sanh, không dùng bạo lực để bồi bổ lòng nhân từ, thương người mến vật. Không đạo tặc để

⁽²⁸⁾ Nhân tham tài tắc tử. Điều tham thực tắc vong. (Tăng Quảng Hiền Văn) 人貪財則死, 鳥貪食則亡. (增廣賢文)

⁽²⁹⁾ Thanh Liên Đàm, 08-6 Tân Sửu (20-7-1961).

bồi bổ tính hạnh thanh liêm. Không tà dâm, không gieo tình cảm bất chính để giữ gìn phong hóa và hạnh phúc gia đình.

Khẩu hiền: Không vọng ngữ (lộng giả thành chơn); không dùng lời như đao kiếm làm thương tổn lòng người. Đức Mẹ dạy:

*Trước hết phải ngọt ngon lời nói
Hành động đừng xoi bói một ai
Tình thương ban rải đó đây
Khoan dung phá chấp ngày ngày nghe con!*

*Tình đạo hữu giữ tròn chữ tín
Cộng tình thương chí kính chí thành
Thay vì hơn thiệt đua tranh
Kết đoàn hội hợp bạn lành dìu nhau.*⁽³⁰⁾

Ý hiền: Không có ý niệm xấu ác với mọi người; luôn bồi dưỡng tư tưởng lành, ý nghĩ lành; gieo rắc tư tưởng lành khắp nơi không phân biệt thân sơ. Tư tưởng lành được truyền đi đến từng người sẽ là hạt giống lành giúp họ nhận được sự chuyển hóa tốt.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

*Còn ở thế vai tuồng thế sự
Tùy cơ duyên cư xử cho xong*

⁽³⁰⁾ Thánh thất Tân Định, 15-8 Canh Tuất (15-9-1970).

*Dùng phèn nước đục lóng trong
Tập rèn tư tưởng tâm hồn thanh cao.⁽³¹⁾*

Thân Khẩu Ý một khi được hiền từ thì phước lành tự nhiên sẽ được thành toàn.

11-12. Thần Tiên tại thế đắc thành Là chư hiền đệ hiện hành đạo đây

Đức Diêu Trì Kim Mẫu dạy:

*Tiên Phật trước bởi người nhân thế
Biết tu hành dành để nhiều đời
Tuy rằng trong kiếp luân hồi
Có tu có tiến nhiều đời mới nên.⁽³²⁾*

Chư Phật Tiên Thánh Thần cũng là con người tại thế gian, nhờ tu hành nhiều kiếp mà chứng đắc quả vị. Chúng ta là những người đệ tử Cao Đài đang tu học và hành đạo theo thánh hạnh của Phật Thánh Tiên Thánh Thần bằng năm phương thức *tùng khổ, thắng khổ, thọ khổ, thoát khổ* và *giải khổ*.⁽³³⁾ Thần Tiên tại thế là người đầy lòng từ bi, bác ái, công bình; tam nghiệp thanh tịnh, không bị trói buộc bởi sợi dây nảo phiền dục vọng, chấp ngã chấp nhơn.

⁽³¹⁾ Minh Lý Thánh Hội, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).

⁽³²⁾ Thánh thất Tân Định, 15-8 Canh Tuất (15-9-1970).

⁽³³⁾ Xem: Thanh Căn, *Tìm Hiểu Ngũ Chi Đại Đạo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2014. Quyển 82-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.



Dòng đời ngược xuôi đã bày ra trước mắt, chúng ta đã lên thuyền, đồng lòng cùng nhau bơi ngược nước để mau về bến đỗ. Hy vọng mọi người không vì nản lòng thối chí mà thả thuyền trôi xuôi theo dòng đời đầy phong ba bão táp.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

*Thuyền từ đưa khách tục sang sông
Lèo lái hồi ai gắng hiệp đồng
Nước ngược sóng dồi tâm giữ vững
Hướng về bái mạng với Tiên Ông.⁽³⁴⁾*

Truyền Trạng **THANH CĂN**
01-9 Quý Tỵ (2013)

⁽³⁴⁾ Thánh thất Nam Thành, 14-10 Canh Tuất (12-11-1970).

TIỀN DỪNG Ở CÔI ÂM?

Giáo Sĩ HUỆ Ý

Vu Lan năm Nhâm Thìn (2012), dịp thánh tịnh Trước Mai ⁽¹⁾ mời về thuyết minh giáo lý, chúng tôi biết được chánh tín của một bậc phụ huynh thật là cao quý khi dạy dỗ con cháu trong gia đình.

Nhà hiền hữu N.G.K. bận rộn lo tang lễ cho phụ thân vừa mới liểu đạo. Ông dựng thứ bảy đến phụ giúp, sau một lúc thì vỗ vai N.G.K. hỏi:

- Máy đưa hà tiện chi mà không thấy mua giấy tiền vàng bạc cho cha vậy?

Anh N.G.K. dừng tay:

- Nếu dựng cho phép thì con xin thưa.

- Con cứ nói.

Anh N.G.K. cầm một tờ giấy đưa lên:

- Hồi ba con còn khỏe, cầm tờ giấy tiền vàng bạc đưa lên cho anh em con thấy rồi nói: “Ba biết tờ này là tiền giả. Lúc ba đi theo ông bà, mấy con đừng lấy tiền thiệt mua tiền giả mà đốt cho ba nghe. Thương ba thì ráng noi chí ba; anh, chị, em phải thương nhau, luôn cả bà con, xóm giềng nữa.”

⁽¹⁾ Tại ấp Trường Thắng, xã Trường Thành, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Khi qua thế giới khác, linh hồn phải tùng theo mọi sinh hoạt ở thế giới đó, đâu thể nào trở lại dùng thực phẩm ở thế giới này. Do đó sự cúng tế trong đạo Cao Đài tuyệt đối không dùng giấy tiền vàng bạc, đồ mã cùng sát sanh để hiến lễ.

Đức **DIỆU HẠNH TIÊN CÔ**

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam

Thứ Bảy, ngày 28-6-1969 (14-5 Kỷ Dậu)

Nghe đến đây tôi tự nhiên buột miệng:

- Ông bác chắc cho gia đình biết trước ngày về côi trên hạ huynh?

- Dạ, ba đệ cho gia đình biết để chuẩn bị hậu sự trước một tuần; rồi đi theo Đức Quan Thánh Đế Quân vào hôm 24 tháng 6 âm lịch.

- Nhứt thiết do tâm tạo. Huynh ráng kể nghiệp ông bác nghe!

Tiếng chuông báo đàn vừa điểm, tôi vỗ vai anh rồi đứng lên chuẩn bị phận sự của mình.

Mùa Vu Lan Giáp Ngọ (2014)

Giáo Sĩ **HUỆ Ý**

Ý NGHĨA HAI CHỮ TU HÀNH

TRẦN VĂN QUANG

I. Hai chữ tu hành thường bị lợi dụng

Chúng ta thường quen nói trên cửa miệng hai chữ TU HÀNH. Vì thường nói nhiều và nghe quen tai quá nên phần đông chúng ta có lẽ ít khi chịu suy nghĩ sâu xa để hiểu cho tường tận ý nghĩa thực sự của hai chữ tu hành là gì.

Nếu hai chữ tu hành không có ý nghĩa gì đặc biệt thì Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã không mất công rời cõi thượng giới xuống trần gian giảng giải cho chúng ta học hỏi.

Tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam vào Tuất thời, ngày rằm tháng Tư Tân Hợi (Chủ Nhật 09-5-1971) Đức Thiền Sư giảng đàn. Chúng ta nhớ rằm tháng Tư là kỷ niệm Phật Đản. Bởi thế, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư cho biết lý do Ngài giảng đàn như sau:

“Nhân ngày lễ Phật Đản, Bản Tăng được sự thỉnh ý của đạo hữu Ngọc Lịch Nguyệt đến với chư đạo hữu, thiện tín giờ này, trước là gặp gỡ các hàng Thiên ân hướng đạo, các hàng nguyên nhân trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và sau, nhân tinh thần ưu ái ấy, Bản Tăng có ít lời bày tỏ. Vậy mời chư đạo hữu an tọa.”

Như vậy, vì có một vị Tiền Khai Đại Đạo là Đức Ngọc Lịch Nguyệt thỉnh mời nên Đức Thiền Sư mới giảng trần

dạy đạo nhân ngày Phật Đản. Do nhân duyên này mà Đức Thiền Sư giảng giải cho chúng ta ý nghĩa hai chữ tu hành. Đức Thiền Sư dạy:

“... Bản Tăng xin trình bày nơi đây một ý niệm rất thông thường cho chữ tu hành. Tuy là rất thông thường, nhưng chính nhờ nó mới tạo cho con người những yếu tố cao cả hơn trên bước đường tu thân tiến hóa.”

Đức Thiền Sư cũng xác định hai chữ tu hành là một ý niệm thông thường. Tuy nhiên, thông thường không có nghĩa là tầm thường, bởi vì nhờ tu hành mà chúng ta mới tiến hóa lên một đẳng cấp cao siêu hơn chỗ đứng chúng ta trên mặt đất hiện nay. Đức Thiền Sư dạy tiếp:

“Ngày xưa cho tới ngày nay, trên xã hội loài người, như là xã hội Việt Nam, người ta thường dùng hai tiếng tu hành để làm kim chỉ nam cho cuộc sống, dù là cuộc sống của bậc lý gia cát ái, dù là cuộc sống của kẻ ra cũi vào lồng, dù là cuộc sống của kẻ mua gánh bán bưng, và hơn nữa, ở cửa thiền, mỗi khi đối diện với kẻ trần tục, thì người ta bảo tôi là kẻ tu hành, rồi họ định nghĩa luôn rằng ăn chay niệm Phật, không sát sanh, không uống rượu, không không và không...”

“Ở giới quan lại sĩ phu, mỗi khi muốn lấy lòng dân, muốn chiếm hữu một hữu thể vật chất nào, họ cũng tỏ rằng mình là những bậc trượng phu có đức độ, biết tu hành, ban bố ân sủng cho dân chúng đặng nhờ. Và đến cả những tay bán buôn tráo đấu, nhiều mưu chước lường gạt tha nhân để cầu lấy cái lợi vật chất về mình, mỗi khi gặp việc cần để thu

hút món ăn, họ cũng chẳng ngại đem hai tiếng tu hành để che đậy thói hư tật xấu của mình.”

Qua đoạn thánh giáo vừa rồi, chúng ta thấy hai chữ tu hành thường nằm trên cửa miệng đủ hạng người trong xã hội từ xưa tới nay:

- Hoặc là người lìa xa gia đình đi tu (ly gia cát ái),
- Hoặc là kẻ buôn gánh bán bưng,
- Hoặc là kẻ gian thương xảo quyệt,
- Hoặc là kẻ gian nịnh, luồn cúi,
- Hoặc là kẻ làm quan, v.v...

Bất cứ ai, bất cứ thành phần nào trong xã hội, hễ cần lấy lòng thiên hạ, hễ muốn cho thiên hạ thấy mình là người có đức độ đáng tin cậy, thì họ đều xưng mình là kẻ tu hành nhằm mục đích mua chuộc tình cảm bá tánh.

Điều đó chứng tỏ hai chữ tu hành rất có giá trị. Nếu không có giá trị thì ở đời đâu ai mất công lợi dụng nó để mưu cầu lợi lộc cho họ.

Chính vì bị lợi dụng như vậy mà hai chữ tu hành mất hết giá trị cao đẹp, trở nên cái vỏ che đậy cho những con người lòng dạ xấu xa. Thậm chí những kẻ mất hết cả nhân phẩm, tư cách con người cũng chẳng ngại ngần gì mà không tự xưng họ là kẻ tu hành. Bởi vậy, Đức Thiền Sư nhận xét:

“Nói quanh nói quẩn cũng hai chữ tu hành. Nó đã trở thành một từ ngữ phổ thông, mà phổ thông trong các giới. Giới nào xài cũng được, thì tự nó không còn ý nghĩa đích

thực của nó nữa. Tức là nó đã biến thiên [thay đổi], nó được định nghĩa đủ thứ. Cho đến cả những thành phần bằng hoại nhân phẩm, đồ vô giá trị con người, cũng nhờ nó mà chớ che.”

II. Thật sự, tu hành nghĩa là gì?

Lời nói thường không đi đôi với việc làm. Muốn nói mình là kẻ tu hành thì phải sống, phải làm ăn, cư xử như thế nào cho đúng nghĩa hai chữ tu hành.

Xã hội đã có quá nhiều người làm sai lạc ý nghĩa hai chữ tu hành thì người tu hành chơn chánh phải định nghĩa nó lại cho rõ ràng, để trả lại cho nó ý nghĩa cao đẹp. Bởi vậy, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy như sau:

“Song dù thế nào chẳng nữa, là người tu chánh đạo, cũng nên đem nó trở lại ý nghĩa căn bản thực sự của nó hầu dùng nó cho đúng chỗ đúng nơi.

Tu là sửa. Ấy chỉ là phần tiêu cực, mà còn phải bồi bổ mới là phần tích cực. Nghĩa là sửa đổi đi những điểm xấu xa tội lỗi để không còn một bợn nhơ, một mặc cảm nào về tội lỗi; và còn phải bồi bổ nó thêm về những hành động hiền lành phước đức, đúng lời Phật dạy: Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành.”

Trong đoạn thánh giáo vừa rồi, Đức Thiền Sư nhắc tới hai câu trong Kinh Pháp Cú của nhà Phật. *Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành* nghĩa là: Chớ làm các việc ác, vâng làm những điều lành.

Những việc gì là việc ác? Những điều gì là điều lành?

Có bao nhiêu điều tất cả?

Dĩ nhiên xưa nay không ai kể ra được tất cả có bao nhiêu việc ác và có bao nhiêu điều lành. Nếu không kể ra được hết, thì mình làm sao biết rõ mà tránh ác trọn vẹn và làm lành cho đủ?

Chính vì vậy mà các bậc Giáo Tổ trong các tôn giáo Đông Tây kim cổ và trong đạo Cao Đài ngày nay đã gom lại, thu tóm tất cả việc ác điều thiện vào con số năm. Có năm việc ác phải tránh, mà tránh được chúng tức là đã làm được năm điều lành.

Nói đến đây chúng ta đều hiểu ngay là Ngũ Giới Cấm. Để giữ trọn vẹn Ngũ Giới Cấm thì đã làm đúng theo lời Phật dạy: *Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*.

Chúng ta đừng tưởng làm Ngũ Giới Cấm là ít ỏi. Thật ra chỉ có năm giới mà bao gồm hết thấy lời ăn tiếng nói, hành động việc làm của con người rồi. Trong *Thánh Huấn Hiệp Tuyển* (quyển 1), Đức Thái Thượng Đạo Quân dạy:

“Bởi vậy, Năm Giới Cấm rất quan trọng, người tu cần phải giữ đúng tinh nghiêm quy điều, giới luật mới bước qua cơ siêu thoát được.”

Lấy thí dụ như giới thứ năm là bất vọng ngữ. Nhiều người hiểu lầm bất vọng ngữ là không nói dối. Thật ra bất vọng ngữ có nghĩa là không nói sai trái đạo lý. Một chuyện xấu của đạo hữu, mặc dù việc ấy có thật, nhưng khi chúng ta ngồi lê đôi mách mà kể cho nhau nghe, đó là đã phạm giới này rồi.

Hoặc lấy thêm thí dụ nữa là giới thứ nhất (bất sát sanh). Đâu cần giết ai chết mới là sát sanh. Khi giận ai quá, thù ghét ai quá, trong bụng ta rửa thù: *Sao nó không chết phứt cho rồi! Sao Thiên Lôi không cho nó một bữa!* Rửa ác như vậy cũng là phạm tội sát sanh rồi.

Bây giờ chúng ta trở về với ý nghĩa hai chữ tu hành.

Tu là sửa. Cái xe hư ít ta sửa ít, gọi là tiểu tu. Cái xe hư nhiều ta sửa nhiều, gọi là đại tu.

Cái thân và cái tâm chúng ta sống trong đời bị lục đục thất tình phá hoại dần mòn nên cũng hư hao chỗ này chỗ nọ, không nhiều thì ít. Vậy nên phải tu để sửa chữa cái thân và cái tâm của ta.

Nhưng ta còn hay nói tu bồi, tu bổ. Cái xe hư chỉ sửa chữa thôi cũng chưa đủ; còn phải thường xuyên chăm sóc nó, vô dầu mỡ, lau chùi, đắp vá những chỗ tróc sơn hay mục sét, v.v... Như vậy tức là bồi bổ cho cái xe. Đối với thân và tâm ta, đối với cuộc đời chúng ta, cũng tương tự như cái xe vậy.

Khi nói tu sửa thì chỉ mới được một phần; còn phải thêm phần tu bồi cho đầy đủ. Tức là người tu phải siêng năng học đạo, học giáo lý để hiểu rõ lẽ chánh tà mà thực hành cho đúng đạo lý. Nói tu mà không hiểu giáo lý, thì đâu biết chỗ nào đúng để theo, đâu biết chỗ nào sai mà chừa bỏ! Đó là lý do bên cạnh hai chữ tu hành, chúng ta còn nói là tu học. Học cái gì? Học ra sao?

Biển học mênh mông, thời gian và khả năng chúng ta

hạn chế. Biết học sao cho đủ?! Về chỗ này, chúng ta hãy nghe Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy như sau:

“Phần tu là bồi bổ, chỉ cho người một cái hướng, cái chỗ đi, nhưng chưa biết phải làm gì và đi tới đâu, tức phải nhờ vào sở học. Nhưng học gì đây, trong khi mình là một người tu, một người phé đời hành đạo, một người hướng thiện?”

Học đạo, nếu chỉ một tiếng thôi, cũng chưa đủ. Nó còn phải hiểu thêm nhiều nữa (...).

“(...) Chư đạo hữu đã gặp minh sư. Hiện hữu minh sư là Đức Cha Trời Thượng Đế, bạn hữu là những người đồng hành trên Đại Đạo.

Trên Đại Đạo ấy, chư đạo hữu đã, đang học những gì, và cái học đó để giúp yếu tố cho sự tu đức, sự bồi bổ vậy.

Sự bồi bổ về đạo này cũng gọi là hành, mà từ ngữ tu hành được gói ghém trong đó.”

Như vậy, Đức Thiền Sư nhắc nhở rằng chúng ta đang có Thầy Trời là Đức Cao Đài dạy cho ta tu học. Trời là minh sư, là ông thầy sáng suốt dạy đúng để chúng ta tu đúng, khỏi lạc lối lầm đường. Nếu chúng ta tu không thành công là lỗi của chúng ta.

Chúng ta còn được Đức Thiền Sư giảng thêm ý nghĩa chữ hành trong hai tiếng tu hành. Hành là bồi bổ cho mình được đức độ. Nếu chúng ta tu mà không thực hành giáo lý, không sửa chữa bản thân thì chỉ là tu suông cái miệng, không đúng nghĩa tu hành, không đúng nghĩa tu đức.

Tu đức là sao? Trong đạo Cao Đài, ngoài Ngũ Giới Cấm còn có Tứ Đại Điều Quy để giúp chúng ta tu đức. Thánh thất thánh tịnh nào cũng treo Ngũ Giới Cấm và Tứ Đại Điều Quy trên vách để nhắc nhở tín đồ, chức việc, chức sắc nhớ tu đức.

Lấy thí dụ, Tứ Đại Điều Quy, Điều thứ Ba khuyên chúng ta như sau: *Đối với trên, dưới đừng lờn dể, trên dạy dưới lấy lễ, dưới gián trên đừng thất khiêm cung.*

Nếu ai cũng làm đúng như vậy, trong sinh hoạt thánh thất, khi họp hành, nếu lỡ có chuyện trái ý thì anh chị em biết kềm chế, rồi lựa lời khuyên bảo nhau nhỏ nhẹ, đừng nên a dua, theo hùa, kết bè với nhau để mà to tiếng nặng lời với nhau, quên hết tôn ti trật tự trong thánh thất.

Làm được như vậy là bảo toàn đức độ người tu. Không làm được như vậy là thất đức. Thánh thất nào hay cãi cộ tức là người tu hành trong thánh thất đó thiếu đức.

III. Tu hành thì hướng tới lợi ích của người khác (độ tha)

Trong sự tu hành có bao hàm ý nghĩa đem kết quả tu học của bản thân ra độ đời. Cho nên hễ càng tu học được nhiều thì công quả độ đời càng nhiều. Nếu ta không tu học, thì lấy gì làm “vốn liếng” độ đời.

Lấy thí dụ, mỗi khi có người tới thánh thất tìm hiểu đạo Thầy, khách hỏi về nghi lễ, về giáo lý mà chúng ta không rành nên nói không đúng, khiến khách hiểu sai về đạo Thầy, như vậy là có lỗi.

Hoặc, vì không hiểu giáo lý và nghi lễ, chúng ta tự ý

thêm bớt bớt thêm cách hành lễ hay sinh hoạt trong thánh thất, như vậy là có lỗi với Ôn Trên. Do sự tùy ý thêm bớt bớt, không làm đúng đạo lý thì nội bộ có ý kiến trái nghịch nhau, sinh ra xích mích, khẩu đảo, thánh thất mất thanh tịnh. Như vậy rất có lỗi với Ôn Trên.

Bởi thế cho nên, việc tu học phải luôn luôn siêng năng. Ngoài hai kỳ sóc vọng nghe thuyết minh giáo lý còn phải siêng đọc kinh sách, và phải biết chọn những sách có uy tín để đọc. Đọc sách là tự học, tự bồi dưỡng giáo lý rất tốt, rất hiệu quả.

Xin nhớ rằng Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch dạy chúng ta mỗi ngày phải chừa ra ít nhất là một giờ đọc kinh sách cho nghiêm túc. Ta tu Tam Công, thì đọc sách cũng là Công Trình, bởi lẽ nhiều người làm biếng đọc sách. Công Trình là sửa tánh xấu bản thân, trong đó có tật làm biếng học giáo lý, làm biếng đọc sách.

Nếu chúng ta nhớ rằng đạo Cao Đài dạy chúng ta tu hành phải đủ hai mặt tự độ bản thân và độ tha (giúp người khác hiểu đạo) thì chúng ta mới thấy tu học, bồi dưỡng đạo đức và hiểu biết giáo lý rất quan trọng cho người tu hành.

Về tự độ và độ tha, Đức Vạn Hạnh Thiên Sư dạy:

“Thường thường phần đông những nhà tu hành theo Đại Đạo hiểu chữ tu hành được chia ra hai giai đoạn, cũng không phải giai đoạn nữa, được chia ra hai phần là đúng hơn. Một phần tu đức, tu thân, sửa chữa thân mình cho đẹp, cho thiện mỹ, cho trong sáng, khỏi những vô minh. Một phần nữa là hằng đem năng lực và sự hiểu biết về lễ

tu, lễ đạo để làm cho người khác nên, làm cho người khác được yên vui cũng như mình, để đồng nhau dẫn dắt về nơi tuyệt đỉnh của sự tu, là sự đắc đạo.

“Nói một cách khác, là tự độ và độ tha đó.”

Thánh giáo Cao Đài thường khuyên chúng ta đừng tu độc thiện kỳ thân, nghĩa là đừng chỉ biết lo cho lợi ích riêng mình mà thôi. Các Đấng thiêng liêng luôn luôn khuyên như thế. Cho nên Đức Vạn Hạnh Thiên Sư cũng nhắc nhở chúng ta thêm một lần nữa. Ngài dạy:

“Quan trọng hơn hết, là trong thời kỳ hạ nguơn này, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chủ trương không tu thân độc thiện mà phải song hành độ tha nữa. Điều đó chư đạo hữu tất cả hiểu rõ lắm rồi.”

Chúng ta đều hiểu Ôn Trên chẳng bao giờ dạy thừa lời vô ích. Bản tánh con người phạm tục là dễ quên, mau quên. Cho nên cái gì mà các Đấng luôn luôn nhắc đi nhắc lại thì đó là điều vô cùng quan trọng để giúp chúng ta lập công bồi đức mới đủ điều kiện trở về với Thầy Mẹ. Vậy thì hôm nay chúng ta tìm học ý nghĩa hai chữ tu hành qua bài thánh giáo năm xưa của Đức Thiên Sư, chúng ta thấy Ngài giống như một ông thầy giáo đang ôn bài cho học trò trước ngày đi thi.

Đúng như vậy. Hai chữ tu hành quá quen thuộc, nên chúng ta ý lại, không để tâm coi trọng nó. Mà đây là bài thi căn bản để con người được chấm đậu mới vào dự Hội Long Hoa hưởng đời thượng nguơn thánh đức.

Đức Thiền Sư biết rõ tâm lý chúng ta, nên Ngài từ bi ôn bài cũ cho chúng ta nhớ lại mà thực hành cho đúng đạo lý. Tóm tắt chúng ta có mấy điều ghi nhớ như sau:

- Hai chữ tu hành rất quý nên luôn bị người đời lợi dụng cho tư tâm và quyền lợi riêng tư.

- Người tu hành chân chánh nên biết rằng tu hành đúng nghĩa là phải tu sửa bản thân cho đủ đầy đạo đức, phải bồi bổ những cái hư hao thiếu sót của bản thân, phải tránh các việc ác mà làm các việc lành. Ngũ Giới Cấm và Tứ Đại Điều Quy là chín món bảo bối giúp chúng ta xứng đáng được tuyển chọn để trở về gặp Thầy gặp Mẹ.

- Chúng ta tu hành vừa lo cho bản thân là tự độ, vừa lo cho người khác là độ tha. Muốn độ tha thì phải có bản lãnh, có trình độ. Do đó phải siêng năng tu học giáo lý, đọc nhiều kinh sách trong Đạo mới có thể nâng cao hiểu biết theo chánh tín.

Tất cả những điều này ai cũng biết, nhưng từ biết tới làm cho trọn vẹn là hai chuyện rất khác nhau. Bởi lẽ chúng ta ngại khó, làm biếng. Thương chúng ta nên Đức Vạn Hạnh Thiền Sư khuyên phải vượt qua tánh tình phàm tục ấy cho xứng đáng là học trò Cao Đài Tiên Ông. Ngài dạy:

*Lao khổ tu đi một kiếp này
Tu là sửa đổi dở ra hay
Tu là bồi bổ nền âm chất
Tu rạng thanh danh mới đạo Thầy.*

Chúng ta cũng hay viện cớ mình còn bận bịu việc đời, việc gia đình, việc nợ việc kia đủ thứ nên không rảnh rang mà tập trung lo tu hành cho nghiêm túc. Phần đông chúng ta nhập môn rồi, tuổi đạo mấy chục năm rồi, tuổi đời cũng lớn hết rồi, nhưng đâu phải ai ai cũng giữ được trường trai và lo tu thiền. Như vậy, đến khi chúng ta lìa bỏ trần gian này thì xem lại cũng chẳng khác gì người đời chưa tu.

Thương chúng ta, sợ chúng ta tiếp tục lơ là tu hành, bỏ lỡ kỳ thi cuối cùng trước Hội Long Hoa nên Đức Thiền Sư ân cần khuyên nhủ thêm như sau:

*Kỳ chót là kỳ tuyển lựa đây
Hồi ai còn bận cõi trần ai
Mau chon kéo trễ trường công quá
Điểm đạo cho người chẳng lệch sai.*

Trước khi từ giả chúng ta trở về cõi thượng giới, Đức Thiền Sư còn ban ơn thêm bài thánh thi này:

*Mấy lời đạo lý hôm nay
Mong chư đạo hữu đem tài chiếu tri
Dù cho gặp buổi loạn ly
Mỗi người mỗi ngã cứ y tu hành
Chẳng tu xa lánh nhơn sanh
Chẳng tu độc thiện để hành độc thân
Vi nhân cùng với chúng nhân
Xử sao cho vẹn mỗi phần thì thôi.*

Xin chúng ta hãy ghi nhớ hai câu kết bài thánh thi:

*Vi nhân cùng với chúng nhân
Xử sao cho vẹn mỗi phần thì thôi.*

Nghĩa là chúng ta hãy ráng làm người tu hành cho đúng nghĩa, đúng đạo lý con người trong lúc sống chung với mọi người. Chúng ta hãy cầu nguyện để giúp nhau cùng tu hành tiến bộ trong một họ đạo tiến bộ, đạo đức.

TRẦN VĂN QUANG

LÒNG QUÊ

Thương sao nhánh cỏ bên đường
Nắng phơi pha lấm để sương sương sờ
Đêm nghe sóng lạnh vỗ bờ
Mà xưa tôi ngỡ sông hồ hững trôi

Xa quê từ rất lâu rồi
Thuở em chưa biết nói lời trau tria
Chưa mơn mõi đợi chân khuya
Trở về dặm vắng rẽ chia tác lòng

Thương sao chiếc lá chiều đông
Khẽ khàng rơi giữa mênh mông đất trời
Ngắm nhìn mây trắng đầy vơi
Tôi yêu biết mấy con người chân quê.

TRẦN DÃ SƠN (5-2014)

XIN THƠ

Giữa thời kinh tế thị trường
Chạy theo tốc độ còn đường nào ngoi.
Để yên vài khắc thanh thoi
Ngắm nhìn cảnh vật dưới trời mênh mông.
Người đời ngày tới ruỗi giông
Lo phương sinh kế hỏi lòng nào mơ?
Mơ chi suối nhạc dòng thơ
Trên trăng dưới nước cậy nhờ được đâu!
Thế nhưng có kẻ mầy râu
Xúi “mèo” đi kiếm vài câu thơ thần.+
“Mèo” rằng không gặp tao nhân
Thôi đành một tiếng ân cần: Xin thơ! *
Mấy ai trong chốn trần nhơ
Chút mong hội ngộ nàng thơ vô hình.
Bởi thơ chở nặng chữ tình
Tình non tình nước lại tình đạo tâm.
Thơ gieo từng hạt dư âm
Vào lòng tri kỷ ngàn năm vẫn còn.
Thơ như tiếng quốc đầu non
Gọi hồn linh tử mau chơn qua bờ.
Phải chăng là ý “xin thơ”?

HUYỀN CHƠN

+ Lời tục nói *Xúi mèo ăn...* (Đây là nhà thơ *ghẹo* kẻ xin thơ!)

THƯƠNG AI

Tuổi Đạo trăm năm gần đến độ
Thăng trầm tan hợp giữa phong ba
Nhen lên ngọn lửa tình huynh đệ
Có phải riêng gì một Mẹ Cha.

Thương ai từ mũi Cà Mau ấy
Đến tận Hà thành đất thủ đô
Vì Đạo vì Thầy kham nhẫn lắm
Giữ cho sắc áo khỏi lem mờ.

Thương ai xẻ núi gầy cơ nghiệp
Của Đấng Cha Lành đã phó trao
Sỏi đá xây thành bao thánh thể
Trung Nam một cõi chí hùng cao.

Thương ai lặn lội khắp ba miền
Vun cội hiệp hòa nhánh kết liên
Kỳ vọng trăm năm về một mối
Cao Đài Đại Đạo mới bình yên.

HUYỀN CHƠN (*Hội Thánh CĐ Tiên Thiên*)

* Ngày 05-6-2014, Văn Uyên gửi thư tới hiền huynh Huyền Chơn đề “xin thơ”. Hiền huynh “*Thấy hai chữ xin thơ hơi ngồ ngộ, bèn chớp lấy làm đề*” và liền gửi cho bài *Xin Thơ*, rồi thừa hứng làm thêm bài *Thương Ai*. Cảm tạ hiền huynh.

BIỂN GỌI

Biển chiều nay xao xác gọi tên ai
Xanh như thể đã ngàn năm không gặp
Gió như thể cầu cào lên bờ cát
Sóng cô đơn vỗ rất mặt phong trần

Mây đi đâu dằng dặc bóng tình nhân
Người ở đâu mà không về với biển
Con thuyền nhỏ lắt lay buồm, khăn tiếng
Giữa muôn trùng lặng lẽ đá ngầm đau

Có hẹn gì sao biển cứ nông sâu
Giọt nước mặn cuốn mòn đêm thao thức
Xô bờ đá hốc hờm thêm đau nhức
Muống biển lan thăm thẳm dấu chân còng

Hàng dương xưa đã cỗi nhánh long đong
Cúi mặt xuống lưng chiều vì vút gió
Năm tháng cũ sâu hằn trên thảm cỏ
Con thuyền nào neo được bến ngày xưa?

HUYỀN VĂN MƯỜI

*Thánh thất Nam Trung Hòa
Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài*

DỊCH HỌC VIỆT NAM CUỐI ĐỜI NGUYỄN: Tìm Hiểu *Chu Dịch Cứu Nguyên* (1916) Của Lê Văn Ngữ (1859-?)⁽¹⁾

BENJAMIN WAI-MING NG

(NGÔ VĨ MINH 吳偉明)

Chinese University of Hong Kong

LÊ ANH MINH dịch

Dịch học Việt Nam là một lĩnh vực nghiên cứu chưa được biết nhiều. Rất ít tác phẩm của người Việt viết về Kinh Dịch hiện tồn và giới học giả hiện đại về Kinh Dịch về cơ bản là không có.⁽²⁾ Bài tham luận này chỉ là bước đầu

⁽¹⁾ Nhan đề nguyên bản: *Yijing Scholarship in Late-Nguyen Vietnam: A Study of Le Van Ngu's 黎文敬 Chu Dịch Cứu Nguyên 周易究原 (An Investigation of the Origins of the Yijing, 1916).*

⁽²⁾ Chỉ có mười ba tác phẩm về Kinh Dịch được liệt kê trong thư mục các sách cổ do Viện Nghiên Cứu Hán Nôm xuất bản. Hầu hết là các bản in lại bằng chữ Hán hoặc là các nguyên bản chữ Hán được đem vào Việt Nam. Chỉ có một số ít nhan đề (khoảng 2% của bộ sưu tập) là chú giải của các nhà Nho Việt Nam. Xem: Trần Nghĩa và François Gros (chủ biên), *Di Sản Hán Nôm Việt Nam: Thư Mục Đề Yếu*. Hà Nội: Nxb Khoa Học

tìm hiểu Dịch học Việt Nam từ góc độ đối chiếu, văn bản, và lịch sử. Trước tiên, tôi khái quát về Dịch học Việt Nam từ khi Kinh Dịch được du nhập vào Việt Nam đầu đời Nguyễn (1802-1945), đồng thời giới thiệu vài học giả tiêu biểu cùng tác phẩm của họ, và nêu các đặc điểm của Dịch học Việt Nam. Phần chính yếu của bài tham luận này nhằm phân tích văn bản của một trong các bản bình chú Kinh Dịch hiện tồn, đó là tác phẩm *Chu Dịch Cứu Nguyên* 周易究原 (Khảo cứu nguồn gốc Chu Dịch, 1916). Bài tham luận này nhằm giúp chúng ta hiểu biết sâu thêm về sự phát triển của Dịch học và Nho học vào thời kỳ đầy biến động cuối đời Nguyễn (1886-1945).

DỊCH HỌC VIỆT NAM TRƯỚC THỜI LÊ VĂN NGỮ

Kinh Dịch không phải là kinh điển Trung Quốc có ảnh hưởng và phổ thông nhiều trong giới học giả Việt Nam. Tống Nho – cụ thể là học thuyết của Chu Hi 朱熹 (1130-1200) vốn coi trọng *Tứ Thư* hơn *Ngũ Kinh* – đã chiếm ưu thế trong Nho học Việt Nam. Không ai biết đích xác Kinh Dịch được truyền vào Việt Nam tự bao giờ. Suốt hơn một ngàn năm dài, từ 111 trước Công Nguyên (TCN) đến 939 Công Nguyên (CN), Việt Nam bị Trung Quốc đô hộ, các quan lại và thương buôn Trung Quốc đã định cư hoặc tạm trú tại Việt Nam, còn người Việt thì cũng qua Trung Quốc để triều cống, mua bán, hoặc du học. Đường như những

Xã Hội, 1993, tập I, các trang 289-291, 591, 707, 769; tập III, các trang 738, 749-750, 761, 946-947.

người Trung Quốc và Việt Nam này đã mang các bản bình chú Kinh Dịch của đời Hán (206 TCN-200 CN) đến đời Đường (618-906) vào Việt Nam, đặc biệt là miền Bắc Việt Nam. Việt Nam cũng in lại các kinh điển Trung Quốc vào các thời kỳ khác nhau. Một trong những tư liệu ghi chép sớm nhất cho biết rằng các văn bản Trung Quốc được in tại Việt Nam vào năm 1007. Đó là lúc triều đình Việt Nam cho in lại các kinh điển Phật Giáo và Nho Giáo. Nhưng không rõ trong đó có bản Kinh Dịch hay không.

Vào đời Lý (1010-1225), triều đình áp dụng hệ thống khoa cử và lập nhà Thái Học theo mô hình của Trung Quốc. Mặc dù không phải là môn học chính nhưng Kinh Dịch cũng nằm trong chương trình học. Phật Giáo cũng có nhiều ảnh hưởng như Nho Giáo trong thời này và một số nhà sư (như sư Bảo Giám 寶鑑) cũng đã nghiên cứu Kinh Dịch.⁽³⁾

Suốt đời Trần (1225-1400), triều đình hoàn thiện và phát triển hệ thống trường học và khoa cử. Triều đình cho in Tứ Thư, Ngũ Kinh làm sách giáo khoa áp dụng cho các trường công và các kỳ thi. Các học giả đời Trần cũng viết thêm lời bình chú của mình vào kinh điển Nho Giáo. Tại trường, các học sinh từ mười bốn đến mười lăm tuổi phải đọc Tứ Thư Ngũ Kinh để chuẩn bị cho các khoa thi sau này.⁽⁴⁾

⁽³⁾ Trần Ngọc Long 陳玉龍, *Hán Văn Hóa Luận Cương* 漢文化論綱, Bắc Kinh Đại Học xuất bản xã, 1993, tr. 387.

⁽⁴⁾ Alexander Barton Woodside, *Vietnam and the Chinese*

Tổng Nho của Chu Hi trở thành học thuyết có ít nhiều ảnh hưởng vào đời Lê (1428-1789). Triều đình lập ra các chức tiến sĩ Ngũ Kinh để đề cao Ngũ Kinh vì e rằng các kinh điển Nho Giáo như Kinh Dịch, Lễ Ký, Xuân Thu bị xao lãng.⁽⁵⁾ Tại triều đình, nơi nhà Thái Học, Kinh Dịch được nghiên cứu như một bộ kinh của Nho Giáo và tại Bộ Lễ, Kinh Dịch được sử dụng như một sách bói. Tuy nhiên, vì không phải là kinh sách quan trọng tại cả nhà Thái Học lẫn Bộ Lễ, rất ít học sinh chuyên về Kinh Dịch.⁽⁶⁾ Kinh Dịch chưa hề chiếm vị trí quan trọng trong các khoa thi.⁽⁷⁾ Triều đình cho in lại Ngũ Kinh và các lời bình chú làm sách giáo khoa cho các trường công tại kinh đô cũng như các địa phương. Nhiều Nho sĩ trong thời này đã bình chú

Model: A Comparative Study of Nguyen and Ch'ing Civil Government in the First Half of the Nineteenth Century (Việt Nam và mô hình Trung Quốc: So sánh hệ thống hành chính của triều Nguyễn và triều Thanh vào nửa đầu thế kỷ XIX). Cambridge: Harvard University Press, 1971, tr. 189.

⁽⁵⁾ Hạ Thánh Đạt 賀聖達, *Đông Nam Á Văn Hóa Phát Triển Sử* 東南亞文化發展史 (Cultural History of Southeast Asia), Văn Nam Nhân Dân xuất bản xã, tr. 155.

⁽⁶⁾ Ngô Sĩ Liên 吳士連, *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* 大越史記全書 (A Complete History of Great Vietnam, compiled 15th century). Tōkyō: Tōyōbunka kenkyūjō, 1984, tr. 1002.

⁽⁷⁾ Fujiwara Riichirō 藤原利一郎 (Đặng Nguyên Lợi Nhất Lang), *Tōnan Ajia shi no kenkyū* 東南アジア史の研究 (Đông Nam Á Sử Nghiên Cứu: A Study of Southeast Asian History). Kyōtō: Hōzōkan, 1983, tr. 436-435, 460.

kinh điển Trung Quốc bằng chữ Hán và phiên dịch các kinh này ra chữ Nôm. Một số Nho sĩ đã nổi tiếng về Dịch học. Thí dụ như Nguyễn Bình Khiêm 阮秉謙 (1491-1587), một Nho sĩ cũng là nhà thơ Nôm, rất nổi tiếng về Kinh Dịch.⁽⁸⁾ Lê Quý Đôn 黎貴敦 (1726-1784) – một nhà ngoại giao cũng là Nho Gia theo Chu Hi và trứ tác rất nhiều – đã viết một bình chú quan trọng về Kinh Dịch với nhan đề *Dịch Kinh Tầng Thuyết* 易經層說 (Sự giải thích có lớp lang về Kinh Dịch, 1752). Chịu ảnh hưởng của cái học khảo chứng, từ góc độ văn bản học Lê Quý Đôn đã phê bình Kinh Dịch cùng với các kinh điển Nho Giáo khác.

Đời Nguyễn (1802-1945) là một giai đoạn đầy biến động. Nho học đỉnh thịnh vào đầu đời Nguyễn (1802-1885). Triều đình cải thiện khoa cử và đề cao luân lý Nho Giáo. Triều đình đã cho xuất bản các bản dịch chữ Nôm của những kinh điển Trung Quốc, trong đó có Kinh Dịch.⁽⁹⁾ Các lời bình chú của Chu Hi và Trình Di 程頤 (1033-1107) đã được chấp nhận như những văn bản chính thức để học thi.⁽¹⁰⁾ Các nhà Nho đã bình chú rất nhiều và không ít những bình chú này vẫn hiện tồn. Phạm Quý Thích 范貴適

(1759-1825) đã viết quyển bình chú quan trọng nhan đề *Chu Dịch Vấn Giải Toát Yếu* 周易問解撮要 (Tóm tắt các câu hỏi và lời giải đáp về Chu Dịch, 1805). Nhữ Bá Sĩ 汝伯士 (1759-1840), một vị quan cao cấp, đã khai triển tư tưởng Nho Giáo trong quyển *Dịch Hệ Giải Thuyết* 易系解說 (Giải thích về hệ thống của Kinh Dịch).

Cuối đời Nguyễn (1886-1945) là một giai đoạn đầy khủng hoảng và cải cách, tác động nhiều đến giới trí thức mới. Dưới ách cai trị của Pháp, Việt Nam đã tiếp nhận một chính sách văn hóa đề cao Tây học, bài xích Hán học. Thâm quyền của học thuyết Chu Hi đã bị các học giả có tư tưởng cải cách chất vấn.⁽¹¹⁾ Nguyễn Khuyến 阮勸 (1835-

⁽¹¹⁾ Về sự thay đổi thái độ của giới trí thức cuối đời Nguyễn, xem: ① Trần Mỹ Vân, *A Vietnamese Scholar in Anguish: Nguyen Khuyen and the Decline of the Confucian Order, 1884-1909* (Một nhà Nho Việt Nam thống khổ: Nguyễn Khuyến và sự suy tàn của hệ thống Nho Giáo). Singapore: National University of Singapore Press, 1991; ② Trần Đình Hượu, “Vitonamu ni okeru Jukyō to Jugaku” ヱイトナムにおける 儒教と儒学 (Nho Giáo và Nho học tại Việt Nam), in trong: Mizoguchi Yūzō (Câu Khẩu Hùng Tam 溝口雄三), chủ biên, *Kanji bunkaken no rekishi to mirai* 漢字文化圏の歴史と未来 (Lịch sử và tương lai của khu vực theo văn hóa chữ Hán / History and Prospects of the Sphere of Chinese Characters). Tōkyō: Taishūkan shoten, 1992, tr. 79; ③ Oscar Chapuis, *The Last Emperors of Vietnam* (Những vị vua cuối cùng của Việt Nam). London: Greenwood Press, 2000, tr. 94-101.

⁽⁸⁾ Maurice M. Durand và Nguyễn Trần Huân, *An Introduction to Vietnamese Literature* (Dẫn nhập văn chương Việt Nam), bản dịch Pháp-Anh của D.M. Hawke. New York: Columbia University Press, 1985, tr. 71.

⁽⁹⁾ Hạ Thánh Đạt, *Đông Nam Á Văn Hóa Phát Triển Sử* 東南亞文化發展史, tr. 184.

⁽¹⁰⁾ Alexander Barton Woodside, sách đã dẫn, tr. 208.

1909), một vị quan kiêm thi nhân, đã bày tỏ nỗi lòng của mình trước sự suy tàn của hệ thống Nho Giáo. Trong bài thơ *Độc Dịch* 讀易 (Độc Kinh Dịch), ông đã viết:

海宇若開新世界
民風應入古鴻荒
清晨獨起觀周易
消息盈虛未易詳

*Hải vũ nhược khai tân thế giới
Dân phong ưng nhập cổ hồng hoang
Thanh thần độc khởi quan Chu Dịch
Tiêu tức doanh hư vị dị tường.*

(Nếu đời mở khai tân thế giới
Người ta cũng nên theo nền nếp thuở xa xưa
Sáng sớm thức dậy, riêng mình ta đọc Dịch
Hiểu rõ thế sự thay đổi cũng chưa dễ.)⁽¹²⁾

Cuối đời Nguyễn được xem là buổi suy tàn của Nho Giáo và Hán học. Các lời bình chú cuối đời Nguyễn cho thấy một mức độ sáng tân và đả phá cực tột mà điều này khó có thể thấy được trong bất kỳ giai đoạn nào khác trong lịch sử Việt Nam. Bầu không khí trí thức đang biến đổi này có thể thấy trong lĩnh vực Dịch học. Thí dụ, Phan Bội Châu

⁽¹²⁾ Trần Mỹ Vân, sách đã dẫn, “Phụ lục”. (Lê Anh Minh ghi chú: Ngô Văn Minh không trích dẫn nguyên văn chữ Hán. Tôi tra lại bài này ở phần phụ lục trong tác phẩm này của Trần Mỹ Vân và chép lại bốn câu như trên.)

潘佩珠 (1867-1940) – một nhà cải cách và tiên phong trong các phong trào Tân học và Đông Du – đã nhấn mạnh sự quan trọng của việc áp dụng kinh điển Trung Quốc để phát huy các cải cách hiện đại.⁽¹³⁾ Tác phẩm *Dịch Học Chú Giải* 易學注解 của ông là một nỗ lực theo xu hướng này. Lê Văn Ngữ 黎文敵 (1859-?) đã viết một tác phẩm mới mẻ và đầy cao vọng, nhan đề *Chu Dịch Cứu Nguyên* 周易究原 (Khảo cứu nguồn gốc Chu Dịch, 1916).

Có thể kết luận về **đặc điểm trước tiên** dễ nhận thấy nhất của một ngàn năm Dịch học Việt Nam là sự trì trệ kém phát triển. Dịch học chỉ dừng ở mức khai tâm hay nhập môn và Kinh Dịch chưa bao giờ trở thành một kinh điển phổ thông trong giới học giả Việt Nam. Các tác phẩm của Việt Nam viết về Kinh Dịch thì ít ỏi và không có ảnh hưởng gì lắm. Không giống như Dịch học của Nhật và của Triều Tiên, Dịch học Việt Nam đã không phát triển thành các phái nghiên cứu, chẳng hạn như phái khảo chứng, phái tượng số, phái chiêm bốc, hay phái thực hành.

Đặc điểm thứ hai: Về cơ bản, Kinh Dịch chỉ được xem như sách học để đi thi. Triều đình bao lần cho tái bản các bản bình chú của Chu Hi và Trình Di cũng để phục vụ cho khoa cử. Hầu hết người ta học Dịch như là một bộ môn trong chương trình học để đi thi.

⁽¹³⁾ Về cuộc đời và tư tưởng của họ Phan, xem: Phan Bội Châu, *The Autobiography of Phan Boi Chau* (Tự truyện Phan Bội Châu), bản dịch Anh ngữ của Vĩnh Sính và Nicholas Wickenden. Honolulu: University of Hawaii Press, 1999.



GS Ngô Vĩ Minh

Đặc điểm thứ ba: Học giả Việt Nam chưa đủ lão luyện để khai triển những sự truyền thích riêng của mình về Kinh Dịch. Họ trung thành với các bản truyền thích của đời Tống, còn các bản truyền thích hay bình chú riêng của họ thì rất ít. Mặc dù một số học giả riêng lẻ đã chịu ảnh hưởng của Vương Dương Minh, khảo chứng học, và thực học, nhưng về cơ bản đã không có các trường phái Nho học khác được thành lập tại Việt Nam để ganh đua với Tống Nho của Chu Hi.

Đặc điểm thứ tư: Dịch học vẫn chủ yếu là thực dụng. Các học giả Việt Nam đã không quan tâm đến vấn đề hình nhi thượng và khảo sát văn bản. Đối với hầu hết người Việt Nam, Kinh Dịch vẫn là quyển sách thực hành. Họ học Dịch để đi thi và vận dụng Dịch lý vào mọi việc trong đời sống hàng ngày. Mặc dù không phải là một kinh sách phổ thông và có ảnh hưởng trong giới Nho sĩ Việt Nam, nhưng Kinh Dịch và học thuyết Âm Dương, Ngũ Hành của nó đã ăn sâu vào tư tưởng và sự thực hành của người Việt trong các lĩnh vực chính trị, y học, nông nghiệp, lịch pháp, địa lý, tôn giáo, và dân học. Học thuyết Âm Dương, Ngũ Hành đã khuôn định quan niệm của người Việt về xã hội, chính trị, giao tế, và ngoại giới.⁽¹⁴⁾ Biểu tượng Bát Quái được sử dụng phổ biến như một loại bùa.⁽¹⁵⁾ Hoàng tộc và triều thần sử dụng Ngũ Hành để đặt tên.⁽¹⁶⁾ Văn nhân Việt Nam dùng Kinh Dịch để cổ xúy thơ lục bát.⁽¹⁷⁾ Một số quan lại Việt Nam cho rằng mình có thẩm quyền trong bói Dịch.⁽¹⁸⁾

⁽¹⁴⁾ Neil Jamieson, *Understanding Vietnam* (Am hiểu Việt Nam). Berkeley and Los Angeles: University of California Press, 1993, tr. 11-15.

⁽¹⁵⁾ Pham Kim Vinh, *The Vietnamese Culture: An Introduction* (Dẫn nhập văn hóa Việt Nam), CA.: Solana Beach, The Pham Kim Vinh Research Institute (Viện Nghiên Cứu Phạm Kim Vinh), 1990, tr. 120.

⁽¹⁶⁾ Trần Ngọc Long, sách đã dẫn, tr. 374.

⁽¹⁷⁾ Alexander Barton Woodside, sách đã dẫn, tr. 56.

⁽¹⁸⁾ Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, tr.617-618, 1074-1075. Xem thêm: Fujiwara Riichirō, sách đã dẫn, tr. 617, 1074.

Phong thủy – vốn dựa trên cơ sở học thuyết Âm Dương, Ngũ Hành – cũng rất phổ biến trong tư tưởng người Việt.⁽¹⁹⁾

DỊCH HỌC CỦA LÊ VĂN NGŨ

Lê Văn Ngũ là một Nho sĩ đặc trị Dịch. Mặc dù xuất thân từ một gia đình khoa bảng, ông đã không trúng tuyển một kỳ khảo thí nào. Năm hai mươi bảy tuổi, ông quyết định không đi thi nữa mà đóng cửa để chuyên tâm nghiên cứu kinh điển Nho Giáo.

Lê Văn Ngũ không phải là ẩn sĩ và ông chưa nguôi khát vọng về khoa hoạn. Ông đã giao du với các văn nhân Trung Quốc trong Quảng Học Hội 廣學會 ở Thượng Hải và giao du với các quan lại Việt Nam để cho họ nhìn nhận cái vốn liếng Nho học của ông.⁽²⁰⁾ Các trứ tác của ông chưa hề được in ấn, nhưng ông đã chép tay nhiều bản và gởi cho các quan lại và học giả tại Việt Nam. Ông rất chú trọng Kinh Dịch và chuyên trị Dịch trên ba mươi năm trước khi viết lời bình chú Kinh Dịch bằng chữ Hán, tức là quyển *Chu Dịch Cứu Nguyên*, khi ông năm mươi bảy tuổi. Tác

⁽¹⁹⁾ Nguyễn Khắc Kham, *An Introduction to Vietnamese Culture* (Dẫn nhập văn hóa Việt Nam). Tōkyō: Centre for East Asian Cultural Studies (Trung tâm nghiên cứu văn hóa Đông Á), 1967, tr. 41.

⁽²⁰⁾ Lê Văn Ngũ, *Đại Học Tích Nghĩa* 大學晰義 (Giải thích ý nghĩa của Đại Học), tr.1-2. Tôi [Ngô Vĩ Minh] đã đọc một bản photocopy từ bản gốc chép tay lưu trữ tại Viện Hán Nôm.

phẩm này gồm mười bảy bài ngắn về các vấn đề khác nhau của Kinh Dịch và các chú thích của ông về sáu mươi bốn quẻ Dịch. Ông viết nhiều, thí dụ như viết lời bình chú về *Đại Học*, *Luận Ngữ*, *Trung Dung*, và một quyển sách về y học Trung Quốc. Cơ bản là các trứ tác của ông đều chịu ảnh hưởng Dịch học của ông.⁽²¹⁾

Học giả Việt Nam rất trung thành với cái học của Chu Hi khi họ đọc kinh điển Nho Giáo. Nho Giáo của Chu Hi trở thành một ý thức hệ bán chính thức, có ảnh hưởng mạnh mẽ lên sự cai trị đất nước, luân lý, và học thuật. Trước sự suy sụp của triều đình cuối đời Nguyễn và trước ảnh hưởng của Tây học, các Nho sĩ Việt Nam bắt đầu đặt nghi vấn về tính chất thiêng liêng và phổ quát của học thuyết Chu Hi. Lê Văn Ngũ là một Nho sĩ như thế, đã dám khai triển các ý tưởng của riêng mình về kinh điển Trung Quốc và nỗ lực tìm ra một vị trí khả kính của Nho Giáo trong cái trật tự văn hóa - chính trị đang biến đổi tại Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Các Nho sĩ thuộc môn phái của Chu Hi đánh giá Lê Văn Ngũ là kẻ bàng môn tả đạo. Chính Lê Văn Ngũ cũng hiểu rõ vị trí học thuật của mình khi ông tự xưng là “cuồng sĩ” trong các trứ tác của ông và trong các thư từ gởi cho các quan lại. Mặc dù ông thuộc gia đình theo cái học Chu Hi, coi trọng Chu Hi, nhưng lời bình chú ông về Kinh Dịch lại không dựa vào Chu Hi. Trong phần chú thích sáu mươi bốn

⁽²¹⁾ Lê Văn Ngũ, *Chu Dịch Cứu Nguyên*, tr. 17, 33, 53. Tôi [Ngô Vĩ Minh] đã đọc một bản photocopy từ bản gốc chép tay lưu trữ tại Viện Hán Nôm. Xem thêm: *Đại Học Tích Nghĩa*, tr. 1-3.

quẻ Dịch, ông không hề trích dẫn lời chú Trung Quốc. Là người có óc phán đoán về Dịch học của Trung Quốc qua bao đời, ông tự cho mình là người duy nhất – sau Tứ Thánh Trung Quốc: Phục Hi, Chu Công, Văn Vương, Khổng Tử – hiểu đúng Kinh Dịch. Trong lời tựa của Chu Dịch Cứu Nguyên, ông viết: “Sinh sau các thánh nhân hàng ngàn năm và chứng kiến cảnh suy tàn của Dịch học cùng sự khởi phát của tà thuyết, tôi đã chuyên tâm học Dịch. Tôi đã phát hiện những ý tưởng chưa từng được tiên Nho phát hiện và đã khai triển các ý tưởng chưa từng được triển khai.”⁽²²⁾

Phương pháp tiếp cận của Lê Văn Ngữ với Kinh Dịch là phương pháp chiết trung. Trong lời bình chú của mình, ông cố kết hợp ba yếu tố chính (hay ba phái chính) của Dịch học là Tượng Số, Nghĩa Lý, và Chiêm Bốc. Ông cho rằng tượng và số do các Thánh Hiền Trung Quốc tạo ra dựa trên nhận thức của các ngài về các nguyên lý trong cõi tự nhiên. Tượng và Số đã hình thành đối tượng nghiên cứu cơ bản nhất của Dịch học.⁽²³⁾ Ông viết: “Đạo của Dịch thật vĩ đại thay. Khởi nguyên từ các con số và rồi được Tứ Thánh khuôn định, Kinh Dịch đã trở thành kinh điển cơ bản nhất để giáo hóa nhân tâm.”⁽²⁴⁾

Do đó Lê Văn Ngữ đã bắt đầu sự bình chú của mình bằng một số đồ bản của Kinh Dịch. Ông chấp nhận thuyết Phục Hi tạo Bát Quái căn cứ vào hai đồ bản xưa là Hà Đồ

河圖 và Lạc Thư 洛書. Ông nhấn mạnh rằng mọi nguyên lý trong thiên nhiên như Âm Dương, Ngũ Hành và Ngũ Vận, Lục Khí 五運六氣 đều có thể tìm thấy trong Hà Đồ và Lạc Thư.⁽²⁵⁾ Ông đã dùng Dịch lý để giải thích chính trị, luân lý, y học, thiên văn, vật lý, địa lý, toán học, và chiêm bốc, cũng như dùng Dịch lý để giải thích các kinh điển khác của Nho Giáo.

Lê Văn Ngữ đã phê bình các lời bình chú bao đời của Trung Quốc về Kinh Dịch – các bình chú từ đời Đông Chu (771-221 TCN) đến đời Thanh (1644-1911). Giống như các học giả Trung Quốc đời Thanh và các học giả Nhật thời Tokugawa (Đức Xuyên, 1603-1868), Lê Văn Ngữ đã chỉ ra rằng không phải Khổng Tử viết trọn vẹn *Thập Dực* 十翼 (tức mười lời bình xưa nhất về Kinh Dịch) mà hầu hết chúng được viết vào đời Chu. Ông viết: “Các tiên nho đã bảo rằng *Tự Quái* 序卦 không phải là công trình của các Thánh Nhân viết ra. Nay tôi muốn nhấn mạnh rằng *Hệ Từ* 繫辭 và *Thuyết Quái* 說卦 cũng chẳng phải là công trình của các Thánh Nhân viết ra. Tại sao tôi nói vậy? Bởi vì có quá nhiều ý tưởng phi lý và vô bổ trong *Hệ Từ* và *Thuyết Quái*.”⁽²⁶⁾

Lê Văn Ngữ đã nhắc độc giả nhớ cho rằng ba dực (tức *Tự Quái*, *Hệ Từ*, *Thuyết Quái*) trong *Thập Dực* nêu trên cần phải bỏ đi hoặc nếu đọc và dùng thì phải cân nhắc. Mặc dù

⁽²²⁾ Lê Văn Ngữ, *Chu Dịch Cứu Nguyên*, tr. 6.

⁽²³⁾ Lê Văn Ngữ, *Chu Dịch Cứu Nguyên*, tr. 10, 52.

⁽²⁴⁾ Lê Văn Ngữ, *Chu Dịch Cứu Nguyên*, tr. 6.

⁽²⁵⁾ Lê Văn Ngữ, *Chu Dịch Cứu Nguyên*, tr. 5, 10.

⁽²⁶⁾ Lê Văn Ngữ, *Chu Dịch Cứu Nguyên*, tr. 41.

trước Lê Văn Ngữ các học giả Trung Quốc và Nhật Bản cũng đã nêu ra những nhận xét như vậy, tức là không phải Lê Văn Ngữ là người đầu tiên phát hiện điều này, nhưng tinh thần hoài nghi của ông rất có ý nghĩa về mặt trí thức.⁽²⁷⁾ Trong *Thập Dực*, ông chỉ thích *Văn Ngôn* 文言, và ca tụng rằng đó là nguồn tham khảo tốt nhất về ý nghĩa của các thuật ngữ dùng trong Kinh Dịch.⁽²⁸⁾ Ông cho rằng *Thoán Truyện* 象傳 và *Đại Tượng* 大象 mới là công trình của Khổng Tử. Do đó ông thường xuyên trích dẫn *Văn Ngôn*, *Thoán Truyện*, và *Đại Tượng* trong lời bình chú của riêng ông.

Lê Văn Ngữ hoàn toàn phủ nhận giá trị các bản bình chú đời Hán và đời Đường, bởi vì – như lời ông nói – “từ đời Tần-Hán về sau các Nho Gia đã bàn luận hời hợt về Kinh Dịch và rất ít người hiểu được chân nghĩa của Dịch.”⁽²⁹⁾ Ông phê bình họ chỉ chăm chăm vào kinh văn và đã tách rời kinh văn với các đồ bản của Dịch. Ông nói: “Khi quan sát các Hào và Tượng, Đức Khổng Tử đã viết lời bình chú

để khai hóa hậu thế ... Tuy nhiên, một số người đã noi theo các bình giải lỗi thời của Trịnh Huyền 鄭玄 (127-200) và Vương Bật 王弼 (226-249)... họ xem Hào và Tượng chỉ là Hào và Tượng, và kinh văn chỉ là kinh văn.”⁽³⁰⁾

Nói chung, Lê Văn Ngữ không thích các lời bình chú xưa, nhưng ông nhìn nhận rằng *Chu Dịch Chú* 周易注 của Vương Bật có nhiều kiến giải tốt dựa trên sự phân tích văn bản đúng đắn.⁽³¹⁾

Khi so sánh Nho học qua các thời đại, Lê Văn Ngữ chấp nhận Tống Nho nhiều hơn cả. Bản thân ông thuộc gia đình theo Tống Nho và ông xem Tống Nho mới là cái học chính thống (chính học 正學).⁽³²⁾ Đặc biệt, ông cho rằng Chu Hi và Trình Di đã có đóng góp quan trọng cho Dịch học vì đã phát huy các ý nghĩa tiềm ẩn về luân lý, chính trị, và triết học trong các tượng và từ. Ông cho rằng *Dịch Truyện* của Trình Di là sự phân tích văn bản xuất sắc nhất và lời bình chú của Chu Hi rất hay về Tượng và chiêm bói. Tuy nhiên, ông phê bình lời bình chú của Chu Hi và Trình Di vẫn chưa hoàn chỉnh và khập khiễng bởi vì hai Nho Gia này đã tách biệt các lời bình chú của Chu Công và Khổng Tử và họ đã quên không kết hợp các Tượng và kinh văn.⁽³³⁾ Ông nói: “Hai đại Nho đời Tống là Trình Di viết *Dịch Truyện* 易傳

⁽²⁷⁾ Thí dụ, ý kiến của Lê Văn Ngữ rất tương đồng với ý kiến của Itō Jinsai (Y Đằng Nhân Trai 伊藤仁齋, 1627-1705) và Itō Tōgai (Y Đằng Đông Nhai 伊藤東涯, 1670-1736). Xem Ngô Vĩ Minh (Wai-ming Ng), *The I Ching in Tokugawa Thought and Culture* (Kinh Dịch trong văn hóa và tư tưởng thời Đức Xuyên 徳川), Honolulu: University of Hawaii Press, 2000, tr. 39-40.

⁽²⁸⁾ Lê Văn Ngữ, *Chu Dịch Cứu Nguyên*, tr. 37.

⁽²⁹⁾ Lê Văn Ngữ, *Chu Dịch Cứu Nguyên*, tr. 37.

⁽³⁰⁾ Lê Văn Ngữ, *Chu Dịch Cứu Nguyên*, tr. 40.

⁽³¹⁾ Lê Văn Ngữ, *Chu Dịch Cứu Nguyên*, tr. 39-40.

⁽³²⁾ Lê Văn Ngữ, *Đại Học Tích Nghĩa*, tr. 46.

⁽³³⁾ Lê Văn Ngữ, *Chu Dịch Cứu Nguyên*, tr. 37.

và Chu Hi viết *Chu Dịch Bản Nghĩa* 周易本義. Ý tưởng của các ngài bao la vạn tượng, nhưng các ngài chỉ thấy nguồn gốc của Kinh Dịch và các con số trong các đồ bản Kinh Dịch như những gì đương nhiên, do đó các ngài đã không giải thích các nguyên lý sáng tạo. Khuyết điểm này khiến cho tâm kinh (tức Kinh Dịch) rơi vào chỗ khẩu truyền với lời lẽ sáo rỗng. Hậu quả là không ai hiểu được Kinh Dịch và lời dạy trong đó bị bỏ qua. Ôi thật là tệ hại!”⁽³⁴⁾

Lê Văn Ngữ cũng không thích tư tưởng của Thiệu Ung 邵雍 (1011-1077) về tính cách bói toán và khía cạnh siêu hình của Kinh Dịch; ông cho rằng những thứ này quá phức tạp và trừu tượng.⁽³⁵⁾ Ông coi thường toàn bộ Dịch học sau đời Tống và không hề trích dẫn các lời chú từ đời Tống về sau.

Không những phê bình Dịch học của Trung Quốc, ông còn có lời phê bình rất ý nghĩa và thú vị về tư tưởng Tây phương chẳng hạn như tự do, quân chủ lập hiến, thiên văn học và vật lý của Tây phương, đạo Thiên Chúa. Nói chung, ông phán xét nghiêm khắc các tư tưởng Tây phương mặc dù ông không hoàn toàn phủ nhận các giá trị của chúng. Ông phê phán ảnh hưởng của Tây học đối với sự suy tàn của Dịch học: “Người Tây phương đã đến cõi Đông

phương bằng đường biển và mang đến cho chúng ta các kỹ xảo lạ kỳ cùng với những đồ vật giải trí. Tây học đã làm loạn tâm chúng ta, dân ta đã tiếp thu nó và chạy theo danh lợi. Kinh Dịch đã trở thành một mớ giấy lộn.”⁽³⁶⁾

Lê Văn Ngữ vận dụng thuyết Thái Cực và Âm Dương, Ngũ Hành trong các đồ bản Kinh Dịch để giải thích nguồn gốc vũ trụ, và ông đã chỉ trích thuyết sáng thế của Tây phương.⁽³⁷⁾ Ông cho rằng: “Nếu đọc Dịch, người ta sẽ biết sự diệu huyền của Dịch còn đáng ngạc nhiên gấp vạn lần các nguyên lý về đại bác, tàu thủy, xe hơi, hay điện khí của Tây phương.”⁽³⁸⁾ Ông cũng cho rằng thuyết Ngũ Hành của Trung Quốc còn hay hơn thuyết Tứ Đại của Tây phương (*the Western theory of the four elements*) để giải thích về các nguyên lý của điện, vật lý, và địa lý.⁽³⁹⁾ Thuyết Tứ Đại của Tây phương tức là thuyết của Aristote về vật lý, xem bốn yếu tố đất, nước, lửa, gió là bốn yếu tố cơ bản của trần gian. Sự so sánh này của Lê Văn Ngữ cũng tương đồng với sự so sánh của Sawano Chūan (Trạch Dã Trung Am 澤野忠庵, 1580-1652) và Chong Tasan (Đinh Trà Sơn 丁茶山, 1762-1836).⁽⁴⁰⁾ Lê Văn Ngữ không chấp nhận

⁽³⁶⁾ Lê Văn Ngữ, *Chu Dịch Cứu Nguyên*, tr. 35.

⁽³⁷⁾ Lê Văn Ngữ, *Chu Dịch Cứu Nguyên*, tr. 7-10.

⁽³⁸⁾ Lê Văn Ngữ, *Chu Dịch Cứu Nguyên*, tr. 15.

⁽³⁹⁾ Lê Văn Ngữ, *Chu Dịch Cứu Nguyên*, tr. 17.

⁽⁴⁰⁾ Xem Ngô Vĩ Minh (Wai-ming Ng), *The I Ching in Tokugawa Thought and Culture* (Kinh Dịch trong văn hóa và tư tưởng thời Đức Xuyên), Honolulu: University of Hawaii

⁽³⁴⁾ Lê Văn Ngữ, *Chu Dịch Cứu Nguyên*, tr. 6.

⁽³⁵⁾ Lê Văn Ngữ, *Chu Dịch Cứu Nguyên*, tr. 44. Ông thích các bói đơn giản hơn của các Nho Gia đời Đường.

quan niệm về thiên đàng và địa ngục cũng như thuyết sáng thế của Thiên Chúa Giáo, ông nhấn mạnh rằng thuyết Âm Dương, Ngũ Hành trong Kinh Dịch là cách giải thích tốt hơn về căn nguyên của vạn vật.⁽⁴¹⁾ Đôi lúc ông đã cố gắng vận dụng thuyết Âm Dương, Ngũ Hành để giải thích tri thức của Tây phương về thiên văn, địa lý, và vật lý, nhưng như vậy sự tư duy của ông có tính khiên cưỡng. Thí dụ, dựa trên thuyết Âm Dương, Ngũ Hành, ông đã tư duy một cách nhầm lẫn rằng trong vũ trụ có năm tầng trời và rằng các hành tinh như Mộc Tinh (*Jupiter*), Hỏa Tinh (*Mars*), và Thổ Tinh (*Saturn*) không có vệ tinh.⁽⁴²⁾

Lê Văn Ngữ cũng luận bàn về các khái niệm chính trị Tây phương như tự do, bình đẳng, hiến pháp, quốc hội. Ông cho rằng sự tự do gắn liền với nền chính trị quy hướng về người dân (*people-oriented politics*) mà quan niệm về nền chính trị vì dân như thế đã xuất hiện trong kinh điển Trung Quốc, kể cả Kinh Dịch. Cho nên ông chấp nhận một thể chế quốc hội dưới hình thức là sự tự do hóa về chính trị (*a form of political liberalization*). Trong phần bình giải về quẻ Sơn Địa Bác 山地剝, ông ủng hộ chế độ quân chủ lập hiến như sau: “Thuyết Quái nói: ‘Núi (Cấn: Sơn) nằm trên

Press, 2000, tr.136-137; và: Ngô Vĩ Minh (Wai-ming Ng), “*The I Ching in Late-Choson Thought*” (Dịch Kinh trong tư tưởng thời đại Hậu Triều Tiên), in trong *Korean Studies*, Vol. 24 (2000), tr. 62.

⁽⁴¹⁾ Lê Văn Ngữ, *Chu Dịch Cứu Nguyên*, tr. 43-44.

⁽⁴²⁾ Lê Văn Ngữ, *Chu Dịch Cứu Nguyên*, tr. 27, 31.

đất (*Khôn*: Địa) là hình tượng quẻ Bác.’... Tuyết rơi trên núi để dưỡng nuôi và làm thanh tân mọi vật ... Xem hình tượng của quẻ này, bậc cai trị phải chấp nhận chế độ chính trị lập hiến và phải quan tâm đến nhu cầu của nhân dân để làm quốc gia thêm hùng cường. Làm được điều này cũng giống như tuyết trên núi.”⁽⁴³⁾

Tuy nhiên ông lên án quan niệm bình quân (*the idea of equality*). Ông nghĩ rằng cái quan niệm cào bằng mọi thứ này sẽ làm đảo lộn xã hội và luân lý.⁽⁴⁴⁾

KẾT LUẬN

Nói công bằng thì Lê Văn Ngữ không phải là một Nho sĩ kiệt xuất cuối đời Nguyễn và tác phẩm *Chu Dịch Cứu Nguyên* của ông chẳng phải là viên đá đặt nền móng cho Dịch học tại Á Châu. Ý nghĩa quan trọng của *Chu Dịch Cứu Nguyên* chủ yếu nằm ở tinh thần hoài nghi, tư tưởng phóng khoáng, và sự chú trọng hiệu quả thực tế (*pragmaticism*) hơn là tính chất học thuật. Lê Văn Ngữ đã

⁽⁴³⁾ Lê Văn Ngữ, *Chu Dịch Cứu Nguyên*, quyển 2, tr. 17. Tương tự như thế, Kumazawa Banzan (Hùng Trạch Phan Sơn 熊澤蕃山, 1619-1691) đã dùng quẻ Dịch này để giải thích nền chính trị quy hướng về người dân (*people-oriented politics*). Xem Ngô Vĩ Minh (Wai-ming Ng), *The I Ching in Tokugawa Thought and Culture* (Kinh Dịch trong văn hóa và tư tưởng thời Đức Xuyên), Honolulu: University of Hawaii Press, 2000, tr. 61.

⁽⁴⁴⁾ Lê Văn Ngữ, *Chu Dịch Cứu Nguyên*, tr. 21-22, 34, 46-47.

chất vấn Tống Nho, đã luận bàn tư tưởng Tây phương, và gợi mở các phương hướng phát triển chính trị và học thuật của Việt Nam.

Giống như nhiều Nho sĩ cuối đời Nguyễn, Lê Văn Ngữ đã dám phê bình Chu Hi và các Nho Gia bao đời. Tuy nhiên ông thận trọng không tấn công các Thánh Hiền Trung Quốc và giáo huấn của các ngài, mà ông chỉ chê trách các Nho sĩ sau này đã làm hỏng đi cái học chân nguyên của Nho Giáo.⁽⁴⁵⁾

Chủ yếu thu lượm từ các bản phiên dịch và các trứ tác của Trung Quốc về Tây phương và từ sự quan sát cá nhân, sự hiểu biết của Lê Văn Ngữ về Tây phương thật hời hợt và bất toàn. Thái độ của ông đối với sự hiện đại hóa thật mơ hồ. Ông bác bỏ quan niệm bình quân mà ông cho rằng nó chống lại cái nguyên lý cơ bản của trật tự xã hội theo Nho Giáo, nhưng ông lại ủng hộ các định chế chính trị Tây phương như hiến pháp và quốc hội. Đôi khi ông xuyên tạc hoặc hiểu sai các quan niệm của Tây phương, chẳng hạn khi ông bàn luận về tự do, Thiên Chúa Giáo, thái dương hệ, v.v... Ông cũng cố gắng đối chiếu và kết hợp một vài quan niệm Trung Quốc với quan niệm Tây phương, thí dụ thuyết Âm Dương, Ngũ Hành so sánh với thuyết Tứ Đại của Aristote, hoặc kết hợp quan niệm nền chính trị vì dân (*people-oriented politics*) với sự tự do.

⁽⁴⁵⁾ Để khảo sát thái độ tương tự này trong số các Nho sĩ cuối đời Nguyễn, xem: Neil Jamieson, *Understanding Vietnam* (Am hiểu Việt Nam), tr. 77-78.

Theo một ý nghĩa nghiêm ngặt, Lê Văn Ngữ không phải là một nhà cải cách, cũng không phải là một nhà chủ trương Tây hóa (*Westernizer*). Ông cũng chẳng phải là một môn đồ trung thành của Chu Hi. Ông chỉ là một Nho sĩ bản khoản trước đôi nẻo đường: Hoặc là duy trì truyền thống, hoặc là chấp nhận hiện đại hóa. Để cho Nho học có thể thích ứng được với thế giới hiện đại, Lê Văn Ngữ đã tái định nghĩa, đã bác bỏ, và thậm chí đã xuyên tạc các ý tưởng trong Kinh Dịch và trong các kinh điển khác của Trung Quốc. Đây quả thực là một phản ứng thông thường về văn hoá của các Nho sĩ Á Châu trong giai đoạn khủng hoảng đối với Tây học. Các Dịch học gia tại Trung Quốc, Nhật Bản, và Triều Tiên vào đầu thế kỷ XX đều bộc lộ xu hướng tương tự trong Dịch học như vậy.⁽⁴⁶⁾

LÊ ANH MINH dịch

⁽⁴⁶⁾ Xem Ngô Vĩ Minh (Wai-ming Ng), *The I Ching in Tokugawa Thought and Culture* (Kinh Dịch trong văn hóa và tư tưởng thời Đức Xuyên), Honolulu: University of Hawaii Press, 2000, tr. 47-49; và Ngô Vĩ Minh (Wai-ming Ng), “*The I Ching in Late-Choson Thought*” (Dịch Kinh trong tư tưởng thời đại Hậu Triều Tiên), in trong *Korean Studies*, Vol. 24, tr. 24-25; Ngô Vĩ Minh (Wai-ming Ng), “*I Ching Scholarship in Ching China: A Historical and Comparative Study*” (Dịch học đời Thanh Trung Quốc: khảo cứu theo quan điểm lịch sử và đối chiếu), in trong *Chinese Culture*, 37: 1 (Taipei, March 1996), tr. 64-65.

THÁNH THẤT TÂN LONG Ở CAMPUCHIA

Bài và ảnh: ĐẠT TRUYỀN

Thánh thất và điện thờ Phật Mẫu Tân Long, thuộc tông đạo Kim Biên (Nam Vang), trấn đạo Campuchia, đặt ở xã Tân Long, huyện (srok) Koh Thum, tỉnh Kandal, nước Campuchia.

Nằm cách mé sông Tonlé Bassac (Ba Thắc) ⁽¹⁾ khoảng hai trăm mét, thánh thất Tân Long đối diện với thánh thất Thị Trấn Long Bình ⁽²⁾ ở bên kia sông Ba Thắc. Sông này rộng khoảng hai trăm mét, là biên giới phân chia giữa Việt Nam và Campuchia.

1948: Thánh thất do Khâm Châu Phòng sáng lập.

1956: Khâm Châu Ngoạt thay Khâm Châu Phòng.

1972: Chiến tranh ác liệt, dân đạo chạy về Việt Nam.

⁽¹⁾ Sông Mekong chảy đến Phnom Pênh (Nam Vang) chia làm hai nhánh: ① Nhánh Tonlé Thom (sông lớn) chảy tới Tân Châu vào Việt Nam tức là sông Tiền. ② Nhánh Tonlé Bassac (Ba Thắc) chảy tới ấp 4, xã Khánh An, quẹo vào Việt Nam, tức là sông Hậu, đổ ra biển Đông tại cửa Ba Thắc (thời Pháp thuộc gọi là cửa Bassac), cửa thứ chín của sông Cửu Long.

⁽²⁾ Trước là thánh thất Khánh An, ở ấp 1, xã Khánh An, huyện An Phú; nay là Thị Trấn Long Bình, tỉnh An Giang.

1975: Thánh thất bị đốt.

1983: Khâm Châu Ngoạt mất.

1986: Giáo Hữu Thái Hộ Thanh làm đầu họ đạo.

1997: Quyền đầu tộc đạo Lê Thành Lô thay thế.

2000: Quyền đầu tộc đạo Huỳnh Tấn Phước thay thế.

2008: Thánh thất được xây dựng bằng vật liệu kiên cố.

2000: Khánh thành thánh thất ngày 02-10.

2010 tới nay: Lễ Sanh Lê Thành Non làm quyền đầu tộc đạo.

2011: An vị điện thờ Phật Mẫu ngày 19-11.

Bổn đạo thánh thất Tân Long phần lớn là người Việt Nam, làm ruộng.⁽³⁾ Trẻ con xã Tân Long (Campuchia) hàng ngày đi phà vượt sông Ba Thắc sang cửa khẩu Long Bình (huyện An Phú, Việt Nam) để đi học. Người lớn thường qua lại Việt Nam làm ăn, buôn bán.

Họ đạo Tân Long có vẻ sung túc không kém họ đạo Thị Trấn Long Bình bên Việt Nam. (Xem ảnh thánh thất và điện thờ Phật Mẫu Tân Long ở phụ bản màu, tr. 88D.)

ĐẠT TRUYỀN

Cơ Quan Phổ Thông

Giáo Lý Đại Đạo

⁽³⁾ Người Việt qua Campuchia mướn ruộng rồi về sau mua lại ruộng và định cư luôn ở nước này.

VỀ ĐỊA DANH “CHÙA ÔNG” Ở HUẾ

Bác Sĩ **NGUYỄN ANH HUY**

*Đất Thần Kinh trai hiền, gái lịch,
Non xanh nước biếc, điện ngọc, đền rồng,
Tháp bảy tầng, Thánh Miếu, Chùa Ông,
Chuông khua Diệu Đế, trống rung Tam Tòa...*

Chúng ta, ai cũng biết trong tác phẩm *Tam Quốc Diễn Nghĩa* của La Quán Trung, Quan Công (162-219) được mô tả là người trung nghĩa, khi mất lại hiển thánh cứu dân hộ quốc. Người đời cho rằng Quan Thánh có các đức tính *Trung đồng nhật nguyệt, nghĩa đồng thiên*,⁽¹⁾ nghĩa là lòng trung thì sáng như mặt trời mặt trăng, còn nghĩa khí thì như trời xanh bao la.

Rất nhiều câu chuyện về cuộc đời ngài, như về lòng trung, người ta kể rằng khi anh em Đào Viên kết nghĩa bị ly tán, Quan Công bị quân Tào vây hãm và dụ hàng, ngài ra ba điều kiện trong đó có hai câu tỏ lòng trung là *Hàng Hán (họ Lưu) chứ không hàng Tào; và khi biết được Lưu hoàng thúc ở đâu thì cũng tìm đến*. Tào Tháo đồng ý cho hàng và

quý trọng ngài đến nỗi *Tam nhật tiểu yến, thất nhật đại yến* (ba ngày mở một tiệc nhỏ, bảy ngày mở một tiệc lớn để chiêu đãi). Nhưng cuối cùng ngài vẫn bỏ họ Tào để đi tìm người anh kết nghĩa họ Lưu:

*Uy lừng ba nước tiếng anh hào,
Nam nữ riêng nhà, nghĩa khí cao.
Gian tướng uống công mua chuốc hão,
Ai hay Quan Vũ chẳng hàng Tào.*

Về nghĩa khí, người ta kể rằng khi Tào Tháo thua trận Xích Bích, thế cùng lực kiệt chạy đến Hoa Dung thì gặp Quan Công đang chờ bắt ở đó:

*Tào Man thua chạy đến Hoa Dung,
Gặp phải Quan Công xiết hải hùng.
Chạnh nghĩ xưa kia ơn nghĩa nặng,
Nên đành mở khóa, thả giao long.*

Trước khi Quan Công xin đi bắt Tào Tháo, ngài đã viết quân lệnh trạng với quân sư Gia Cát Lượng thề sẽ chấp nhận bị xử theo quân lệnh nếu thả giặc Tào, nhưng trong giây phút trả nghĩa cho họ Tào, ngài đã:

*Liều đem một chết đền tri kỷ,
Nên được nghìn thu nổi nghĩa danh.*

Trải qua các triều đại phong kiến Trung Hoa, từ thời Tống, Nguyên, Quan Công đều được phong tước, xem là vị Thánh, và lập đền thờ ngài. Rồi đến thời Minh Vạn Lịch (1573-1620) được tôn là Đế, đến thời Thanh Càn Long

⁽¹⁾ 忠同日月，義同天。

(1736-1795) lại được tôn là *Trung Nghĩa Vũ Thần Đại Đế, Quan Phu Tử...*

Khi Thanh chiếm diệt Minh vào năm 1644, các trung thần triều Minh phần lớn rời bỏ Trung Quốc ly hương đến các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam để lánh nạn Mãn Thanh. Vì Quan Thánh là hình tượng bảo quốc an dân của người Hán, nên đi đâu họ cũng mang theo tín ngưỡng này; do vậy mà tục thờ Ông được du nhập Việt Nam theo những người Minh Hương...

*

Tết năm nay [Giáp Ngọ, 2014], tôi không đi thăm bạn bè hoặc đồng nghiệp, mà dành thời gian tìm hiểu các đền thờ Quan Thánh, và được biết ở Huế có năm điện thờ ngài là:

1. *Quan Thánh Điện* ở đô thị cổ (thương cảng cổ) Thanh Hà, nay thuộc thôn Địa Linh, xã Hương Vinh, huyện Hương Trà, do Hoa kiều thành lập năm 1689.

2. *Chùa Tường Quang*, ở số 213 đường Chi Lăng, thành phố Huế; chính điện có thờ Đức Quan Thánh, được xây dựng từ năm 1887.

3. *Quảng Triệu Hội Quán*, tức hội quán của người Quảng Đông, ở số 223 đường Chi Lăng, thành phố Huế, chính điện có thờ Đức Quan Thánh, do Hoa kiều thành lập năm 1894.

4. *Quan Thánh Tự*, ở số 344 đường Bạch Đằng, thành phố Huế; chính điện có thờ Đức Quan Thánh, được xây

dựng năm 1925.

5. *Chùa Ông*, sau này có tên là *chùa Thuận Hóa*, ở số 114 đường Bạch Đằng, thành phố Huế; một ngôi chùa đã điêu tàn hầu như ít mở cửa vì quá nhiều năm không có sư.

Cũng như nhiều đền thờ Quan Thánh tại Việt Nam đã có từ xa xưa, phần lớn là đền do dân lập;⁽²⁾ nhưng ngày Tết ất chùa Ông sẽ mở cửa, và vào chính điện, tôi thật bất ngờ...

Trên chính điện, có bức hoành bốn chữ *Trung nghĩa chi tắc*,⁽³⁾ nghĩa là *Tám gương trung nghĩa*. Ở lạc khoản, bên phải người đọc, có ghi niên đại là *Giáp Ngọ niên, Mạnh Hạ nguyệt, cốc nhật*,⁽⁴⁾ tức ngày tốt, tháng 4 (âm lịch), năm Giáp Ngọ. Người viết, được ghi ở lạc khoản bên trái là *Quốc chủ Thiên Túng đạo nhân đề*,⁽⁵⁾ tức là do Minh vương Nguyễn Phúc Chu viết ban tặng năm 1714.

Đọc lại *Đại Nam Nhất Thống Chí*, ta được biết: *Đền Quan Công 關公祠: Ở ấp Xuân Lập ngoài kinh thành. Khi quốc sơ, làm ở phía tả chùa Thiên Mụ, năm Thiệu Trị thứ 5 (1845) dời đến đây, nóc chính điện và nóc tiền đều ba gian. Ngày Tỵ tháng 8, mạng quan đến tế.*⁽⁶⁾

⁽²⁾ Xem thêm: Huệ Khải, *Quan Thánh Xưa Và Nay*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2013. Quyển 59-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

⁽³⁾ 忠義之則

⁽⁴⁾ 甲午年, 孟夏月, 穀日.

⁽⁵⁾ 國主天縱道人題

⁽⁶⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn (Tu Trai Nguyễn Tạo dịch). *Đại*

Dòng sử này cho thấy, ban đầu đền thờ được xây dựng ở phía bên trái chùa Thiên Mụ, tức ở gần các quây hàng lưu niệm ở đường Nguyễn Phúc Nguyên ngày nay. Đến năm 1845, được dời về ở vị trí mới này. Và có lẽ đây là đền “công lập”, do “nhà nước” xây đầu tiên ở Việt Nam, nay vừa đúng ba trăm năm. Do vậy trong bài viết này, tôi chỉ đề cập về ngôi chùa Ông này, còn các ngôi đền thờ kia, xin dành dịp khác.

Niên đại và thư pháp ghi trên bức hoành *Trung nghĩa chi tể* ở chùa Ông hoàn toàn giống trên bức *Linh Thứu cao phong* ⁽⁷⁾ ở chùa Thiên Mụ, nên ta có thể nghĩ rằng sau khi chọn chùa Thiên Mụ làm thánh địa của Phật Giáo Đàng Trong, Minh Vương cho dựng thêm đền thờ Quan Công và đền thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, ⁽⁸⁾ rồi cùng ngày đến viết các bức hoành phi nội đề này.

Phía dưới bức hoành của Minh Vương, ta thấy có bức ngự chế của vua Tự Đức (phiên âm Hán Việt):

Nam Nhất Thống Chí. Sài Gòn: Nha Văn Hóa, Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản 1960. Tập 1. Phần Kinh Sư, tr. 45.

⁽⁷⁾ 靈鷲高峰

⁽⁸⁾ *Đại Nam Nhất Thống Chí* còn cho biết: *Đền Thiên Phi* 天妃祠: Ở phía hữu miếu Nam Hải Long Vương. Khi quốc sơ ở phía hữu chùa Thiên Mụ, năm Thiệu Trị thứ 5 dời đến đây. Quy chế y như đền Quan Công, dùng ngày Tỵ tháng 2, tháng 8 và lựa ngày tốt tháng trọng hạ, trọng đông, Quản Vệ Thủy Sư đến tế. Tôi đã tìm đến đền này nhưng dấu xưa không còn.

Ngự chế: ĐỀ QUAN CÔNG TỪ

Đỉnh quốc phân tranh sự dĩ trăn

Anh hùng trung nghĩa uyển nhiên tân

Phủ thôn nhật nguyệt thiên quân phế

Khí tác sơn hà vạn cổ thân

Đao hạ chung kỳ tiêm Hán tặc

Chúc tiền đoan khả biện quân thần

Cánh năng tâm ái Xuân Thu chí

Tự thị Xuân Thu đệ nhất nhân.

Tự Đức Canh Tuất cung tuyên ⁽⁹⁾

Diễn nghĩa:

Ngự chế: ĐỀ ĐỀN QUAN CÔNG

Đỉnh quốc (thế ba chân vạc) phân tranh, việc đã bày rõ,

Bậc anh hùng trung nghĩa càng ngày càng tươi mới.

(Ý chí của ngài như) Dạ nuốt nhật nguyệt (vũ trụ), dẹp bỏ ngàn quân,

Khí tượng [của ngài] phổ trùm núi sông, đã tỏ bày từ ngàn xưa.

Dưới ngọn đao, cho đến cuối đời, vẫn dùng để diệt trừ giặc Hán,

⁽⁹⁾ 御製 / 題關公祠 / 鼎國分爭事已陳 / 英雄忠義宛然新
/ 腑吞日月千軍廢 / 氣作山河萬古伸 / 刀下終期殲漢賊
/ 燭前端可辨君臣 / 更能心愛春秋旨 / 自是春秋第一人
/ 嗣德庚戌恭鐫。

Trước ngọn đuốc sáng ấy biện biệt rõ đạo quân thần.
Mới hay tấm lòng ta yêu mến ý chỉ thời Xuân Thu,
Và [ngài] là người xuất chúng nhất thời Xuân Thu ấy.

*Cung kính khắc [gỗ] vào năm Canh Tuất [1850], thời
Tự Đức.*

Dịch thơ:

*Ngự chế: ĐỂ ĐỀN QUAN CÔNG
Đình quốc phân tranh việc sẵn bày,
Anh hùng trung nghĩa rõ hôm nay.
Dạ nuốt trắng trời, ngàn quân đẹp,
Khí trải non sông, vạn thuở hay.
Đao xuống, một đời trừ giặc Hán,
Đuốc ngời, soi rõ đạo sâu dày.
Mới biết lòng yêu Xuân Thu buổi,
Xuân Thu kiệt xuất một người thay!*

Cung khắc năm Tự Đức Canh Tuất (1850).

Trong điện, có hai câu đối còn nguyên vẹn như sau:

1. Câu đối 1:

Trung nghĩa khuông quân, chính khí thiên chi thượng
chi hạ.

Từ bi cứu thế, linh thanh hải dĩ bắc dĩ nam.

Khải Định nhị niên thu. Mộc ân⁽¹⁰⁾ Công Bộ Tả Tham

⁽¹⁰⁾ Chữ Hán “Mộc ân” là từ cung xưng của người dưới đối với

Tri Nguyễn Tri Kiêm bái.⁽¹¹⁾

Nghĩa là:

*Trung nghĩa giúp vua, chính khí vút trời, trên cao, dưới
thấp.*

*Từ bi cứu đời, âm thiêng vang khắp biển, trải bắc, trải
nam.*

(Câu đối và hai bức liễn, do người đội ơn [Quan Thánh]
là Tả Tham Tri Bộ Công Nguyễn Tri Kiêm cúng vào mùa
thu năm Khải Định thứ 2, tức năm 1917.)

2. Câu đối 2:

Bẩm Kim Tinh⁽¹²⁾ bắt nạo dĩ sanh, Đào Viên kết nghĩa,
tam chân huynh đệ quân thần, vô luận anh hùng vạn nhân
địch.

Trị Hỏa Đức⁽¹³⁾ tương hồi chi tế, Mạch Thành tao
thương, cửu ly hoạn nạn khảng cừ, trực tướng khí tiết thiên
cổ sư.

Khải Định thập niên xuân. Thị Giảng Học Sĩ lĩnh Điện

người trên, như ta hay nói: *Kẻ đội ơn là / Kẻ chịu ơn là / Thuộc
hạ là / Tín đồ là...*

⁽¹¹⁾ 忠義匡君正氣天之上之下。 / 慈悲救世靈聲海以北以南。
/ (啓定二年秋。沐恩工部左參知阮知檢拜)

⁽¹²⁾ Kim Tinh: tức Thái Bạch Kim Tinh, cai quản sao Kim, tượng
trung cho phương Bắc (màu trắng).

⁽¹³⁾ Hỏa Đức: tức Hỏa Đức Tinh Quân, cai quản về lửa, sao Hỏa,
tượng trung cho phương Nam (màu đỏ).

Bàn phủ Tri Phủ Tôn Thất Túy phụng cúng.⁽¹⁴⁾

Nghĩa là:

Vốn sinh ra khi sao Kim không nhiều (phạm), ba người anh em [cũng là] vua tôi tốt kết nghĩa vườn Đào, không thể so bậc anh hùng chỉ địch được vạn người.

Gặp buổi sao Hỏa Đức [ý nói thời cuộc hỗn loạn, Hỏa Đức cũng được dùng để biểu thị tâm tính, hình dáng “mặt đỏ như gấc” của Quan Vũ] đang cháy bùng, gặp thương vong chốn Mạch Thành, nhiều lần hoạn nạn vẫn kháng khái, bậc tướng thẳng thắn với khí tiết ấy đáng là bậc thầy từ thiên cổ.

(Câu đối và hai bức liễn, do Thị giảng Học Sĩ lãnh chức Tri Phủ phủ Điện Bàn Tôn Thất Túy phụng cúng vào mùa xuân năm Khải Định thứ 10, tức năm 1925.)

Ngoài ra, còn có một số bức hoành ghi các chữ *Càn khôn chính khí*,⁽¹⁵⁾ hoặc *Hiển thánh linh*⁽¹⁶⁾ ... do những tín đồ Quan Thánh cúng tặng. Phía bên phải tượng Quan Thánh trong điện, còn bức liễn lễ một về đối *Vô luận anh*

⁽¹⁴⁾ 稟金星不撓以生, 桃園結義, 三眞兄弟君臣無論英雄萬人敵。 / 值火德將灰之際, 麥城遭傷, 九罹患難慷慨直將氣節千古師。 / 啓定拾年春。侍講學仕領奠磐府知府尊室謹奉供。

⁽¹⁵⁾ 乾坤正氣。

⁽¹⁶⁾ 顯聖靈。

hùng địch vạn nhân,⁽¹⁷⁾ không có lạc khoản; về đối kia đã mất; và một chỗ trống cho thấy đã mất một số bức hoành câu đối khác...

Vì đền thờ “ông” Quan Công, nên dân gian gọi là chùa Ông, rồi hình thành một địa danh nổi tiếng ở Huế để chính phủ đặt tên một con đường đi đến nó, được gọi là đường Chùa Ông. Theo nhiều tài liệu,⁽¹⁸⁾ năm 1996, Ủy Ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế quyết định cắt một phần đường Mạc Đình Chi từ ngã tư với Nguyễn Du đến đường Ngự Viên và đặt lại tên là đường Chùa Ông, vì nằm phía sau lưng chùa Ông.

Tuy con đường Chùa Ông ngày nay đang còn, nhưng ngôi chùa có cái tên này chỉ còn trong ký ức của những người già, vì nó không còn mang tên chùa Ông nữa, mà đã bị đổi tên là chùa Thuận Hóa,⁽¹⁹⁾ và việc thờ Ông nay chỉ còn là thứ yếu, vì hiện nay trước điện chùa này đã thờ tượng Phật Thích Ca Mâu Ni.

Nguyên nhân của việc đổi tên và đổi chức năng này, có thể là do thời cuộc chính trị: Năm 1932, tại Huế đã thành lập Hội Phật Học An Nam⁽²⁰⁾ do vua Bảo Đại làm Hội Trưởng danh dự, và bác sĩ Lê Đình Thám làm Hội Trưởng

⁽¹⁷⁾ 無論英雄敵萬人

⁽¹⁸⁾ Chẳng hạn: Dương Phước Thu, *Huế, Tên Đường Phố Xưa & Nay*. Huế: Nxb Thuận Hóa 2004, tr. 79.

⁽¹⁹⁾ Thuận Hóa Tự 順化寺

⁽²⁰⁾ 安南佛學會 An Nam Phật Học Hội

chính thức để chấn hưng Phật Giáo; trong đó có việc thành lập các trường đào tạo tăng ni. Theo sách *Lịch Sử Phật Giáo Xứ Huế* ⁽²¹⁾ cho biết An Nam Phật Học Đường cấp tiểu học của An Nam Phật Học Hội dời đến chùa Ông năm 1936. Như vậy, rất có thể chùa Ông đã biến thành chùa Phật, và được đổi tên thành chùa Thuận Hóa vào dịp chấn hưng Phật Giáo này.

Một điều khá trùng hợp là trong Bách Khoa Toàn Thư mở *Wikipedia*, mục từ *Gia đình Phật tử Việt Nam*, thời kỳ sơ khai tại Trung Kỳ, tức An Nam Phật Học Hội, trong thành phần nòng cốt có ghi tên ông *Tôn Thất Túy*, tức có thể chính là vị Tri Phủ Điện Bàn đã cúng câu đối dẫn trên.

Còn vì sao đền được dời từ Thiên Mụ về đây (?), theo tôi là do: Ta được biết thương cảng cổ Thanh Hà (Địa Linh, Hương Vinh) có lẽ hình thành vào năm 1636 và từ đó hình thành khu Hoa kiều đô hội ở đây. Để đánh dấu sự ổn định khu Hoa kiều ở Thanh Hà, năm 1689, họ đã xây ranh giới phía bắc khu này là Thiên Hậu Cung và phía nam là Quan Thánh Điện để hàng năm cúng tế.

Để biểu hiện sự quan tâm đến lực lượng Hoa kiều, năm 1714, Minh Vương cũng đã cho xây hai đền tương tự ở gần chùa Thiên Mụ, có vai trò mang tính biểu tượng của trung tâm tôn giáo tín ngưỡng do “nhà nước” dựng nên thời chúa Nguyễn.

⁽²¹⁾ Thích Hải Ấn, Hà Xuân Liêm, *Lịch Sử Phật Giáo Xứ Huế*. Nxb Văn Hóa Sài Gòn 2006, tr. 395.

Đầu thế kỷ 19, cảng Thanh Hà suy tàn, khu Hoa kiều được dời lần lên phố Chợ Dinh (tức đường Chi Lăng ngày nay). Việc cúng tế đền Quan Thánh ở Minh Hương - Thanh Hà có phần xa xôi khó khăn. Do vậy, rất có thể vua Thiệu Trị đã cho dời đền Quan Công từ Thiên Mụ về bên cạnh Diêu Đế Quốc Tự để vừa biểu hiện khu vực này là trung tâm tôn giáo của nước Việt Nam, vừa thuận tiện cho Hoa kiều ở phố Chợ Dinh đến làm lễ.

Vì từ khi phong trào chấn hưng Phật Giáo rõ ra vào đầu thế kỷ 20, chùa chỉ là nơi sinh hoạt của Phật tử khuôn Thuận Hóa, hàng chục năm không có sư, không có sự tu bổ nên đã xuống cấp trầm trọng. Qua nhiều đợt bão, các cột kèo của chùa đã gãy, và người ta đã lấy các hoành phi, câu đối cổ sơn son thếp vàng, cửa ra để bổ trợ các nơi hư hỏng, làm rui lợp mái ngói, thật đáng tiếc!

Và mới đây, chỉ có một sư cô pháp danh Tuệ Phương đã phát tâm đến “*Sớm khuya lá bối phướn mây / Ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chày nện sương.*” Tuy vậy, do không có kinh phí trùng tu nên hiện nay chùa vẫn trong tình trạng hư nát... Cũng rất may, tấm biển thủ bút ngự đề đúng ba trăm năm năm của Minh Vương và bức ngự chế thi của vua Tự Đức nay vẫn còn. Đây là những di vật quý báu chứng minh là một đền công lập, do vua chúa đương thời quan tâm dựng nên. Vì vậy tôi kính mong Giáo Hội quan tâm trùng tu một ngôi đền danh tiếng xứ Huế, và phục hồi đúng tên, đúng chức năng như xưa. Làm được như vậy, tức Việt hóa một tín ngưỡng của người Hán, và nhờ đó, sẽ làm rực rỡ

thêm sắc màu cho văn hóa Huế...

Việc tình cờ phát hiện bức *Trung nghĩa chi tắc* ở đền Quan Thánh, làm tôi nghĩ rằng cho dù các chúa Nguyễn xiển dương Phật Giáo, nhưng ngài vẫn tôn trọng các tín ngưỡng khác, với mục đích đoàn kết các thế lực, mà ở đây là Hoa kiều, một lực lượng rất lớn góp phần phát triển sự nghiệp của các chúa ở Đàng Trong.⁽²²⁾

Huế, Tết Giáp Ngọ 2014

BS NGUYỄN ANH HUY

Tạp chí *Huế Xưa Và Nay*, số 122

tháng 3 và 4 năm 2014.

⁽²²⁾ Tác giả xin chân thành cảm ơn nhà nghiên cứu thư pháp Hán Nôm Phan Quốc Tuấn và nhà nghiên cứu Hán Nôm Võ Vinh Quang đã hỗ trợ để hoàn tất đề tài này.

* Bác sĩ y khoa Nguyễn Anh Huy hiện sống và làm việc ở Huế, là hội viên Hội Khoa Học Lịch Sử Việt Nam tỉnh Thừa Thiên - Huế. Ngoài ra ông còn chuyên khảo cứu về tiền cổ Việt Nam; đã xuất bản *Lịch Sử Tiền Tệ Việt Nam* (Nxb Văn Hóa Sài Gòn, 2010).

Văn Uyển chân thành cảm tạ BS Nguyễn Anh Huy đã gửi tặng bài viết và hình ảnh về ngôi chùa Ông ở Huế.

(Ban Ấn Tổng)

TRƯỚC TƯỢNG GỖ LỬA

Ngỡ rằng đồ bỏ đi rồi
May ra nhóm lửa đun sôi ấm trà
Từ trong gốc rễ vọt ra
Bỗng sang trọng giữa chợ hoa phố phường
Khen ai con mắt tinh tường
Thổi vào rễ mọc một hồn vía riêng
Thế nằm, thế đứng, thế nghiêng
Cõi người hay cõi thiên nhiên sẵn sù
Lặng thinh là của đất trời
Ngu ngơ là cái của tôi so bì
Trông gà hóa cuốc có khi
Quanh tôi gỗ lửa * đang di động người.

NGUYỄN QUỐC HUÂN

Hội Thánh Truyền Giáo

* Gỗ lửa là phần lõi cây cứng nhất còn sót lại sau khi cây chết khô. Qua năm tháng bị thiên nhiên bào mòn, gỗ lửa có hình dáng rất khác nhau, nghệ nhân khéo tay chỉnh sửa đôi chút thì trở thành tác phẩm trang trí mỹ thuật. [Văn Uyển chú]

LUÂN HỒI

Trèo lên triền dốc hỏi cây:
Bao nhiêu lá rụng đã dày gót chân?
Thưa rằng: Muôn nỗi trần thân
Lá rơi lại mọc dưới sân luân hồi.

Nhẹ nhàng hỏi vạt mây trôi:
Thác ghềnh đêm có vọng lời đại dương?
Thưa: Mây giống ruồi dậm trường
Tự nguồn nước đổ về phương sóng ngàn.

Nôn nao hỏi giọt trăng vàng:
Xiêm y mấy lớp, dung nhan mấy mùa?
Thưa rằng: Nguyệt tự ngàn xưa
Hết đầy lại khuyết cho vừa tr tuần chiêm.

Lặng thầm hỏi gió tịch nhiên:
Thân ta liệu bước ra miền vắn xoay?
Rằng: Khua sạch bụi chốn này
Thân tâm thanh tịnh, hiển bày chân như.

HUỲNH VĂN MƯỜI

Thánh thất Nam Trung Hòa

Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài

ƯỚC HẸN

Nhạc và lời: **THIỆN QUANG** (1985)



Vẫn có nhau trong đời. Nhớ nhau hoài bạn ơi. Phút giây



này chưa hết lời. Siết tay nhau, siết thêm chặt tình thân ái.



Đã bước chung con đường, đã mang cùng mơ ước,



nấu nung niềm tin sắt son, dầu đường dài, lòng đừng phai



phai, chân giẫm đá mòn.

Bạn ơi, ra đi

Tình bạn bao la



dù có đến phương trời nào, xin hẹn nhau mai sau trên
tựa như cánh chim vượt ngàn. Xin vượt qua không gian, qua



con đường dài nhân thế. Gặp nhau trong sứ
bao thời gian ngăn cách. Còn đi trong sứ



mạng thì còn gặp nhau trong cuộc đời.
mạng thì còn cùng đi trên đường đời.



Đây ước mơ uy hùng, cháy lên đi bập bùng, rạng soi
Xin khắc ghi trong lòng, ước mơ đang cháy nồng...



bước chân, đời ai hiển dăng.
... và niềm tin rục



sáng. về ngày mai.

HỌC GIẢ TRẦN TRỌNG KIM

TRẦN VĂN CHÁNH

Tạp chí *Nghiên Cứu Và Phát Triển* (Huế: Sở Khoa Học và Công Nghệ Thừa Thiên - Huế, số 6-7 [104-105] năm 2013, tr. 108-142) có bài *TẢN MẠN NHÂN VẬT LỊCH SỬ TRẦN TRỌNG KIM QUA NHỮNG TRANG HỒI KÝ* của nhà nghiên cứu Trần Văn Chánh. Văn Uyển đã xin phép tác giả và tạp chí để trích đăng lại đây phần viết về tiền bối Trần Trọng Kim ở cương vị là một học giả đầy uy tín, rất đáng kính trọng và rất có công với văn hóa dân tộc.

Thuộc thế hệ tuổi trên dưới sáu mươi như chúng tôi, ở miền Nam, hẳn có quan tâm ít nhiều tới chuyện sách vở thì hầu như không ai không biết đến nhân vật Trần Trọng Kim (1883-1953), một học giả tên tuổi, có thời gian ngắn tham gia chính trị với tư cách Thủ Tướng của Đế Quốc Việt Nam (1945), và là người tiên phong cho một số công trình biên khảo có giá trị lâu dài thuộc nhiều lĩnh vực học thuật khác nhau, như *Việt Nam Sử Lược*, *Nho Giáo*, *Truyện Thúy Kiều*...

Khởi đầu sự nghiệp trí tác từ năm 1914 khi phụ trách mục “Học Khoa” trên *Đông Dương Tạp Chí*, với loạt bài viết có tính giáo khoa về luân lý và về khoa sư phạm học, nếu tính đúng và đủ, Trần Trọng Kim là tác giả của tất cả

những công trình đã in thành sách, liệt kê theo thứ tự thời gian như sau:

- *Sơ Học Luân Lý* (Nhà in Trung Bắc Tân Văn, Hà Nội, 1914),
- *Sư Phạm Khoa Yếu Lược* (Trung Bắc Tân Văn, 1916),
- *Việt Nam Sử Lược* (hai quyển Thượng và Hạ, Trung Bắc Tân Văn, 1919),
- *Truyện Thúy Kiều Chú Giải* (1925, soạn chung với Bùi Kỷ),
- *Quốc Văn Giáo Khoa Thư* (ba tập: lớp Đồng Ấu, lớp Dự Bị, và lớp Sơ Đẳng), *Luân Lý Giáo Khoa Thư*, *Sử Ký Giáo Khoa Thư* (cả ba loại giáo khoa thư này xuất bản năm 1926, và đều soạn chung với Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc, Đỗ Thận, do Nam Sơn Nguyễn Văn Thọ vẽ minh họa),
- *Bốn Mươi Bảy Điều Giáo Hóa Của Nhà Lê* (Trung Bắc Tân Văn, 1928, dịch *Lê Triều Giáo Hóa Điều Luật Tứ Thập Thất Điều* ra tiếng Pháp: *Les 47 articles du Catéchisme moral de l'Annam d'autrefois*),
- *Nho Giáo* (Trung Bắc Tân Văn, 1930, ba quyển; sau in gộp lại thành hai quyển, 1932-1933),
- *Việt Thi* (sao lục và chú giải),
- *Phật Lục* (Nxb Lê Thăng, Hà Nội, 1940),
- *Phật Giáo* (Tân Việt xuất bản),



Một số sách của học giả Trần Trọng Kim

- *Vương Dương Minh* (1940),
- *Việt Nam Văn Phạm* (Lê Thăng, Hà Nội, 1941, soạn chung với Phạm Duy Khiêm, Bùi Kỷ),
- *Tiểu Học Việt Nam Văn Phạm* (Tân Việt xuất bản),
- *Phật Giáo Thừa Xưa Và Phật Giáo Ngày Nay* (Tân Việt, 1953; “Lời Mở Đầu” của tác giả đề tháng 10-1952),
- *Hạnh Thực Ca* (Tân Việt xuất bản),
- *Đường Thi* (Tân Việt xuất bản),
- *Lăng Ca Kinh* (Tân Việt, 1964),
- *Một Con Gió Bụi* (hồi ký, viết từ năm 1949, xuất bản năm 1969 tại Sài Gòn do Nxb Vĩnh Sơn).

Ngoài những sách đã in chính thức trên đây, Trần Trọng Kim còn có:

- Loạt bài biên khảo dài về Đạo Giáo (đạo Lão Tử) đăng nhiều kỳ trên *Nam Phong Tạp Chí* (từ số 67 năm 1923), chưa xuất bản thành sách.
- *Vũ Trụ Đại Quan* và *Thiên Văn Học* là hai công trình biên khảo khác nữa nhưng dường như chỉ ở dạng bản thảo đã bị thất lạc trong thời kỳ chiến tranh Việt-Pháp (1946-1954). Quyền đầu thấy tác giả có nhắc qua trong một bức thư gửi Giáo Sư Hoàng Xuân Hãn mới được công bố gần đây; còn quyền sau, chỉ được biết qua sự ghi nhận của nhà văn, nhà báo Lăng Nhân Phùng Tất Đắc trong tập hồi ký *Nhớ Nơi Kỳ Ngộ* (do Ziên Hồng xuất bản ở Hoa Kỳ năm 1997).

- Riêng cuốn *Pháp Bảo Đàn Kinh* nói là do ông dịch, chúng tôi chỉ thấy giới thiệu sau bìa lưng một quyển sách khác do Nxb Tân Việt in năm 1964, nên chưa thể xác định.

Nếu xét trên phương diện đề tài thì tác phẩm của Trần Trọng Kim bao quát một phạm vi rất rộng, từ giáo khoa nhiều môn học sang các lĩnh vực văn, triết, sử, tôn giáo, và đều có tính cách tiên phong đi đầu trên mỗi lĩnh vực học thuật trong giai đoạn chuyển giao từ nền cựu học sang tân học, trong số đó riêng bộ *Việt Nam Sử Lược* từ khi ra đời đã được đánh giá là một trong những bộ sử quy mô đầu tiên của Việt Nam viết bằng chữ quốc ngữ, vừa có phong cách ngắn gọn, súc tích, vừa đầy đủ dễ hiểu, đọc rất hấp dẫn, và được tái bản cho đến nay có đến chục lần.

Điều khá đặc biệt là những cuốn giáo khoa tiểu học nêu trên do ông chủ trì biên soạn đều là những sách viết rất hay, mà một số bài trong đó đến nay lớp người từng học tiểu học khoảng nửa trước thế kỷ Hai Mươi vẫn còn thuộc nằm lòng. Một số câu, đề bài đã trở thành những câu khẩu ngữ rất quen thuộc: *Ai bảo chăn trâu là khổ... Xuân đi học con người hớn hở...* Cách biên soạn đơn giản, dễ nhớ như thế của nhóm soạn giả Trần Trọng Kim rất có giá trị thuyết phục, mà ngày nay có lẽ còn phải phấn đấu học hỏi nhiều nữa giới sư phạm mới có thể vượt lên hơn được.

Trong *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*, Giáo Sư Dương Quảng Hàm (1898-1946) xếp Trần Trọng Kim vào chương *Các Văn Gia Hiện Đại* cuối sách, ở tiểu mục *Khuynh Hướng Về Học Thuật*, chỉ với ba dòng nhận xét rất ngắn

gọn nhưng đủ khái quát hết sự nghiệp học thuật của ông: “Trần Trọng Kim (hiệu *Lệ Thần*) là một nhà sư phạm đã soạn nhiều sách giáo khoa có giá trị và một học giả đã có công khảo cứu về Nam sử và các học thuyết cổ của Á Đông.”⁽¹⁾

Đến Nhà Văn Hiện Đại (bốn tập, Tân Dân, Hà Nội, 1942-1945), nhà phê bình văn học Vũ Ngọc Phan (1902-1987) xếp Trần Trọng Kim vào “*Các nhà văn lớp đầu*”, nhóm biên khảo (cùng với Bùi Kỷ, Lê Dư, Phan Khôi, Nguyễn Quang Oánh, Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Văn Tố, Đào Duy Anh), đã giới thiệu khá tỉ mỉ văn nghiệp của ông (chiếm đến ba mươi trang giấy), đặc biệt giới thiệu, phân tích, phê bình một cách tập trung, chi tiết vào ba quyển *Việt Nam Sử Lược*, *Nho Giáo* và *Việt Nam Văn Phạm*.

Riêng *Việt Nam Sử Lược*, Vũ Ngọc Phan cho rằng “tuy gọi là ‘lược’ nhưng cũng đủ được mọi việc trong thời kỳ đã qua của nước nhà và đáng coi là một bộ sách giá trị.”⁽²⁾ Rồi đi tới một kết luận chung cho toàn bộ sự nghiệp biên khảo của Trần Trọng Kim:

“*Đọc tất cả các văn phẩm của Trần Trọng Kim, người ta thấy tuy không nhiều, nhưng quyển nào cũng vững vàng chắc chắn, không bao giờ có sự cầu thả.*”

⁽¹⁾ Dương Quảng Hàm, *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*. Sài Gòn: Bộ Giáo Dục, Trung Tâm Học Liệu, 1968, tr. 450.

⁽²⁾ Vũ Ngọc Phan, *Nhà Văn Hiện Đại*. Nxb Văn Học - Hội Nghiên Cứu Và Giảng Dạy Văn Học TpHCM, 1994. Tập I, tr. 181.



Trần Trọng Kim
lúc trẻ và khi cao tuổi.



“Ông có cái khuynh hướng rõ rệt về loại biên khảo; chỉ đọc qua nhan đề các sách của ông, người ta cũng có thể thấy ngay: hết lịch sử, đến đạo Nho, đến đạo Phật, rồi lại đến mẹo luật tiếng Việt Nam. Ông là một nhà giáo dục, nên những sách của ông toàn là sách học cả.

“Văn ông là một thứ văn rất hay, tuy rất giản dị mà không bao giờ xuống cái mực tầm thường; lời lẽ sáng suốt, giọng lại thiết tha như người đang giảng dạy. Lối văn ấy là lối văn của một nhà văn có nhiệt tâm, có lòng thành thật.”⁽³⁾

⁽³⁾ Vũ Ngọc Phan, *sách đã dẫn*, tr. 208-209.

Lại đến *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên* của Phạm Thế Ngũ (1921-2000), tập III, phần *Văn Học Hiện Đại 1862-1945* (Sài Gòn: Quốc Học Tùng Thư, 1965), nhà nghiên cứu văn học rất tài hoa uy tín này tiếp tục xếp Trần Trọng Kim vào hàng ngũ các nhà biên khảo tiêu biểu của giai đoạn 1907-1932, chung với Phan Kế Bính (1875-1921), Nguyễn Hữu Tiên (1874-1941) – hai tác giả đã được Vũ Ngọc Phan xếp vào nhóm Đông Dương Tạp Chí và nhóm Nam Phong Tạp Chí – và Phan Khôi (1887-1959). Phạm Thế Ngũ gọi Trần Trọng Kim là nhà giáo dục mới, lần lượt đi qua các tác phẩm tiêu biểu, trước khi đi đến nhận định tổng quát có thể bổ sung được cho sự đánh giá của Dương Quảng Hàm và Vũ Ngọc Phan vừa nêu trên:

“Ở Trần Trọng Kim ta thấy một đặc điểm là mặc dù sớm theo Tây học, lại sang cả Pháp du học, song ông đã có với văn hóa Đông phương một mối kính cẩn sâu xa. Có thể nói ông chủ trương bảo tồn, thủ cựu hơn cả Phạm Quỳnh. Về đường trước tác thì có thể nói ông đã thực hiện đúng cái đường lối... là đem tất cả cái gia tài văn hóa của ông cha mà bàn giao lại cho thế hệ mới... Tuy có Tây học song ông tự đặt mình vào phái cũ, đem cái phương pháp mới học được của Tây học mà làm những công trình bàn giao ấy cho được rõ ràng hơn hoàn bị hơn. Sự phối hợp giữa một phương pháp biên khảo mới mẻ và một kho kiến thức phong phú cộng thêm vào một thiện chí theo đuổi ‘cứu cung tận tụy’ đã khiến cho những công trình của ông có một giá trị vững bền và đặt ông vào hàng đầu các nhà biên khảo ở giai đoạn này.”

“Về hành văn thì ông có một lối văn đặc biệt bình dị... Không ưa những hình ảnh cao kỳ, lối sắp đặt đối ngẫu, sự bay bổng hay hào hoa, chỉ muốn dùng cách thông thường nhất dễ hiểu nhất, để dẫn giải ôn tồn cho người ta hiểu. Văn bình đạm song có khí có lực, cũng như con người vậy.” ⁽⁴⁾

Trần Trọng Kim, còn có bút hiệu Lê Thần, sinh năm 1883 (Quý Mùi) tại làng Kiều Lĩnh, xã Đan Phố (nay là Xuân Phố, trước thuộc tổng Đan Hải), huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Theo Vũ Ngọc Khánh, họ Trần của Trần Trọng Kim là một họ lớn ở Đan Phố (lúc đầu gọi Đan Phố, sau theo cách phát âm mới đọc là Phố), cụ thân sinh ra Trần Trọng Kim là Trần Bá Huân, có tham gia phong trào Cần Vương. Em gái ông tên Trần Thị Liên là một cán bộ Xô Viết, hoạt động năm 1930 (mất năm 1964). Ngoài ra, ông còn có người con gái hiện đang ở Pháp.⁽⁵⁾ Riêng vợ ông là em gái của nhà nghiên cứu văn học Bùi Kỷ (1888-1960).

Xuất thân trong một gia đình Nho Giáo, ông học chữ Hán từ nhỏ. Năm 1897, học chương trình Pháp ở trường Pháp-Việt Nam Định. Năm 1900, thi đỗ vào trường Thông Ngôn, tốt nghiệp năm 1903. Năm 1904, làm Thông Sự ở Ninh Bình.

⁽⁴⁾ Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên*. Sài Gòn: Quốc Học Tùng Thư, 1965. Tập III, tr. 301-302.

⁽⁵⁾ Xem bài *Bàn Thêm Về Trần Trọng Kim*, tạp chí Văn Hóa Nghệ An, 26-11-2009.

Ít ai biết rõ thuở hàn vi của Trần Trọng Kim ra sao, vì ngay trong tập hồi ký viết cuối đời, cuốn *Một Con Gió Bụi* (tên phụ *Kiến Văn Lục*, Sài Gòn: Nxb Vĩnh Sơn, 1969), cũng không thấy kể. Chỉ biết ông nhà nghèo, nên năm 1906 mới nhờ bạn học cũ là Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936) giúp, khi ông Vĩnh được nhà nước bảo hộ Pháp giao trách nhiệm tổ chức đi dự Hội Chợ Marseille ở Pháp (hội đó gọi là “đấu xảo”), sắp xếp cho ông đi theo với tư cách thợ khảm, mà thật ra mục đích chính chỉ để tranh thủ ở lại Pháp học thêm: “*Thì mục đích mình là kiếm đường du học, chứ tôi có biết khảm khiếc gì đâu!*”⁽⁶⁾

Từ đó ông trải qua học trường Thương Mại ở Lyon, rồi được học bổng vào trường Thuộc Địa Pháp. Năm 1909, vào học trường Sư Phạm Melun, tốt nghiệp ngày 31-7-1911 rồi về nước, do học bổng của mọi sinh viên lúc đó đột nhiên bị bãi. Sau đó, ông lần lượt dạy ở trường Trung Học Bảo Hộ (trường Bưởi), trường Hậu Bô và trường Nam Sư Phạm.

Ông là nhà giáo mẫu mực, có uy tín trong xã hội, từng giữ nhiều chức vụ trong ngành giáo dục thời Pháp thuộc như: thanh tra các trường tiểu học Pháp-Việt (1921), trưởng ban soạn thảo sách giáo khoa tiểu học (1924), giáo viên trường Sư Phạm Thực Hành (1931), giám đốc các trường nam tiểu học tại Hà Nội (1933). Ngoài ra ông còn là phó trưởng ban Ban Văn Học của Hội Khai Trí Tiến Đức và nghị viên Viện Dân Biểu Bắc Kỳ. Ông về hưu năm 1942

⁽⁶⁾ Lãng Nhân Phùng Tất Đắc, *Nhớ Nơi Kỳ Ngộ*. Hoa Kỳ: Nxb Ziên Hồng 1997, tr. 84.

khi vừa tròn sáu mươi tuổi.

Theo lời kể lại của Lãng Nhân, một người được Trần Trọng Kim coi là bạn trẻ khá thân thiết, thì ông người vóc đậm nên trông hơi thấp, nước da ngăm ngăm, đi đứng khoan thai vững vàng, tuy gốc Nghệ Tĩnh nhưng ở Bắc lâu nên giọng nói nhẹ nhàng. Thấy ông là nhà giáo đạo mạo, lại chuyên viết những công trình nghiêm túc gần như giảng đạo, ít ai nghĩ Trần Trọng Kim là người có óc trào lộng, thích kể chuyện tiêu lâm, và cũng theo Lãng Nhân cho biết, cuốn sách nhỏ do nhà Ích Ký, phố Hàng Giấy xuất bản năm 1910, có những chuyện “xứ Nghệ” xem vỡ bụng cười, đều do ông Trần kể lại với tác giả Thọ An, tức Phạm Duy Tốn (1883-1924), một nhân vật trọng yếu của nhóm Nam Phong.

Có những chi tiết rất lý thú về nền nếp sinh hoạt hằng ngày của ông. Cũng theo Lãng Nhân: “*Sở dĩ ông thực hiện được những tác phẩm có giá trị cả về phẩm lẫn lượng, là nhờ sự kê cứu tỉ mỉ công phu cùng đức tính cần cù, nhẫn nại và cương quyết ít thấy ở ai khác. Thật vậy, nhà ông, trên lầu, riêng một căn làm thư phòng, giữa kê một bàn giấy lớn, sách vở bày trên từng chồng xếp đặt ngay ngắn, bên đèn bên quạt điện, trước bàn là một ghế bành gỗ gụ không có nệm. Điều khác thường là bao nhiêu đồ được vẩy kín trong một khung hình lớn lúc nào cũng buông [mùng] sùm sụp để tránh muỗi. Mỗi ngày cơm chiều xong là ông tản bộ đi chơi, đi thăm hỏi bạn bè, khi chuyện trò trong Hội Khai Trí, nhưng nghiêm luật bắt đi bắt dịch là đúng mười giờ đêm, dù mưa gió bão bùng, thế nào ông cũng có mặt*

nơi ‘bàn mừng’ để cặm cùi dùi mài cho đến hai giờ sáng.”⁽⁷⁾

Chỉ một năm sau khi về hưu (1943), thời cuộc bắt đầu đưa đẩy chuyển ông sang một hướng rẽ đầy phong ba bão táp mà bình sinh có lẽ ông chưa bao giờ kịp nghĩ tới. “Một cơn gió bụi” nổi lên bao trùm hoàn hải trong bối cảnh cuộc Chiến Tranh Thế Giới thứ Hai đến hồi quyết liệt đã làm cho cuộc đời nhà giáo, nhà nghiên cứu Trần Trọng Kim không còn được êm ả một cách tương đối như trước.

(...)

Đầu tháng 3-1948, ở tuổi sáu mươi lăm, vừa túng thiếu vừa mệt mỏi và bất lực trước thời cuộc, lại bị đám chính khách cơ hội tới ngày bao vây trong căn nhà ở chật hẹp của người anh vợ, ông quyết định bỏ Sài Gòn qua Nam Vang (Phnompenh, Campuchia) sống với người con gái, cũng trong cảnh nghèo túng. Trong thời gian này, ông đã tập hợp các bản thảo nhật ký của mình viết thành cuốn hồi ký *Một Cơn Gió Bụi*, mà phần kết thúc là nêu lên một số nhận xét về những chỗ hay dở của phong trào Việt Minh và khẳng định tâm lòng chân thành của ông đối với dân tộc. Đây là quyển sách có nhiều sử liệu quý hiếm mà ta không thể tìm thấy bất kỳ ở đâu trong số những tập “chính sử” hiện đại, rất cần được giới nghiên cứu sử học quan tâm khảo định kỹ vì có thể còn một số chi tiết chưa chính xác, để viết lại bộ thông sử sau này, nhất là về những sự kiện

⁽⁷⁾ Lãng Nhân Phùng Tất Đắc, *sách đã dẫn*, tr. 84-85.

lịch sử Việt Nam liên quan giai đoạn 1945-1949.

Tâm trạng ông vào khoảng thời gian tạm trú Nam Vang được ghi lại ngay trong đầu sách qua hai câu thơ trích dẫn của Đái Thúc Luân (732-789) thời Đường:

Liêu lạc bi tiền sự

Chi li tiểu thử thân.

(Quạnh hiu buồn nỗi trước kia

Vẫn vợ chuyện vật, cười khi tẩm thân.)

Và trong đoạn tâm sự gần cuối tập hồi ký: “Tôi nay già rồi, không còn hăng hái làm được việc gì nữa. Tôi chỉ mong được yên ổn, để về nghỉ ngơi cho trọn tuổi già, ấy là cái sở nguyện chân thực của tôi. Và trong quãng đường tôi vừa đi qua, trải bao những cảnh huống đau buồn khổ sở, may như Trời Phật cứu giúp, tôi duy trì được đến bây giờ, mà không trụy lạc vào đâu cả, thật là cái phúc lớn vậy.”⁽⁸⁾

Lãng Nhân kể: “Vốn là người nho nhã phác thực và chân thành, khi không⁽⁹⁾ bị lôi cuốn vào trường chính trị, phải đối phó với một canh bạc thò lò sáu mặt, không thích ứng với lòng mình, nên mỗi khi nhàn thoai ông hay mê mải điều thuốc lá vắn tay, chắc lười một đường triết lý: Nghĩ cho cùng, ở đời chẳng cái đểch gì ra cái đểch gì...”⁽¹⁰⁾

⁽⁸⁾ Trần Trọng Kim, *Một Cơn Gió Bụi*. Sài Gòn: Nxb Vĩnh Sơn, 1969, tr. 185.

⁽⁹⁾ *Khi không*: Bỗng dưng, vô tình, bất ngờ... [Văn Uyên chú]

⁽¹⁰⁾ Lãng Nhân Phùng Tất Đắc, *sách đã dẫn*, tr. 67.

Ít lâu sau ông trở về Việt Nam, rồi thuê nhà định cư tại Hà Nội.

Sau do lời mời của Quốc Trưởng Bảo Đại, ông vào Sài Gòn dự Đại Hội Đồng Quốc Gia (còn gọi “Quốc Dân Đại Hội”) từ ngày 06-9-1953, được bầu làm Chủ tịch Chủ tịch Đoàn nhưng chỉ hư vị và không thực tế làm gì, ông lên Đà Lạt định sống an dưỡng cùng với gia đình nhưng chưa được bao lâu thì mất đột ngột tại đây vì bị đứt mạch máu ngày 02-12-1953, thọ bảy mươi một tuổi, thi thể được đưa máy bay về Hà Nội an táng, cạnh chùa Láng.⁽¹¹⁾

(...)

Trần Trọng Kim được đánh giá là một học giả uyên thâm cả tân học lẫn cựu học, là người tận tụy cho ngành giáo dục Việt Nam đầu thế kỷ Hai Mươi.

(...)

Khoảng hơn chục năm gần đây, qua lớp bụi thời gian, (...) người ta bắt đầu biết đến rồi nhận ra giá trị, cho in đi in lại nhiều lần những *Việt Nam Sử Lược*, rồi *Nho Giáo*, *Phật Giáo*, *Phật Lục*... nhất là bộ sách *Quốc Văn Giáo Khoa Thư* và *Luân Lý Giáo Khoa Thư* do ông [Trần Trọng Kim] chủ trì nhóm biên soạn.

Từ năm 2000, tức bốn mươi bảy năm sau khi Trần Trọng Kim qua đời, mới thấy mục từ TRẦN TRỌNG KIM bắt

⁽¹¹⁾ Chùa Láng (Chiêu Thiền Tự 昭禪寺) ở làng Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội. [*Văn Uyển* chú]

đầu xuất hiện trong cuốn *Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam* do Đinh Xuân Lâm và Trương Hữu Quýnh chủ biên (Nxb Giáo Dục).

Năm 2004, khi bộ sách quy mô *Từ Điển Văn Học* bộ mới ra đời (Nxb Thế Giới), mục từ TRẦN TRỌNG KIM lại được đưa vào một cách trân trọng hơn, do nhà nghiên cứu văn học Nguyễn Huệ Chi trình bày, với gần đầy ba trang giấy khổ lớn, bỏ hết mọi lời công kích.

25-11-2013

TRẦN VĂN CHÁNH

Nguồn: Tạp chí *Nghiên Cứu Và Phát Triển*

(Huế: Sở Khoa Học và Công Nghệ Thừa Thiên - Huế, số 6-7 [104-105] năm 2013.

THEO DÒNG

Mai người về cố quận?
Hiu hắt bờ sông xa
Lòng thuyền vương sợi tóc
Một người đã đi qua

Mất nai ngày xa mẹ
Lạc giữa rừng hoang vu
Bão đời xô mấy nổi
Gót chân mòn lãng du

Rừng mấy mùa trút lá
Gió mấy mùa bão giăng
Nai về bên suối cũ
Bóng ngã dài đêm trắng

Bàn tay chia mấy ngón
Sông chia mấy nhánh đời
Thuyền xuôi về một hướng
Ta xuôi về một nơi.

HUỲNH VĂN MƯỜI

HÔN LỄ VÀ ĐẠO HIẾU THEO NHO GIÁO

PHÙNG HỮU LAN 馮友蘭 (1895-1990)

LÊ ANH MINH dịch & chú

LÝ LUẬN VỀ HÔN LỄ

... ít nhất có một số Nho Gia không tin vào sự bất tử của linh hồn sau khi người ta chết. Tuy lý trí không thừa nhận thuyết linh hồn bất tử, nhưng thực tế cái chết không thể xem là hoàn toàn tuyệt diệt, bởi vì con cháu của người chết là một phần thân thể của người chết vẫn còn tiếp tục sống. Cho nên ai có con cháu tức là bất tử. Sinh vật đều như thế cả, không cần phải chứng minh.

Mặt khác, một cá nhân sống vào một thời gian và địa điểm nào đó chính là một sự thật cố định trong vũ trụ; bất luận thế nào, người ta không thể phủi sạch đi sự thật đó. Bất cứ cái gì đã tồn tại thì không thể bị khiến cho không tồn tại. Ở phương diện này, ta không thể nói rằng một người bình thường sống vào thời Khổng Tử thì không tồn tại như Khổng Tử. Sự khác biệt là: Khổng Tử thì được người ta biết đến, còn người bình thường ấy thì không ai biết đến.

Con người ngày nay cũng vậy, họ được xem là lớn hay nhỏ tùy theo danh tiếng của họ nhiều hay ít. Ngay đến một

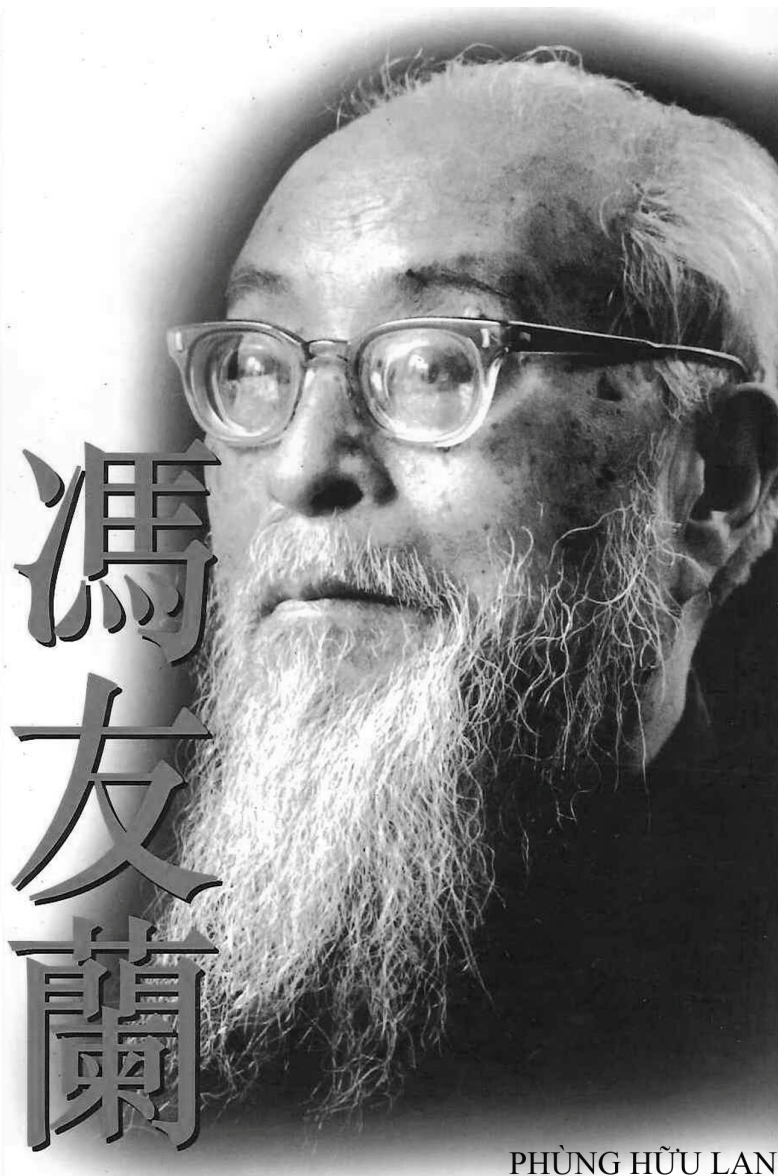
kẻ vô danh tiểu tốt, chúng ta không thể nói là hắn không tồn tại. Sự tồn tại hay không tồn tại của hắn không liên quan đến việc người ta biết hay không biết hắn. Ở phương diện này, ta có thể nói con người đều bất tử. Cái bất tử này khác với sự bất tử theo sinh vật học, và ta có thể gọi là sự bất tử lý tưởng hay sự bất hủ.

Nhưng cái bất hủ mà đời không ai biết thì thông thường bị xem là vô giá trị. Cho nên hai chữ *bất hủ* này thói thường được lấy để gọi đại nhân vật nào từng tồn tại và được đời biết đến.

Có ba điều khiến con người bất hủ: *lập đức*, *lập công*, *lập ngôn*. Tùy theo ta đã lập thành cái gì, đời sẽ biết đến ta, nhớ đến ta, tức là ta bất tử (hay bất hủ). Nhưng nếu chỉ giới hạn trong *tam bất hủ* (lập đức, lập công, lập ngôn) mới được đời biết đến, thì người bất hủ trên đời này hẳn ít lắm vậy.

Hầu hết con người đều bình thường, không có gì đặc biệt, nên không thể khiến cho xã hội nhớ đến. Người có thể nhớ đến họ chính là con cháu họ và gia tộc của họ. Nho Gia đặc biệt chú trọng cúng tế tổ tiên tức là muốn người đã khuất có được sự bất hủ trong ký ức của con cháu họ. Đây là hàm nghĩa trong tang lễ và tế lễ mà Nho Gia đã lý luận hóa.

Về sau, sự chú trọng của Nho Gia đối với vấn đề bất tử có thể nhận thấy trong lý luận về hôn lễ. Ý kiến của Nho Gia đối với hôn nhân hoàn toàn nhắm vào công dụng theo sinh vật học. *Lễ Ký* nói:



PHÙNG HỮU LAN

- Hôn lễ nhằm hợp lại cái [nòi giống] tốt của hai họ; đối với trên là để phụng sự tông miếu, đối với dưới là để nối tiếp đời sau. ⁽¹⁾

- Trời đất không giao hợp thì vạn vật không sinh sôi. Nhờ hôn lễ lớn mà có sự nối dõi vạn đời. Sao ngài nói hôn lễ này quá lớn? ⁽²⁾

⁽¹⁾ Lễ Ký (Hôn Nghĩa 昏義): “Hôn lễ giả, tương hợp nhị tính chi hảo, thượng dĩ sự tông miếu, [nhĩ] hạ dĩ kế hậu thế dã. Cố quân tử trọng chi.”

昏禮者，將合二姓之好，上以事宗廟，[而]下以繼後世也。故君子重之。

LAM chú: Chữ hôn (trong hôn nhân, hôn lễ) ngày nay viết là hôn nhưng ngày xưa nó được dùng lẫn với chữ hôn 昏 (trong hoàng hôn, hôn ám).

Derk Bodde (chép lại James Legge) hiểu chữ hảo 好 là tình yêu nên dịch: “The ceremony of marriage is intended to be a bond of love between two families of different names.” (Hôn lễ nhằm trở thành một ràng buộc tình yêu giữa hai gia đình khác họ.)

Trong xã hội Trung Quốc cổ đại, hôn nhân không chủ yếu dựa trên tình yêu. Phùng Hữu Lan nói: “Nho Gia đối với hôn nhân hoàn toàn nhắm vào công dụng theo sinh vật học.”

Ở đoạn sau ông nói: “Mục đích chân chính của việc nam nữ giao hợp tức là sinh con. Nếu do việc ấy mà có ái tình và khoái cảm, thì đó chỉ là tình trạng tâm lý phụ thuộc.” Vì thế chữ hảo này ngụ ý nòi giống tốt, để nối dõi tông đường.

⁽²⁾ Lễ Ký (Ai Công Vấn): “Thiên địa bất hợp, vạn vật bất sinh. Đại hôn, vạn thế chi嗣也, 君何謂已重焉?”

天地不合，萬物不生。大昏，萬世之嗣也，君何謂已重焉？

- Cha mẹ chú rể đi xuống từ bậc thềm phía tây; cô dâu đi xuống từ bậc thềm phía đông; tức là nhà cửa được trao cho cô dâu. [...] Hôn lễ không cần chúc mừng, vì là sự nối dõi vậy. ⁽³⁾

- Gia đình nhà gái ba đêm không tắt đuốc vì nghĩ sắp chia tay với con gái. Gia đình nhà trai ba ngày không cử nhạc vì nghĩ đến việc nối dõi. ⁽⁴⁾

Mạnh Tử nói: Bất hiếu có ba điều, trong đó việc không có con là đại bất hiếu. Ông Thuấn tự ý lấy vợ mà không báo cho cha mẹ biết, vì ông sợ tội đại bất hiếu. ⁽⁵⁾

⁽³⁾ Lễ Ký (Giao Đặc Sinh): “Cửu cô giảng tự tây giai, phụ giảng tự tộ giai, thụ chi thất dã. [...] Hôn lễ bất hạ, nhân chi tự dã.”

舅姑降自西階，婦降自阼階，授之室也。[...] 昏禮不賀，人之序也。

Derk Bodde chú: Thềm tây là của khách, thềm đông là của chủ.

⁽⁴⁾ Lễ Ký (Tăng Tử Vấn): “Giá nữ chi gia, tam dạ bất tức chúc, tư tương ly dã. Thụ phụ chi gia, tam nhật bất cử nhạc, tư tự thân dã.”

嫁女之家，三夜不息燭，思相離也。取婦之家，三日不舉樂，思嗣親也。

⁽⁵⁾ Mạnh Tử (Ly Lâu, thượng): “Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại, Thuấn bất cáo nhi thú, vi vô hậu dã.”

不孝有三，無後爲大，舜不告而娶，爲無後也。

LAM chú: Ba điều bất hiếu là: ① Làm việc sai quấy khiến cha mẹ mang nhục; ② Nhà nghèo, cha mẹ già yếu, nhưng không làm lụng nuôi cha mẹ; ③ Không sinh con để nối dõi tông đường. Trường hợp ông Thuấn, cha dấn độn, mẹ ghê ác

Cứ theo các trích dẫn trên thì thấy Nho Gia xem công dụng của hôn nhân là để có người nối dõi. Kết hôn rồi sinh con là tạo ra “cái tôi mới” để thay cho “cái tôi cũ”, khiến con người được sự bất tử theo sinh vật học.

Từ quan điểm này, chuẩn bị kết hôn và sinh con cũng đáng buồn như chuẩn bị quan tài. Nếu người ta không phải chết thì đâu cần phải kết hôn và sinh con. Mục đích chân chính của việc nam nữ giao hợp tức là sinh con. Nếu do việc ấy mà có ái tình và khoái cảm, thì đó chỉ là tình trạng tâm lý phụ thuộc.

Xét theo sinh vật học, ái tình và khoái cảm không phải là hệ quả quan trọng, cho nên Nho Gia cũng không xem trọng. Khi nói đến quan hệ vợ chồng, Nho Gia nói “nam nữ hữu biệt” (nam nữ phải có sự phân biệt) chứ không hề nói “nam nữ hữu ái” (nam nữ phải có yêu đương).

Con người đều phải chết, mà hầu hết họ đều sợ chết. Vì thế phát sinh vô số mê tín, và nhiều tôn giáo đều lấy thuyết linh hồn bất tử để hô hào tín đồ. Nho Gia – tối thiểu là một số Nho Gia – không chủ trương thuyết linh hồn bất tử, mà chỉ chú trọng làm sao để con người được sự bất tử theo sinh vật học, đạt sự bất tử lý tưởng.

Trong xã hội Trung Quốc ngày xưa, một người đến tuổi xê chiều, sau khi đã cưới vợ cho con trai và có cháu bồng,

độc; nếu xin cha mẹ lấy vợ ắt là không được, tức là sẽ mang tội vô hậu 無後 (không con nối dõi), cho nên ông tự ý kết hôn với con gái của vua Nghiêu.

thì cho rằng mình đã gởi gắm sinh mệnh của mình vào đây rồi, nên an nhiên chờ chết và không băn khoăn sau khi chết linh hồn của mình còn hay mất. Tinh thần ấy là do tư tưởng Nho Gia nuôi dưỡng thành.

LÝ LUẬN VỀ HIẾU

Nho Gia xem công dụng của hôn nhân là tạo ra “cái tôi mới” để thay cho “cái tôi cũ”. Niềm hy vọng của “cái tôi cũ” là muốn “cái tôi mới” có thể kéo dài sinh mệnh và sự nghiệp của “cái tôi cũ” cho đến vạn đời sau. Nếu “cái tôi mới” thực hiện được sự kỳ vọng ấy, thì đó là hiếu tử.

Đạo hiếu có hai mặt: nhục thể và tinh thần. Về mặt nhục thể, đạo hiếu có ba điều:

- ① Phải nuôi dưỡng cha mẹ;
- ② Phải nghĩ rằng thân thể của mình là do tinh cha huyết mẹ lưu lại, nên phải bảo vệ, không được hủy hoại;
- ③ Phải tạo ra “cái tôi mới” khác nữa (tức phải lấy vợ sinh con) để nối tiếp sinh mệnh của cha mẹ.

Lễ Ký nói:

Nhạc Chính Tử Xuân xuống phòng khách, bị thương ở chân, mấy tháng không ra khỏi nhà, nét mặt buồn bã.

Các đệ tử hỏi: “Chân thầy đã đỡ hơn nhiều, nhưng vẻ mặt còn buồn rầu, tại sao vậy?”

Nhạc Chính Tử Xuân nói: “Tốt thay câu hỏi của các trò! Tốt thay câu hỏi của các trò! Ta nghe ở Tăng Tử, Tăng Tử

nghe ở Khổng Phu Tử rằng: ‘Trong các thứ trời sanh đất dưỡng, chẳng thứ nào lớn bằng con người. Cha mẹ sinh con lành lặn; con chết lành lặn; đó có thể gọi là hiếu vậy. Không làm suy yếu thân thể, không làm ô nhục tâm thân; đó có thể gọi là toàn vẹn vậy. Cho nên quân tử mỗi khi cất bước đều không dám quên hiếu.’ Nay ta đã quên đạo hiếu, nên ta có nét mặt buồn bã. Khi cất bước không dám quên cha mẹ; khi nói năng không dám quên cha mẹ. Khi cất bước không dám quên cha mẹ, nên đi đường lớn chứ không đi đường tắt và đi thuyền chứ không bơi qua sông, vì không dám hủy hoại di thể của cha mẹ ở trong ta. Khi nói năng không dám quên cha mẹ, nên không mở miệng nói lời ác, và lời phẫn nộ không trở ngược vào mình, nó không làm nhục mình, không làm xấu hổ cha mẹ; đó có thể gọi là hiếu vậy.’”⁽⁶⁾

⁽⁶⁾ *Lễ Ký* (Tế Nghĩa): “Nhạc Chính Tử Xuân hạ đường nhi thương kỳ túc, sở nguyệt bất xuất, do hữu ưu sắc. Môn đệ tử viết: ‘Phu tử chi túc sơ hĩ, sở nguyệt bất xuất, do hữu ưu sắc, hà dã?’ Nhạc Chính Tử Xuân viết: ‘Thiện như nhĩ chi vấn dã! Thiện như nhĩ chi vấn dã! Ngô văn chư Tăng Tử. Tăng Tử văn chư Phu Tử viết: ‘Thiên chi sở sinh, địa chi sở dưỡng, vô nhân vi đại. Phụ mẫu toàn nhi sinh chi, tử toàn nhi quy chi, khả vị hiếu hĩ. Bất khuy kỳ thể, bất nhục kỳ thân, khả vị toàn hĩ. Cố quân tử khoáng bộ nhi phát cảm vong hiếu dã.’ Kim dư vong hiếu chi đạo, dư thị dĩ hữu ưu sắc dã. Nhất cử túc nhi bất cảm vong phụ mẫu, nhất xuất ngôn nhi bất cảm vong phụ mẫu. Nhất cử túc nhi bất cảm vong phụ mẫu, thị cố đạo nhi bất kính, chu nhi bất du, bất cảm dĩ tiên phụ mẫu chi di thể hành dĩ. Nhất xuất ngôn nhi bất cảm vong phụ mẫu, thị cố ác ngôn bất

Cha mẹ sinh con lành lặn, con phải giữ thân thể lành lặn cho đến khi chết; đó mới là hiếu.

Luận Ngữ chép: “Tăng Tử bệnh nặng, gọi môn đệ đến, nói: ‘Giờ chân ta ra xem, giờ tay ta ra xem. *Kinh Thi* nói: ‘Phải nom nớp lo sợ như đi xuống vực sâu, như đi trên băng mỏng.’ Từ nay ta biết mình tránh được tội để thân thể bị hủy thương đó các trò.’”⁽⁷⁾

Tăng Tử mừng vì đã giữ thân thể lành lặn cho đến khi chết. Tuy nhiên, nếu chỉ giữ cho thân lành lặn cho đến lúc

xuất vu khâu, phần ngôn bất phản vu thân, bất nhục kỳ thân, bất tu kỳ thân, khả vị hiếu hĩ.”

樂正子春下堂而傷其足，數月不出，猶有憂色。門弟子曰：「夫子之足瘳矣，數月不出，猶有憂色，何也？」樂正子春曰：「善如爾之問也！善如爾之問也！吾聞諸曾子。曾子聞諸夫子曰天之所生，地之所養，無人爲大。父母全而生之，子全而歸之，可謂孝矣。不虧其體，不辱其身，可謂全矣。故君子頃步而弗敢忘孝也。今予忘孝之道，予是以有憂色也。壹舉足而不敢忘父母，壹出言而不敢忘父母。壹舉足而不敢忘父母，是故道而不徑，舟而不游，不敢以先父母之遺體行殆。壹出言而不敢忘父母，是故惡言不出于口，忿言不反于身，不辱其身，不羞其親，可謂孝矣。」

⁽⁷⁾ *Luận Ngữ* (Thái Bá): “Tăng Tử hữu tật, triệu môn đệ tử viết: ‘Khải dư túc, khai dư thủ. *Thi* vân: ‘Chiến chiến cang cang như lâm thâm uyên, như lý bạc băng.’ Nhi kim nhi hậu, ngô tri miễn phù, tiểu tử.’”

曾子有疾，召門弟子曰啓予足，啓予手。詩云戰戰兢兢如臨深淵，如履薄冰而今而後，吾知免夫，小子。

chết mà cái sinh mệnh của cha mẹ không được “cái tôi mới” kế tục thì cũng là bất hiếu. *Mạnh Tử* nói “vô hậu” (không con nối dõi) là tội lớn nhất trong ba tội bất hiếu, bởi vì nếu không con nối dõi, sự di truyền nòi giống vạn đời từ tổ tiên xuống đến đây là chấm dứt hoặc mất đi một chi. Cho nên vô hậu là đại bất hiếu vậy.

Về phương diện tinh thần, khi cha mẹ còn sống, con cái phải thuận theo ý chí của cha mẹ chứ không chỉ biết nuôi dưỡng vật chất mà thôi. Nếu cha mẹ có sai lầm thì con cái phải khuyên lơn cha mẹ sửa chữa. Sau khi cha mẹ qua đời, con cái phải cúng tế và tôn kính tưởng nhớ để cha mẹ trở nên bất hủ trong tâm trí của mình. (...)

Mặt khác, con cái phải nối tiếp sự nghiệp của cha mẹ, hoàn thành chí hướng còn dang dở của cha mẹ; hoặc bản thân người con có những tạo tác khiến mình nổi danh, nhờ đó mà cha mẹ được tiếng thơm, đạt được sự bất hủ trong kỷ ức và mến mộ của mọi người.

Trung Dung nói: “Khổng Tử nói: ‘Hiếu của vua Thuấn lớn thay! Ngài có đức làm thánh nhân, được tôn kính làm thiên tử, giàu có trong bốn biển. Ngài được cúng tế ở tông miếu, con cháu ngài gìn giữ hương khói.’”⁽⁸⁾

⁽⁸⁾ *Trung Dung* (chương 17): “Tử viết: Thuấn kỳ đại hiếu dã dư! Đức vi thánh nhân, tôn vi thiên tử, phú hữu tứ hải chi nội. Tông miếu hưởng chi, tử tôn bảo chi.”

子曰：舜其大孝也與。德爲聖人，尊爲天子，富有四海之內。宗廟饗之，子孫保之。

Lại nói: “Khổng Tử nói: ‘Vũ Vương, Chu Công đạt được hiếu rồi! Con hiếu thì giỏi nổi chí tổ tiên và giỏi thuật lại sự nghiệp tổ tiên. Mùa xuân và mùa thu thì tu bổ tổ miếu, bày đồ tế tự, bày biện y phục tổ tiên, dâng cúng thức ăn theo mùa. [...] Ngồi vào chỗ của tổ tiên, hành lễ, tấu nhạc, kính điều mà tổ tiên kính, yêu người mà tổ tiên yêu, phụng sự lúc chết y như lúc còn sống, phụng sự lúc mất y như lúc còn; đó là chí hiếu vậy.’”⁽⁹⁾

Hiếu về phương diện tinh thần như vậy là đại hiếu, chí hiếu; và nó quan trọng hơn hiếu về phương diện nhục thể.

Lễ Ký nói: “Tăng Tử nói: ‘Hiếu có ba bậc: đại hiếu là tôn kính cha mẹ, kế đến là không làm cha mẹ mang nhục, thấp nhất là nuôi dưỡng cha mẹ.’ Công Minh Nghi hỏi Tăng Tử: ‘Ngài đáng gọi là có hiếu chưa?’ Tăng Tử viết: ‘Sao nói thế! Sao nói thế! Hiếu của quân tử chính là đón trước ý muốn cha mẹ và kế thừa chí hướng của cha mẹ, rồi dẫn dắt cha mẹ theo đạo. Sâm [Tăng Tử] chỉ mới nuôi

dưỡng được cha mẹ thôi, sao gọi là có hiếu được?’”⁽¹⁰⁾ Đó tức là đạo hiếu xem trọng phương diện tinh thần.

Di thể của cha mẹ có ở nơi con, nên hiếu tử phải giữ gìn toàn vẹn cho đến chết, phải làm cho thân thể bất hủ, và chớ làm bản thân mang nhục. “Đại hiếu là tôn kính cha mẹ, kế đến là không làm cha mẹ mang nhục.” Tôn kính cha mẹ nghĩa là tích cực làm việc tốt để cha mẹ thơm lây; không làm cha mẹ mang nhục nghĩa là không làm điều ác để cha mẹ khỏi mang tiếng ác. Hễ ai giữ được cái tâm ấy thì tự mình cố gắng trau dồi đạo đức. Cho nên *Hiếu Kinh* và mấy thiên trong *Lễ Ký* đã xem hiếu là căn bản của mọi đức hạnh.

Lễ Ký nói: “Tăng Tử nói: ‘Tám thân ta là di thể của cha mẹ. Vận hành di thể của cha mẹ, dám không tôn kính ư? Cư xử không trang nghiêm, chẳng phải là hiếu. Thờ vua bất trung, chẳng phải là hiếu. Làm quan không được dân kính, chẳng phải là hiếu. Bạn bè chẳng tin nhau, chẳng phải là hiếu. Chiến trận không dũng cảm, chẳng phải là hiếu. Năm

⁽⁹⁾ *Trung Dung* (chương 19): “Tử viết: Vũ Vương, Chu Công kỳ đạt hiếu hĩ hồ! Phù hiếu giả, thiện kế nhân chi chí, thiện thuật nhân chi sự giả dã. Xuân thu tu kỳ tổ miếu, trần kỳ tông khí, thiết kỳ thường y, tiến kỳ thời thực. [...] Tiễn kỳ vị, hành kỳ lễ, tấu kỳ nhạc, kính kỳ sở tôn, ái kỳ sở thân, sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn, hiếu chi chí dã.”

子曰：武王周公其達孝矣乎夫孝者善繼人之志，善述人之事者也春秋，修其祖廟，陳其宗器設其裳衣荐其時食.[...]踐其位行其禮奏其樂敬其所尊愛其所親事死如事生事亡如事存孝之至也。

⁽¹⁰⁾ *Lễ Ký* (Tế Nghĩa): “Tăng Tử viết: ‘Hiếu hữu tam: đại hiếu tôn thân, kỳ thứ phát nhục, kỳ hạ năng dưỡng.’ Công Minh Nghi vấn ư Tăng Tử viết: ‘Phu tử khả dĩ vi hiếu hồ?’ Tăng Tử viết: ‘Thị hà ngôn dư! Thị hà ngôn dư! Quân tử chi sở vi hiếu giả, tiên ý thừa chí, dụ phụ mẫu ư đạo. Sâm trực dưỡng giả dã, an năng vi hiếu hồ?’ 曾子曰：《孝有三：大孝尊親，其次弗辱，其下能養。》公明儀問於曾子曰：《夫子可以爲孝乎？》曾子曰：《是何言與！君子之所謂孝者：先意承志，諭父母於道。參，直養者也，安能爲孝乎？》

điều ấy chẳng trọn, họa lây đến cha mẹ, dám không tôn kính ư? Thức ngon vật lạ thường dâng cho cha mẹ, chẳng phải là hiếu, mà là nuôi dưỡng thôi. Quân tử được gọi là hiếu chừng nào người trong nước đều khen: ‘*Ai có phước lắm mới được người con như thế.*’ Như vậy mới gọi là có hiếu. Bài học cơ bản cho mọi người là hiếu, thực hành đạo hiếu là nuôi dưỡng cha mẹ. Nuôi dưỡng cha mẹ có thể làm được, cái khó là tôn kính cha mẹ. Tôn kính cha mẹ có thể làm được, cái khó là làm cho cha mẹ an lòng. Có thể làm cho cha mẹ an lòng, cái khó là duy trì nó đến lúc cha mẹ qua đời. Cha mẹ mất rồi thì phải thận trọng hành vi của mình, chớ để lây tiếng ác cho cha mẹ, như vậy có thể gọi là hiếu trọn đời. *Nhân* là yêu đạo hiếu; *lễ* là làm đạo hiếu; *nghĩa* là xem đạo hiếu là đúng; *tín* là tin vào đạo hiếu; *cường* là làm mạnh thêm đạo hiếu. Niềm vui phát sinh do thuận đạo hiếu; hình phạt phát sinh do nghịch đạo hiếu.’ Tăng Tử nói: ‘Khiến đạo hiếu lấp đầy trời đất, phổ biến nó lan ra bốn biển, thi hành nó cho đời sau, tuân giữ nó suốt ngày đêm, khiến đạo hiếu thành chuẩn mực ở đông hải, tây hải, nam hải, và bắc hải. *Kinh Thi* nói: ‘Từ đông sang tây, từ nam chí bắc, không ai không phục. Đó là nói đạo hiếu vậy.’”⁽¹¹⁾

⁽¹¹⁾ *Lễ Ký* (Tể Nghĩa): “Tăng Tử viết: ‘Thân đã già, phụ mẫu chi di thể đã. Hành phụ mẫu chi di thể, cảm bất kính hô! Cư xử bất trang, phi hiếu đã. Sự quân bất trung, phi hiếu đã. Lự quan bất kính, phi hiếu đã. Bằng hữu bất tín, phi hiếu đã. Chiến trận vô dũng, phi hiếu đã. Ngũ giả bất toại, tai cập ư thân, cảm bất kính hô! Phan thực chiên hương, thường nhi tiến chi, phi hiếu

Hiếu Kinh nói: “Hiếu là gốc của đức, từ đó sinh ra giáo hóa. [...] Thân thể da tóc là nhận lãnh từ mẹ cha, không dám hủy thương, đó là bắt đầu của hiếu. Lập thân hành đạo, nêu danh hậu thế, để rạng rỡ mẹ cha, đó là cuối cùng của hiếu. Nói chung, hiếu bắt đầu là phụng sự cha mẹ, giữa là phụng sự vua, và sau chót là lập thân. *Đại Nhã* nói: “Giữ gìn tổ tiên trong tâm, hãy trau dồi đạo đức.” [...] Đạo hiếu là *thiên kinh địa nghĩa* (chân lý bất biến của trời đất), là sự thực hành của dân chúng. Đã là chân lý của trời đất thì dân phải noi theo.”⁽¹²⁾

dã, dưỡng dã. Quân tử chi sở vị hiếu dã giả, quốc nhân xung nguyện nhiên viết: *Hạnh tại hữu tử như thử*, sở vị hiếu dã dĩ. Chúng chi bản giáo viết hiếu, kỳ hành viết dưỡng. Dưỡng khả năng dã, kính vi nan. Kính khả năng dã, an vi nan. An khả năng dã, tốt vi nan. Phụ mẫu ký một thận hành kỳ thân, bất di phụ mẫu ác danh, khả vị năng chung hĩ. Nhân giả nhân thử giả dã. Lễ giả lý thử giả dã. Nghĩa giả nghi thử giả dã. Tín giả tín thử giả dã. Cường giả cường thử giả dã. Lạc tự thuận thử sinh; hình tự phản thử tác.’ Tăng Tử viết: ‘Phù hiếu trí chi nhi tắc hồ thiên địa, phổ chi nhi hoành hồ tứ hải. Thi chư hậu thế nhi vô triêu tịch. Suy nhi phóng chư đông hải nhi chuẩn, suy nhi phóng chư tây hải nhi chuẩn, suy nhi phóng chư nam hải nhi chuẩn, suy nhi phóng chư bắc hải nhi chuẩn. *Thi* vân: ‘Tự tây tự đông, tự nam tự bắc, vô tư bất phục. Thử chi vị dã.’”

⁽¹²⁾ *Hiếu Kinh*: “Phù hiếu, đức chi bản dã, giáo chi sở do sinh dã. [...] Thân thể phát phu, thụ chi phụ mẫu, bất cảm hủy thương, hiếu chí thủy dã. Lập thân hành đạo, dương danh ư hậu thế, dĩ hiển phụ mẫu, hiếu chi chung dã. Phù hiếu, thủy ư sự thân, trung ư sự quân, chung ư lập thân.” *Đại Nhã* viết: “Vô niệm nhĩ tổ, duật tu quyết đức. [...] Phù hiếu, thiên chi kinh dã, địa

Theo đó mà nói, hễ có hiếu hạnh thì ắt có mọi đức hạnh. Cho nên hiếu là căn bản của đạo đức. Vào đời Hán, học thuyết này ảnh hưởng rất mạnh. Hễ ai hiếu để thì được trọng thưởng. Thụy hiệu của các vua đời Hán đều có chữ Hiếu.⁽¹³⁾ Như vậy có thể thấy hiếu rất được xem trọng vào thời đó.

PHỤ CHÚ CỦA PHÙNG HỮU LAN

* Lý thuyết “hiếu là căn bản của mọi đức hạnh” xuất hiện về sau. *Luận Ngữ* chép lời Khổng Tử nói về hiếu rất nhiều. Thí dụ: “Hữu Tử nói: [...] quân tử chú trọng gốc, gốc

chi nghĩa dã, dân chi hành dã. Thiên địa chi kinh nhi dân thi tắc chi.”

⁽¹³⁾ LAM chú: Các vua Hán thường lót thêm chữ *Hiếu* vào tên của mình. Xem ra đạo *hiếu* của Nho Giáo rất mạnh vào thời Hán. Thí dụ: Đời Tây Hán có Hiếu Huệ Đế (Lưu Doanh), Hiếu Văn Đế (Lưu Hằng), Hiếu Cảnh Đế (Lưu Khải), Hiếu Vũ Đế (Lưu Triệt), Hiếu Chiêu Đế (Lưu Phát Lăng), Hiếu Tuyên Đế (Lưu Tuân), Hiếu Nguyên Đế (Lưu Thúc), Hiếu Thành Đế (Lưu Ngao), Hiếu Ai Đế (Lưu Hân), Hiếu Bình Đế (Lưu Khản). Đời Đông Hán có: Hiếu Minh Đế (Lưu Trang), Hiếu Chương Đế (Lưu Đát), Hiếu Hòa Đế (Lưu Triệu), Hiếu Thương Đế (Lưu Long), Hiếu An Đế (Lưu Hổ), Hiếu Thuận Đế (Lưu Bảo), Hiếu Xung Đế (Lưu Bình), Hiếu Chất Đế (Lưu Toản), Hiếu Hoàn Đế (Lưu Chí), Hiếu Linh Đế (Lưu Hoàn), Hiếu Hiến Đế (Lưu Hiệp).

Xem: Ninh Nghiệp Cao, Ninh Nghiệp Tuyên, Ninh Nghiệp Long, *Trung Quốc Hiếu Văn Hóa Mạn Đàm*, Trung Ương Dân Tộc Đại Học xuất bản xã, Bắc Kinh, 1995, tr. 137.

đã lập thì đạo sinh. Hiếu để là gốc của nhân ái.”⁽¹⁴⁾

Nói hiếu là yếu tố của nhân ái, là suy bụng ta ra bụng người. Quan hệ giữa ta và cha mẹ ta là thân thiết nhất. Nếu cha mẹ ta mà ta không thương thì sao thương được cha mẹ người khác, và thương được mọi người? Do đó mới nói “hiếu để là gốc của nhân ái.”

Khổng Tử và Mạnh Tử đều chú trọng hiếu, nhưng chưa hề nói hiếu là căn bản của mọi đức hạnh. Căn bản của đạo đức chính là lòng nhân, mà người nhân ái thì tự nhiên có hiếu. Cho nên Mạnh Tử nói: “Chưa hề có người nhân ái nào bỏ bê cha mẹ cả.”⁽¹⁵⁾

* Tác giả mấy thiên của *Lễ Ký* đều cho những lời thuật lại trong đó là của Tăng Tử. Quyền *Hiếu Kinh* cũng nêu rõ là lời Khổng Tử đối đáp Tăng Tử, vì Tăng Tử đương thời có tiếng là hiếu. Cho nên Mạnh Tử mấy lần nói: “Phụng sự cha mẹ phải như Tăng Tử mới được.”

Tăng Tử tuy hiếu hạnh, nhưng chúng ta khó đoán định lý thuyết “hiếu là căn bản của mọi đức hạnh” có phải là chủ trương của Tăng Tử hay không. *Mạnh Tử* và *Tuân Tử* đều không đề cập điều ấy, mà trong *Lễ Ký* hay thuật lại người này nói thế này, người kia nói thế kia rất nhiều, rốt cuộc ta không biết thật sự ai đích thực là người nói.

⁽¹⁴⁾ *Luận Ngữ (Học Nhi)*: “Hữu Tử viết: [...] quân tử vụ bản, bản lập nhi đạo sinh. Hiếu để dã giả, kỳ vi nhân chi bản dư.”

⁽¹⁵⁾ *Mạnh Tử (Lương Huệ Vương, thượng)*: “Vị hữu nhân nhi dĩ kỳ thân giả dã.”

CHIA SẺ: NGHIÊN CỨU VỀ ĐẠO HIẾU TRONG HOÀNG VIỆT LUẬT LỆ

Tạp chí *Nghiên Cứu Và Phát Triển* (Huế: Sở Khoa Học và Công Nghệ Thừa Thiên - Huế, số 3-4 [110-111] năm 2014, tr. 151-159) có bài nghiên cứu *BÀN VỀ VẤN ĐỀ “HIẾU-NGHĨA” TRONG QUAN HỆ HÔN NHÂN GIA ĐÌNH QUA MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA HOÀNG VIỆT LUẬT LỆ*, của tác giả **MAI THỊ DIỆU THÚY** (MTDT), thuộc Khoa Luật, Đại Học Huế.

Văn Uyên trân trọng trích lại một số đoạn liên quan tới đạo HIẾU để chia sẻ cùng quý đạo hữu, đạo tâm.

Trong phần 1. *Mở đầu*, tác giả MTDT giới thiệu:

“Bộ *Hoàng Việt Luật Lệ* do Tổng Trấn Nguyễn Văn Thành [1758-1817] chỉ đạo biên soạn theo một quy trình chặt chẽ dưới sự kiểm soát của Hoàng Đế Gia Long năm 12, nên còn được gọi là “*Luật Gia Long*” với 398 điều, chia thành 22 quyển (...). Bộ *Hoàng Việt Luật Lệ* được sử dụng trong suốt thời kỳ nhà Nguyễn, rồi dùng tiếp ở Trung Kỳ trong thời kỳ thực dân Pháp chiếm đóng Việt Nam.”



Bìa HOÀNG VIỆT LUẬT LỆ (ban hành năm Gia Long 12)

Trong phần 2. *Bàn luận về giá trị đạo đức “hiếu-nghĩa” trong bộ Hoàng Việt Luật Lệ*, liên quan tới chữ HIẾU, nghiên cứu của tác giả MTDT cho biết (trích):

- [Luật nhà Nguyễn quy định] ... trong các tội thì cũng “không tội nào lớn hơn tội bất hiếu”.⁽¹⁾

- Điều 2 Hoàng Việt Luật Lệ xác định hành vi bất hiếu là một trong *thập ác tội* (mười tội ác nghiêm trọng nhất), gọi là tội ác nghịch và *tội bất hiếu*.⁽²⁾

- Điều 307 Hoàng Việt luật lệ: “*Khi ông bà, cha mẹ còn sống, con cái được quyền nhận sự nuôi dưỡng, dạy bảo của cha mẹ. Con cháu có nghĩa vụ phụng dưỡng ông bà cha mẹ, không được trái giáo lệnh của ông bà cha mẹ.*”

- Điều 306 nghiêm cấm con cháu không được thừa kiện, tố cáo hoặc vu cáo ông bà cha mẹ trừ trường hợp mưu phản, mưu đại nghịch xâm hại đến hoàng đế và sự an nguy của xã tắc (...).

- Trong trường hợp ông bà cha mẹ phạm tội đi đầy con cháu phải theo ông bà cha mẹ đi đến và ở tại nơi lưu đầy (Điều 14 Hoàng Việt Luật Lệ).

- Điều 17, Chương II, Quyển IX, quy định: “*Tuổi già có bệnh ắt đợi cháu con về phụng dưỡng để sau yên phần. Nếu*

con đối với cha mẹ, cháu đối với ông bà già trên tám mươi tuổi mà lại bị bệnh nặng, trong nhà không có ai thay mình chăm sóc, mà không chịu về hầu hạ, tham phú quý vinh hoa, lợi lộc, bỏ nhiệm vụ hầu cha mẹ, tội này xếp vào tội bỏ nhiệm vụ chăm sóc cha mẹ. (...) Như vậy một là bỏ rơi cha mẹ, là bất nhân, (...) nên phạt tám mươi trượng.”

- Điều 307 quy định: “*Con cháu nếu phụng dưỡng mà cố ý làm thiếu sót xử phạt một trăm trượng, lưu [đầy] ba ngàn dặm*”, hoặc là “*Con cháu phạm tội mạ lỵ, đả thương ông bà cha mẹ thì bị trừng trị nặng hơn trường hợp phạm tội bình thường; mưu giết ông bà, cha mẹ bị xử giáo quyết, nếu giết thì bị xử bêu xác hoặc lăng trì.*” Kể cả trường hợp con cháu xâm phạm đến mồ mả tổ tiên, ông bà, cha mẹ đều bị xếp vào *tội thập ác*.

Tác giả MTDT viết:

“Trong trường hợp giữa hiếu đạo và pháp luật có xung đột nhau thì trong nội dung của Hoàng Việt Luật Lệ hiếu đạo vẫn được coi là cái gốc để điều chỉnh hành vi của con người, thể hiện qua quy định cho phép giảm hoặc hoãn hình phạt đối với các can phạm có cha mẹ già yếu, không nơi nương tựa, can phạm lại là con thừa tự.”⁽³⁾

Tác giả dẫn chứng:

- *Đại Nam Hội Điển Sự Lệ* nêu rõ: “*Nếu người nào phạm vào tội đồ, lưu mà còn ông bà (cao tổ, tăng tổ cũng*

⁽¹⁾ Huỳnh Công Bá, “Một số vấn đề về pháp luật triều Nguyễn”, tập san Trường Đại Học Sư Phạm Huế 2005, tr. 33.

⁽²⁾ *Hoàng Việt Luật Lệ* (bản dịch). Hà Nội: Nxb Văn Hóa - Thông Tin 1994, tr. 105.

⁽³⁾ Tạp chí *Nghiên Cứu Và Phát Triển* (bài đã dẫn), tr. 154.

thế), cha mẹ đã già, ốm cần phải hầu nuôi mà nhà không có người nào đến tuổi thành đinh (mười sáu tuổi trở lên) thay đỡ được, thì quan có trách nhiệm phải xét hỏi rõ ràng, kê khai người ấy phạm vào tội danh gì và duyên cớ phải ở nhà hầu nuôi, thì chỉ phạt 100 trượng. Còn các tội khác đều cho nộp tiền chuộc ở lại hầu nuôi ông bà, cha mẹ.”⁽⁴⁾

- Thậm chí, có khi để phụng dưỡng ông bà cha mẹ, luật pháp cho phép giảm hình phạt đối với cả tội giết người: “Phàm các án mạng về đánh nhau chết, trong khi khám nghiệm, phải xét hỏi rõ tên hung phạm ấy có ông bà, cha mẹ già, ốm hay không, tên hung phạm có phải là con một hay không, báo cáo kèm luôn vào một thể. Đến kỳ xử án, cho được ở lại hầu nuôi bề thân, chỉ lấy thêm giấy cam kết nữa. Nếu khi xét hỏi, kẻ can phạm ấy không phải là hạng được ở lại hầu nuôi bề thân mà đến khi xử án, thì ông bà, cha mẹ của kẻ can phạm ấy đã thành ra già, ốm hoặc là anh em con cháu chết hết, cũng được viện lệ xin ở lại nuôi hầu bề thân.”⁽⁵⁾

Liên quan tới tài sản trong gia đình, tác giả MTDT viết:

“Bên cạnh đó, trong quy định của bộ Hoàng Việt Luật Lệ việc đòi phân chia tài sản khi ra ở riêng được coi là một trong những biểu hiện của tội bất hiếu.”⁽⁶⁾

⁽⁴⁾ Nội Các triều Nguyễn, *Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ*. Tập 11. Huế: Nxb Thuận Hóa, 1993, tr. 57.

⁽⁵⁾ *Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ*. Tập 11, tr. 76.

⁽⁶⁾ Tạp chí *Nghiên Cứu Và Phát Triển* (bài đã dẫn), tr. 154.

Tác giả dẫn chứng:

“Phàm ông bà cha mẹ còn sống, cháu con giữ lễ thì không được có của riêng. Nếu đòi phân chia tài sản ra ở riêng thì đều là việc làm bất hiếu cả. Hay khi ông bà cha mẹ còn sống, con cháu không được vì tài sản mà tỏ ra thiếu lễ độ, cho dù ông bà cha mẹ không còn nữa thì anh em khi ở cùng nhau cũng phải thể hiện lễ độ hơn với các bậc trưởng bối.”⁽⁷⁾

Tác giả MTDT nhận định:

“Đưa ra điều luật như thế chính là cách dạy người ta chữ hiếu, nói cách khác, những quy định đó của Luật Gia Long [Hoàng Việt Luật Lệ] đã thể hiện tư tưởng tôn trọng người già, thương xót người già, anh em yêu thương nhau..., thể hiện rõ được việc đề xướng đạo hiếu trong Nho Giáo.

Khi ông bà, cha mẹ qua đời thì chữ “hiếu” vẫn tiếp tục ràng buộc con cháu cả về mặt luân lý lẫn mặt luật pháp. Chính vì thế, trong nội dung Điều 2 Hoàng Việt Luật Lệ quy định: “Con cháu có nghĩa vụ phải tôn trọng thời kỳ cư tang đối với ông bà cha mẹ. Con cháu chưa được phân chia tài sản thừa kế trong thời kỳ để tang ông bà, cha mẹ. Nghe thấy tang ông bà cha mẹ mà giấu không khóc, có tang cha mẹ mà làm giá thú, vui chơi ăn mặc như thường là can tội bất hiếu.”⁽⁸⁾

⁽⁷⁾ *Hoàng Việt Luật Lệ* (bản dịch). Hà Nội: Nxb Văn Hóa - Thông Tin 1994, tr. 104.

⁽⁸⁾ Tạp chí *Nghiên Cứu Và Phát Triển* (bài đã dẫn), tr. 154.



CHA TÔI

NGUYỄN DUY CHÍNH

Buổi sáng nơi khu tôi ở dù có ai dậy sớm cỡ nào thì cũng gặp một người Á Đông đi tản bộ lòng vòng quanh các khu nhà, trong công viên. Ông cụ ăn mặc xuề xòa, đôi khi hơi có vẻ lôi thôi, nhưng đi đâu cũng nhìn

ngang nhìn ngửa thấy một mảnh chai vỡ, một cái đinh ri... thì cúi xuống nhặt đem vứt vào thùng rác, hay quá lắm cũng tìm được một nơi thật khuất nẻo giấu vào đó.

Ngay đầu ngõ có một trường tiểu học, buổi sáng trẻ con qua lại rất đông nên mặc dù đứa nào cũng giày dép chỉnh tề, ông cụ vẫn còn thói quen như khi ở Việt Nam sợ trẻ con đi dép nhựa, có khi đi chân đất, lỡ giẫm phải sẽ bị thương.

Thỉnh thoảng ông cụ cũng nhặt được một đồng xu – một cent của Mỹ, loại tiền chỉ còn dùng trong các siêu thị để thối lại cho người mua chứ thực tế chẳng còn giá trị bao nhiêu – nhưng niên đại khá cũ, liền đem về cho thằng cháu nội thích sưu tầm tiền cổ. Cũng có khi cụ nhặt được một cái lon nước của ai đó vứt bỏ ngoài đường thì cũng đem về để

tập trung trong mớ vật liệu tái chế.

Chỉ nhìn dáng ông cụ từ xa tíit chúng tôi cũng nhận ra ngay vì đó chính là bố tôi. Hơn mười hai năm ở trên đất Mỹ, cha tôi trở thành một khuôn mặt quen thuộc với đủ mọi người. Ông lão cựu quân nhân Thủy Quân Lục Chiến đầu đường, chú Mễ làm nghề cắt cỏ gần đó, ông già Mỹ về hưu hàng xóm cho chí những thầy giáo, cô giáo, bà chỉ dẫn cho trẻ con qua đường... tất cả đều quen biết dù khi thấy nhau chỉ giơ tay vẫy kèm theo một tiếng *hello*. Khu vực trở thành gần gũi hơn khi có thêm các cụ người Việt rủ nhau vào tập thể thao trong công viên mỗi sáng, sau đó họp lại thành một *hội nghị Diên Hồng* – hay *Hoa Sơn luận kiếm* ⁽¹⁾ như mấy đứa em tôi thường nói – bàn về đủ chuyện trong nước, ngoài nước, xưa cũ hay đang xảy ra. Thế là lại có thêm một cái tập thể nho nhỏ trong một cộng đồng lớn hơn, chia sẻ với nhau đủ mọi loại tin tức, giả cũng như thật, có khi đúng và cũng có khi chỉ là tin... vệt.

*

Cha tôi làm giáo viên từ thuở còn rất trẻ và đi dạy cho đến tuổi về hưu. Vừa nghỉ việc thì qua đoàn tụ do tôi đứng tên bảo lãnh. Phải nói rằng cuộc đời ông cụ cũng lắm nổi long đong, chẳng phải vì tính thích phiêu lưu mà vì sự tình bất buộc, nói cho văn hoa là *nổi trôi theo vận nước*. Có

Các chú thích trong bài do Văn Uyển thêm vào.

⁽¹⁾ Theo các tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung chẳng hạn.

điều với nếp sống lạc quan nên việc gì rồi cũng qua dù thời nào thì gia đình chúng tôi cũng ở vào nấc thang *tận cùng bằng số* của xã hội. Với đồng lương ít ỏi vậy mà chẳng biết bố mẹ tôi xoay xở làm sao để nuôi được mười đứa con ăn học, lại còn dành một phần cho ông bà nội tôi lo cho các cô các chú. Những gia đình lam lũ trong những tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn thời tiền chiến có lẽ cũng không khác biệt với chúng tôi bao nhiêu. Tuy thế, hạnh phúc vẫn có thể thăng hoa từ sự nghèo khó, nếu con người biết thỏa mãn với chính mình. Câu châm ngôn *trông lên thì chẳng bằng ai, trông xuống chẳng ai bằng mình* tưởng như là một cái phao cho những kẻ khốn khó bám vào để tìm thấy đôi chút an ủi. Năm 2001, khi về thăm quê hương kể lại chuyện cũ, anh em tôi lại tìm được cái nguồn hoan lạc thuở còn bé và chính những kỷ niệm của cảnh bần hàn kia là những gì êm ả nhất gắn chặt với nhau và mãi mãi là một phần của chính mình.

Dù sao chẳng nữa, chúng tôi cũng đi lên bởi vì cái khởi điểm của nó vốn dĩ đã thấp nên ngoi lên không nhiều thì ít vẫn thấy thoải mái hơn cái thuở ấu thơ. Và có lẽ đó cũng là niềm an ủi cho cha mẹ tôi khi tuổi già thấy con cái đều trưởng thành và vượt qua được cái “bức tường vô hình” đã ngăn cản nhiều gia đình khác mặc dù mỗi sự thành công nhỏ nhoi nào cũng phải đánh đổi bằng mồ hôi, nước mắt.

Trình độ ít ỏi, cha tôi chỉ đủ sức dạy những bài học vỡ lòng để tôi theo đó làm nấc thang học tiếp lên trung học. Khi tôi bước chân lên Đệ Thất [lớp Sáu ngày nay] trường

Chu Văn An thì cái vốn học vấn của cha tôi đã cạn và đứa con trai lớn phải tự mình tìm lấy con đường mà đi. Thế nhưng tôi vẫn còn nhớ lại được khuôn mặt tươi vui của ông khi đưa tôi đi mua những cuốn sách mà nhà trường đòi hỏi, tưởng như dòng dõi nhà mình đã qua được một bước mới trong đời sống. Cha tôi lại tiếp tục dạy các em tôi và mỗi một người qua khỏi bậc tiểu học thì ông lại thấy như một con chim non đã ra ràng bay trên một bầu trời cao rộng chứ không còn lệ thuộc vào mẹ cha bú mớm như trước nữa.

Những phần thưởng cuối niên học đem lại cho cha mẹ tôi một sự tự hào. Khi đưa tôi đi thi trung học hẳn cha tôi trong lòng ngậm hãnh diện vì đứa con đã đi hơn mình một bước. Rồi Tú Tài I, Tú Tài II, đại học... dù không nói ra nhưng cũng thấy con chim đầu đàn kia đang từ từ vươn lên khỏi nơi tối tăm bùn lầy nước đọng.

*

Cuối năm 1991, cha mẹ tôi và ba đứa em sang đoàn tụ. Việc đầu tiên cha tôi làm là sửa chiếc vườn sau nhà thành một vườn rau, mùa nào thức nấy. Ông cụ đi xin bạn bè những hạt giống, cải, su hào, mướp... biến khu vườn thành một cái nông trại nho nhỏ. Gần như cha tôi không bỏ phí một tấc đất. Ăn không hết, chúng tôi đem cho thân nhân, bạn bè và cả những người hàng xóm. Cây hồng ông cụ chăm bón năm nào cũng đầy quả đỏ au. Cây cam nở hoa thơm ngát. Gia tài quý nhất của bố tôi là hai cây đào trồng ngay trước nhà, một đỏ, một trắng, đúng Tết là nở đầy hoa mà đi đâu ông cụ cũng tự hào. Cha tôi lấy hột ươm hàng

chục chậu để tặng cho người quen.

Về sau may mắn, cha mẹ và các em tôi mướn được căn nhà ở kế bên nên tuy đã ở riêng mà vẫn như còn ở chung. Ba đưa con tôi một mình ông chăm sóc. Các con đã lớn rồi, nay đến cháu. Mỗi buổi sáng ông cụ đưa cháu đi học rồi vào công viên nói chuyện với mấy người bạn già, trở về làm vườn rồi đọc báo, buổi chiều đón cháu đi học về. Những lúc không có việc gì làm, ông cụ đi bộ lang thang khắp nơi. Mỗi khi hai vợ chồng vắng nhà, dù việc công hay tư thì cũng an tâm khi biết bên cạnh con mình có ông bà nội và các chú.

Nhờ có cha mẹ, tôi can đảm quay lại học thêm sau giờ làm việc. Gần mười năm đèn sách, mỗi lần xong một chương trình, đưa cha tôi đi dự lễ tốt nghiệp, khuôn mặt ông rạng rỡ xiết bao.

Trong khi rảnh rỗi, tôi cũng viết tham luận và dịch sách, xong bài nào đều đưa cha tôi đọc trước để kiểm chứng lại tư tưởng và quan điểm của mình xem có điều gì bất ổn chẳng. Chỉ truyện kiếm hiệp là cha tôi không đọc. Nhiều người quen biết vẫn tưởng những thành tựu đó là nỗ lực của riêng tôi, có biết đâu nếu không có cha mẹ thì không bao giờ hoàn tất được – về cả vật chất lẫn tinh thần.

Tuy sinh sống nơi một quốc gia có đời sống cao như nước Mỹ, cha tôi vẫn giữ nếp sống bình dị như thời còn ở Việt Nam. Ông nhật nhạch từ mẫu bút chì ngắn đến xấp giấy in nháp tôi bỏ ra, chịu khó đóng lại thành một cuốn sổ luôn luôn bỏ trong túi, gặp chữ nào là lạ thì chép vào đem

về nhà tra tự điển. Buổi tối ông đạp xe đi học ESL (*English as a Second Language*),⁽²⁾ đến gần đây mới thôi. Những đồng tiền ít ỏi tiết kiệm được ông để dành tuần tuần đi chợ trời mua khi thì cục xà bông, tuýp kem đánh răng, khi thì cái áo, cái quần... để có dịp đem về nước cho những người nghèo khổ. Đến gần đây chúng tôi phải can ngăn vì hiện nay hàng trong nước đã nhiều, những nhu yếu phẩm đó công lao chuyên chở tốn phí lắm khi còn hơn giá trị thực, thà đem tiền về cho còn hơn.

Cha tôi cũng liên lạc lại với mấy ông bạn già thuở bé và thân nhân ở miền Bắc, khi thì trao đổi kỷ niệm, khi thì xướng họa thơ văn và dự định sẽ cùng tôi về thăm quê hương một chuyến nhân tiện sửa lại mấy ngôi mộ tổ tiên luôn thể.

*

Cuối năm ngoái, cha mẹ tôi về Sài Gòn làm đám cưới cho đứa em trai út. Khi trở qua cha tôi than mệt, một việc hiếm hoi ít khi tôi nghe. Tôi đưa ông cụ đi khám bệnh mới hay cha tôi bị ung thư phổi. Hình như căn bệnh quái ác này hay xảy ra cho những người làm nghề dạy học. Đúng mùng một Tết, cha tôi lên bàn mổ để cắt đi một bên. Những tháng sau tuy sức khỏe có dần dần khá hơn, vết thương cũng lành

⁽²⁾ Khi ở Việt Nam, chúng ta học tiếng Anh, thì nó là một ngoại ngữ, tức là EFL (*English as a Foreign Language*). Một người Việt cũng như mọi người nước ngoài nào khác di cư sang Mỹ, phải học tiếng Anh của dân Mỹ, thì nó là ngôn ngữ thứ hai (ngoài tiếng mẹ đẻ) – ESL (*English as a Second Language*).

nhưng không còn nói ra tiếng được nữa, muốn gì phải viết. Mới hôm nào tiếng còn oang oang, ở bên nhà nói chuyện với chú tôi bên này cũng nghe, nay chỉ thều thào. Sau khi dưỡng bệnh một thời gian, cha tôi trở về nhà. Ông cụ bây giờ đi lại, đứng ngồi rất khó khăn. Chúng tôi cố khuyến khích cụ tập lại một số cơ năng tạm mất. Ngày 09 tháng 4 năm 2004, cha tôi thấy khó thở. Gia đình tôi vội vàng gọi 911 chở ông cụ vào nhà thương. Những ngày sau tuy tình trạng có ổn định hơn nhưng người yếu dần. Mỗi ngày vào thăm, mở mâm đồ ăn thấy chỉ đựng đĩa qua loa mà ứa nước mắt.

Sáng Thứ Tư 14 tháng 4, đang họp trong sở tôi nghe vợ tôi báo tin cha tôi trở bệnh nặng. Tôi liên lạc với bác sĩ Vũ Thanh Vân, người bạn thân chăm sóc cho ông cụ thì nghe anh thông báo giờ phút cuối của cha tôi chỉ còn trong gang tấc.

Tôi rụng rời chạy về nhà định đưa mẹ tôi vào bệnh viện thì vợ tôi đã đưa đi trước rồi. Cũng may tuần này các cháu được nghỉ Spring Break ⁽³⁾ nên không phải đi học, tôi vội vàng bảo các cháu lên xe vào thăm ông. Đến nơi, cha tôi còn tỉnh, tuy mắt có hơi lơ lơ hơn trước. Vợ chồng người em trai tôi cũng đã đứng ở bên. Các cháu thấy ông đưa nào

⁽³⁾ Học sinh, sinh viên Mỹ một năm có hai kỳ nghỉ giữa niên học, một là *Winter Break* vào mùa Đông (cuối năm, khoảng Giáng Sinh) và một là *Spring Break* vào mùa Xuân (khoảng tháng Tư). Mỗi kỳ nghỉ chừng một tuần nhưng mùa Đông bắc cầu sang nghỉ Tết Dương Lịch có thể dài hơn.

cũng rơi lệ, đến cầm tay. Vợ tôi bảo các cháu hôn ông nội và hứa sẽ ngoan ngoãn học hành. Bác sĩ Vân cho biết chỉ còn được từ giờ đến tối.

Chúng tôi quyết định để hai vợ chồng em tôi lại bên giường bệnh còn tôi đưa mẹ và các con về để tránh cho mẹ tôi những xúc động chưa cần thiết, e ngại có điều bất trắc cho bà cụ vì tình trạng sức khỏe của mẹ tôi rất kém. Ăn qua loa vài miếng, trong dạ bồn chồn, tôi lại chạy lên thăm bố tôi và bảo đứa em dâu xuống lo cho con còn bé. Em trai tôi chạy về sở sắp xếp công việc để xin nghỉ làm.

Một mình ở lại bên cha, tôi ghen ngào hỏi ông cụ còn muốn trời trăng gì hay nợ nần ai cần phải trả. Cha tôi gượng mỉm cười lắc đầu. Một lát sau, đứa em trai khác cũng về đến nơi, hai anh em mỗi người đứng một bên. Chân cha tôi đã lạnh đến đầu gối, bàn tay cũng không còn ấm áp như trước nữa, chỉ há mồm như người ngộp thở. Tôi vội gọi người nhà đưa mẹ và các cháu lên gấp.

Cầm tay cha, tôi lâm râm niệm Phật để tiễn đưa vong linh ông cụ về cõi Tây Phương. Em tôi đứng bên kia cũng sụt sùi. Ông cụ thở hắt mấy lần, mạch máu trên cổ giựt giựt mấy cái rồi nằm yên như người đang ngủ say nằm mơ. Những người y tá trực thấy báo động chạy vào. Tôi nhìn họ gật đầu rồi lặng lẽ đỡ cha tôi nằm lại cho ngay ngắn. Lúc ấy là 3 giờ 17 phút.

*

Thứ Năm 15 tháng 4 năm 2004 – một ngày sau khi cha

tôi từ trần – các cháu quây quần an ủi bố. Tôi bảo các cháu viết về ông nội để đọc trong đám tang, những đứa trẻ ngơ ngác không biết phải viết ra sao.

- Tiểu sử ông nội ra sao hả bố?

Tôi mỉm cười:

- Ông nội không có tiểu sử, chỉ là một người nhà quê, lớn lên đi dạy học suốt đời, qua đây đoàn tụ với bố cho tới khi qua đời.

Thực như thế. Cha tôi không có tiểu sử, chỉ bình thường như phần lớn người Việt Nam khác. Khi còn trẻ thì người ta gọi bằng ông, đến tuổi già thì người ta gọi bằng cụ. Không chức tước, không danh vị.

Tôi đưa các cháu ra vườn, chỉ vào một cây hồng đầy những lá mùa xuân mơn mớn, xanh mượt như được tạc bằng ngọc quý. Dưới gốc cây lưa thưa vài chiếc lá héo úa của năm qua.

- Các con là những chiếc lá xanh này. Còn ông nội con và tổ tiên là những chiếc lá đã rơi xuống đất. Có những chiếc lá vẫn còn hình hài nhưng cũng có những chiếc lá đã tan biến thành mùn. Thế nhưng bên trong những chiếc lá xanh kia có một phần của những chiếc lá đã mục nát mà chúng ta không nhìn thấy được.

Các cháu dường như đã hiểu biết hơn một chút. Tôi lại đưa các cháu vào trong nhà chỉ lên bàn thờ tổ tiên:

- Các con cũng thấy hình ảnh những người đã qua đời,

ông bà ngoại, các cụ... và nhiều người khác không có hình. Cứ đi ngược lên mãi, từ muôn triệu kiếp mỗi đời lại truyền xuống đời sau một phần sự sống và trở thành một chuỗi dài không đứt đoạn, cho tới ông nội, ông nội truyền sinh mệnh đó cho bố, rồi bố lại truyền xuống cho con.

- Vậy thì con sẽ viết những gì đây?

- Các con ơi! Cha không bảo các con viết về tiểu sử, cũng như sau này một khi cha mất đi, con không cần phải viết một bài điều văn thật dài, ca tụng cha bằng chức tước, bằng cấp hay đức độ. Những điều đó chỉ là những ảo ảnh mà thôi. Khi cha nhớ tới ông nội, cha nhớ tới một cây bút chì xanh đỏ ông nội mua cho cha khi cha đến trường, một cái lồng nhỏ nhỏ cho con chim mới bắt được, một tập sử khi đi hội chợ hay một tập đánh vần khi cha mới bi bô. Và cha cũng muốn các con nhớ tới ông nội như thế thôi.

Những đứa trẻ nhú mày rồi nét mặt rạng rỡ hơn như hiểu ra.

- Con nhớ tới ông nội hồi con còn bé dẫn con đi chơi, ra ngoài công viên rồi để bảo con tự tìm đường về, ông đi theo. Ông nội dạy con đọc những số nhà bằng tiếng Việt khi đi vòng quanh khu phố.

- Còn con thì nhớ tới ông nội dẫn con đi học, đón con về. Ông nội sửa xe đạp cho con, làm *hotdog*⁽⁴⁾ cho con ăn.

- Ông nội cũng đưa con đi học nữa, dẫn con vào chợ

⁽⁴⁾ *Hotdog*: Xúc xích nóng kẹp vào bánh mì.

Food-for-Less và *99c Store* ⁽⁵⁾ mua hột giống.

- Phải đó con ạ! Những điều mà cha nhớ tới ông con cũng là những điều như thế thôi. Từ cây rau ông trồng đến cành hoa ông chiết, hột mướp ông giâm ...

Trung hỏi lại:

- Vậy ba ơi, ba nghĩ thế nào về sau khi chết? Ông nội bây giờ ở đâu?

Tôi đáp:

- Thực tình mà nói, cha không biết. Mỗi tôn giáo có một kiếp lai sinh với những tên gọi khác nhau: Thiên Đàng, Niết Bàn, Cực Lạc, Bồng Lai... Cha chỉ biết một điều là để có cha, có các con hôm nay thì một sinh mệnh không đứt đoạn đã kéo dài hàng muôn triệu kiếp mà mỗi đời lại nhận một phần từ đời trước, thêm vào, mất đi nhưng không bao giờ ngừng.

Kỳ hỏi:

- Thế gia đình mình cầu nguyện cho ông nội như thế nào?

Tôi suy nghĩ cố tìm cách giải thích cho các cháu hiểu:

- Việc cầu nguyện hay lễ lạt chỉ là hình thức biến chuyển theo không gian, theo thời gian. Những nghi lễ đó không có

⁽⁵⁾ *Food-for-Less*: Cửa hàng bán thực phẩm giá rẻ. *99c Store*: Cửa hàng bán mọi mặt hàng đồng giá 99 xu (*cents*). Một đô la bằng 100 xu.

tiêu chuẩn nhất định, và cũng không ai dám bảo thế này là đúng, thế kia là sai. Bố không đòi hỏi các con cầu nguyện cho ông nội mà chỉ muốn các con nhớ tới ông nội và hiểu rằng ông nội vẫn hiện diện như một phần của mình. Về thể xác, sinh lực của ông truyền xuống bố, bố truyền xuống con. Về tinh thần, ông nội cũng như bố để lại trong lòng con một số dấu ấn mà con sẽ đem theo suốt cuộc đời. Con nhìn thấy ông nội trong hình ảnh của bố mà bố cũng thấy một phần ông bà tổ tiên ở nơi các con.

*

Than ôi! Quả là nước mắt chảy xuôi. Cha tôi lo cho con cho cháu đến tận lúc lìa đời. Đúng là công lao trời bể. Thôi thì số mệnh đã an bài, cái lẽ tử sinh không ai tránh khỏi. Một điều đáng mừng là những gì cha tôi vun trồng dù vật chất hay tinh thần đều đơm bông kết trái, ắt hẳn cha tôi nơi chín suối cũng ngậm cười. Bây giờ tôi mới thật thấm thía cái đạo hiếu của người Việt Nam, nỗ lực bản thân, sống đời thiện lương cũng là một cách báo đáp công ơn nuôi dưỡng. Cái lá vàng đã rụng xuống nhưng những chiếc lá xanh vẫn tiếp tục vươn lên.

California, cuối tháng 4-2004

NGUYỄN DUY CHÍNH

● *Cha tôi không dạy tôi sống ra sao; người sống, và để tôi quan sát cách người sống. / My father didn't tell me how to live; he lived, and let me watch him do it.*

CLARENCE BUDINGTON KELLAND (nhà văn Mỹ, 1881-1964)

TẢN MẠN NGƯỜI MẸ TRONG VĂN HỌC

TRẦN VĂN CHÁNH

Tin tưởng tôi biết chữ Hán và có thể giúp lựa cho những chữ có ý nghĩa đẹp sâu xa đặt tên con, người bạn chí thân của tôi đã nhờ tìm chữ đặt tên cho đứa con trai đầu lòng. Tôi nghĩ bụng mình nên chọn một chữ gì khiêm tốn, vừa phải, chứ đặt những tên kiêu kỳ quá, rủi mai sau cháu trưởng thành không có được khí chất, bản lĩnh như mong muốn thì cũng buồn. Nhớ ra trong thơ Đường có bài *Du Tử Ngâm*⁽¹⁾ của Mạnh Giao (751-814) sẵn đã thuộc lòng từ khi mới được đọc qua lần đầu, trong có hai câu *Thùy ngôn thôn thảo tâm / Báo đắc tam xuân huy*, bèn chọn ngay cái tên Xuân Huy đặt tên cho con trai người bạn. Sau này, theo đuổi chuyện viết lách, cần có nhiều tên, tôi cũng đã chọn *Xuân Huy* làm một bút hiệu phụ, dành ký riêng cho một số bài viết nào đó khi không cần dùng đến những tên chính.

Nguyên văn bài thơ như sau (phiên âm):

Từ mẫu thủ trung tuyền,
Du tử thân thượng y.

(1) 遊子吟 / 慈母手中線 / 遊子身上衣 / 臨行密密縫 / 意恐遲遲歸 / 誰言寸草心 / 報得三春暉.

Lâm hành mật mật phùng,
Ý khùng trì trì quy.
Thùy ngôn thôn thảo tâm,
Báo đắc tam xuân huy?

Tên bài thơ có nghĩa *Khúc ngâm của người du tử*, mà cụ Trần Trọng Kim (1883-1953) dịch là *Bài hát người con đi xa*:

*Mẹ từ sợi chỉ trong tay,
Trên mình du tử áo may vội vàng.
Sắp đi mũi chỉ kỹ càng,
Sợ con đi đó, nhớ nhàng trễ lâu.
Chút lòng tác cỏ dễ đâu,
Bóng ba xuân đáp ơn sâu cho vừa.*

Trong *Thơ Đường* (cuốn 1) của Trần Trọng San (1930-1998), ở hai câu đầu, phần dịch xuôi, dịch giả viết: “*Sợi chỉ trong bàn tay người mẹ hiền giờ đây ở trên áo người con đi chơi xa.*” Hiểu “du tử” là “người con đi chơi xa”, có lẽ không đúng. Thật ra, chữ “du” ngoài nghĩa đi chơi còn có nghĩa đi ra ngoài cầu học, tìm chức quan hoặc đi du thuyết (xuất ngoại cầu học, cầu quan hoặc du thuyết), và còn có nghĩa chung “rời nhà ra bên ngoài” (*ly gia tại ngoại*).

Dịch “người con đi xa”, “đứa con đi xa” hợp hơn, nhưng đi xa đây, theo ngữ cảnh và ý thơ, không phải đi chơi, mà đi tìm sinh kế, đi mưu cầu sự nghiệp. Nếu chỉ đi chơi rong vô mục đích, nội dung bài thơ sẽ đâu có gì gây xúc cảm triền miên trong lòng người đến ngày hôm nay như vậy. Và

lại, theo quan niệm chữ hiếu xưa, cha mẹ còn thì không được đi xa nhà, nếu đi phải có nơi có chỗ rõ ràng (*phụ mẫu tại, bất viễn du, du tất hữu phương*).⁽²⁾

Hai câu *Lâm hành mật mật phùng / Ý khủng trì trì quy* (Khi con sắp ra đi mẹ may nhặt mũi kim, trong ý sợ rằng con sẽ lâu về) nói lên một cách sinh động tâm ý sâu xa của bà mẹ với tấm lòng trù mẫn thiết tha lo cho con trẻ.

Riêng hai câu cuối *Thùy ngôn thôn thảo tâm / Báo đắc tam xuân huy*, ví lòng người mẹ hiền với ánh nắng dịu dàng của tiết ba xuân. Ngoài Trần Trọng Kim, có thể nêu thêm bản dịch của nhiều người khác nữa, đại khái không khác nhau bao nhiêu:

Tắc cỏ dưới bóng xuân / Báo đáp đâu đây mà? (của Lương Thúc Ký);

Ai rằng lòng tác cỏ / Đèn được ánh xuân đâu! (của Lê Nguyễn Lưu);

Ai bảo lòng tác cỏ / Báo được ánh ba xuân? (của Khương Hữu Dụng);

Ai rằng lòng tác cỏ / Báo được ánh ba xuân? (của Trần Trọng San);

Lòng son tác cỏ có hay / Nắng ba xuân đủ đọng đầy ơn sâu? (của Vương Hồ);

Tấm lòng một tác cỏ quê / Ánh ba xuân ấy dễ chi báo đền (của Đinh Vũ Ngọc);

⁽²⁾ 子曰：父母在，不遠游，游必有方。(Luận Ngữ 4:19)

Hỏi rằng tác cỏ lòng quê / Ba xuân nắng ấm đèn bù được chăng? (của Hải Đà)...

Còn Nguyễn Du trong truyện *Kiều* thì từ lâu đã khéo mượn ý hai câu thơ trên để diễn gọn thành một câu duy nhất: *Liệu đem tác cỏ quyết đền ba xuân*.

Đây là bài thơ hay trong số ít ỏi những bài thơ Đường ca tụng tấm lòng người mẹ, được cụ Trần Trọng Kim chú thích đại ý: “*Người con đi xa, mặc cái áo mẹ may cho, nhớ đến công ơn mẹ, không biết báo đền thế nào cho vừa được. Lời nói nhân hiếu, mà tự nhiên phong nhã.*”

Lời lẽ giản dị, chân thật, dễ hiểu, vì phát xuất từ trái tim chân thật, đã diễn tả được nỗi lo đau đầu của người mẹ trước phút lâm hành của con, ý sợ con đi xa lâu về, nên cố ý may nhặt mũi kim, để tấm áo sẽ lâu sờn rách trên bước đường tha phương lưu lạc.

Được biết, Mạnh Giao⁽³⁾ nhà nghèo nhưng được mẹ hy

⁽³⁾ Mạnh Giao người Vũ Khang, Hồ Châu (nay là huyện Vũ Khang, tỉnh Chiết Giang). Lúc trẻ, đi thi nhiều lần không đậu. Năm bốn mươi sáu tuổi, đậu Tiến Sĩ; năm mươi tuổi, mới được bổ làm Huyện Ủy Lật Dương (tỉnh Giang Tô). Đối với chức quan nhỏ này, ông không hứng thú, suốt ngày rong chơi, ngâm vịnh, kết giao với các nhà thơ danh tiếng đương thời như Trương Tích, Giả Đảo, Hàn Dũ... Quan huyện lệnh cử một viên úy khác làm thay, và chia nửa số lương với ông; ông liền từ chức. Sau, được Trịnh Dư Khánh tiến cử, ông trở lại làm quan, lên đến chức Hiệp Luật Lang ở Lạc Dương. Sáu mươi ba tuổi, Trịnh Dư Khánh (bảy giờ làm Trần Thủ ở Hưng Nguyên)

sinh, chăm lo nuôi nấng cho đến lúc thành tài. Khi được làm quan muện màng ở tuổi năm mươi, ông đã vội đón mẹ về chung sống với mình. Tác giả đã sáng tác bài thơ trong bối cảnh đón mẹ lên Lật Dương như lời chú giải của ông: *Nghênh Mẫu Lật Dương Tác* (Làm khi đón mẹ đến Lật Dương).

Hai câu cuối trong bài *Du Tử Ngâm* đã đi sâu vào văn chương Trung Quốc, tạo nên một số thành ngữ khá quen thuộc như: *thốn thảo tâm* (tâm lòng tác cỏ, ví tâm ý nhỏ nhoi của con cái đối với cha mẹ); *thốn thảo xuân huy* (tâm ý nhỏ nhoi mong manh của cọng cỏ nhỏ, không thể báo đáp được ân huệ của mùa xuân, ví con cái khó lòng báo đáp ân tình rất sâu nặng của mẹ cha)...

Từ bài *Du Tử Ngâm* quý hiếm trong kho tàng thơ Đường, Việt Nam chúng ta lại có được bài thơ phóng tác với nội dung mở rộng hơn như sau đây của Vương Ngọc Long, sau được nhạc sĩ Mai Đức Vinh phổ nhạc:

*Đây chiếc áo năm canh dài Mẹ thức,
Ngọn đèn khuya hiu hắt suốt đêm trường.
Tay gầy guộc, run run luôn kim chỉ,
Áo bạc màu nhưng đậm nghĩa yêu thương.
Chiếc áo cũ theo đời con phiêu bạt,
Trên bước đường giữa mưa nắng vô thường.*

lại mời Mạnh Giao về làm tham mưu cho quân Hưng Nguyên. Ông đi đến Vân Hương thì chết, thọ sáu mươi bốn tuổi. Bà con, bạn bè đưa xác về chôn ở Lạc Dương. [*Văn Uyển chú*]

*Từng mũi vá nâng niu lời ru Mẹ,
Những đường khâu khe khẽ tiếng yêu thương.
Chôn tha phương mà lòng con lệ ứa,
Mẹ quê nhà thui thui giữa đêm sương.
Mắt Mẹ đỏ lung linh ngàn tia sáng,
Con lưu vong Mẹ dẫn dắt soi đường.
Đây chiếc áo chắt chiu từng sợi chỉ,
Mũi đan dày cho ấm ngực đêm đông.
Tóc bạc trắng thắm năm chờ mòn mỏi,
Con ra đi, con đi, mẹ nhớ mong.
Mẹ là đó, là trái tim nhân ái,
Đây hy sinh nhẫn nhục chẳng ngại ngần.
Lòng con đây thấm dăng từng tác cỏ,
Biết bao giờ đền đáp nắng ba xuân?*

Cổ hơn mà diễn tả một cách sinh động tấm lòng người con có hiếu đối với ơn sinh thành, nuôi dưỡng khó nhọc của cha mẹ, và nỗi đau xót không được phụng dưỡng cha mẹ cho đến tuổi già, từ xa xưa đã có một số bài nổi tiếng trong kinh Thi như *Khải phong* (trong Bội Phong), *Lục Nga* (trong Tiểu Nhã)... Để không quá rườm, chỉ xin trích phần dịch bài *Khải Phong* của Tản Đà ⁽⁴⁾ (không chép nguyên văn và phiên âm chữ Hán):

⁽⁴⁾ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu (1889-1939) là nhà thơ, nhà văn và nhà viết kịch nổi tiếng Việt Nam. Bút danh Tản Đà ghép tên núi Tản Viên và sông Đà ở quê ông. [*Văn Uyển chú*]

*Từ phương nam,
 Gió hòa đưa lại.
 Cây gai dai,
 Gió thổi lồi gai.
 Lồi gai non nót tốt tươi,
 Mẹ ta kể biết mấy mươi công trình.*
*Từ phương nam,
 Gió hòa đưa lại;
 Cây gai dai,
 Gió thổi củi gai.
 Mẹ ta thánh thiện ở đời;
 Mà ta chẳng được có người nào hay.*
*Kìa như suối lạnh một dòng,
 Ở bên ấp Tuấn theo vùng chảy xuôi.
 Đàn con có đến bảy người,
 Bảy con mà để mẹ thời nhọc thân.*
*Véo von kìa cái chim vàng,
 Nó kêu những tiếng nhịp nhàng êm tai.
 Đàn con có đến bảy người,
 Chẳng làm cho mẹ yên vui tấm lòng.*

Kinh Thi thật ra không phải “kinh”, mà chỉ là một tập hợp những dân ca và ca dao đẹp nhất, hay nhất của Trung Quốc trong khoảng thời gian từ thế kỷ thứ Sáu trước Công Nguyên (TCN) trở về trước. Danh xưng “kinh” bắt đầu có từ thời Hán (206 TCN) khi tập thơ này được xếp vào bộ

Ngũ Kinh. Theo nghĩa này, thì người Việt Nam cũng có “Kinh Thi Việt Nam”, như tên cuốn sách chuyên khảo về ca dao của Trương Tửu (Nguyễn Bách Khoa).⁽⁵⁾

Liên quan đến người mẹ, ca dao Việt không thiếu những câu hay, sâu sắc, lời lẽ phần lớn mộc mạc chân thành nhưng đều cảm động. Có thể dẫn ra đây hàng loạt, nhưng cũng chỉ trong muôn một, những câu tiêu biểu hầu như ai cũng thuộc:

*- Công cha như núi Thái Sơn,
 Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
 Một lòng thờ mẹ kính cha,
 Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*
*- Mẹ nuôi con biển hồ lai láng,
 Con nuôi mẹ kể tháng kể ngày.*
*- Ân cha nặng lắm ai ơi!
 Nghĩa mẹ bằng trời, chín tháng cưu mang.*
*- Nuôi con buôn tảo bán tần,
 Chỉ mong con lớn nên thân với đời.
 Những khi trái nắng trở trời,
 Con đau là mẹ đứng ngồi không yên.
 Trọn đời vất vả triền miên,
 Chăm lo bát gạo đồng tiền nuôi con.*

⁽⁵⁾ Trương Tửu (1913-1999) là nhà giáo, nhà văn, nhà nghiên cứu văn học Việt Nam. Bút danh: Nguyễn Bách Khoa, Mai Viên, v.v... [Văn Uyển chú]

Tấm lòng của mẹ thật bao la, mênh mông như trời bể,
suốt đời hy sinh, lo lắng chỉ vì con, kể từ tấm bé:

- Bồng con cho bú một hồi,
Mẹ đã hết sữa con vùi, con la.
- Con ho lòng mẹ tan tành,
Con sốt lòng mẹ như bình nước sôi.

Mẹ luôn đem hết sức mình để bảo bọc, che chở cho con
được yên lành:

- Nuôi con chẳng quản chi thân,
Chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo con lăn.
- Gió mùa thu mẹ ru con ngủ,
Năm canh chầy thức đủ vừa năm.

Đáp lại là tình của con đối lại với cha mẹ, cũng hết sức
sâu đậm, tri ân, dạt dào tình cảm:

- Dấn mình gánh nước làm thuê,
Miễn nuôi được mẹ, quản gì là thân.
- Vẳng nghe chim vịt kêu chiều,
Bâng khuâng nhớ mẹ chín chiều ruột đau.
Nhớ ơn chín chữ cù lao,
Ba năm nhũ bộ biết bao nhiêu tình?
- Ngày nào em bé cón con,
Bây giờ em đã lớn khôn thế này.
Cơm cha, áo mẹ, công thầy,
Nghĩ sao cho bỏ những ngày ước ao.

- Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa,
Miệng nhai cơm, búng lưỡi lừa cá xương.
- Ngó lằn ruột lạt mái nhà,
Bao nhiêu ruột lạt, em thương mẹ già bấy nhiêu.
- Chiều chiều ra đứng ngõ sau,
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.
- Gió đưa cây cửu lý hương,
Từ xa cha mẹ thất thường bữa ăn.
Sầu riêng cơm chẳng muốn ăn,
Đã bụng lầy bát, lại dần xuống mâm.
- Tôm càng lột vỏ bỏ đuôi,
Giã gạo cho trắng để nuôi mẹ già.
Đói lòng ăn hột chà là,
Để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng.
- Lên chùa thấy Phật muốn tu,
Về nhà thấy mẹ công phu sao đành?
Mẹ già ở túp lều tranh,
Sớm thăm tối viếng mới đành dạ con.
- Cau non khéo bữa cũng dày,
Trầu têm cánh phượng để thầy mẹ xơi.
- Ai về tôi gởi buồng cau,
Buồng trước kính mẹ, buồng sau kính thầy.
Ai về tôi gởi đôi giấy,
Phòng khi mưa gió để thầy mẹ đi.

- Công cha nghĩa mẹ cao vời,
 Nhọc nhằn chẳng quản suốt đời vì ta.
 Nên người con phải xót xa,
 Đáp đền nghĩa nặng như là trời cao.
 Đội ơn chín chữ cù lao,
 Sanh thành kẻ mấy non cao cho vừa.

- Công cha đức mẹ cao dày,
 Cưu mang trứng nước những ngày ngây thơ.
 Nuôi con khó nhọc đến giờ,
 Trưởng thành con phải biết thờ song thân.

- Đêm khuya trăng rụng xuống cầu,
 Cảm thương cha mẹ dãi dầu ruột đau.

- Tu đâu cho bằng tu nhà,
 Thờ cha kính mẹ mới là chân tu.

Trong thi ca Việt Nam hiện đại, thơ viết về mẹ nhiều vô số kể. Có đến hàng ngàn bài thơ, mà nếu sưu tập lại tương đối đầy đủ sẽ thành tác phẩm lớn cả về khối lượng lẫn giá trị nội dung. Đã có một bộ sưu tập nhỏ nhỏ như vậy, gọi là *Thơ Về Mẹ*, của nhà xuất bản Văn Học, in năm 2010, nhưng tôi không có sẵn trong tay tập thơ này. Giả định, nếu ai buộc phải chọn một bài thơ hay nhất về mẹ, chắc hẳn người bị yêu cầu sẽ không khỏi lúng túng, bởi lẽ đơn giản thơ về mẹ tuy chất lượng không đều nhưng hầu như luôn là những bài thơ hay, còn bài nào hay nhất thì lại tùy thuộc sự cảm nhận, tâm cảnh, kinh nghiệm sống riêng của mỗi người.

Nội dung các bài thơ đại khái cũng như ca dao bình dân, thường mô tả tấm lòng thương yêu hy sinh bao la của mẹ đối với con, và sự cảm thương, tri ân, hoặc ân hận vì chưa đáp đền nghĩa cả của con đối với mẹ... nhưng lẽ dĩ nhiên có nét hiện đại hơn, với thủ pháp nghệ thuật phong phú, đa dạng hơn. Chẳng hạn như bốn câu thơ này trong bài *Nhớ Vu Lan*, của Lê Mộng Nguyên:

*Đây bát cơm đầy nặng ước mong,
 Mẹ ơi, đây ngọc⁽⁶⁾ với đây lòng,
 Đây tình con nặng trong tha thiết,
 Ôn nghĩa sanh thành, chưa trả xong.*

Viết về mẹ thì bao la bát ngát, đủ mọi khía cạnh. Tại đây, trong khuôn khổ rất giới hạn, không thể trích dẫn nhiều những bài thơ có giá trị với chủ đề người mẹ. Nhân mùa Vu Lan, chỉ xin giới thiệu bài *Bông Hồng Vàng* mà có người cho là “*ấn tượng nhất, không quá cao xa nhưng cũng thật gần, lời thơ mộc mạc giản dị nhưng cũng lắng đọng trong chúng ta những tình cảm thiêng liêng nhất*”.

*Vu lan về con cài lên ngực,
 Bông hồng vàng báo hiếu mẹ cha.
 Tháng bảy mưa ngâu hay nước mắt nhạt nhòa,
 Của những đứa con nhớ về cha mẹ.
 Một nén hương thơm nồng nàn lặng lẽ,
 Nổi lòng con gửi gắm những niềm thương.*

⁽⁶⁾ “Ngọc” trong bài thơ ví với hạt gạo.

*Dù bao năm dù có hóa vô thường,
Công sinh dưỡng vẫn là công lớn nhất.
Cả cuộc đời mẹ cha tất bật,
Cho chúng con lẽ sống tình yêu.
Đại dương bao la đâu đã là nhiều,
Với chúng con cha mẹ là tất cả.
Có đôi lúc
Mãi mê quay với dòng đời ồ ả
Những đô hội thị thành
Những phương trời lạ
Chợt giật mình tỉnh giấc nhớ mẹ cha.*

(Thơ Nguyễn Đình Vinh)

Điều đáng nói là tấm lòng người mẹ, cũng như tình của con đáp lại mẹ, dù có thể có những cách biểu hiện khác nhau tùy hoàn cảnh nhưng không phân biệt Đông Tây kim cổ, nghề nghiệp, địa vị xã hội, trần tục hay tu hành... mà đâu đâu, thời nào cũng tha thiết như nhau.

Bài thơ *Thư Gửi Mẹ* dưới đây của nhà thơ trữ tình Nga Sergei Alexandrovich Yesenin (đôi khi đọc Esenin, 1895-1925) hết sức cảm động, từ lâu được nhiều người ưa thích (không rõ bản dịch tiếng Việt tài tình này là của ai):

*Mẹ của con giờ đây còn mạnh khỏe?
Mẹ kính yêu, cho con gửi lời chào
Xin hãy để trên ngôi nhà của mẹ
Tỏa ánh chiều trong nỗi nhớ nôn nao.*

*Con nghe rằng mẹ giấu điều lo lắng
Mẹ hay buồn, hay lo nghĩ về con
Mẹ hay bước ra ngoài con đường vắng
Trong chiếc áo len lạc mốt, cũ sờn.
Rằng mỗi khi qua làn khói lam chiều
Mẹ nhìn thấy chỉ một điều khủng khiếp
Có vẻ như trong một vụ đánh nhau
Có ai đẩy đâm con bằng dao thép.
Chẳng sao đâu! Xin mẹ hãy yên lòng
Đấy tất cả chỉ là cơn mộng mị
Con đâu có còn đến nỗi lông bông
Để chết đi khi chẳng nhìn thấy mẹ.
Con bây giờ vẫn như thế, dễ thương
Chỉ ao ước một điều rất đơn giản
Sao cho thật mau thoát khỏi nỗi buồn
Để trở về ngôi nhà ta thấp vắng.
Con sẽ về khi hoa nở trên cành
Mang hơi thở mùa xuân quanh vườn tược
Chỉ có điều mẹ trong ánh bình minh
Đừng thức con như tám năm về trước.
Đừng thức dậy những giấc mơ đã tắt
Đừng khơi lên mộng ước đã không thành
Con là kẻ sớm chịu nhiều mất mát
Ném trải nhiều mệt nhọc giữa ngày xanh.*

*Và đừng dạy con cầu nguyện. Không cần!
Thời ấu thơ chẳng quay về lần nữa.
Chỉ mẹ là niềm vui, niềm an ủi của con
Chỉ mẹ đối với con là ánh hồng khôn tả.
Mẹ hãy quên đi những điều phiền muộn
Mẹ đừng buồn, đừng lo lắng về con
Đừng hay bước ra ngoài con đường vắng
Trong chiếc áo len lạc mốt, cũ sờn.*

Đáng kể thêm một bài này nữa, bài *Tình Mẹ* của nhà thơ Nga Nicolai Nekrasov (1821-1878):

*Vĩ đại thay! Sau từng cánh cửa,
Dù đi xa hay ở rất gần.
Ta vẫn nghe tiếng con gọi mẹ,
Mẹ dù xa nhưng ngóng về con.
Vĩ đại thay! Muôn đời tình Mẹ,
Trong tim ta trân trọng giữ gìn.
Ta yêu chị, yêu cha, yêu vợ,
Nhưng khổ đau ta nhớ Mẹ hiền!*

Trong lĩnh vực văn xuôi cũng vậy, hề viết về người mẹ bằng tình cảm chân thành, trong sáng thì dường như bài nào cũng hay, cũng gây xúc cảm sâu xa nơi lòng người đọc, dù người viết là nhà văn nổi tiếng hay một học sinh trung học, thậm chí chỉ mới học chừng lớp năm, lớp sáu. Điểm đặc biệt là người ta có thể viết giả dối cho một đề tài gì khác, chứ viết về mẹ thì không. Viết về mẹ, cũng như khi

có việc cần tâm sự với mẹ, người ta thường có thể bộc lộ hết tất cả những gì chân thật nhất.

Tinh Vân Đại Sư (sinh năm 1927) là nhà Phật học Trung Quốc nổi tiếng thế giới, đã viết hơn trăm tác phẩm lớn nhỏ bàn đủ mọi loại vấn đề, nhưng trong quyển tự truyện mới đây của ông (bản dịch của Đỗ Khương Mạnh Linh, Nxb Hồng Đức, 2013), chỗ cảm động chân thật nhất có lẽ không phải những đoạn kể về sự nghiệp hoạt động, mà ở chương viết về bà mẹ thất học nhưng bản chất thông minh, hiền lương và ưa làm từ thiện của tác giả, được chuyển tải bằng một thứ văn phong bình dị, tự nhiên và nhẹ nhàng.

Mấy năm trước, ở Việt Nam, nhiều người đã xúc động vì hai bài văn điểm mười của hai học sinh lớp tám và lớp sáu viết về mẹ. Cùng chung đề bài “Hãy tả lại một người thân trong gia đình”, nhưng cả hai đều không hện mà gặp khi cùng viết về người mẹ của mình với tất cả sự trân trọng và nâng niu nhất.

Em học sinh lớp tám khắc vẽ hình ảnh người mẹ đã mất từ khi mình mới lên chín tuổi. Một người mẹ tảo tần, luôn yêu thương, chăm sóc đứa con bé bỏng trong suốt những năm tháng cuộc đời. Hình ảnh người mẹ hiện lên giản dị nhưng rất giàu hình tượng. Người đọc không khỏi xúc động trước tình cảm mà đứa con dành cho người mẹ thân yêu đã khuất của mình: “*Con nhớ mẹ nhiều lắm, nhất định con sẽ làm theo những gì mẹ dạy... Tôi sẽ sống thật tốt để mẹ được vui lòng, giờ tôi chỉ có thể làm được thế thôi.*”

Bài văn kia của em học sinh lớp sáu, nhưng em này may

mắn hơn, còn có mẹ ở bên chăm sóc, vỗ về: “Em yêu mẹ lắm! Yêu mẹ rất nhiều. Em tự nhủ rằng sẽ cố gắng học tập thật giỏi để trở thành con ngoan, trò giỏi... mai sau đền đáp công ơn to lớn của mẹ đã bao năm chăm lo cho em từ miếng ăn đến giấc ngủ.”

Một tác giả nọ đã không giấu được niềm xúc động, khi nêu nhận xét ở một bài viết trên mạng: “Đọc hai bài văn này lòng lại nhớ mẹ đến khôn nguôi. Có lẽ đề tài về mẹ luôn là nguồn cảm xúc dạt dào nhất để viết nên những bài văn hay, những bài thơ ý nghĩa. Những bài văn này thật sự đã khiến cho những người như mình phải một lần nữa rơi lệ.”

Tôi liên tưởng ngay đến một nhận xét tương tự của Hòa Thượng Nhất Hạnh, khi ông còn là một Đại Đức trẻ đang tu học:

“Những bài hát, bài thơ ca tụng tình mẹ bài nào cũng dễ, cũng hay. Người viết dù không có tài ba, cũng có rung cảm chân thành; người hát ca, trừ là kẻ không có mẹ ngay từ thuở chưa có ý niệm, ai cũng cảm động khi nghe nói đến tình mẹ. Những bài hát ca ngợi tình mẹ đâu cũng có, thời nào cũng có.”

Rồi tác giả viết tiếp, dẫn luôn một bài thơ để làm chứng:

“Bài thơ mất mẹ mà tôi thích nhất, từ hồi nhỏ, là một bài thơ rất giản dị. Mẹ đang còn sống, nhưng mỗi khi đọc bài thơ ấy thì sợ sệt, lo âu.... sợ sệt lo âu một cái gì còn xa, chưa đến, nhưng chắc chắn phải đến:

Năm xưa tôi còn nhỏ
Mẹ tôi đã qua đời!
Lần đầu tiên tôi hiểu
Thân phận trẻ mồ côi.

Quanh tôi ai cũng khóc
Im lặng tôi sầu thôi
Để dòng nước mắt chảy
Là bớt khổ đi rồi...

Hoàng hôn phủ trên mộ
Chuông chùa nhẹ rơi rơi
Tôi thấy tôi mất mẹ
Mất cả một bầu trời.

Mấy đoạn vừa trích dẫn là ở trong tập sách nhỏ *Bông Hồng Cài Áo* của Nhất Hạnh, một bài văn viết về mẹ có lẽ sâu sắc, cảm động và tạo được ảnh hưởng sâu rộng nhất ở nước ta từ trước tới nay. Khởi đầu, vào năm 1962, nó chỉ là một đoạn văn, không phải truyện ngắn hay ký, gọi tập văn hay tùy bút đúng hơn, sau được in riêng thành cuốn sách khổ nhỏ nhắn, bìa màu xanh dương nhạt vẽ một chiếc bông hồng, họa sĩ Hiếu Đệ trình bày đẹp giản dị, do nhà xuất bản Lá Bối in lần đầu tại Sài Gòn dường như vào năm 1968, phần đầu bên trong có ghi hàng chữ: *Để dâng mẹ và để làm quà Vu Lan cho những người nào có diễm phúc còn mẹ. Medford, Hoa Kỳ, tháng tám, 1962, Nhất Hạnh.*

Bài viết này cũng là cảm hứng gợi ý cho một ca khúc bất

hủ cùng tên do nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ (1930/1932?-2009) sáng tác trong thập niên 1960 của thế kỷ trước, đến nay vẫn còn lưu hành rộng rãi, và được mọi người coi là một trong những bài hát tiêu biểu nhất về chủ đề người mẹ, tương đương với bài *Lòng Mẹ* rất phổ biến của nhạc sĩ Y Vân (1933–1992).

Trong ca khúc có đoạn: *Một bông hồng cho em / Một bông hồng cho anh / Và một bông hồng cho những ai / Cho những ai đang còn mẹ / Đang còn mẹ để lòng vui sướng hơn / Rủi mai này mẹ hiền có mất đi...*

Hiện tôi vẫn còn giữ kỹ một bản in cũ cuốn sách nhỏ *Bông Hồng Cài Áo*, vì thấy nó đẹp và trang nhã hơn những bản in mới sau này, tái bản đến hàng chục lần. Đã đọc hơn bốn mươi năm trước rồi, nhưng bây giờ có dịp đọc lại, sau khi cha mẹ đều đã qua đời, tôi càng thấy thấm hơn, và những ý tưởng nêu ra trong đó, vẫn còn giữ được nét thanh tân như ngày cũ, có lẽ đề tài về người mẹ thuộc loại đề tài không bao giờ lạc hậu, lại được một tu sĩ tài hoa luận bàn với tất cả sự trải nghiệm sâu sắc và lòng thành của mình.

Trong bài viết, Nhất Hạnh kể về một tập tục đẹp mà ông gặp ở Nhật Bản, đại khái vào ngày Mẹ (*Mother's Day*), nếu ai còn mẹ, sẽ được cài một bông hoa màu hồng trên áo, và người đó sẽ tự hào được còn mẹ. Còn nếu ai mất mẹ, sẽ được cài trên áo một bông hoa trắng...

“Người được hoa hồng sẽ thấy sung sướng nhớ rằng mình còn mẹ, và sẽ cố gắng để làm vui lòng mẹ, kéo một mai người khuất núi có khóc than cũng không còn kịp nữa.

Tôi thấy cái tục cài hoa đó đẹp và nghĩ rằng mình có thể bắt chước áp dụng trong ngày báo hiếu Vu Lan.”

Sau khi cuốn sách được xuất bản một thời gian, có dịp vào thăm chơi một số chùa trong dịp lễ Vu Lan, tôi thấy các anh chị Phật tử cài những bông hoa màu hồng lên áo của bạn mình, thì biết được tác dụng của một lời gợi ý hay. Phong tục cài bông hồng lên áo du nhập vào Việt Nam, tuy chưa thật phổ biến lắm, có lẽ bắt đầu từ đó.

Trở lại nội dung chính của *Bông Hồng Cài Áo*, nhà sư Nhất Hạnh đã đưa ra một cách nhìn khá mới lạ. Ông cho thương mẹ là quyền lợi mà người con phải biết tận hưởng chứ không phải nghĩa vụ, vì *“Mẹ già như chuối ba hương / Như xôi nếp một như đường mía lau.”*

Ông lý giải: *“Thương mẹ là một cái gì rất tự nhiên... Thương mẹ không phải là một vấn đề luân lý đạo đức. Anh mà nghĩ rằng tôi viết bài này để khuyên anh về luân lý đạo đức là anh lầm. Thương mẹ là một vấn đề hưởng thụ... Một món quà như mẹ mà còn không vừa ý thì họa chẳng có làm Ngọc Hoàng Thượng Đế mới vừa ý, mới bằng lòng, mới sung sướng.”*

Có lẽ còn rất nhiều điều cần nói thêm về tập đoàn văn đặc biệt này, nhưng khi đọc lại những lần sau, tôi tâm đắc nhất một đoạn tác giả nhắc nhở những người đang còn mẹ, mà nay tôi muốn mượn để nhắc lại những người trẻ tuổi hơn: *“Mẹ là một món quà lớn nhất mà cuộc đời tặng cho ta, những kẻ đã và đang có mẹ. Đừng có đợi đến khi mẹ chết rồi mới nói: ‘Trời ơi, tôi sống bên mẹ suốt mấy mươi*

năm trời mà chưa có lúc nào nhìn kỹ được mặt mẹ!’ Lúc nào cũng chỉ nhìn thoáng qua. Trao đổi vài câu ngắn ngủi... Gây bao nhiêu chuyện rắc rối cho mẹ phải lo lắng, ốm mòn, thức khuya dậy sớm vì con. Chết sớm cũng vì con... Và để mình bận rộn suốt đời lên xuống ra vào lợi danh. Mẹ không có thì giờ nhìn kỹ con. Và con không có thì giờ nhìn kỹ mẹ. Để khi mẹ mất mình có cảm nghĩ: ‘Thật như là mình chưa bao giờ có ý thức rằng mình có mẹ!’”

Tôi có người bạn năm nay tuổi đã ngoài lục tuần, mỗi khi nhắc chuyện về người mẹ đã quá cố, anh đều rơm rớm nước mắt, nghẹn ngào không nói nên lời. Và dường như ở những người khác, phần lớn cũng đều như vậy. Lý do có thể thuộc những vấn đề tâm-sinh lý phức hợp, nhưng cũng đơn giản dễ hiểu, có lẽ vì ai cũng có mẹ, mà giữa mẹ với con vốn có sợi dây liên kết gắn bó thiêng liêng hơn tất cả những người khác trên đời.

Văn chương viết về người mẹ từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây, luôn gây xúc động lòng người, có lẽ cũng chỉ vì một lý do tương tự như thế mà thôi.

TRẦN VĂN CHÁNH

23-7-2013

Thượng Đế không thể có mặt ở khắp mọi nơi, và vì thế Ngài tạo ra các bà mẹ. / God could not be everywhere and, therefore, He made mothers.

Ngạn ngữ Do Thái

RỒI

Rồi cha, rồi mẹ, rồi mình
Rồi bụi lem luốc một linh hồn đầy
Rồi trời, rồi gió, rồi mây
Rồi khuôn mặt nguyệt trên tay rã rời

Rồi thương, rồi khóc, rồi cười
Rồi đất bó lại cho người chiếu manh
Rồi vàng, rồi đỏ, rồi xanh
Rồi con chim khóc trên cành nhân gian

Rồi địa ngục, rồi thiên đàng
Rồi hai con mắt bàng hoàng tử sinh
Rồi tìm trong chốn lặng thinh
Rồi ba nghìn cõi biết mình về đâu.

HUỲNH VĂN MÙƠI

*Thánh thất Nam Trung Hòa, Quảng Nam
Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài*

CHUYỆN NGƯỜI MẸ “HỦI”

Công chiếu năm 1987, phim *Chuyện Tử Tế* ⁽¹⁾ khắc họa hình ảnh những người nghèo khổ trong xã hội Việt Nam để tìm ra lời giải cho câu hỏi: *Thế nào là tử tế?* Được trao giải Bông Cúc Bạc tại Liên Hoan Phim Quốc Tế Leipzig (Cộng Hòa Dân Chủ Đức), đây là một trong những phim xuất sắc của Nghệ Sĩ Nhân Dân TRẦN VĂN THỦY. Ông sinh năm 1940 tại Nam Định, từng làm phóng viên chiến trường, đã đạo diễn trên hai mươi phim, và có nhiều phim tài liệu đoạt giải thưởng.

Báo *Tuổi Trẻ Online* gần đây nhắc lại:

“... một phụ nữ bị hủi ở Thái Bình, đêm đêm ngồi đóng hàng vụn viên gạch với giấc mơ xây cho con trai bé bỏng một ngôi nhà tử tế.

Đêm đêm, dưới ánh đèn dầu bên bờ ao, chị nhồi đất, ra khuôn, những viên gạch chưa nung cứ xếp thành hàng thành lối, và ống kính cận cảnh những ngón tay của chị bị cắt cụt tận mu bàn tay, sần sùi, cụt từng đốt...

⁽¹⁾ Sản xuất (1985): Quách Ngọc Xương / Kịch bản: Trần Văn Thủy, Hồ Trí Phổ / Âm nhạc: Đặng Hữu Phúc / Quay phim: Lê Văn Long, Đỗ Duy Hùng / Dựng phim: Nguyễn Thanh An / Phát hành: Xưởng phim Tài Liệu Và Khoa Học Trung Ương.

Đoạn phim được xử lý âm bản (*négatif*) và trên khung hình ấy, những lời bình vang lên nhức nhối:

‘... chị Hằng phải bỏ quê lang thang bờ bụi. Kiếm được đồng tiền bát gạo, đêm đêm chị lần mò mang về cho con. Nỗi đau thể xác và nhất là sự sỉ nhục về tinh thần đã đẩy chị tới một quyết định: phải tự vẫn!’ ⁽²⁾

Nhưng còn thằng Chiền [con trai chị]? Thằng Chiền phải có một nếp nhà trước khi mẹ nó qua đời. Vậy là đêm đêm chị lần về, bằng hai bàn tay cùi cụt co quắp không đủ ngón đốt, đã đóng một vụn tám ngàn viên gạch. Hời những người lành mạnh và tử tế! Một vụn tám ngàn viên gạch. Đêm, lạnh buốt và đau đớn...

Những hình ảnh về chị trong bộ phim tài liệu *Chuyện Tử Tế* của đạo diễn Trần Văn Thủy được công chúng biết đến cách nay gần ba mươi năm, ngày đó chị Trần Thị Hằng mới bốn mươi tuổi.

Bây giờ trước mắt chúng tôi, ở tuổi gần bảy mươi đã là bà Hằng nhưng ánh mắt, giọng nói, tiếng cười vẫn là của “chị Hằng” chan chứa nghị lực.

Thật tình cho đến giờ chúng tôi vẫn không hiểu chị lấy đâu ra ngân ấy sức mạnh để đi qua muôn nỗi trầm luân cay đắng của đời mình và trở thành một tỷ phú như hôm nay,

⁽²⁾ *Tự vẫn*: Lời thuyết minh phim đã dùng sai từ Hán Việt. *Vẫn* 刃 viết với bộ đao 刂 (con dao); *tự vẫn* 自刃 là tự cầm dao đâm vào mình. Chị Hằng nhảy xuống sông tự tử (tự trầm 自沈) chứ không cầm dao tự sát. [*Văn Uyển* chú]

ngồi ung dung nhai trà trong căn biệt thự đẹp vào hàng nhất nhì thành phố Thái Bình này...

Chúng tôi ấn chuông nhà chị. Sau khoảng sân rộng là ngôi biệt thự bề thế sáng đèn. Cùng lúc chiếc ô tô đang lăn bánh từ sân ra. Sau vô lăng là một chàng trai tuấn tú.

“Các chú tìm mẹ cháu ạ? Mẹ cháu có nhà đây. Cháu xin phép đi có việc một chút.”

À, thì ra đây là Tú Anh, đứa con trai trong bộ phim năm xưa được gọi là Chiền; cậu đang ngồi chơi với bà ngoại. Bà nói: “Cháu có tên là Tú Anh. Nhưng bà bảo cái tên Tú Anh nó Hà Nội quá! Mình thì người nhà quê. Bố cháu là Chiền, bà gọi cháu là Chiền. Thằng Chiền một thời ít bạn vì tiếng đồn khắp vùng mẹ nó là người hủi.”

Giờ đây “thằng bé Chiền” là giám đốc một công ty kinh doanh có tiếng ở Thái Bình. Đã có vợ và hai con.

Vừa châm ấm chè xanh nghi ngút khói, chị Hằng vừa cười cười:

“Cứ như là giấc mơ, các cậu nhỉ?”

“Còn hơn cả giấc mơ chứ, chị.”

“Không, giấc mơ của chị vẫn còn đây. Những viên gạch chị đóng suốt đêm với đôi bàn tay cụt ngón mà anh Thủy quay từ ba mươi năm trước là để xây ngôi nhà kia; nay chị vẫn để đấy lưu niệm chứ không phải là ngôi biệt thự này.”

Rồi chị quày quả dẫn chúng tôi ra góc vườn. Ngôi nhà hai tầng xây từ dạo đó vẫn còn đứng đó như chứng tích của

một thời. Gió bắc vẫn lùa lạnh buốt. Chị Hằng sờ lên từng góc tường của ngôi nhà cũ và ký ức hiện về cũng tê buốt như giá rét!

Đứa con bị thế chấp và ông lão chài lưới...

Chúng tôi biết rất khó để kể lại cả cuộc đời của chị qua một trang báo nhỏ. Năm 1967, vừa tốt nghiệp trường Tài Chính - Kế Toán, chị xung phong vào chiến trường.

Ba năm sau, năm 1970, sau những cơn sốt rét hành hạ suýt chết, chị trở ra miền Bắc, làm ở Cục Thu Bội Chính (thuộc Bộ Tài Chính).

Năm 1972, bị sức ép của một trận bom Mỹ ném xuống khi đang ở Hoài Đức (Hà Tây cũ), chị bị mất sức và về quê chồng ở Bắc Ninh sinh sống.

Cuộc sống cơ cực đến nỗi Tú Anh, con trai duy nhất của chị, phải gửi về Thái Bình sống với bà ngoại. Rồi người chồng cũng phụ bạc, theo người đàn bà khác.

Chị tìm về Thái Bình với mẹ và con trai bé bỏng. Ngàn ấy đau đớn với một người đàn bà ngỡ là quá đủ. Nhưng không! Căn bệnh mới hành hạ chị với những ngón tay bị sưng lên như buốt không thể cử động được.

Từ quê chồng về với quê mẹ, không hộ khẩu, không giấy tờ, có bệnh cũng không biết khám chữa ở đâu, và cứ thế khi ngón tay sưng lên, như không chịu nổi, chị nung đỏ con dao sắt gí vào phần xương thịt bị lở loét kia rồi bôi bỏ hóng vào để... sát trùng!

Từng ngón tay bị chính chị cắt cụt như vậy. Cả thôn, cả xã bảo chị bị hủi! Con trai bé bỏng cũng bị bạn bè ruồng lánh vì mẹ nó là một người hủi.

Xã cho dân quân đến bắt chị giải lên... bệnh viện phong [cùi, hủi]. Ở đó, vị bác sĩ già khám cho chị nói rằng chị không phải bị hủi mà bị chứng viêm tắc động mạch ngoại vi dẫn đến hoại tử. Nhưng ai có thể hiểu được bệnh tình của chị? Chỉ nhìn vào bàn tay không còn ngón, lở loét của chị là người làng lánh xa, bảo chị là “con hủi”.

Chị mang con trai lên Nam Định cho con tránh tiếng là con bà mẹ hủi. Ngày ngày, chị đặt Tú Anh vào đôi quang gánh, mang Tú Anh ra chợ để “thế chấp” với chủ hàng.

Chị bảo: “Cháu không có vốn. Cháu để con trai cháu ngồi ở đây rồi lấy chịu hàng hóa rau dưa mang đi bán. Bán xong cháu sẽ trả đủ tiền và chuộc con về.”

Tội nghiệp Tú Anh, cứ ngày ngày được “thế chấp” như thế, ngồi ngoan ngoãn ở góc quán đợi mẹ bán xong về “chuộc” con.

Có chút vốn, không phải mang con đi “thế chấp” nữa, chị cho Tú Anh đi học. Và với chút vốn liếng dành dụm sau khi mang con rời khỏi quê để tránh tiếng hủi, chị về lại Thái Bình, mua được một khoảnh ao làm “tắc đất cắm dùi”.

Góc ao, chị dựng túp lều tựa vào mấy bụi chuối. Nhưng cuộc sống cùng cực ấy khiến chị tuyệt vọng. Viết mấy chữ gửi lại cho mẹ: “Con chết rồi, mẹ gửi Tú Anh vào trại mồ côi.”



Chị Hằng làm gạch; ảnh âm bản trong phim *Chuyện Tử Tế* của đạo diễn Trần Văn Thủy. (Lê Đức Dục chụp lại)

Chị ra sông Thái Hạc tự tử [*quyên sinh* 捐生]. Nhưng một ông lão chài lưới trên sông đã cứu chị. Vớt chị lên, ông cho chị một ngàn đồng (bảy giờ tương đương một tạ gạo), bảo chị: “Sống mới khó, chết thì dễ.”

Thoát chết lần ấy, chị nghĩ rồi mình cũng sẽ chết vì bệnh tật. Nhưng trước khi chết cố xây cho con một cái nhà. Vậy là từ đó, ngày ngày sau giờ chạy chợ, chị móc đất, gánh thêm đất ruộng về tấp vào góc ao. Đêm xuống chị tự mình đóng gạch.

Hàng vạn viên gạch cho ngôi nhà mơ ước ấy đã được kể trong phim *Chuyện Từ Tế*. Nhưng không chỉ có thế. Khi những viên gạch của ngôi nhà định xây cho con được hình thành thì khát vọng sống với chị càng mãnh liệt hơn.

Tan sương đầu ngõ, vén mây cuối trời... ⁽³⁾

Cái ao nhỏ đó chị thả cá, làm chuồng nuôi lợn. Bán cá, bán lợn chị có tiền sắm vàng, mua đất. Vốn đã học qua ngành tài chính, lại nhờ duyên may qua nhiều vụ buôn bán, người đàn bà hủi mang con thể chấp lấy từng mớ rau đi bán dạo ấy lại có trong tay mấy chục cây vàng.

Ngôi nhà hai tầng của chị cất lên vào đầu những năm 1990 khiến cả xã Hoàng Diệu, thị xã Thái Bình ngày ấy ngỡ ngàng. Tú Anh lúc này đã thi đậu vào Trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân.

Mấy năm trước, Tú Anh đã trưởng thành, lấy vợ sinh con, lập công ty. Chị Hằng quyết định dựng một ngôi biệt thự to nhất vùng, dường như ngầm muốn có một “dấu mốc” để bù đắp cho những năm tháng sống trong tủ nhục đắng cay.

Trên vương ao năm nào, ngôi biệt thự của hai mẹ con chị mọc lên, có hồ bơi, ao cá, cây cảnh sum vầy. Nhưng ngôi nhà cũ góc vườn được xây bằng những viên gạch chị từng thức đêm trong rét buốt để đóng, nay chị cũng vẫn giữ gìn nguyên vẹn để nhắc nhớ con mình.

⁽³⁾ Thơ Nguyễn Bính (1918-1966). [*Văn Uyển* chú]



Chị Hằng ngày nay.
Ảnh: Ngọc Quang

Đưa chúng tôi tờ báo có bài viết về con trai, doanh nhân Nguyễn Tú Anh, giám đốc Công Ty TNHH phòng chống mối, khử trùng Thái Bình, chị Hằng nói: Hạnh phúc lớn

nhất của chị không phải ở ngôi biệt thự to đẹp hay những bất động sản của chìm của nổi đang có, mà chính là sự trưởng thành của cậu bé Chiền năm nào. Vì đã trải qua những năm tháng tận cùng khổ cực, nên giờ đây chị Hằng dù sống trong biệt thự sang trọng, xe cộ đề huề thì chị vẫn giữ lại mấy sào ruộng để làm, vẫn băm bèo thái rau nuôi cá nuôi lợn. Và một điều nữa, khi ngồi cùng chị nhắc lại những thước phim trong *Chuyện Từ Tế*, chị hỏi: “Các em có nhớ câu nói mở đầu và kết thúc bộ phim không?”

Tất nhiên là chúng tôi nhớ, bởi trước khi về gặp lại chị, chúng tôi vừa lên YouTube coi lại bộ phim một lần nữa. Câu nói mà chị Hằng nhắc ấy là của Karl Marx: “*Tất nhiên chỉ có sức vật mới quay lưng lại với nỗi đau khổ của con người và chăm lo riêng cho bộ da của mình...*”

Và vì thế, từ nhiều năm nay, chị đã dành một phần lớn tài sản của mình để cứu mang những mảnh đời bất hạnh, những mảnh đời mà nhìn vào đó chị Hằng thấy lại hình ảnh ngày xưa của hai mẹ con mình.

Theo **LÊ ĐỨC DỤC** và **ĐỨC BÌNH**
Tuổi Trẻ Online, ngày 19-02-2014

Mẹ tôi là một phép lạ biết đi.

My mother is a walking miracle.

Leonardo DiCaprio
(người Mỹ, sinh năm 1974, diễn viên điện ảnh, làm phim)

CÁT TRẮNG

Rồi mai một em lại về An Hải
Ghé bờ dương vọc cát trắng ngày xưa
Nghe sóng vỗ lật từng trang giấy cũ
Tóc phù sa gội trắng đã bao mùa

Ta chỉ tiếc chẳng được làm thi sĩ
Úp mặt vào cát trắng ngỡ lưng mây
Ôm triền dốc xoải mình rau muống biển
Đếm dấu chân còng gió gởi qua ngày

Vẫn cát trắng, và em, và kỷ niệm
Chảy nồn nao qua nửa cuộc đời mình
Đã đuổi sức giữa vòng quay năm tháng
Chỉ còn em và cát vẫn nguyên trinh

Rồi mai một em lại về An Hải
Gởi giùm ta một sắc cát ngày sau
Từng hạt ấy đã gieo mầm vĩnh cửu
Dẫu nắng mưa thâm lặng nở muôn màu.

HUỲNH VĂN MƯỜI
Thánh thất Nam Trung Hòa
Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài

CHÍN NGƯỜI CON Ở KHOA CẤP CỨU

*Giấc mộng trần ai đã tỉnh chưa
Tang thương biến đổi mấy cho vừa...*

Đức Lý Giáo Tông
Huần Cung Đàn, 23-11-1961

TỬ LA LAN

Đây là câu chuyện có thật, kể cả con số chín.

- Người nhà ông Nguyễn Văn Lệ!

Bác sĩ Ngưng ngược lên nhìn, vì không nghe tiếng trả lời. Chỉ thấy một người trung niên với hàng ria mép và một chị nhỏ nhắn trạc ba mươi tiến lại gần, chờ nghe báo bệnh.

- Ông Lệ hiện đang thở máy ngày thứ mười hai nha anh chị.

Ngưng ghét nói trống như phân đông y bác sĩ tưởng mình là quan chức khi tiếp người nhà bệnh nhân.

- Gia đình ráng hai ngày nữa, bệnh uôn ván ⁽¹⁾ sẽ bước

⁽¹⁾ Bệnh uôn ván hay phong đòn gánh, thường do những vết thương có ngoại vật bên trong, như miếng gỗ, cây đinh sét... do độc tố vi khuẩn Tetanos gây ra. Bệnh nhân cứng hàm, cứng cơ toàn thân sau đó là những cơn co giật toàn thân dữ dội. Điều trị

qua giai đoạn hồi phục, và ông sẽ tự thở được. Thêm chừng ba bữa...

- Tôi muốn xin ba tôi về bữa nay.

Giọng lạnh tanh, phát ra từ bên dưới ánh nhìn như mới lấy ra từ ngăn đông đá. Người đàn ông trung niên ngắt lời bác sĩ, đưa tay nhấn gọng kính bạc vào mũi, rồi vuốt qua bên mái tóc hoa râm bằng ngón tay đeo chiếc nhẫn vàng y bự cỡ bốn chỉ.

Ngưng nhìn ngay vào đôi mắt khô khốc, ngạc nhiên. Người này anh biết là một dược sĩ, bề ngoài sang trọng. Lo cho cha thêm vài bữa nữa khó khăn gì. Giọng anh cố che lại cảm xúc:

- Anh quyết định kỹ chưa vậy? Hiện giờ rút máy là ông chết liền, vì cơ toàn thân trong phong đòn gánh còn co cứng, chưa tự thở. Xin về là anh kết án tử cha anh đó.

Ngưng lớn giọng hơn, như muốn kết thúc để báo tình hình bệnh nhân khác.

- Thôi gia đình ráng ít bữa nữa nha anh!

- Không.

Người dược sĩ cũng cất giọng, chắc nịch, mặc cho mọi người nhà khác đang ngược nhìn.

phải dùng thuốc an thần (*Hypnovel*) và thuốc gây liệt cơ (*Arduan*) để chống cơn giật và kháng máy thở. Ngưng máy khi chưa giảm kịp liều thuốc sẽ gây suy hô hấp và tử vong rất nhanh.

- Cả nhà đã họp bàn, chín anh em tui đã quyết định xin đưa ba tui về nhà ngay hôm nay.

Nén lại nỗi bàng hoàng và cơn giận đang chen nhanh vào tim như con lốc xoáy về giữa nắng ban mai. Ngưng nghe trong ngực đau nhói như bị võ sư chọc ngón tay vào trái tim. Anh hơi ngạt ngừng, nhưng giọng nói kiên quyết:

- Vậy có đủ chín chữ ký của chín người con ký vào hồ sơ, tôi sẽ giải quyết xuất viện theo yêu cầu.

Ngưng hy vọng gây được khó khăn để ông Lệ đừng phải đi nhanh quá.

- Dạ, tui tui đã có mặt đủ ngoài phòng chờ, chút nữa sẽ vô ký đủ. Cảm ơn bác sĩ...

Sáng nay trời nắng dịu, không thấy gió. Mà sao lòng Ngưng xao xác. Tình người, có quá nhiều cung bậc khác nhau. Hôm trước báo bệnh bà Chờ, sáu mươi sáu tuổi. Bà hôn mê do tiểu đường, nhiễm trùng nặng, thở máy mà pha thêm ung thư vú bên phải. Báo bệnh, Ngưng khuyên ông chồng bà Chờ nên xin cho bà về. Khoảng ngoài sáu mươi, da mặt nhăn nheo như ớt trái dưa khô, mặt móm mém như phù thủy trong phim hoạt hình, ông chồng ở Ba Tri vén lai áo vá vấu cũ kỹ, lau nước mắt lấp ló dưới vạt mí mắt chân chất.

- Bác sĩ *gắng* cứu vợ tui, bà sống thêm một tháng hay vài ba bữa cũng được, miễn sao tui còn nhìn thấy cái mặt, bàn tay bà, còn nghe bà nói *chiện*. Nhà tui nghèo, nhưng tui bán hết *guộng* lo cho bà cũng được.

Hai bàn tay ướt nhem nước mắt nín nín tay Ngưng, rồi ông sụp xuống lạy.

- Trời đất, bác làm vậy chết cha con rồi! Thôi bác đứng lên, con sẽ ráng chữa cho bà Chờ...

Bác sĩ Ngưng vào phòng nghỉ. Tầm một giờ sau thì điều dưỡng báo đã đủ chín chữ ký. Lòng không muốn bước mà chân phải đi ra... Anh nhìn theo phía ông Lệ đang nín những hơi thở gấp gáp sau cùng khi ngưng máy, nhìn qua phía chín đôi mắt của những con người đang làm con ông, cảm giác họ chỉ đang đóng kịch giữa sân khấu đời, diễn vai làm con. Chỉ có hai đôi mắt đang ướt thôi. Đôi mắt của cô con gái út, và đôi mắt của bác sĩ Ngưng, đang giấu đem về phòng...

Học đạo, Ngưng biết rằng không bao giờ nên trách ai, chuyện gì cũng là nhân duyên và do nhân duyên. Chỉ xin. Dù nhân duyên có ra sao. Tình người, tình cha con, đừng có ngưng tắt nhanh như lúc Ngưng thò ngón tay nhấn công tắc ngưng máy thở. Đừng bắt ông Lệ phải đi nhanh hơn có thể. Hãy dào dạt thêm chút tình như dáng nghiêng nghiêng của hàng dừa đang mãi mãi lao xao giữa miền quê nghèo Ba Tri, mà thật giàu tình thương mến. Để ai cũng như bà Chờ, còn được đợi thêm một sớm mai. Dù là một sớm mai chất nắng, nhưng đơm rất đầy những bông hoa yêu thương.

TỬ LA LAN
Cơ Quan Phổ Thông
Giáo Lý Đại Đạo

LÁ THƯ CALGARY

BAN ÁN TỔNG: Calgary là thành phố lớn nhất của tỉnh Alberta, nước Canada. Thành phố này có một cộng đồng tín hữu Cao Đài, sinh hoạt tại *thánh thất Cao Đài Calgary*, số 1539 – 47 St. SE, Calgary, Alberta T2A 1R5.

Là hậu duệ của tiền bối Trần Nguyên Lượng,⁽¹⁾ hiền tử Trần Ngọc Hương hiện đang tu học tại thánh thất Calgary. Tuy ở xa, tuổi cao, hiền tử nhiều lần gửi công quả ủng hộ Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo. Vừa qua, Chương Trình đã phân bổ công quả của hiền tử vào quyển *Lược Sử Bát Bửu Phật Đài* (quyển 57-1, năm 2012), và *Đại Đạo Văn Uyển tập Hanh* (quý Hai 2014).

Đầu tháng 7 này, biết một bạn đạo sau chuyến về thăm quê hương, sắp trở qua Canada, chúng tôi đã nhờ mang tới thánh thất Calgary kính biểu hiền tử Trần Ngọc Hương ba mươi tập sách đã ấn tổng, gồm nhiều nhan đề khác nhau.

Nhận được gói sách trao tận tay, hiền tử rất vui và ngày 21-7-2014 đã gửi chúng tôi lá thư chứa chan tình cảm.

⁽¹⁾ Tiền bối Trần Nguyên Lượng (sinh năm 1877) là người Châu Phú (Châu Đốc), con ông Trần Văn Vị và bà Hồ Thị Nguru. Tiền bối làm công chức tới ngạch Đốc Phủ Sứ, lập nghiệp tại Mỹ Tho, tu tại gia (số 46 đường Georges Clémenceau, Mỹ Tho). Tiền bối đã xuất bản hai tập sách nhỏ: *Lễ Sống Chung Đời Tam*, và *Đạo*. Tiền bối quy thiên tại Mỹ Tho ngày 17-5-1968, an táng nơi đất nhà, gần cầu Quay, Mỹ Tho.

Chúng tôi rất cảm kích và xin in lại lá thư để chia sẻ với quý bạn đọc *Văn Uyển* những ý cao tình đẹp của hiền tử:

Kính gửi Ban Án Tổng,

Biết nói gì đây khi đang có trong tay một nguồn kinh sách nhà Đạo, một kho tàng quý giá để học hỏi. Xin gửi hai chữ “Cảm ơn” và một tấm chơn tình để tỏ lòng ngưỡng mộ Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo mà Ban Án Tổng đã chủ trương và dày công nhọc trí đóng góp thật to lớn dường nào.

Sự học hỏi thì vô tận... Những mẫu chuyện đạo lý góp nhặt Đông Tây kim cổ, những áng thơ đẹp, những câu văn được chăm chút cẩn thận... làm cho nội dung các quyển kinh sách thêm phong phú, lôi cuốn; người xem được lãnh hội nền tôn giáo cao siêu của Đại Đạo.

Cuộc đời tu học của chúng tôi bây giờ thật gần gũi, thân tình trong sự truyền rao và hoằng dương Đại Đạo nơi Chương Trình bổ ích này.

Xin một lần nữa được tỏ lòng biết ơn và vô cùng cảm kích công trình của Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo đã góp phần phụng sự nền văn hóa đạo đức của chúng ta.

Kính lời cầu chúc Ban Án Tổng và Chương Trình tràn đầy hồng ân của Thầy Mẹ.

TRẦN NGỌC HƯƠNG (Canada)

LÁ THƯ ĐỒNG NAI

Hiền hữu NGUYỄN PHƯỚC THIÊN (xã Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai), ngày 27-7-2014 viết lá thư sau:

Kính thưa Ban Ấn Tổng,

Đầu thư xin cảm ơn Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo đã đem đến cho tôi những tập sách vô cùng quý báu. Tôi là chủ quán cà phê tại Đồng Nai, chưa theo một tôn giáo nào, nhưng rất thích xem sách đạo lý các tôn giáo. Tình cờ có một người khách đi Honda thường ghé quán uống cà phê, ngồi xem sách, xe có chở theo nhiều sách. Tò mò, tôi hỏi xin, và đọc rất thích.

Cứ thế, hầu như tháng nào người khách ấy cũng ghé quán uống cà phê và cho tôi vài cuốn. Tôi cũng không hỏi tên, không xin số điện thoại, không hẹn; thế mà đến nay tôi đã có gần tám mươi đầu sách của Chương Trình Ấn Tổng.

Tôi thấy kinh sách Chương Trình in ra không riêng [dành cho] người tín đồ Cao Đài xem, mà hầu như ai cũng xem và hiểu được, tùy ý thức mỗi người. Rất [ích] lợi.

Qua thư này, tôi ngỏ ý xin Chương Trình viết về ích lợi của sự ăn chay; tôi muốn ăn chay trường, đã năm mươi năm ăn cá thịt, tôi ngán rồi. Tôi đã xem sách nói về ăn chay của Phật Giáo (Nxb Tôn Giáo), nhưng vẫn hy vọng Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo cho ra sách

hướng dẫn ăn chay, để mọi người xem, giảm bớt ăn mặn. Xin chân thành cảm ơn. Kính. (Điện thoại: 0919619xxx)

*

Ban Ấn Tổng: Đọc thư hiền hữu, chúng tôi rất vui được biết kinh sách ấn tổng đã về tới xã Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; hơn nữa, còn đến tay bạn đọc ngoài cộng đồng Cao Đài. Như vậy hiền hữu quả rất hữu duyên, và đầy tâm đạo, nên mới thích thú, cảm thông nội dung kinh sách do Chương Trình Ấn Tổng thực hiện và phát hành. Tuy không ở gần thánh thất Cao Đài mà hiền hữu lại có khoảng tám mươi tập sách, đâu phải ai cũng được như thế!

Chúng tôi in lá thư đầy tình cảm của hiền hữu nơi đây, một là tỏ lòng cảm ơn hiền hữu; hai là đề nêu lên đề tài ăn chay mà hiền hữu muốn đọc thêm. Chúng tôi sẽ tìm cách sớm đáp ứng ước muốn chánh đáng của hiền hữu. Có điều, nếu hiền hữu nói: “*đã năm mươi năm ăn cá thịt, tôi ngán rồi*”, thì cứ bắt đầu ăn chay luôn đi, sách vở về ăn chay thì đọc thêm sau này. Ăn chay sớm ngày nào tốt cho sức khỏe ngày ấy, và cũng thể hiện đức hiếu sinh của mình đối với các động vật (gia súc, gia cầm, thủy hải sản). Ôn Trên dạy:

- *Từ đây, Lão khuyên chư hiền lớn nhỏ thấy đồng ăn chay làm lành, tu nhơn tích đức, tụng kinh cầu nguyện luôn luôn; nhà nhà phải vọng tưởng Phật Trời thường bữa, thì mới đặng cứu độ trong lúc phong ba.* (Đức Giáo Tông Lý Bạch) ⁽¹⁾

⁽¹⁾ Huyền Hư Động, 12-7 Canh Thìn (15-8-1940).

- Phải tập ăn chay thêm nhiều để tránh những khí độc.
(Đức Giáo Tông Đại Đạo) ⁽²⁾

- Giữ lòng nhân thì Trời ủng hộ
Tập tánh lành Thánh độ Thần che
Khấp trong dân chúng kết bè
Ăn chay học đạo mà nghe việc đời.
(Đức Quan Thánh Đế Quân) ⁽³⁾

- ... ăn chay để gột rửa bớt lòng phàm tục và xa lánh sự sát sanh, trọng mạng sống của loài khác. (Đức Thiện Pháp Nguyễn Bửu Tài, Giáo Tông Hội Thánh Tiên Thiên) ⁽⁴⁾

- Ăn chay là tình thương mở rộng
Thương thú cảm ham sống như mình
Lòng thương chẳng nở sát sinh
Ngon mồm béo miệng vô tình thác oan.
(Đức Quan Âm Bồ Tát) ⁽⁵⁾

- Ăn chay lạt cho nhiều để thể hiện lòng bác ái hy sinh.
Bác ái với loài vật, không nở giết chúng để nuôi mình sống.
Hy sinh sự thèm thuồng rượu ngon thịt béo để làm chủ

được thất tình lục dục. (Đức Di Lạc Thiên Tôn) ⁽⁶⁾

- Nếu việc ăn chay không ý thức được về vệ sinh y học, không ý thức được lòng công bình quý trọng mạng sống loài vật, không ý thức được lòng nhân từ, không ý thức được sự lóng trược phân thanh, thì ăn chay cũng như ăn kham khổ đối với những người nghèo khó không tiền mua thịt cá tôm tép, chỉ mua rau chấm tương hằm hút thế thôi.
(Đức Quan Thánh Đế Quân) ⁽⁷⁾

- Như khuyên chư hiền ăn chay, ngoài sự dưỡng sinh thanh khiết về thể chất, lại còn tập cho tinh thần tránh nghiệp sát sanh. Rất đổi con tép mòng, con cá nhỏ tí ti còn không nở giết, huống hồ chi sanh mạng con người là quý đến ngần nào. Tác dụng của nó [ăn chay] là tránh giết hại lẫn nhau giữa người với người. Vì đời chiến tranh loạn lạc bởi không có tư tưởng ấy mà gây nên. Như vậy, sự khuyên ăn chay lạt, ngoài các yếu tố vệ sinh, dưỡng sinh, tinh khiết, thanh đạm, quý trọng mạng sống từ loài vật đến con người, lại còn có tác dụng là tránh cảnh giết hại lẫn nhau để đưa đến hoàn cầu náo động. (Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh) ⁽⁸⁾

Kính chào hiền hữu. Chúc hiền hữu sớm ăn chay.

BAN AN TỔNG

⁽²⁾ Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn), 15-11 Ất Tỵ (07-12-1965).

⁽³⁾ Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý Tam Thôn Hiệp (Cần Giẻ), 08-12 Ất Tỵ (30-12-1965).

⁽⁴⁾ Thanh An Tự (Bình Dương), 21 rạng 22-9 Bính Ngọ (02-11-1966).

⁽⁵⁾ Thánh thất Tây Thành (Cần Thơ), 12-3 Kỷ Dậu (28-4-1969).

⁽⁶⁾ Trúc Lâm Thiền Điện (Vĩnh Long), 18-7 Kỷ Dậu (30-8-1969).

⁽⁷⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-02 Tân Hợi (25-02-1971).

⁽⁸⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 22-4 Nhâm Tý (03-6-1972).

LÁ THƯ SAN MARTIN

THIÊN ÂN

Kính thưa quý hiền huynh, hiền tỷ,

Thánh giáo Cao Đài mấy chục năm qua rất nhiều, lời dạy nào cũng hay. Có điều tín đồ Cao Đài ít ai hiểu được hết ý hoặc nhớ hết lời dạy của các Đấng. Huống chi nhiều vị nhập môn rồi vẫn không hoặc chưa có duyên được đọc hết thánh giáo này đến thánh giáo khác.

Mấy năm gần đây nhờ Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo nên mới có nhiều bài viết hay của các đạo huynh, đạo tỷ đóng góp; nhiều từ ngữ khó được giải thích cẩn thận. Do đó khắp nơi mới có thêm kinh sách để đọc, hiểu rõ lời dạy của Bề Trên, và nâng cao trình độ tu học. Tiểu đệ đọc *Đại Đạo Văn Uyển* tập mới nhất [tập Nguyên, quý Một 2014] thì chắc rằng Ban Ấn Tổng cực lắm để lo nhiều việc một cách chu đáo như vậy!

Thầy cô giáo đứng lớp thì biết mình dạy được bao nhiêu học trò. Còn người viết bài, làm sách để truyền bá kiến thức hoặc tư tưởng đạo đức thì tuy không thấy mình có học trò nào hết, nhưng hễ ai chịu đọc và áp dụng trong muôn một những điều trong bài viết hay sách thì có thể nói, dù muốn hay không, tác giả đã “truyền thụ” cho độc giả rồi. Trong trường hợp này thì người truyền và người nhận không biết nhau, và người truyền cũng không biết mình có

bao nhiêu người nhận. Ngoài ra, việc truyền thụ qua sách vở không còn bị giới hạn bởi không gian và thời gian; hễ khi nào bài viết hay sách còn lưu hành thì còn có người đọc và học hỏi thêm. Chính vì vậy mà Ôn Trên mới nói công đức bố thí pháp là vô lượng.

Tiểu đệ có gởi các bài viết của quý huynh tỷ trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo đến một đạo hữu đã nhiều tuổi vừa mới nhập môn Cao Đài. Vị này thường phản hồi nhiều cảm nghĩ tích cực, phần khởi sau khi đọc kỹ, đọc đi đọc lại nhiều lần các bài viết tiểu đệ gởi biếu.

Tiểu đệ nghĩ đạo hữu ấy là người hữu phước vì tuy mới nhập môn nhưng được đọc những bài viết của quý đạo huynh, đạo tỷ thì giống như được đốt giai đoạn, thay vì phải bỏ mấy chục năm ra mà chưa chắc thấu đạt được các yếu lý như vậy. Phản hồi của vị ấy giống như món quà tinh thần, cho thấy việc làm của các huynh tỷ trong việc phổ truyền giáo lý Đại Đạo được nhiều người trân trọng ...

THIÊN ÂN

San Martin, California, Hoa Kỳ

E-mail ngày 27-4-2014

● Chúng tôi chân thành cảm tạ lá thư tình cảm của hiền hữu. Cũng rất cảm ơn những ý kiến phản hồi của vị đạo hữu cao niên mà hiền hữu có nhã ý chuyển tới, chia sẻ những niềm vui nhẹ nhàng, những *pháp lạc*, giúp chúng tôi thêm hăng hái, vững bước trên dặm dài ấn tổng phổ thông giáo lý Đạo Trời. Kính mến. (Ban Ấn Tổng)

NIỀM VUI “BÁN BÁNH MÌ”

Khoảng trung tuần tháng 9-2013, hiền muội Dư Thị Bảo Hòa hữu duyên hạnh ngộ Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo. Thế là hiền muội và bốn người chị sớt sắng góp công quả ấn tống để cùng hồi hướng giác linh thân phụ là cố hiền huynh Dư Văn Yếu (1934-2012), Chánh Trị Sự họ đạo Bình Thạnh (Trảng Bàng, Tây Ninh).

Từ đó, hiền muội hay ghé Chương Trình thỉnh thêm kinh sách đem về học hỏi, và đồng thời tùy duyên đưa sách giới thiệu cho người quen. Mỗi lần gặp chúng tôi thỉnh sách, hiền muội hay tỏ vẻ ngần ngại; vì vậy chúng tôi nói vui, để giải thích cho hiền muội an lòng:

- Hiền muội cần bao nhiêu sách thì cứ lấy. Miễn là thận trọng trao sách cho đúng chỗ đúng nơi, không uổng phí tiền bạc của quý vị hảo tâm đóng góp, không uổng công sức và tìm óc của các tác giả và Ban Ấn Tống. Chúng tôi ví như lò bánh mì; bánh mì làm ra để yên một chỗ sẽ cũ mốc; do đó rất cần có những người thiện chí quây bánh mì đi khắp nơi “rao bán”. Hiền muội cũng là người “bán bánh mì” mặc dù chỉ trao “bánh mì” đến bà con hoàn toàn miễn phí.

Bởi vậy, Bảo Hòa thích thú tự nhận mình là “người bán bánh mì”. Ngày 06-6-2014, hiền muội gửi e-mail cho chúng tôi như sau:

Kính gửi Ban Ấn Tống,

Con đi “bán bánh mì” cho Chương Trình Chung Tay Ấn Tống chỉ một thời gian ngắn, dù bán không được bao nhiêu, nhưng hay sao con lại được tặng một bài thơ...

DƯ luận khen chê mặc tiếng đời,
THỊ tâm biết đặt Đấng Cha Trời,
BẢO lòng bác ái, Thiên Liêng độ,
HÒA thuận thương yêu, Mẹ mỉm cười.

Chắc con phải cố gắng đi “bán bánh mì” thêm nhiều nữa. Nguyên cầu Thầy Mẹ phù hộ cho các cây bút của Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo có thêm nhiều sức khỏe và nhiều bài hay để độ thêm thật là nhiều tín hữu Cao Đài...

Vui,

Bảo Hòa.

Chúng tôi đọc thư và vui lây cùng hiền muội. Một niềm vui nhẹ nhàng mà kinh sách gọi là *lạc đạo*, vui với đạo.

Bảo Hòa hay kể chúng tôi nghe những buồn vui trên con đường “bán bánh mì” của mình. Buồn ư? Có chứ! Hiền muội kể:

- Con đưa sách ấn tống, thì người ta lắc đầu nói sách này không phải của Hội Thánh ban hành, không đọc!

Còn vui thì sao? Có lần Bảo Hòa kể:

- Con mang kinh sách ấn tống về quê nhà ở Trảng Bàng

và thử chia sẻ một vài quyền với vị lảng giềng cao tuổi. Chỉ sợ bác ấy cũng từ chối. Nào dè bác ấy mừng lắm, lật đặt mặc áo dài và đội khăn đóng rồi dâng kính sách lên bàn thờ, thắp hương khấn vái... Bác ấy nói đội tàn nhang mới đem xuống để nghiền ngẫm cho thấu đáo.

Kể lại chuyện trên, đôi mắt hiền muội ươn ướt. Chúng tôi cũng không dẫn được cơn cảm xúc trong lòng.

Cố hiền huynh Dư Văn Yếu cả đời giữ giới trường trai và tận tụy làm công quả xây dựng các thánh sở trong Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh. Giờ đây trên cõi vĩnh hằng, ắt hẳn hiền huynh đẹp lòng hỏi dạ vì thấy con gái biết noi gương cha, nhiệt tâm tu học và làm công quả pháp thí.

BAN AN TỔNG

HOA ĐỒNG TIỀN TRƯỚC SÂN

Đồng tiền mà chẳng bán mua
Chẳng sòng phẳng, chẳng lừa lọc ai
Lặng thầm đậu xuống hiên mai
Cùng tôi đổi chác một vài giọt sương.

NGUYỄN QUỐC HUÂN

Tháng 6 năm Giáp Ngọ (2014) Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài có hai đạo sự quan trọng được tổ chức trang trọng tại Đà Nẵng:

Một là lễ tốt nghiệp khóa Hạnh Đường Hưng Đức 2 (hàm thụ sáu năm từ 2008 đến 2014).

Hai là Đại Hội kỷ niệm năm mươi năm Gia Đình Thanh Niên Hưng Đạo, bây giờ gọi là Gia Đình Đạo Chúng. Đây là một tổ chức giáo dục con em nhà đạo của Hội Thánh Truyền Giáo hình thành từ mừng 1 tháng 6 Giáp Thìn (1964).

Ghi dấu hai sự kiện này, nhà thơ Chim Quyên gợi tới Văn Uyển hai bài thơ sau:

Bài thứ nhất của nhà thơ Phạm Văn Liêm, và tác giả có nhã ý trao về các hạnh sinh tốt nghiệp Hạnh Đường Hưng Đức 2, như tiếng chim gọi kết bầy.

Bài thứ hai của Nhương Thị Phan Thương, viết năm 1964, để – thể theo ước mong của Chim Quyên – sẽ vang đi dội lại tình Đạo, tình Đoàn của một thời đã qua và hiện tại, đồng thời cũng để tìm vãn mông một người hỡi đã lão lai nhưng bất tri hà phương hà xứ.

NỔ TAY CHÈO

*Trao về hạnh sinh
tốt nghiệp Hạnh Đường Hưng Đức 2*

Rồi cũng đến ngày hạt lúa trĩu vàng
Nắng tháng sáu đang reo ca mùa gặt
Huynh đệ hòa nhau bàn tay siết chặt
Mắt lung linh hoa nắng nở trên đầu
Dòng sông đời con nước chảy về đâu
Đây bước đạo đang cùng chung một nhịp
Anh chị em ơi! Thông dong nối tiếp
Đường xa xăm sương trắng nhuộm hành trang
Hoa Trung Hưng thắm sắc rực hai hàng
Hàng thể đạo, hàng ngát hương thiên đạo
Giữa nhân gian trao nhau tình thiện hảo
Cho cuộc đời men ấm dấy yêu thương
Tìm chốn quê xưa trong cõi vô thường
Thôi nín mộng, buông tay rời giả tạm
Dòng nước tử sinh xuôi về biển thẳm
Sóng bùng bênh thuyền tận độ đưa duyên
Réo gọi nhau cùng bước lên thuyền
Chặt tay chống, tay chèo qua biển khổ.

Chim Quyên PHẠM VĂN LIÊM

VÀO MÙA ĐẠI HỘI

*Riêng tặng thanh niên Hưng Đạo Đoàn
dự mùa Đại Hội tại Trung Hưng Bưu Tòa
(Đà Nẵng) năm 1964.*

Tôi đi vào mùa Đại Hội
Những bàn tay bé bỏng bấu vào nhau
Nắng tháng sáu không ngăn dòng tư tưởng
Chúng tôi về xóa sạch vết thương đau
Tôi đi vào mùa Đại Hội
Tuổi hoa niên lòng sáng tỏ trăng rằm
Dừng chân lại hòa cuộc đời tập thể
Nô nức tiếng cười, hàng vạn hàng trăm
Chúng tôi về trại hè phơi dưới nắng
Nắng mùa chan chất ánh hào quang
Niềm thân ái từ thân gây thai nghén
Để rồi dòng lưu luyến khó gì ngăn
Tôi, anh: cùng chung một Mẹ
Một đấng Cha hiền có vạn quyền năng
Chừ nghìn đứa con yêu về kể lễ
Mẫu tâm tình sáng rỡ ánh hoa đăng
Tôi góp bàn tay, anh góp sức
Dòng đời đang xoáy xuống chiều sâu
Ta hốt từng bùm hào quang sáng rực
Lấp cho đầy, cho ngăn chặt thương đau

Ngày xưa tôi ôm bài ca nhỏ
Một năm bốn mùa, trái đất phân chia
Đời sống giạt mùa xuân làm nấm mộ
Hiện tại đâu rồi tiếng nhạc thiên thai
Rồi Thượng Đế hiện xuống trần gian phán dạy
Ngồi tình thương và ánh sáng ngày mai
Hồn thôi quạnh, miệng tôi cười mãi nguyện
Đây, con đường vào cuộc sống thiên thai
Hôm nay
Tôi
Anh
Cùng về dự hội
Muôn vạn niềm tin muôn vạn nụ cười
Dưới bóng Cha lành chúng mình không chờ đợi
Thương cảm ôm nhau nói chẳng nên lời
Từ xa, từ xa... cuộc trường chinh liên tiếp
Từng chặng nghỉ dài để đến nơi đây
Chừ chúng ta cùng ôm niềm quyến luyến
Tình đại đồng đâu có phải vài giây
Nắng tháng sáu không ngăn dòng tư tưởng
Cùng một nhà tình cảm khó gì lời
Trở về đây dù ở xa vạn hướng
Bước chân vào mùa Đại Hội anh ơi...

NHƯỞNG THỊ PHAN THƯƠNG

Thánh thất Từ Quang 1964

KHÚC MÙA

Đá choàng rêu luyện tâm châu
Ghềnh leo thác đứng niệm câu vô thường
Mây chờ nắng dất văn chương
Tà huy khoác áo mù sương lạnh chiều
Gió mài đá trở phù điêu
Chim muông nhả hạt tình yêu cứng đường
Chân trời gọi mở vô cương
Đầu cây chót lá, giọt sương trở nhìn
Con đường mỗi dấu chân in
Hành trang rỗng ruột tượng hình hư không
Suối xanh uyển chuyển theo dòng
Phù sa ở lại, giọt trong xuôi về
Đường xưa hoa dại rủ rê
Bướm ong mắc phải bùa mê la đà
Vườn cà tím hết trái hoa
Rau lang trở nhánh bò qua mê đồ
Đỡ chiều trên nhánh tay khô
Nhành cây lá chớm niềm cô quạnh về
Lại mùa thu nữa sang quê
Thông vàng rụng phấn bờ đê cỏ già
Đồng quê mẹ tưới lệ nhòa
Gieo mầm thiện nguyện cho mùa trở bông.

NGUYỄN VĂN SANH

Trích *Sống Đạo tập Hạ*, 2014, tr. 127.

VIẾNG CHÙA

ước gì như cỏ
cỏ ơi!
đan vào nhau
sống xanh lời nắng mưa
sáng vui
nắng mới sân chùa
chiều nghe chuông nguyện
đong đưa kinh cầu.

ước gì là nước
nước ơi!
làm đầy nhau,
dầu chẳng khơi chung dòng
chẳng toan tính,
chẳng đếm đong
thân hòa nhau tưới
cây lòng trở bông.

ước gì như đất
đất ơi!
sống vô ngại
lắm đời vẫn vui
thấp cao
lòng cũng mỉm cười
giữ tâm thường lạc
quên đời thị phi.

ĐÊM ĐỌC MƯA NGUỒN *

“Lỡ từ lạc bước bước ra”
Phiêu bồng là chốn
quê nhà rong chơi
Trả tên tuổi lại cho đời
Niêm thơ vì tiểu
quên lời biển dâu.

VÕ VĂN PHO
Thánh thất Trung Minh

* *Mưa Nguồn*: Tập thơ của thi sĩ Bùi Giáng (1926-1998).

VỀ NGUYỄN

*Muốn cho huynh đệ đại đồng
Trường giang vạn phái xuôi dòng về nguyên.*

Đức LÝ GIÁO TÔNG
Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo
15 tháng 02 Đinh Ty

*Nhạc & lời: THIÊN QUANG (2003)
Dựa theo thánh giáo Đức Lý Giáo Tông.*



Muốn cho huynh đệ đại đồng, trường giang vạn
(Muốn) ... cho huynh đệ đại đồng, dụng câu cứu



phái xuôi dòng về nguyên. Muốn cho huynh đệ đại
khổ dụ lòng thương sinh. Muốn cho thiên hạ thái



dòng, trường giang vạn phái xuôi dòng về nguyên.
bình, tình thương trải khắp như tình Tạo Đao.



Đây là đường Tam Giáo quy nguyên, cho nhân
 Đây con đò đưa khách năm châu, quay trở
 loài chung bước chung thuyền. Cho con người vươn đến ước
 về nguồn sống ban đầu. Đây nhíp cầu chân lý siêu
 nguyên, trên chân trời đạo lý thiêng liêng. Đây con
 mầu, cho nhân loài hàn gắn thương đau. Đây ngọn
 đường khai sáng tâm linh. Đây con đường xây đắp thanh
 cờ cứu thế tung bay. Đây Cha Trời khơi đuốc Cao
 bình. Dem lại điều nhân thế ước vọng, cho muôn
 Đài. Đây Tam Kỳ diu dặt nhân loại, đi về ...
 người vui sống chung lòng. Muốn ...
 ... một ngày mai thánh đức.

TÌM NHAU

Vượt gần bảy trăm cây số đường trường, chúng tôi có mặt tại cơ sở đạo Thanh Hóa lúc 13 giờ ngày 14 tháng 3 năm Giáp Ngọ (Chủ Nhật 13-4-2014).

Năm nay cơ sở đạo Thanh Hóa được đặt tạm tại nhà riêng của Lễ Sanh La Đức Toàn (đội 9, thôn Ngọc Tích, xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa), cách quốc lộ chừng mười cây số.

Trong toàn bộ khuôn viên đất của gia đình, Lễ Sanh Toàn đã dành hẳn gian nhà trên để thờ Thầy, làm nơi chiêm bái cho bốn đạo nơi đây trong những ngày sóc vọng cũng như các ngày lễ kỷ niệm của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Theo người viết tìm hiểu, hiện tại cơ sở có bảy xã đạo: Đông Thanh, Thiệu Công, Thiệu Đô, Thiệu Hóa, Thiệu Hòa, Thiệu Ngọc, Tĩnh Gia. Xã đông nhất là Tĩnh Gia (trên 60 đạo hữu). Kế đến là hai xã Thiệu Hóa và Thiệu Đô (khoảng 55 đạo hữu). Các xã còn lại thì ít hơn (khoảng 30-40 đạo hữu mỗi xã đạo).

Người chịu trách nhiệm cao nhất của cơ sở đạo Thanh Hóa là Lễ Sanh La Đức Toàn và Lễ Sanh Lê Thị Ngà. Tuy nữ phái, nhưng mọi công việc đối ngoại, đối nội, liên lạc giữa cơ sở và Hội Thánh, cơ sở và xã đạo, chủ yếu do Lễ Sanh Ngà lo liệu. Là công chức hưu trí, con cái có việc làm ổn định, nên Lễ Sanh Ngà có điều kiện thuận lợi để dành nhiều thời gian hành đạo. Riêng Lễ Sanh La Đức Toàn tâm



Ảnh: Lê Thị Huệ (thánh thất Trung Đồng)



sự: Muốn hiến cơ sở hiện tại cho Đạo nhưng diện tích bé quá!

Tín hữu cơ sở đạo Thanh Hóa đều có tinh thần hăng say, thiết tha vì Đạo. Tuy nhiên, còn nhiều trở ngại khó khăn như xa Trung Hưng Bửu Tòa (Hội Thánh Truyền Giáo), đạo hữu ở rải rác, chưa có cơ sở chính thức, ngày sóc vọng bốn đạo quy tụ đông người lại chưa được “nhân hòa” ngay tại địa phương! Ước mong rằng qua nếp sống đạo chơn tu của cơ sở đạo Thanh Hóa, những trở ngại do nhân tâm chưa cảm thông sẽ sớm như sương tan trong nắng mới đầu ngày.

C.T. (họ đạo Trung Thành, Đà Nẵng)

MẸ VỀ

Trăng sáng quá! Mẹ ơi, trăng sáng quá!
 Ánh diệu hiền tỏa khắp một trời mơ
 Trung thu tới, con quỳ lòng kính cẩn
 Đón Mẹ về mát mẻ tấm lòng thơ
 Đêm cầu nguyện, hằng đêm con cầu nguyện
 Đón Mẹ về ơn chảy khắp mười phương.

NGUYỄN THỊ CÚC

Họ đạo Trung Sơn (Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng)

Ý NGHĨA “CỘNG ĐỒNG” VÀ “CÔNG ĐỒNG”

NGÔ BÁI THIÊN

Trên các trang sách của Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo hay nhắc tới hai thuật ngữ **cộng đồng** và **công đồng**. Một số đạo hữu vì không phân biệt ý nghĩa khác nhau của hai từ này, do đó thay vì nói Công Đồng Vatican II, lại nói nhầm là Cộng Đồng Vatican II.

Cộng đồng 共同 (*community*) là một tập thể đông người, sống cùng một khu vực, có chung một số đặc điểm như chủng tộc, tôn giáo, quyền lợi, v.v...

Do đó, ta nói *cộng đồng người Việt* tại bang California, Hoa Kỳ; *cộng đồng tín hữu Cao Đài* ở Úc Châu, v.v...

Ở châu Âu trước kia có *Cộng Đồng Châu Âu* (EC: *European Community*), người Hoa gọi là 歐洲共同體 (Âu Châu Cộng Đồng Thể).

Công đồng 公同 (*council*) là một tập thể được tuyển chọn bằng cách bầu cử hay chỉ định, có chức năng tư vấn (cho ý kiến), hoặc đề làm luật, hoặc đề quyết định về việc gì.

Công Đồng Vatican II (*The Second Vatican Council*) khai mạc thời Giáo Hoàng Gioan XXIII (11-10-1962) và bế

mạc năm 1965, thời Giáo Hoàng Phaolô VI. Đẩy mạnh việc đối thoại liên tôn (*interfaith dialogues*) giữa Công Giáo với các tôn giáo khác là một trong nhiều giá trị rất thiêng liêng mà Công Đồng Vatican II mang đến cho Công Giáo.

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, trên Thiên Đình có *Tổng Hội Công Đồng Tam Giáo*, gọi tắt là (Hội) Công Đồng Tam Giáo. Qua thánh ngôn, chúng ta sẽ cảm nhận được tầm quan trọng và ý nghĩa rất to tát của Công Đồng Tam Giáo trong đại cuộc cứu độ toàn nhân loại vào Kỳ Ba này.

1. Trong *Đại Thừa Chơn Giáo*, đàn ngày 25-9 Bính Tý (1936), Đức Chí Tôn dạy:

“Nên hội ⁽¹⁾ Tam Giáo Công Đồng, Thầy lập tờ đoan thế, đem Đạo mẫu phổ hóa độ tất cả đám quần sanh.”

2. Tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 15-7 Đinh Mùi (20-8-1967), Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh nhắc lại sự kiện trên như sau:

“Thượng Đế đã hội Công Đồng Tam Giáo, dụng huyền linh điển mở Đạo cứu đời.”

3. Trong *Đại Thừa Chơn Giáo*, đàn ngày 14 rạng 15-11 Kỷ Sửu (1950), Đức Chí Tôn dạy:

“Ở vào thời kỳ hạ nguơn này, chính mình Thầy lãnh phần thống chương quyền hành của Tam Giáo là Phật, Thánh, Tiên giữa Hội Công Đồng.”

⁽¹⁾ Chữ *hội* này là động từ, cũng như triệu tập (*to call*).

4. Tại thánh thất Nam Thành, Tuất thời, 13-02 Bính Ngọ (04-3-1966), Đức Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ dạy:

“Giờ nay, lãnh lệnh Linh Tiêu Bửu Điện cùng Công Đồng Tam Giáo, nhen danh Giáo Tông Đại Đạo, đến chấp nhận bản Dự Án Quy Điều Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý mà Đức Lê Đại Tiên đã duyệt khấn một lần chót.”

5. Tại thánh thất Nam Thành, Hợi thời, 14-02 Bính Ngọ (05-3-1966), Đức Giáo Tông Đại Đạo Lý Thái Bạch dạy:

“Bản Đạo thừa thánh ý Tổng Hội Công Đồng Tam Giáo, ủy thác cho Tham Lý Minh Đạo [Minh Lý Đỗ Vạn Lý] kiêm nhiệm quyền Tổng Thư Ký Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, chờ đến khi nào Chí Tôn chỉ định.”

6. Tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Ngọ thời, 09-01 Quý Sửu (11-02-1973), khi “tuyên dương công trạng” của Phối Sư Trần Văn Quế, Đức Nhứt Trần Oai Nghiêm Lý Thái Bạch Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ dạy:

“Chiếu đề nghị của Công Đồng Tam Giáo”.

7. Tại Minh Lý Thánh Hội, ngày 26-02 Ất Mão (07-4-1975), Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt dạy:

“Đàn hôm nay do Hội Công Đồng Tam Giáo chấp nhận đề nghị của chư Tiên Khai Đại Đạo để dành cho thanh thiếu niên Minh Lý Thánh Hội được trọn hưởng hồng ân trước cảnh đời ly loạn.”

NGÔ BÁI THIÊN

THẨM TÌNH XỨ ĐẠO CAO NGUYÊN

PHẠM VĂN LIÊM

Mùa này cao nguyên có sương giăng không anh
Có hoa cà phê thơm hương lành
Có gió rao rao cài mưa lất phất
Có từng đoàn áo trắng bước thong dong?

Tôi nhớ ngày xưa với dinh điền lập ấp
Lũ lượt bao người du nhập mưu sinh
Từng mảnh đất hoang, hoa trái nên hình
Từng vùng đá sỏi biến thành khoai sắn.

Người Đạo ta luôn dạn dày mưa nắng
Nhưng sớm chiều vẫn vang vọng tiếng kinh
Vẫn chăm lo tạo dựng Thánh hình
Vừa ngoại tại và cả trong nội tại.

Năm tháng gian nan qua bao thời đại
TRUNG HÒA ơi! Nay đã định vị rồi
Đã huy hoàng Thánh thể an ngôi
Cờ Đại Đạo được tung bay lồng lộng.

Giữa đất trời Tây Nguyên cao rộng
Ngôi Tam Đài sừng sững nét Thiên nhan
Vang dội tiếng chuông mở lối Thiên Đường
Cho nhân thế hướng chung về nguồn cội.

NGUỒN

Vô tình
Như nắng, như mưa,
Như tranh vân cầu gió lửa trên không.

Vô tình
Lá đổ dòng sông,
Bộc lưu trần hải,* mệnh mông cơ cầu.

Sinh tồn, hoại diệt
là đâu?
Nước ơi sao mãi bề dâu trăm miền?

Chợt nhìn
lá ngược nguồn thiêng,
Sóng xô, nước đẩy
Đào nguyên quay về.

ĐỒNG NGUYỄN

thánh thất Trung Dương

Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài

* *Bộc lưu* 瀑流: Nước tuôn mạnh như thác lũ.

Trần hải 塵海: Biển trần, biển đời. [Văn Uyên chú]

MAI VỀ

Mai về gói lại áo nâu
Ném mồ hôi cũ mà đau xót mùa
Nghìn đời mấy nổi được thua
Oằn lưng công suốt nắng mưa qua đồng

Mai về vọc cát bãi sông
Năm nghe con nước lên ròng giữa cơn
Tiếng khuya sóng vỗ chập chờn
Lở bồi chìm khuất tiếng hồn đêm trôi

Mai về giặt áo giềng khơi
Vắt cho khô kiệt những lời bề dâu
Phơi cho bạc trắng dải dầu
Tóc xanh lại mướt mái đầu sau xưa

Mai về – mai người về chưa?
Tôi đi qua hết cơn mưa ngày nào
Rơm vàng nín gót xôn xao
Rằng người năm cũ đến bao giờ về?

HUỲNH VĂN MUỖI

GỎI BẠN

Người ở bên kia bờ tịch liêu
Sang chi bên ấy khổ bao nhiêu
Chiều tàn trăng lạnh soi đường vắng
Bóng nhỏ dậm dài hiu hắt hiu

Người ở bên kia ngóng bên này
Nhấn hoài sao chẳng chịu sang đây
Nhục vinh đã ánh lên màu tóc
Thương giọt sương khuya lạnh nhú mảy

Bên ấy bên này như sợi tơ
Mà xa xa mãi đến bao giờ
Sao chưa cắt đứt dây neo nhĩ
Để được cùng nhau đứng chung bờ

Để được cùng nhau chung lời kinh
Có Thầy có bạn có nhân sinh
Có Trời mà cũng do ta nữa
Đâu phải thế gian chỉ một mình

Người ở bên kia bờ tịch liêu
Sang đây thuyền đậu bến Thương Yêu
Cao Đài vượt khỏi rào ngôn ngữ
Gởi bạn lòng ta có bấy nhiêu.

TRẦN DÃ SƠN

LỄ SANH THÁI TÂN THANH (1938-2014) QUY THIÊN



Hơn một năm trước, ngày 20-5-2013, lúc 18 giờ 10, được quý Anh Lớn Cơ Quan Phổ Tế Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài (Đà Nẵng) hướng dẫn, Ban Ấn Tổng chúng tôi lần đầu tiên có dịp đến viếng thánh thất Trung Đồng tại số 170 Trường Chinh, quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng.

Hôm ấy, hiền huynh Lễ Sanh Thái Tân Thanh (Đầu Họ Đạo) và quý huynh tỷ họ đạo Trung Đồng đã dành trọn một buổi tối ấm áp tình yêu thương để tiếp Ban Ấn Tổng rất nồng hậu.⁽¹⁾

⁽¹⁾ Xem *Trung Du Hành Đạo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2013.

Lúc 21 giờ, lưu luyến chia tay hiền huynh Thái Lễ Sanh và họ đạo Trung Đồng để trở về Nam, chúng tôi còn hẹn lòng sẽ gặp lại hiền huynh Đầu Họ Đạo lần nữa, nào ngờ...



Vừa qua, chúng tôi được tin hiền huynh Lễ Sanh Thái Tân Thanh đã quy thiên lúc 07 giờ 45 ngày 16 tháng 6 năm Giáp Ngọ (Thứ Bảy 12-7-2014), an táng tại nghĩa trang Cao Đài Hòa Sơn (Đà Nẵng).

Chương Trình Chung Tay Ân Tổng Kinh Sách Đại Đạo thành kính thấp nén tâm hương tiễn biệt hiền huynh Đầu Họ Đạo Lễ Sanh Thái Tân Thanh nhẹ gánh trần hồng, được thanh thân trở về phục lệnh Đức Chí Tôn Thượng Đế trên cõi thiêng liêng hằng sống.

MAI SAU

Hạ đỏ hay là hạ trắng đây
Đỏ màu của nắng, trắng của mây
Tung tăng áo trắng em về thất
Cùng với mẹ ba đánh lễ Thầy.

Yêu lắm em ơi những ước mơ
Qua từng ngôn ngữ của tuổi thơ
Ẩn trong màu mắt em hồn hậu
Là cả tương lai đang đợi chờ.

Tuổi đạo tuổi đời vẫn song song
Là tâm là vật ở trong lòng
Mai sau khôn lớn lo đời đạo
Gánh nặng Cao Đài, gánh núi sông.

Lớp lớp các em sẽ trưởng thành
Mong sao tiếp nối bước đàn anh
Dựng xây Giáo Hội, xây non nước
Muôn thuở danh hiền rạng sử xanh.

TRẦN DÃ SƠN

Trích *Sống Đạo tập Hạ*, 2014, tr. 126.

Hội Thánh Truyền Giáo liên kết Nxb Tôn Giáo.

✉ **Hiền tỷ Đại Cơ Minh**
(Minh Lý Thánh Hội). E-
mail ngày 19-4-2014:

Muội đã đọc hết quyển
Tưởng Nhớ Nhân Từ
Nguyễn Văn Thọ. Quyền

sách đã diễn tả hết công nghiệp của cụ bác sĩ. Đạo muội vẫn còn ấn tượng về lối diễn giảng của cụ bằng thơ khi nghe cụ diễn thuyết về tôn giáo đối chiếu ở chi bộ Kiêm Ái của Hội Thông Thiên Học đường Phan Thanh Giản (1971-1975) và nhờ nghe cụ thuyết giảng muội đã thấy được sự đồng quy của các tôn giáo, dù thời đó có nhiều điều nghe chỉ biết là hay mà chưa hiểu biết hết chỗ thâm sâu ẩn áo của bài giảng.

Ban Ấn Tống: Kính thưa hiền tỷ, chân thành cảm ơn hiền tỷ phản hồi về sách của Chương Trình Chung Tay Ấn Tống. Ước mong hiền tỷ cũng như quý bạn đọc đạo tâm gần xa thường xuyên dành thời gian gởi Văn Uyển các nhận xét, cảm nghĩ hoặc góp ý về kinh sách ấn tống.

*

✉ **Hiền muội tu sinh ẩn danh** (phường Nguyễn Cư Trinh, quận Một, TpHCM). E-mail ngày 11-05-2014:

Trong một buổi học tập thánh giáo chúng em có trao đổi về bốn chữ *tán(g) tận lương tâm*. Có bạn nói *tán* là tiêu tan, tan rã; vậy *tán tận lương tâm* nghĩa là tiêu tan hết cả lương tâm. Nhưng có bạn nói *táng* là chôn (như mai táng, an táng...); vậy *táng tận lương tâm* nghĩa là chôn vùi hết cả

GIÓ BỒN PHƯƠNG

Gió muốn thổi đâu thì thổi.
GIOAN 3:8

lương tâm. Kính nhờ Văn Uyển giải thích giúp chúng em là viết thế nào mới đúng, và ý nghĩa đúng nhất là gì.

Huệ Khải: Hiền muội mến, viết *táng tận lương tâm* mới đúng.

Táng 喪 (động từ) là mất, đánh mất (*to lose*). Thí dụ: *táng minh* 喪明 (mù mắt / *losing one's sight*); *táng vị* 喪位 (mất ngôi, mất địa vị / *losing one's throne or position*).

Tận 盡 (trạng từ) là: đến hết mức giới hạn (*to the limit of something; to the utmost*); hết tất cả, toàn bộ (*completely*). Thí dụ: *thảo mộc tận tử* 草木盡死 (cây cỏ đều chết hết).

Táng tận lương tâm 喪盡良心: Mất hết cả lòng lành, đánh mất tất cả lương tâm (*completely losing one's conscience*).

*

✉ **Hiền huynh Chí Tâm** (Trần Đình Xu, quận 1, TpHCM).
Thư ngày 06-6-2014:

Kính thưa Ban Ấn Tống, tôi, đạo danh Chí Tâm, cựu môn đồ N.T. thánh thất, xin trân trọng bày tỏ như sau:

Tôi nhiệt liệt tán thành Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo, hoan hô với sự chân thành mến phục xuất phát từ nội tâm. Quý vị đã dày công khó nhọc, dốc hết tâm tư trí não, sáng tạo một chương trình hoàn toàn thích hợp với tình hình hiện nay, vun quén cây Đạo thêm sum sê cành lá... Việc làm này cộng với sự đồng thuận của

đa số tín hữu, chúng ta có thể tin chắc sẽ mang lại những thành quả mỹ mãn cho nền đạo pháp.

... Tôi có trích lục một số lời dạy của Đức Chí Tôn liên quan trực tiếp đến pháp tu *khử trước lưu thanh*, với nhiều chi tiết tạm đủ cho người đọc hiểu biết các lợi ích của pháp tu. Kính xin quý Ban Ấn Tổng vui lòng xem xét nội dung, đưa vào Chương Trình Ấn Tổng để giúp thêm phương tiện tu học cho những vị tín hữu.

Ban Ấn Tổng: Kính thưa hiền huynh Chí Tâm, Ban Ấn Tổng chân thành tạ lòng tin cậy và mỹ ý của hiền huynh. Hiền huynh nhiều lần tha thiết muốn Chương Trình Ấn Tổng truyền bá kỹ năng thực hành tâm pháp, giúp ích cho nhơn sanh; tấm lòng cao quý của hiền huynh ai ai cũng phải rất trân trọng. Tuy nhiên, kính xin hiền huynh cảm thông cho chúng tôi chưa dám hưởng ứng đề nghị này.

Chúng tôi kém cỏi, chỉ mạo muội dẫn thân về phương diện công truyền, phổ thông giáo lý chơn tu, may ra có thể bổ khuyết chút ít cho tình trạng các giảng đường nhà Đạo hiện còn quá thừa thớt trong cộng đồng Cao Đài. Riêng về phương diện tâm pháp, như nhĩa ý hiền huynh đã nêu, chúng tôi hiểu rằng pháp môn nội tu thì khẩu khẩu tâm truyền, phải có minh sư chỉ dạy, thầy nào trò đó, trách nhiệm rất hệ trọng, lỡ sai một ly hậu quả vượt xa ngàn dặm. Thời đại ân xá, ai hữu duyên sẽ tìm đúng cửa nội tu, có minh sư đón sẵn; Chương Trình Ấn Tổng đâu dám vượt quá phận mình. Lời thành thật tỏ bày, chúng tôi tin rằng hiền huynh thấu cảm và hoan hỷ. Kính chúc hiền huynh

vạn an, thân tâm thường lạc, và tinh tấn trên đường thực hành tâm pháp, công phu tịnh luyện.

*

✉ **Tu sinh Ph.M.Ng.** (TpHCM). E-mail ngày 12-6-2014:

Đạo đệ đọc *Thánh Giáo Sư Tập Năm Canh Tuất - Tân Hợi (1970-1971)*, bản in của Nxb Tôn Giáo, Hà Nội 2011, trang 224, thấy có mấy dòng như sau: *Nói một cách khác, là tự độ và độ tha đó. Cũng như Đức Phật đã dạy “tự giác, giác tha”, để rồi “giác tha viên mãn”.*

Đạo đệ hiểu *viên mãn* là tròn vẹn, đầy đủ. Nếu nói *giác tha viên mãn* thì *tự giác* bỏ đi đâu? Không được viên mãn phần tự giác sao? Hay là sách in sai?

Huệ Khải: Hiền đệ suy nghĩ rất đúng, sách đã in sai. Chúng tôi hiền đệ là người ham tu học, đọc thánh giáo rất sáng, vì đã chú tâm đọc rất kỹ. Ngày nay quả thật hiếm có người trẻ tuổi biết đọc kinh sách thấu đáo như hiền đệ.

Thánh giáo hiền đệ nêu ra là lời Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, vào giờ Tuất, ngày 15-4 Tân Hợi (Chủ Nhật 09-5-1971). Hôm ấy pháp đàn là tiền bối Huỳnh Chơn,⁽¹⁾ đồng tử Thanh Căn xuất khẩu (năm ấy hai mươi tuổi).

Mỗi khi học thánh giáo do Đức Thiền Sư Vạn Hạnh ban

⁽¹⁾ Tiền bối Huỳnh Chơn thế danh là Tạ Đăng Khoa, sinh ngày 06-02-1904 (21-12 Giáp Thìn) tại xã Long Thạnh, tỉnh Bạc Liêu; quy thiên ngày 18-4-1973 (16-3 Quý Sửu) tại Sài Gòn.

truyền, riêng tôi rất thích thú vì văn phong Ngài bay bướm, chữ nghĩa Ngài dùng đọc thấy thật “đã”. Nhưng đồng thời đạo lý thượng thừa nhà Phật mà Ngài chuyển tải trong đó cũng khiến tôi phải trầm tư suy gẫm, khổ công tra cứu mới có thể lãnh hội phần nào ý nghĩa thâm sâu Ngài dạy.

Chỗ in sai đó trong sách hãy nên thông cảm, bởi điển ký đã sơ sót *chép sai*, nghĩa là đã sai từ nguyên bản (theo bản in ronéo ban hành năm 1971).

Theo tôi, không cần các dấu ngoặc kép “...” như bản in, và nên sửa lại như sau:

*Nói một cách khác, là tự độ và độ tha đó. Cũng như Đức Phật đã dạy tự giác, giác tha, để rồi giác **hành** viên mãn.*

Một số người viết là *giác **hạnh***, bởi lẽ chữ 行 có thể đọc là *hạnh*, hay *hành*.

Tự giác, giác tha, giác **hành** viên mãn là ba loại giác ngộ của Phật (*tam giác* 三覺: *the three kinds of enlightenment*). Bồ Tát thì có hai (tự giác, và giác tha). La Hán thì có một (tự giác).

Có câu: *Phật sở cụ túc chi tam giác: Tự giác, giác tha, giác **hành** viên mãn.* 佛所具足之三覺: 自覺, 覺他, 覺行圓滿. (Phật có đầy đủ ba loại giác ngộ: Tự giác, giác tha, giác hành viên mãn.)

Tự giác 自覺: Giác ngộ cho mình (*enlightenment for self*).

Giác tha 覺他: Giác ngộ cho người khác (*enlightenment*

for others).

Giác **hành viên mãn** 覺行圓滿: Giác ngộ và hoàn thành đều trọn vẹn (*perfect enlightenment and accomplishment*), nghĩa là ở Phật thì mức độ cao nhất, hơn hẳn Bồ Tát.

Các thuật ngữ tiếng Anh kèm theo giải thích trên đây tôi căn cứ theo *A Dictionary of Chinese Buddhist Terms* của hai danh gia William Edward Soothill và Lewis Hodous.

Tác phẩm này thuộc loại kinh điển của giới học Phật, phù hợp cho người biết tiếng Anh và một chút chữ Hán. Hiện đề có thể download từ Internet để tiện tham khảo. Địa chỉ: http://mahajana.net/texts/kopia_lokalna/soothill-hodous.html.

*

✉ **Hiền muội C.loicc@xxx**, e-mail 19-6-2014.

Em là tín đồ đạo gốc, nhập môn đã lâu. Từ khi ra riêng thì chưa tiện lập Thiên Bàn. Nay em hơn ba mươi tuổi rồi, quyết định lập Thiên Bàn, thì má và gia đình em không đồng ý, nói rằng đến năm mươi tuổi em mới được thượng Thánh Tượng thờ Thầy.

Chẳng biết Thầy đang thử lòng em hay sao!? *Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*. Em chỉ biết niệm danh Thầy như vậy.

Diệu Nguyên: Hiền muội thân mến, về ý kiến của gia đình, hiền muội có thể trả lời như sau: Tân Luật Cao Đài không có một điều khoản nào quy định người môn đệ Cao Đài phải chờ đến năm mươi tuổi mới được làm lễ thượng Thánh Tượng tại nhà. Hơn nữa, Tân Luật Cao Đài, Chương II, Điều thứ Mười

Một quy định: “Người làm Đầu trong Họ hay là chức sắc thay mặt cho mình phải đến làm lễ cúng khai đàn, trấn thần, an vị [Thánh Tượng] cho người mới vào Đạo.” Mà người có tuổi trưởng thành (mười tám tuổi) đã có thể nhập môn vào Đạo rồi, đâu phải chờ tới năm mươi!

Hơn nữa, người xưa có dạy:

*Mạc đãi lão lai phương học đạo
Cô phần tận thị thiếu niên nhơn.*

(Chớ đợi đến già mới tu học
Mộ phần đầy dẫy kẻ đầu xanh.)

Cuộc đời này vô thường (nay còn mai mất), biết mình có thể sống đến bao nhiêu tuổi mà dám hẹn rằng phải chờ đến năm mươi tuổi mới được thượng Thánh Tượng?

Hiền muội cố gắng cầu nguyện, đọc kinh Cửu Khổ thường xuyên và gắng làm công quả để con đường tu hành của mình được suôn sẻ. Chúc hiền muội được nhiều hồng ân của Thầy Mẹ ban bố để tinh tấn tu hành.

*

✉ **Hiền hữu Nguyễn Thanh Bảo** (TT Từ Quang, HT Truyền Giáo). Hỏi qua e-mail ngày 10-7-2014.

Cháu đọc thánh giáo thấy ba đoạn như thế này:

*- Mãn sợ lo bên trong rạn nứt,
Mà hóa ra bề mặt hẹp hòi,
Đốc tâm xây đắp bên ngoài,
Mở mang giao hảo cho tày người ta.*
(Đức Bảo Pháp Chơn Quân Thanh Long)

*- Xuân, hạ qua, thu tàn lạnh tẻ,
Năm tháng rồi con trẻ làm chi?
Hay là con cứ mãi đi,
Mãn lo cầu cúng, không vì nhơn sanh.*

(Đức Diêu Trì Kim Mẫu)

*- Nền Quốc Đạo nhằm con chia rẽ,
Mỗi nhơn luân mấy kẻ tô bồi,
Mãn lo trọng tước, cao ngôi,
Vùi thân ba thước, thân rồi là xong.*

(Thánh thất Trung Thành,
ngày 15-7 Canh Thìn, 18-8-1940)

Chữ **mãn** nghe thật khó hiểu. Cháu tra từ điển Tiếng Việt, Hán Việt mà không thấy từ *mãn* nào phù hợp. Nhờ *Văn Uyển* giải thích giúp cháu ý nghĩa chữ này. Xin cảm ơn Ban Ấn Tổng rất nhiều.

Huệ Khải: Hiền hữu mến, trước hết chúng tôi xin bày tỏ lời hoan nghênh tinh thần cầu học và ý thức giữ gìn tính trong sáng của tiếng Việt trong thánh giáo Cao Đài. Nếu ai ai trong nhà Đạo cũng được như hiền hữu thì sẽ sớm giảm bớt rất nhiều tệ trạng sách vở Cao Đài đầy các chữ lồi thối, sai sót, nhất là các văn bản đang lan tràn trên Internet không có người sửa chánh tả, sai lầm quá thảm thương!

Như nhiều lần chúng tôi đã từng lưu ý: Một nhược điểm của giọng miền Nam và miền Trung là không phân biệt dấu

hỏi và dấu *ngã*; không phân biệt phụ âm cuối *-n* và *-ng* [ŋ]. Cho nên bài kinh cúng tứ thời xưng tán Đức Văn Tuyên Khổng Thánh, bà con mình mấy chục năm nay cứ viết sai và đọc sai là *Trùng chơn chánh quang*. Lẽ ra phải đọc và viết cho đúng là *Trùng chơn chánh quan* (hay *quần*).⁽²⁾

Cũng chính vì vậy mà ba vé thánh thi trong thư hiền hữu đã viết sai chữ **MĂNG** thành *mãn*!

MĂNG (trạng từ) có nghĩa là *mê mải* (dấu hỏi). *Mãng sợ* = Cứ lo sợ hoài chẳng yên lòng. *Mãng lo* = Cứ lo lắng không thôi. *Mãng lo cầu cúng* = Cứ chăm chăm vào việc cúng bái, cầu khẩn. *Mãng lo trọng tước, cao ngôi* = Cứ mải miết lo toan để được thăng tiến công danh và quyền chức.

Truyện Kiều của Nguyễn Du có câu:

*Mãng vui rượu sớm, cờ trưa,
Đào đà phai thắm, sen vừa nảy xanh.*

Ca dao có câu:

*Vai mang bầu rượu, chiếc nem,
Mãng vui quên hết lời em dặn dò.*

Mãng vui = Cứ ham vui, say mê uống rượu, đánh cờ...

*

⁽²⁾ Xem: Huệ Khải, *Tìm Hiểu Hai Bài Tiên Thiên Khí Hóa Và Quế Hương Nội Điện*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2012, tr. 59, 71. Quyển 39-2 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.

✉ **Hiền huynh LÊ TRỌNG TÍN** (TT Trung Nam), đường Phan Chu Trinh, Vũng Tàu.

Ban Ấn Tống: Hiền huynh kính mến, ngày 31-7-2014 hiền huynh công quả ấn tống (gởi qua ngân hàng ACB) số tiền 1.100.000 đồng; trong đó, hiền huynh có nhã ý gởi ấn tống 1.000.000 đồng, còn 100.000 đồng thì dành để góp phần *chi trả cước phí gởi kinh sách đi các nơi*. Chúng tôi rất cảm kích tấm lòng ưu ái của hiền huynh.

Tuy nhiên, nhiều năm qua chúng tôi đã có cách trang trải chi phí vận chuyển kinh sách ấn tống (qua bưu điện, hoặc nhờ xe đồ liên tỉnh) mà KHÔNG phải dùng tới nguồn vốn ấn tống do các Mạnh Thường Quân công quả. Vì vậy, chẳng riêng trường hợp hiền huynh, mà đối với tất cả những vị từng có lòng gởi công quả để chi trả cước phí vận chuyển kinh sách, chúng tôi đều chuyển hết số tiền của quý huynh tử vào quỹ ấn tống.

Do đó, đợt 88 hiền huynh đã công quả 500.000 đồng, cộng thêm với đợt 89 này là 1.100.000 đồng; hiện nay “tài khoản” của hiền huynh đang chờ phân bổ in kinh sách là 1.600.000 đồng.

Chúng tôi xin thưa rõ sự việc nơi đây; như thế cũng tiện cho quý đạo hữu, đạo tâm gần xa được biết việc chung.

Kính chúc hiền huynh và bửu quyến an khang, thường lạc trong ơn phước của Thầy Mẹ và các Đấng Kỳ Ba.

*

KINH SÁCH MỚI IN

Để vàng lại cho con đầy rương chẳng bằng dạy con một quyển kinh. 遺子黃金滿贏，不如教子一經。

Kinh sách mới ấn tổng đầu Quý Ba năm 2014:

81-1. THIÊN ĐÀNG ĐỊA NGỤC HAI BÊN (Diệu Nguyên, 5.000 quyển) – Do quý môn sanh Chiếu Minh Long Vân Đàn (Mỹ Tho): ① Hiến tỹ HẠNH TRANG công quả 25 triệu đồng (đợt 83, 84, 88). ② Hiến tỹ NGUYỄN THỊ THUYẾN công quả 20 triệu đồng (đợt 85, 86).

82-1. TÌM HIỂU NGŨ CHI ĐẠI ĐẠO (Thanh Căn, 5.000 quyển) – Do: ① Quý môn sanh ÁN DANH (Chiếu Minh, Long Vân Đàn, Mỹ Tho) công quả 20 triệu đồng (đợt 80, 86). ② BAN PHƯỚC THIỆN (TT Trung Minh, HT Truyền Giáo) công quả 2 triệu đồng (đợt 87). ③ Quý đạo hữu BÙI THIÊN TUÂN, BÙI THU NGÂN, BÙI TRÍ NHÂN, PHAN GIA QUANG TRUNG, PHAN VŨ HẬU TRUNG, VÕ THỊ HẠNH (TT Bàu Sen), VÕ THỊ THU CÚC: Nguyễn Văn Cừ, Q1; công quả 1,2 triệu đồng (đợt 79, 81, 82, 84, 85, 86), hồi hướng cứu huyền thất tổ. ④ ĐH HỒ CHÁNH HỮU và gia đình (TT Trung Minh, HT Truyền Giáo); công quả 1,2 triệu đồng (đợt 68, 84, 87). ⑤ ĐT HUỖNH THỊ LỚP (TT Thuận Kiều, HT Ban Chính Đạo): Bà Diễm, Hóc Môn; công quả 1,7 triệu đồng (đợt 49, 50, 79, 85), hồi hướng ĐT Nguyễn Thị Trâm, 95 tuổi (Bến Tre). ⑥ MINH ĐỨC NHO GIÁO (KHỔNG THÁNH MIẾU, Trà Vinh) công quả 1,7 triệu đồng (đợt 82, 83, 84). ⑦ ĐH NGUYỄN ANH TUẤN (TT Từ Vân, HT Truyền Giáo Cao Đài): Đào Duy Anh, Phú Nhuận; công quả 1,7 triệu đồng (đợt 51, 82, 85, 86), hồi hướng cứu huyền thất tổ và giác linh con (Nguyễn Anh Vô Danh). ⑧ Thượng Giáo Hữu TRẦN VĂN CẦN (TT Trung Nghĩa, HT Truyền Giáo): Nghĩa Thành, Châu Đức, Bà Rịa - Vũng Tàu; công quả 1,5 triệu đồng (đợt 83, 86), hồi hướng chơn linh song thân (ĐH Trần Kim Châu và ĐT Phạm Thị Hoa). ⑨ ĐH TRẦN VĂN NGỌ (TT Từ Vân, HT Truyền Giáo); công quả 1,3 triệu đồng (đợt 23, 55, 62, 74). ⑩ VĨNH NGUYỄN TỰ, Căn Giuộc, Long An; công quả 1,2 triệu đồng (đợt 28, 78).

83-1. TỰ THÁP ĐUỐC MÀ ĐI (Thiện Quang, 5.000 quyển) – Do hiền huynh THANH PHƯỚC, môn sanh Chiếu Minh Long Vân Đàn (Mỹ Tho) công quả 39 triệu đồng (đợt 86, trích đợt 88).

84-1. NỀ VẾ TÂM LINH (Huê Khai, 5.000 quyển) – Do quý môn sanh Chiếu Minh Long Vân Đàn (Mỹ Tho): ① Hiến tỹ HỒNG LIÊN HƯƠNG công quả 27,5 triệu đồng (đợt 88; trích hai đợt 70, 85). ② Hiến huynh NGUYỄN BẢO DUY công quả 15 triệu đồng (đợt 83 và 88).

● **ĐẠI ĐẠO VÂN UYÊN** (Hiệp tuyển thơ văn đạo lý). **Tập Lợi [11]** – Quý Ba năm 2014. Quý vị Mạnh Thường Quân đóng góp nhiều đợt khác nhau. Ban Ấn Tổng tổng kết và phân bố **69,5**

triệu từ quỹ chung, để ấn tổng 5.000 quyển. Đây là công quả của các vị ân nhân phương danh như sau (Phần A và B):

Phần A: 46 phần x 1 triệu đồng / phần = 46 triệu đồng.

1. AN GỌN, sạp vải (Hựu Thành, Trà Ôn, Vĩnh Long). Gởi đợt 85.
2. BAN MỤC VỤ ĐỐI THOẠI LIÊN TÔN TGP TPHCM. Gởi đợt 82.
3. ĐH Giác Nhân CHÂU THÀNH TRUNG (Mỹ Tho), ĐT CHÂU THỊ BẢO QUYÊN (Tasmania, Úc), ĐT CHÂU THỊ BÍCH QUYÊN (Brisbane, Úc). Gởi đợt 84.
4. Nhà thờ DÒNG CHÚA CỨU THẾ, quận 3 (ĐT Liên Bạch Hoa chuyển). Gởi đợt 83.
5. ĐT DƯ THỊ BẢO HÒA. TT Bình Thạnh (HT Tây Ninh). Gởi đợt 84.
6. Giác linh ĐH ĐẠT NGUYỄN Hồ Văn Tây (1939-2012, CQPTGLĐĐ). Gởi đợt 84.
7. ĐH ĐẠT TỊNH (TT Bàu Sen) và gia đình. Gởi đợt 83.
8. ĐT ĐÌNH THỊ HUỖNH MAI, ĐT NGUYỄN THỊ HUỖNH HẠNH: Long Thuận, Hồng Ngự, Đồng Tháp. Gởi đợt 85.
9. ĐT ĐOÀN THỊ KIM ANH (Cửu Huê Đài, Bến Tre): Gởi đợt 84.
10. ĐT ĐOÀN THỊ MINH TÂM (321 Đà Nẵng). Gởi đợt 87.
11. ĐH ĐỖ VĂN NHÂN (300,000 Đ), Lương y NGUYỄN PHI HÙNG (700,000 Đ): Trường Phước, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 85.
12. ĐH ĐỖ VĂN SƠN, ĐT DƯƠNG THỊ DUNG (TT Từ Quang). Gởi đợt 87.
13. ĐH Micac HÀ DIỄN TỐ: Tổ 2, Lộc Thắng, Bảo Lâm, Lâm Đồng. Gởi đợt 87.
14. Linh Mục Phêrô Giuse Maria HÀ THIÊN TRÚC (Ban Mục Vụ ĐTLT). Gởi đợt 82.
15. Giác linh ĐH HỒ VIỆT XẢO (1936-2012, TT Trung Đồng): Gởi đợt 83.
16. ĐH HỒNG THIÊN HẠNH (Thiên Tri Đàn). Gởi đợt 83 (hai lần).
17. Giác Linh Đạo Trưởng HUỆ CHIẾU QUANG (TTi Tân Minh Quang). Gởi đợt 90.
18. Chơn linh Lễ Sanh HƯƠNG VÂN Lê Thị Hoàng Vân (TTi Ngọc Chiếu Đàn): Hồi hướng ông bà nội (ĐH Vương Ái, ĐT Lý Thị Hai), giác linh thân phụ (ĐH Lê Văn Vĩ), cô (ĐT Lê Thị Sầm), chị (ĐT Đình Sang Ni, Cao lãnh, Đồng Tháp) và giác linh em trai (ĐH Lê Hoàng Vũ). Gởi đợt 17, 24, 28, 38, 41, 90.
19. ĐT LÊ THỊ KIỂU HUYỀN (TTi An Hòa): Hựu Thành, Trà Ôn, Vĩnh Long. Gởi đợt 85.
20. ĐT LÊ THỊ MINH NGUYỆT (TT Đô Thành, HT Ban Chính Đạo): Gởi đợt 84.
21. ĐT LÊ THỊ THI (xã đạo Buôn Hồ, TT Trung Hòa, HT Truyền Giáo): Gởi đợt 84.
22. ĐH LÊ TRỌNG BẰNG (TT Thắng Tam, HT Ban Chính Đạo): Tp Vũng Tàu. Gởi đợt 82.
23. TT LIÊN HOA CỨU CUNG (Thủ Đức). Gởi đợt 87.
24. TT MINH TÂN CAO TIẾN ĐÀN (HT Bạch Y). Gởi đợt 87.
25. ĐH MINH TRÍ, MINH TÂM (Ngọc Luân, Ngọc Huy), ĐT NGUYỆT CÁT (TT Từ Vân). Hồi hướng ông ngoại (Tuồng Khai). Gởi đợt 89.

26. ĐH NGÔ MINH CHÂU (Chiếu Minh, đàn Cẩn Đước). Gởi đợt 84.
27. ĐT NGÔ THỊ NGỌC ĐIẾP (TTi An Hòa). Gởi đợt 85.
28. ĐH NGÔ VĂN QUYÊN (TT Long Hựu, Ban Chính Đạo): Long An. Gởi đợt 85.
29. ĐH NGUYỄN ĐÌNH THỰC (xã đạo Buôn Hố, TT Trung Hòa): Gởi đợt 84.
30. Linh mục PA NGUYỄN ĐỨC QUANG (nhà thờ Đaguri): Bình Thuận. Gởi đợt 88.
31. ĐT NGUYỄN HOÀNG OANH (Công Ty Xây Dựng). Gởi đợt 88.
32. Giác linh ĐH NGUYỄN THANH ĐÔNG, ĐT NGUYỄN THỊ NHỎ (TT Hưng Đông, Quảng Nam, HT Truyền Giáo). Gởi đợt 84.
33. ĐT NGUYỄN THỊ CẦU (TT Long Hựu): Cầu an cho ĐT Nguyễn Thị Cầu. Gởi đợt 87.
34. ĐT NGUYỄN THỊ LANG (TT Trung Thành): Quang Trung, Đà Nẵng. Gởi đợt 83.
35. ĐT NGUYỄN THỊ MỸ ÁNH (Huỳnh Long Phú Tự): VLong. Gởi đợt 39, 66, 74, 87, 89.
36. ĐT NGUYỄN THỊ SÁU (TT Trung Minh). Hồi hướng cứu huyền thất tổ. Gởi đợt 87.
37. ĐH NGUYỄN VĂN CỎ (TT Long Hựu, Ban Chính Đạo). Gởi đợt 87. Hồi hướng chơn linh ĐH Nguyễn Văn My (86 tuổi), và thân mẫu (ĐT Nguyễn Thị Cầu, 83 tuổi).
38. ĐH NGUYỄN VĂN DẤU (TT Tân Nhựt, Ban Chính Đạo). Gởi đợt 88.
39. ĐT PHẠM THỊ THỜI (Tân Qui, Q7). Hồi hướng chơn linh ĐT Phạm Thị Phấn (70 tuổi). Gởi đợt 85.
40. ĐH SINH CẨM MINH (Naoville, TN 37270, Mỹ). Gởi đợt 85.
41. ĐH TRẦN BỬU LONG (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý). Gởi đợt 88.
42. ĐT TRẦN THỊ PHÍ (TTi Tân Minh Quang, 71 tuổi). Gởi đợt 83.
43. ĐT TRẦN THỊ THẠCH (TT Hưng Long, HT Ban Chính Đạo), Bình Chánh. Gởi đợt 85.
44. ĐH TRẦN VĂN HOÀNG. Gởi đợt 82.
45. PTS TRẦN VĂN MÊN (TT Xuân Lộc, HT Tây Ninh): Phan Đình Giót, khu 6, TTr Gia Ray, Xuân Lộc, Đồng Nai. Gởi đợt 85.
46. Giác linh ĐH TRẦN VĂN QUYÊN (1916-1983, thân phụ ĐH TV Quang). Gởi đợt 84.

Phần B: 47 phần x 500 ngàn đồng / phần = 23,5 triệu đồng.

1. Nữ tu ẨM DANH (dòng Biển Đức): nhà thờ Phú Quý, Phú Nhuận. Gởi đợt 83.
2. BAN CAI QUẢN TTi THIÊN LẠC THAI: Khu 7, TTr Cai Lậy, Tiền Giang. Gởi đợt 87.
3. BAN PHƯỚC THIÊN THÁNH THẤT TRUNG ĐỒNG: Gởi ACB 12-02, đợt 84.
4. ĐT BUI THỊ KIM ANH (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà). Gởi đợt 89.
5. ĐT BUI THỊ TƠ (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà): Gởi đợt 82.
6. ĐH CHÍ TÂM: Trần Đình Xu, Q1. Gởi đợt 89.
7. Chơn linh ĐH ĐẶNG QUANG PHỂ (TT Bàu Sen). Gởi đợt 86.
8. ĐH ĐẤU VĂN HIỆP (TT Thắng Tam): Vũng Tàu. Gởi đợt 82.
9. ĐT ĐOÀN THỊ KIM SƠN (TTi Ngọc Minh Đài, HT Tiên Thiên). Gởi đợt 83.

10. ĐT HÀ THỊ HƯƠNG HOA: phường 12, Bình Thạnh. Gởi đợt 83.
11. ĐT HUỆ (TT Trung Đồng): Gởi đợt 83.
12. ĐH HUỲNH VĂN ĐIẾP (TT Cầu Kè, Trà Vinh). Gởi đợt 89.
13. ĐH HUỲNH VĂN MẬT (TT Khổ Hiên Trang): 77 tuổi, Phú Mỹ, Tân Phước, Tiền Giang. Gởi đợt 83. Hồi hướng cứu huyền thất tổ.
14. ĐH HUỲNH VĂN THI (California). 01236598xxx. Gởi đợt 85.
15. Lễ Sanh HƯƠNG LỊNH (TT Quận 8, HT CĐ Ban Chính Đạo). Gởi đợt 82.
16. Giáo Hữu HƯƠNG PHONG (TT Từ Vân, Phú Nhuận, HT Truyền Giáo). Gởi đợt 84.
17. ĐH LÊ QUANG (HT Tây Ninh): Biên Hòa. Gởi ACB 17-4. Gởi ACB 17-4, đợt 86.
18. ĐT LÊ THỊ HỒNG AN (TT Trung Đồng). Gởi 31-8. Gởi đợt 90.
19. ĐT LÊ THỊ SÁU (TT Khổ Hiên Trang): Phú Mỹ, Tân Phước, Tiền Giang. Gởi đợt 83.
20. ĐH LỘC (sửa điện thoại). Gởi đợt 83.
21. Đạo hữu MINH LIÊN (Cao Đài Chiếu Minh). Gởi đợt 87.
22. ĐH MINH SANG, ĐH MINH CHÂU (Chiếu Minh, Biên Hòa). Gởi đợt 88.
23. Tịnh xá NGỌC THẠNH (Đồng Thạnh, Hóc Môn). Gởi đợt 82.
24. ĐH NGÔ VĂN HAI (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà): Gởi đợt 82.
25. ĐT NGUYỄN HOÀNG ÁI VĂN (Bến Tre). Gởi đợt 85.
26. Đạo hữu NGUYỄN KIM VĂN (Chiếu Minh). Gởi đợt 85.
27. ĐH NGUYỄN PHƯỚC BẢO KHÔI (ĐH Sư Phạm TpHCM): Gởi đợt 84.
28. Giác linh ĐH NGUYỄN PHƯỚC THOẠI, ĐT HÀ THỊ HUỆ (TT Trung Nam). Gởi đợt 83.
29. ĐT NGUYỄN THỊ BÔNG (TT Hưng Long, HT Ban Chính Đạo): Bình Chánh. Gởi đợt 85.
30. ĐT NGUYỄN THỊ HUỆ (TTi Tân Minh Quang). Gởi đợt 90.
31. ĐT NGUYỄN THỊ HƯƠNG (TT Hưng Long, HT B.Chính Đạo): Bình Chánh. Gởi đợt 88.
32. ĐT NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯƠNG (nguyên chủ tịch UBND Phường 4, Q5, TpHCM). Gởi đợt 82.
33. Giác linh ĐT NGUYỄN THỊ THẮNG (thân mẫu ĐT Hà Thị Mật, TT Trung Hòa, HT Truyền Giáo). Gởi ACB 10-02, đợt 84.
34. Chơn linh ĐT MARIE NGUYỄN THỊ THÙY NGA (Công Giáo, ấp Nhị Tân, Tân Thới Nhì, Hóc Môn). Sinh 12-01-1960. Về với Chúa 15-6-2014.
35. ĐT NGUYỄN THỊ THÚY (TT Trung Hiền): Gởi đợt 88.
36. ĐT NGUYỄN THỊ TÚ ANH (TT Bàu Sen). Huỳnh Văn Bánh, P14, Phú Nhuận. Hồi hướng ĐH Nguyễn Văn Nghênh và ĐT Dương Thị Thu. Gởi đợt 90.
37. ĐH NGUYỄN VĂN NGHĨA (TT Tây Thành, HT Cao Đài Thượng Đế): Gởi đợt 84.
38. ĐT PHẠM THỊ HẠNH. Hồi hướng giác linh Phạm Minh Trinh (đồng tử Trinh Quang). Gởi đợt 83.

39. ĐH PHẠM NGỌC HỒ (TT Bình Trưng Tây): Quận 2. Gởi đợt 82.
 40. ĐH PHẠM VĂN HẢI (TT Phước Lý, HT Ban Chính Đạo). Gởi đợt 77, 89.
 41. Giác linh LS PHAN THANH NGHĨA, Giác linh LS MAI TỊNH LAN, PHAN VÔ DANH (Quảng Nam). Gởi đợt 82.
 42. ĐH PHAN TRỌNG, Lễ Sanh HƯƠNG HƯỜNG (TT Thái Hòa, Quảng Nam). Gởi đợt 83.
 43. Đạo hữu PHÙNG THANH HỒNG (thánh thất Trung Bửu, HT Truyền Giáo): Hối hướng giác linh PTS Lương Thị Miêu. Gởi ACB 12-02, đợt 84.
 44. Họ đạo PHƯỚC HẢI (HT Ban Chính Đạo, Đất Đỏ, Bà Rịa-Vũng Tàu). Gởi đợt 89.
 45. Giáo Hữu THÁI CẨM THANH (Lê Văn Cẩm), Đầu Họ Đạo TT Tân Thạch (HT Ban Chính Đạo), Châu Thành, Bến Tre. Gởi đợt 83.
 46. Lễ Sanh THÁI THÁI THANH (TT Từ Quang, HT Truyền Giáo): Gởi đợt 83.
 47. Giáo Hữu THƯỢNG HÙNG THANH Huỳnh Văn Hùng (TTi Ngọc Lâm Tiên Đan). Gởi đợt 90.

PHƯƠNG DANH QUÝ VỊ MẠNH THƯỜNG QUÂN CÔNG QUẢ ẤN TỐNG

Đợt Tám Mươi Tám: Từ ngày 01-6-2014 đến ngày 30-6-2014

Môn sanh, đạo tâm:

- | | | |
|----|---|-----------|
| 01 | ĐH LƯU PHƯỚC HÒA, ĐT NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUẾ, ĐT NGUYỄN THỊ MỸ AN, ĐT NGUYỄN THỊ MỸ HÒA, ĐH PHẠM THANH HIẾU, em PHẠM MINH CƯỜNG. Nguyễn Thiện Thuật, P3, Q3. Gởi 14-6. (100,000 x 6) | 600,000 |
| 02 | ĐT NGÔ MỸ HẠNH: KP4, P Bửu Long, Tp Biên Hòa. Gởi 10-6. | 200,000 |
| 03 | Linh mục PA NGUYỄN ĐỨC QUANG (nhà thờ Đaguri): Bình Thuận. Gởi 21-6. | 1,000,000 |
| 04 | ĐT NGUYỄN HOÀNG OANH (Công Ty Xây Dựng). Gởi 20-6. | 1,000,000 |
| 05 | Lễ Sanh THƯỢNG QUANG THANH (TT Lê Lợi?): Bà Rịa-VT. Gởi 05-6. | 100,000 |
| 06 | Cơm chay XUYẾN: Chợ cũ, P Xuân An, TX Long Khánh. Gởi 04-6. | 200,000 |
| 07 | ĐT VƯƠNG KIẾU NƯƠNG (hối hướng chơn linh ĐH Vương Văn Đức). Nguyễn Thiện Thuật, P3, Q3. Gởi 14-6. | 200,000 |

CAO ĐÀI CHIẾU MINH

- | | | |
|----|---|---------|
| 08 | ĐH MINH SANG, MINH CHÂU (Biên Hòa). Gởi 14-6. | 500,000 |
|----|---|---------|

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

- | | | |
|----|----------------------------------|-----------|
| 09 | ĐT ẮN DANH. Gởi 30-6. | 100,000 |
| 10 | ĐH TRẦN BỬU LONG. Gởi 27-6. | 1,000,000 |
| 11 | ĐT TRẦN THỊ HỒNG DIỄM. Gởi 30-6. | 100,000 |

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO

- | | | |
|-----|--|---------|
| 12 | ĐT LÊ THỊ THANH PHƯỢNG (TT Đô Thành). Hối hướng chơn linh ĐH Phan Văn Hường. Gởi 22-6. | 200,000 |
| 12b | ĐH NGUYỄN THANH QUANG (TT Tân Kim). Gởi 25-6. | 100,000 |
| 13 | ĐT NGUYỄN THỊ HƯƠNG (TT Hưng Long): Bình Chánh. Gởi 24-6. | 500,000 |

- | | | |
|----|--|-----------|
| 14 | ĐH NGUYỄN VĂN DẪU (TT Tân Nhựt). Gởi 30-6. | 1,000,000 |
| 15 | ĐH PHẠM BÌNH PHƯỚC (TT Nhứt Chánh). Gởi 30-6. | 1,000,000 |
| 16 | ĐH PHẠM QUANG TRUNG (TT Bình Lập): Long An. Gởi 30-6. | 500,000 |
| 17 | Cháu PHẠM QUẾ TRÂM (TT Long Phú). Gởi 14-6. | 500,000 |
| 18 | ĐH PHẠM THANH LONG (TT An Thạnh): Long An. Gởi 30-6. | 250,000 |
| 19 | ĐT PHẠM THỊ DIỄM HƯƠNG (TT An Thạnh): Long An. Gởi 30-6. | 250,000 |
| 20 | ĐH PHAN THÀNH TÂM (TT Nhứt Chánh): Bến Lức. Gởi 30-6. | 500,000 |

HỘI THÁNH CAO ĐÀI CẦU KHO – TAM QUAN

- | | | |
|----|---|---------|
| 21 | ĐT ĐỖ NGUYỄN HỒNG DUNG (TT Tân Định). Gởi 27-6. | 100,000 |
|----|---|---------|

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

- | | | |
|----|---|---------|
| 22 | ĐT LÂM THỊ KIM SINH (TT Long Thành Trung). Gởi 10-6. | 100,000 |
| 23 | ĐH PHAN QUANG VINH (TT Phú Nhuận). Gởi 03-6. | 50,000 |
| 24 | Lễ Sanh THÁI HÒA THANH (họ đạo TP Vũng Tàu). Gởi 28-6. | 200,000 |
| 25 | ĐH TRẦN HỮU LỢI (TT Sài Gòn). Gởi 03-6. | 200,000 |
| 26 | ĐT V.Ng.Đ. (TT Hậu Nghĩa): Đức Hòa, Đức Huệ, Long An. Gởi ACB (03-6). | 200,000 |
| 27 | ĐH VÕ TRUNG HẬU (TT Thị Xã Tây Ninh). Gởi 23-6. | 400,000 |

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIẾN THIÊN

- | | | |
|----|---|------------|
| 28 | ĐT DIỆU BỬU (TTi Ngọc Linh). Hối hướng chơn linh song thân: ĐH Nguyễn Văn Trữ (1926-2003) và ĐT Đặng Thị Thệ (1929-1999). Gởi 07-6. ☎ 0908939xxx. | 10,000,000 |
| 29 | ĐT NGUYỄN THỊ NGỌC NHÂM (TTi Thiện Lạc Thai): Gởi 27-6. | 400,000 |

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

- | | | |
|----|---|---------|
| 30 | ĐH LÊ TRỌNG TÍN (TT Trung Nam). Gởi 05-6. | 500,000 |
| 31 | ĐT NGUYỄN THỊ ANH (TT Trung Hiến): Phạm Phú Thứ, P11, Tân Bình. Gởi 25-6. | 500,000 |
| 32 | ĐT NGUYỄN THỊ THÚY (TT Trung Hiến): Gởi 25-6. | 500,000 |

LONG VÂN ĐÀN (Cao Đài Chiếu Minh, Mỹ Tho): 170 triệu đồng

- | | | |
|----|--|------------|
| 33 | Đạo hữu ẮN DANH. (Long Vân Đàn). Gởi 03-6. Lần 1. | 20,000,000 |
| 34 | Đạo hữu ẮN DANH. (Long Vân Đàn). Gởi 30-6. Lần 2. | 5,000,000 |
| 35 | ĐT DIỆU HƯƠNG (Long Vân Đàn). Gởi 03-6. | 10,000,000 |
| 36 | ĐT HẠNH LIÊN (Long Vân Đàn). Gởi 03-6. | 5,000,000 |
| 37 | ĐT HẠNH TRANG (Long Vân Đàn). Gởi 30-6. | 5,000,000 |
| 38 | ĐT HỒNG LIÊN HƯƠNG (Long Vân Đàn). Gởi 30-6. | 20,000,000 |
| 39 | ĐT HUỆ MAI HƯƠNG (Long Vân Đàn). Gởi 20-6. | 50,000,000 |
| 40 | ĐH NGỘ TRÍ (Long Vân Đàn). Gởi 03-6. | 5,000,000 |
| 41 | ĐH NGUYỄN BẢO DUY (Long Vân Đàn). Gởi 30-6. | 10,000,000 |
| 42 | Ấu nhi NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý (Long Vân Đàn). Gởi 03-6. | 5,000,000 |
| 43 | Chơn linh ĐH PHẠM VĂN QUỠI (Long Vân Đàn). Gởi 03-6. | 10,000,000 |
| 44 | Ấu nhi SONG RAY (Long Vân Đàn). Gởi 03-6. | 5,000,000 |
| 45 | ĐH THANH LƯƠNG (Long Vân Đàn). Gởi 03-6. | 5,000,000 |
| 46 | ĐH THANH PHƯỚC (Long Vân Đàn). Gởi 20-6. | 20,000,000 |

47	Đạo hữu THANH TÂM (Long Vân Đàn). Gởi 03-6. Lần 1.	20,000,000
48	Đạo hữu THANH TÂM (Long Vân Đàn). Gởi 30-6. Lần 2.	20,000,000
49	ĐT THUY NHƯ HƯƠNG (Long Vân Đàn). Gởi 20-6.	5,000,000
50	ĐH TRÍ THANH TÂM (Long Vân Đàn). Gởi 30-6.	5,000,000
51	ĐH TRƯỞNG ANH TUẤN (Long Vân Đàn). Gởi 03-6.	10,000,000

Tổng cộng: **257,950,000 VNĐ**

Đợt Tám Mươi Chín: Từ ngày 01-7-2014 đến ngày 31-7-2014

Môn sanh, đạo tâm:

01	ĐT BUI ANH THƠ: Phan Đăng Lưu, P5, Phú Nhuận. Gởi 12-7.	20,000
02	ĐH CHÍ TÂM: Trần Đình Xu, Q1. Gởi 15-7.	500,000
03	ĐH HUỲNH VĂN ĐIẾP (TT Cầu Kè, Trà Vinh). Gởi 25-7.	500,000
04	Chơn linh ĐH LÂM VĂN CAI (500,000), chơn linh ĐT PHAN THỊ CHO và chơn linh ĐT VÕ THỊ KHƯƠNG (300,000). Gởi 20-7.	800,000
05	ĐH MINH TRÍ, MINH TÂM (Ngọc Luân, Ngọc Huy), ĐT NGUYỆT CÁT (TT Từ Vân). Hối hướng ông ngoại (Trường Khai). Gởi 12-7.	1,000,000
06	Nguyễn Thiện Thuật, P3, Q3: ĐH LƯU PHƯỚC HÒA (100,000), ĐT NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUẾ (100,000), ĐT NGUYỄN THỊ MỸ AN (200,000), ĐT NGUYỄN THỊ MỸ HÒA (100,000), ĐH NGUYỄN VĂN HIỆP (100,000), ĐH NGUYỄN VĂN PHƯỚC (100,000), em PHẠM MINH CƯỜNG (100,000), ĐH PHẠM THANH HIẾU (100,000), ĐT VƯƠNG THỊ KIỀU NƯƠNG (100,000). Gởi 12-7.	1,000,000
07	ĐH NGUYỄN ĐỨC TIẾN ĐẠT: Tôn Đản, P 10, Q 4 0902439xxx. Gởi 27-7.	100,000
08	ĐT NGUYỄN TUYẾT HẠNH. Gởi ACB 10-7.	500,000
09	ĐT VÕ THỊ HẠNH (TT Bàu Sen), ĐT VÕ THỊ THU CÚC, ĐH PHAN GIA QUANG TRUNG, ĐH BUI THIÊN TUẤN: Nguyễn Văn Cừ, P Nguyễn Cư Trinh, Q1, TpHCM. Gởi 15-7.	200,000
10	ĐH VÕ VĂN PHÚ: Ấp 4, Nhà Bè. Gởi 28-7.	500,000
11	CÔNG GIÁO: Chơn linh ĐT MARIE NGUYỄN THỊ THÙY NGÀ (ấp Nhị Tân, Tân Thới Nhì, Hóc Môn). Sinh 12-01-1960. Về với Chúa 15-6-2014.	500,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO

12	Bảo Đàn DƯƠNG TIẾN QUẢN (Hội Thánh Ban Chính Đạo). Gởi 30-7.	200,000
13	Cao Đài Tp HÀ NỘI. Anh Lớn Nguyễn Thượng Phẩm chuyển giúp, 25-7.	1,000,000
14	CTS HỒ THANH NHÂN (TT Bình Hòa). Gởi 15-7.	100,000
15	Gia đình Lê Sanh NGỌC ĐĂNG THANH và Lê Sanh HƯƠNG TRINH (TT Bình Hòa). Gởi 17-7.	2,000,000
16	ĐH NGUYỄN THANH QUANG (TT Tân Kim). Gởi 25-6.	100,000
17	ĐH PHẠM VĂN HẢI (TT Phước Lý). Gởi 12-7.	300,000
18	Họ đạo PHƯỚC HẢI (Đất Đỏ, Bà Rịa-Vũng Tàu). Gởi 21-7.	500,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI CẦU KHO – TAM QUAN

19	ĐT NGÔ THỊ BỬU (TT Nguyên Bình): Pleiku, Gia Lai. Gởi 09-7.	100,000
----	---	---------

20	ĐT NGÔ THỊ KIẾU (TT Nguyên Bình): Pleiku, Gia Lai. Gởi 09-7.	100,000
21	ĐH NGÔ VĂN DẠ (TT Nguyên Bình): Pleiku, Gia Lai. Gởi 09-7.	50,000
22	ĐH NGUYỄN ĐÌNH TRƯỞNG (TT Nguyên Bình): Pleiku, Gia Lai. Gởi 09-7.	200,000
23	ĐH NGUYỄN VĂN SỸ (TT Nguyên Bình): Pleiku, Gia Lai. Gởi 09-7.	200,000
24	ĐH PHÙNG VĂN SEN (TT Nguyên Bình): Pleiku, Gia Lai. Gởi 09-7.	100,000
25	ĐH VÕ HỮU TRANG (TT Nguyên Bình): Pleiku, Gia Lai. Gởi 09-7.	50,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

26	ĐT NGUYỄN THỊ THANH HÀ (TT Hiệp An, HT Tây Ninh): 0913955xxx. Gởi 30-7.	2,000,000
27	ĐT V.Ng.Đ. (TT Hậu Nghĩa): Đức Hòa, Đức Huệ, Long An. Gởi ACB (04-7).	200,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIỀN THIÊN

28	Họ đạo BÔNG LAI, NGỌC CHIỂU ĐÀN, NHƯ Ý LINH THẦN ĐÀI (Bình Dương).	1,500,000
29	ĐT BUI THỊ KIM ANH (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà). Gởi 25-7.	500,000
30	Cháu HỒ PHÚ QUỐC (12 tuổi, TTi Ngọc Chiếu Đàn). Gởi 30-7.	100,000
31	ĐT NGUYỄN THỊ MỸ ANH (TTi Huỳnh Long Phú Tự): Hiếu Nghĩa, V.Liêm. Gởi 04-7.	200,000
32	ĐT NGUYỄN THỊ PHI (TTi Ngọc Chiếu Đàn): Nguyễn Trãi, Lái Thiêu, Bình Dương.	200,000
33	ĐT PHẠM THỊ KIM THOA (TTi Hiền Thiện Võ): Cai Lậy, Tiền Giang. Hối hướng chơn linh thân phụ (Phối Sư Thiện Ngộ Phạm Văn Vĩnh). Gởi 22-7.	200,000

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

34	ĐH LÊ BÁ PHƯỚC (TT Trung Minh). Gởi 02-7.	100,000
35	ĐH LÊ TRỌNG TÍN (TT Trung Nam). Phan Chu Trinh, Vũng Tàu. Gởi ACB 31-7.	1,100,000
36	ĐT NGUYỆT CÁT (TT Từ Vân). Gởi 11-7.	50,000
37	ĐT TRẦN THỊ QUÁ (TT Trung Hiền). Gởi 06-7.	300,000
38	ĐH VÕ VĂN PHO (TT Trung Minh). Gởi 02-7.	100,000

Tổng cộng: **17,170,000 VNĐ**

Đợt Chín Mươi: Từ ngày 01-8-2014 đến ngày 31-8-2014

Môn sanh, đạo tâm:

01	Đạo hữu ẨN DANH (TT Tân Lâm). Gởi 10-8.	100,000
02	Thánh thất BẢO CHÂU (Úc). Gởi 03-8. (100 dollars Úc. Ngày 23-8 đổi được 1,965,000 VNĐ.)	1,965,000
03	Chơn linh BUI VĂN LÝ. Gởi 03-8. (Tu sinh Lê Hồng Phong chuyển.)	400,000
04	ĐT ĐẶNG PHƯỚC NGUYỆT CÁT (Quận 5, TpHCM).	50,000
05	HỘI NHÂN ÁI – ĐH TRẦN MINH SƠN PHÚ: Giồng Trôm, Bến Tre. Gởi 16-8.	2,000,000
06	Nguyễn Thiện Thuật, P3, Q3. ĐT NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUẾ (200,000): Hối hướng chơn linh song thân (ĐH Nguyễn Đình Thống, ĐT Lê Thị Trọ) / ĐT NGUYỄN THỊ MỸ AN (100,000) / em PHẠM MINH CƯỜNG (100,000) / ĐH PHẠM THANH HIẾU (100,000). Gởi 30-8.	500,000

CAO ĐÀI CHIỂU MINH – LON G VÂN ĐÀN (Mỹ Tho) = 185,000,000 VNĐ

07	ĐT ÁNH TUYẾT (Long Vân Đàn). Gởi 20-8.	5,000,000
08	Đạo tỷ ẨN DANH (Long Vân Đàn). Gởi 31-8.	50,000,000

09	Đạo hữu CU LÝ (Long Vân Đàn). Gởi 20-8.	2,000,000
10	ĐT HẠNH LIÊN (Long Vân Đàn): Mỹ Tho. Gởi 31-8.	50,000,000
11	ĐT HUỆ MAI HƯƠNG (Long Vân Đàn). Gởi 20-8.	10,000,000
12	ĐT HUỖNH CHƠN (Long Vân Đàn). Gởi 20-8.	5,000,000
13	ĐT NGỌC LAN (Long Vân Đàn, Mỹ Tho). Gởi 20-8.	10,000,000
14	ĐH NGUYỄN BẢO DUY (Long Vân Đàn). Gởi 20-8.	10,000,000
15	Chơn linh ĐH PHẠM VĂN QUỖI (Long Vân Đàn). Gởi 20-8.	8,000,000
16	Đạo hữu THANH TÂM (Long Vân Đàn). Gởi 20-8.	20,000,000
17	ĐT THUY NHƯ HƯƠNG (Long Vân Đàn, Mỹ Tho). Gởi 20-8.	10,000,000
18	ĐT TUYẾT NGỌC (Long Vân Đàn). Gởi 20-8.	5,000,000

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

19	ĐH HUỖNH VĂN MINH (Cơ Quan PTGL Đại Đạo). Hồi hướng chơn linh hiền nội (ĐT Vô Thanh Thúy, 72 tuổi).	5,000,000
----	--	-----------

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO

20	ĐH CHÁNH TRÍ Lê Quang Hồng (TT An Nhứt): Long Điền, BRia - VT. Gởi ACB 15-8.	700,000
21	ĐT NGUYỄN THỊ THU (TT Đô Thành). Gởi 28-8.	100,000
22	ĐH VÕ THÁNH TRẦN (HT Ban Chính Đạo). Gởi 09-8.	300,000

Họ đạo Nhựt Chánh

23	ĐT NGUYỄN THỊ MINH GIANG (TT Nhựt Chánh). Gởi 09-8.	500,000
24	Cháu PHẠM NHỰT TRƯỜNG (TT Nhựt Chánh). Gởi 09-8.	500,000
25	Cháu PHẠM QUẾ TRÂM (TT Nhựt Chánh). Gởi 09-8.	500,000
26	Cháu PHẠM THỊ ANH THƯ (TT Nhựt Chánh). Gởi 23-8.	1,000,000
27	ĐT PHẠM THỊ DIỄM HƯƠNG (TT An Thạnh): Long An. Gởi 09-8.	500,000
28	ĐH PHẠM TRUNG QUỐC (TT Nhựt Chánh). Gởi 09-8.	500,000
29	ĐT TRẦN THỊ THỜI (TT Nhựt Chánh): Hồi hướng ĐH Phạm Văn Kỳ (Phó Hội Trưởng TT Phước Đồng, Cẩn Đức, Long An). Gởi 09-8.	500,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI CẦU KHO – TAM QUAN

30	ĐT ĐỖ NGUYỄN HỒNG DUNG (TT Tân Định). Gởi 03-8 và 25-8 (200,000x2).	400,000
----	---	---------

HỘI THÁNH CAO ĐÀI MINH CHƠN ĐẠO & THÂN HỮU, gởi 01-8 = 6,450,000 VNĐ

31	Phối Sư NGỌC HUỖNH THANH, Hội Thánh Minh Chơn Đạo, Hậu Giang	500,000
32	Họ Đạo Minh Xuân Quang: Đạo tâm BUI KIM LANH	250,000
33	Đạo tâm DƯƠNG KIM NGỌC MỸ, DƯƠNG PHƯỚC HƯNG (50,000 x 2)	100,000
34	Đạo hữu DƯƠNG THÀNH SƠN	100,000
35	Đạo tỷ HUỆ TRẦN	500,000
36	Đạo tâm LÂM KHÁNH NGỌC, LÂM PHƯỚC YÊN (200,000 x 2)	400,000
37	Đạo hữu LÊ QUỐC DŨNG, LÊ QUỐC HẢO (100,000 x 2)	200,000
38	Đạo tâm LÊ QUỐC KHÁNH	200,000
39	Đạo hữu LÊ QUỐC NAM	300,000
40	Đạo tâm LÊ QUỐC TIẾN, LÊ PHƯỚC TIẾN, LÊ TẤN HƯNG (100,000 x 3)	300,000

41	Đạo tâm LÊ VIỆT ÁI, LÊ VIỆT THẢO (100,000 x 2)	200,000
42	Đạo tâm LÊ VIỆT KHANH, LÊ VIỆT KHOA (200,000 x 2)	400,000
43	Đạo tâm PHẠM KIM XUYẾN, QUÁCH KHÁNH HƯNG (50,000 x 2)	100,000
44	Đạo tâm QUÁCH QUÝ AN	550,000
45	Đạo tâm QUÁCH QUÝ BÌNH, QUÁCH QUÝ VINH (250,000 x 2)	500,000
46	Đạo tâm QUÁCH THÁI HÒA	50,000
47	Đạo tỷ QUÁCH THỊ BÍCH NGỌC	250,000
48	Đạo hữu QUÁCH VĂN BIỂU	100,000
49	Đạo tâm TÔ KIM ÁNH, TÔ KIM CƯƠNG, TÔ KIM NGÂN (50,000 x 3)	150,000
50	Đạo tâm TRƯƠNG KIM NGÂN	200,000
51	Họ đạo Nhẫn Hòa, Cà Mau: Đạo hữu BUI HOÀNG DŨNG	300,000
52	Họ đạo Thiện Tâm Đàn, Bạc Liêu: Đạo hữu NGÔ PHI NHỎ	400,000
53	Thân hữu: Đạo hữu ĐINH PHI HỒ, Thị trấn Hộ Phòng, Giá Rai, Bạc Liêu	100,000
54	Đạo hữu HỒNG THÀNH VIỆT, Thị trấn Hộ Phòng, Giá Rai, Bạc Liêu	100,000
55	Nhà xe NGỌC ÁNH (Tuyển Hộ Phòng – tp Hồ Chí Minh)	200,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

56	ĐT NGUYỄN THỊ PHÙNG (HT Tây Ninh). Gởi 28-8.	100,000
57	ĐT V.Ng.Đ. (TT Hậu Nghĩa): Đức Hòa, Đức Huệ, Long An. Gởi ACB (04-8).	200,000
58	ĐT VĂN THỊ LANG (HT Tây Ninh). Gởi 23-8.	200,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

59	ĐH HỒ ĐẠO HẠNH (TT Tây Thành). Hồi hướng chơn linh thân mẫu (ĐT Bạch Diệu Tâm). Gởi 22-8. (100 dollars Canada. Ngày 24-8 đổi được 1,925,000 VNĐ.)	1,925,000
----	---	-----------

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIẾN THIÊN

60	Chơn linh Lẽ Sanh HƯƠNG VÂN Lê Thị Hoàng Vân (Ngọc Chiêu Đàn). Gởi 05-8.	500,000
61	ĐT PHAN THỊ BÍCH THỦY (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà). Gởi 20-8.	100,000
62	Giáo Hữu THƯỢNG HÙNG THANH Huỳnh Văn Hùng (Ngọc Lâm Tiên Đàn). Gởi 22-8.	500,000
63	ĐH TỔNG HÒA SƠN (TTi Ngọc Minh Đài).	200,000
64	ĐH TRẦN MINH TỬ NG (Tam Cảnh Tịnh). Gởi 05-8.	500,000
65	ĐH TRẦN VĂN HOÀNG (TTi Diệu Trì Cung): QL 60, ấp 1, Sơn Đông, BT. ☎0972549xxx. Gởi 06-8.	500,000

66	ĐT VÕ THỊ CHI (Ngọc Chiêu Đàn). Gởi 05-8.	500,000
----	---	---------

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

67	BAN PHƯỚC THIÊN (TT Trung Minh): Gởi 18-8. Công quả quý 3 năm 2014.	2,000,000
68	Gia đình ĐH HỒ CHÁNH HỮU (TT Trung Minh): Gởi 18-8.	300,000
69	ĐT HỒ THỊ Ý (TT Trung Hiến).	2,000,000
70	ĐT HUỖNH THỊ NGỌC NGÀ (TT Trung Hiến). Hồi hướng chơn linh ĐH Huỳnh Ngọc Chấn (TT Trung Hiến, 79 tuổi). Gởi 30-8.	2,000,000
71	ĐT LÊ THỊ HỒNG AN (TT Trung Đồng). Gởi 31-8.	500,000
72	Gia đình ĐT LÊ THỊ PHƯƠNG DUNG (TT Trung Minh): Gởi 18-8.	300,000

73	ĐH NGUYỄN MINH CẢNH (TT Trung Bảo): Xuân Thọ, Xuân Lộc, Đồng Nai. Gởi 22-8.	100,000
74	Thông Sự NGUYỄN THỊ XUÂN (TT Trung Bảo): xã đạo La Ngà, Đồng Nai. Gởi 22-8.	100,000
75	LIÊN HOA CỬU CUNG: ĐT LÊ THỊ LIA (Liên Hoa Cửu Cung). Gởi 30-8.	200,000
THÁNH THẤT BẦU SEN (Quận 5, TpHCM)		
76	ĐT NGUYỄN THỊ TÚ ANH (TT Bầu Sen). Huỳnh Văn Bánh, P14, Phú Nhuận. Hồi hướng ĐH Nguyễn Văn Nghênh và ĐT Dương Thị Thu. Gởi 10-8.	500,000
77	ĐT TRẦN THỊ THANH LOAN: Điện Biên Phủ, Q10. Hồi hướng chơn linh chồng (ĐH Trần Minh Hùng, 47 tuổi). Gởi 22-8.	500,000
THÁNH TỊNH TÂN MINH QUANG (Quận 12, TpHCM)		
78	Giác Linh Đạo Trưởng HUỆ CHIẾU QUANG Phạm Văn Thành. Gởi 31-8.	1,000,000
79	ĐT NGUYỄN THỊ HUỆ (TT Tân Minh Quang). Gởi 09-8.	500,000
80	ĐT TÂM LIÊN HƯƠNG (Sáu Phi, TT Tân Minh Quang). Gởi 09-8.	1,000,000
Tổng cộng: 223,190,000 VNĐ		

ĐÍNH CHÍNH

(dòng 12↑ nghĩa là dòng 12 từ dưới đếm lên)

82-1. Tìm Hiểu Ngũ Chi Đại Đạo:

Trang 16, dòng 1. In sai: Đức **Lão Tử**. Sửa lại: Đức **Lý Thái Bạch**.

83-1. Tự Thấp Đuốc Mà Đi:

Trang 73, dòng 9. In sai: **Đinh Mão (1927)**. Sửa lại: **Bính Dần (1926)**.

Đại Đạo Văn Uyển 4 (tập Trinh, quý Bốn 2012):

Trang 108, dòng 9. In sai: **Trần** Thị Mười. Sửa lại: **Lê** Thị Mười.

Đại Đạo Văn Uyển 10 (tập Hanh, quý Hai 2014):

Trang 86, dòng 12. In sai: **Tình** nói lạ. Sửa lại: **Tính** nói lạ.

Trg. 139, dòng 12↑. In sai: đệ Ngũ (lớp **Bảy**). Sửa lại: đệ Ngũ (lớp **Tám**).

Chân thành tạ lỗi quý tác giả và quý đạo hữu. **Ban Ấn Tổng**.

ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN bản điện tử đã có kể từ tháng 9-2014.

Kính mời quý đạo hữu, đạo tâm truy cập Internet tại:

<http://www.tamgiaodongnguyen.com/IE/DaiDaoVanUyen.htm>

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỒ ĐỘ CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO



ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN

Hiệp tuyển thơ văn đạo lý. HUỆ KHẢI chủ biên.

Tập Lợi, quý Ba năm 2014

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám Đốc - Tổng Biên Tập: NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập: LÊ HỒNG SƠN

Vẽ bìa: LÊ ANH THU. Trình bày và kỹ thuật: NGÔ BÁI THIÊN

Sửa bản in: LÊ ANH MINH, DIỆU NGUYỄN, CÁT TƯỜNG, THIÊN ÂN.

Bìa 1: Thánh thất Trung Thành (HT Truyền Giáo, Đà Nẵng).

Ảnh: Đạt Linh, Đạt Truyền.

Bìa 4: Thánh thất Tân Định (HT Cầu Kho - Tam Quan, TpHCM).

Ảnh tài liệu.

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

☎ (04) 37822845 – Fax: (04) 37822841

In năm ngàn bản, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Xí Nghiệp In FAHASA:

774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

☎ (08) 38153971 – Fax: (08) 38153297

Số xuất bản **53-2014/CXB/232-01/TG**, ngày 11-9-2014.

Mã số ISBN: **978-604-61-0897-9**

In xong và nộp lưu chiểu quý Ba năm 2014.

SÁCH ẤN TỔNG (KHÔNG BÁN)

*Tổng phát hành: Hiền huynh TRẦN VĂN QUANG
số 59/79 Trần Phú, phường 4, quận 5, TpHCM. ☎0913613653
Thư từ, bài viết... xin gửi về: daidaovanuyen@gmail.com*